ĐƠN ĐỨC KHẢI

中国民居
NHÀ Ở Trung Quốc

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐƠN ĐỨC KHẢI

NHÀ Ở Trung Quốc

Người dịch:

ThS. TRẦN THỊ PHƯƠNG LIÊN

(Giảng viên Bộ môn Tiếng Trung - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội II)

TRƯƠNG KHIẾT MI

(Giáo viên Trung tâm Ngoại ngữ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh)

Hiệu đính và Giới thiệu:

TS. NGUYỄN THỊ HẬU

(Phó Tổng Thư ký Hội khoa học lịch sử Việt Nam

Nguyên Phó Viện Trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh)

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NHÀ Ở TRUNG QUỐC

Đơn Đức Khải

ISBN: 978 - 604 - 58 - 0511 - 4

Copyright © 2011 China Intercontinental Press.

Bất kỳ phần nào trong xuất bản phẩm này đều không được phép sao chép, lưu giữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc sử dụng bất kỳ hình thức, phương tiện nào để truyền tải: điện tử, cơ học, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua mạng hoặc dưới bất kì hình thức nào khác nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản.

Ấn bản này được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu, Trung Quốc và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Đơn Đức Khải

Nhà ở Trung Quốc / Đơn Đức Khải. - T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2015.

tr. 160; 23 cm.

ISBN 978-604-58-0511-4

1. Nhà ở -- Trung Quốc. 2. Kiến trúc -- Trung Quốc. I. Ts.

1. Architecture -- China. 2. Housing -- China

728.0951 -- ddc 23

Đ674-K45

Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU 5

LỜI MỞ ĐẦU 7

TÌM HIỂU VỀ TỨ HỢP VIỆN BẮC KINH 25

Đình viện sâu thẳm 27

Những cánh cửa 31

Cửa thủy hoa 34

Một góc trời riêng 35

THANH SƠN LỤC THỦY THOẠI HUY CƯ
NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ LÀNG HOÀN NAM 39

Huy Châu sơn thủy - Hoành Thôn bên sông 40

Huy Châu đen và trắng - Đào nguyên Tây Đệ 43

Huy Châu hư và thực - Giếng trời và tường đầu ngựa 44

Huy Châu thư và lễ - Thư viện và miếu thờ. 47

Huy Châu kỹ và nghệ - "Tam điêu" và viên lâm 49

Huy Châu thương và Nho -
Thương nghiệp và văn hóa bổ trợ nhau 52

TIỂU CẦU - NƯỚC CHẢY - CON NGƯỜI
GÓP NHẶT VỀ VÙNG SÔNG NƯỚC THIỆU HƯNG 55

Đài môn tam thiên 57

Đài môn trên sông 62

Đài Vạn niên ven sông Thiệu Hưng 65

Đi tìm những căn nhà cổ 68

COI TRỌNG VĂN VÕ, TRONG NGOÀI HÒA HỢP THĂM THÚ NHÀ ĐẤT MÂN TÂY 71

Đất tổ của người Khách Gia 73
Kết cấu đáng kinh ngạc của nhà đất 76
Tìm về nguồn cội 83
Lý và tình cùng tồn tại 85

TRUNG TÂY KẾT HỢP, HÒA HỢP ĐA NGUYÊN QUÊ HƯƠNG HOA KIỀU TẠI NGŨ ẤP 89

Lầu canh sừng sững, nhân chứng lịch sử của Hoa kiều 91
Kỵ lầu uốn lượn - San sát mà ngay ngắn 95
Từ đường Kiều hương - Phong cách truyền thống 99

NHÀ GỖ CAN LAN VÀ CẦU PHONG VŨ 105

Du lịch trại nhà gỗ 107
Hát đối trên cầu Trình Dương 110
Cổ lầu và trụ lô sanh 113
Nhà gỗ Can Lan 115
Lò sưởi - Không gian thần thánh bên trong nhà gỗ 118

DÒNG SÔNG NGỌC HÀ NUÔI DƯỠNGVÀ CHO NHIỀU SẢN VẬT TÌM HIỂU VỀ NGUỒN GỐC PHỐ XÁ LỆ GIANG 121

Thành cổ thăng trầm nghìn năm 122
Dòng nước uốn lượn bao bọc những con đường 125
Nhà ở ba phường với bình phong 130

NHỮNG NGÔI NHÀ TRÁNG LỆ VÀ TINH TẾ CẢM NHẬN VỀ NHÀ LÔ CỐT TẠI VÙNG TUYẾT 135

Lịch sử lâu đời 138
Hình dáng đa dạng 141
Nơi sống cùng thần linh 148
Gia viên tương sinh cùng trời đất 152
Bức tranh sinh hoạt tráng lệ và tinh tế 156

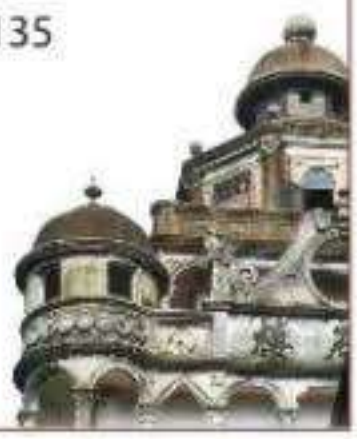

Lời giới thiệu

Trung Quốc là một đất nước rộng lớn gồm nhiều khu vực địa hình khác nhau, phong phú những yếu tố tự nhiên, khí hậu thời tiết đa dạng, nhiều tộc người... vì vậy văn hóa vật chất của Trung Quốc cũng vô cùng đa dạng và phong phú. Riêng loại hình "nhà ở" – một trong những điều kiện cơ bản của đời sống vật chất - Trung Quốc đã có hàng chục khu di tích là những thị trấn, làng cổ, đô thị... là Di sản Văn hóa thế giới, phân bố khắp mọi miền từ phương Bắc về phương Nam, từ bình nguyên đến vùng núi cao, chủ nhân những di sản này là người Hán và nhiều tộc người thiểu số...

Bạn đọc tìm thấy trong cuốn sách này những loại nhà ở điển hình của từng vùng miền, được khảo tả cụ thể nét đặc sắc về chất liệu xây dựng, về kiến trúc, miêu tả những trang trí, lý giải sự thích nghi với điều kiện tự nhiên như địa hình, khí hậu hay các yếu tố sơn, thủy... Tất cả đều cho thấy cộng đồng cư dân đã xây dựng các loại nhà khác nhau từ sự tích lũy hiểu biết về môi trường sống và học hỏi kỹ thuật lẫn nhau. Trải qua nhiều thế hệ, họ đã đúc kết thành đặc trưng địa phương như "Nam sào Bắc huyệt"...

Các loại nhà được kể đến trong cuốn sách này đều có chung một số đặc điểm: thường là những ngôi nhà lớn cho "tam tứ đại đồng đường" hoặc những gia đình họ hàng mở rộng. Luôn có không gian riêng để phân biệt rõ ràng vai thứ đẳng cấp nhưng đồng thời chú ý không gian chung trong khuôn viên gồm sân vườn, hành lang... để tạo sự gắn bó gần gũi trong cộng đồng. "Tứ hợp viện" ở Bắc Kinh là một điển hình cho lối cư trú này. Đặc điểm nữa là nhà ở thường mang tính phòng vệ rất cao, như các lớp tường dày, cửa nẻo kiên cố để phòng trộm cướp và phòng hỏa hoạn.

Không chỉ nói về các loại nhà cổ mà cuốn sách cung cấp cho bạn đọc sự hiểu biết về "quy hoạch đô thị" của nhiều đô thị cổ. Phần lớn là những

trấn, làng có sông nước như một yếu tố tự nhiên quyết định việc xây dựng nhà cửa dọc hai bên sông. Sự hòa hợp giữa sông nước, nhà cửa, cây xanh, đường phố, ngõ nhỏ… tạo nên vẻ đẹp bình yên, hữu tình. Tuy lấy sông làm yếu tố chính để quy hoạch nhà cửa nhưng "mặt tiền" buôn bán giao tiếp là phía đường lộ, còn mặt hậu là phía sông. Những thị trấn, thành phố cổ này nay là "bảo tàng sống" về nhà ở, về các loại cầu.

Không chỉ những khu phố cổ mang đặc trưng kiến trúc truyền thống mà còn cả những nơi có niên đại chưa quá xa xưa, lại mang nhiều dấu ấn của kiến trúc nhiều nước trên thế giới, như khu vực Ngũ Ấp ở Quảng Đông do những người Hoa "ngoại kiều" xây dựng, cũng được nghiên cứu tìm ra những giá trị văn hóa của nó, để được bảo tồn, để làm giàu hơn cho văn hóa truyền thống.

Tám vùng địa lý với những loại nhà, tổ hợp nhà được cuốn sách giới thiệu gồm có Bắc Kinh, Tây Tạng và nhiều vùng thuộc khu vực phía Nam Trung Quốc. Tất cả di sản Văn hóa nhà ở này đều đã được bảo tồn rất tốt, khá nguyên vẹn, trở thành những điểm du lịch nổi tiếng. Di sản văn hóa góp phần phát triển kinh tế địa phương và nâng cao ý thức của cộng đồng.

Người đọc, nếu chưa từng đến Trung Quốc hay nơi nào mà cuốn sách này giới thiệu, có thể tạm thời thỏa mãn một chuyến "du lịch" với những kiến thức mới lạ, hấp hẫn và hữu ích của cuốn sách. Và nếu muốn, có thể trở lại lần nữa, khi ta có cuốn sách này trong tay.

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14.4.2015

TS. NGUYỄN THỊ HẬU

Phó Tổng Thư ký Hội khoa học lịch sử Việt Nam

Nguyên Phó Viện Trưởng Viện Nghiên cứu phát triển

Thành phố Hồ Chí Minh

Lời mở đầu

Khái quát về kiến trúc nhà ở Trung Quốc

Năm 2000, tại Hội nghị Di sản thế giới lần thứ 24 của Tổ chức Giáo dục Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc, hai làng cổ của tỉnh An Huy, Trung Quốc là Tây Đệ và Hoành Thôn chính thức được xếp vào "Danh mục Di sản Văn hóa thế giới". Đầu xuân năm đó, Tiến sĩ Okawa Naomi được sự ủy nhiệm của Ủy ban Di sản thế giới đã tiến hành khảo sát thực địa và cho biết: "Cảnh quan tại Hoành Thôn có thể nói là có một không hai trên thế giới... Làng cổ Tây Đệ vẫn lưu giữ được những con phố cổ đẹp như tranh vẽ, rất hiếm thấy trên thế giới hiện nay". Năm 1997, thành cổ Lệ Giang tại Vân Nam và thành cổ Bình Dao tại Sơn Tây đều được xếp vào Danh mục Di sản Văn hóa thế giới, thị trấn Chu Trang tại Giang Tô là thành phố nước nổi tiếng của Giang Nam cũng đang trong quá trình xét duyệt. Nhà ở truyền thống Trung Quốc đang dần dần được lộ diện, trở thành một vũ đài lớn để Trung Quốc tiến ra thế giới và thế giới hiểu về Trung Quốc.

"Đào Hoa Nguyên Lý Nhân Gia" tại Tây Đệ. (những hình ảnh được dùng trong sách, nếu không có chú thích riêng, đều là tư liệu của tác giả)

Trung Quốc có đất đai rộng lớn, địa hình phức tạp, khí hậu đa dạng, thêm vào đó là số lượng lớn các dân tộc với những nét văn hóa khác nhau, vì vậy nhà ở truyền thống và kiến trúc nhà ở Trung Quốc cũng vô cùng phong phú, đa dạng. Quyển sách này dựa trên mối quan hệ giữa tập tục sinh hoạt của những người đang sống trong những khu nhà truyền thống, và sự giao

Bình phong trong Tứ hợp viện (Ảnh: Lý Ngọc Tường).

hòa giữa đặc trưng lối sống với các mô hình không gian để chọn ra những ví dụ có tính đại diện, tiêu biểu giới thiệu với bạn đọc.

Nhà ở Trung Quốc về cơ bản có thể phân làm một số loại như nhà ở kiểu quy củ (lạc viện), nhà ở kiểu lầu cao và nhà ở kiểu hang động.

Trong tất cả các hình thức, nhà ở kiểu quy củ là loại nhà ở phổ biến nhất tại Trung Quốc, cũng là loại nhà ở sử dụng nguyên liệu và kỹ thuật kết cấu tiên tiến nhất, có các yếu tố cấu thành phong phú nhất, hàm nghĩa "lễ" phức tạp nhất và có các hình thức trang trí đa dạng nhất. Từ một góc độ nào đó, đây là mô hình nhà ở tiên tiến nhất trong xã hội nông canh, cũng là

Nhà đất tại vùng Ai Lao, Vân Nam.

mô hình tương đối lý tưởng, phản ánh quan niệm về môi trường tự nhiên của con người trong xã hội phong kiến. Đặc trưng chủ yếu của nhà ở kiểu sân rộng là khép kín và có sân ở giữa, nhà ở bốn hướng được đối xứng nhau theo một trục ở giữa và có sự phân biệt rõ ràng ranh giới về chủ - thứ, trong - ngoài, chủ yếu phân bố tại các vùng Hoa Bắc, Trung Nguyên, bán đảo Sơn Đông, vùng đồng bằng và duyên hải Hoa Nam, một số lượng nhỏ khác phân bố ở vùng đồng bằng tại Tây Nam.

Những khu vực cư trú của dân tộc Hán và khu vực sinh sống của các dân tộc thiểu số có quan hệ giao lưu mật thiết với dân tộc Hán (như dân tộc Bạch, dân tộc Nạp Tây v.v..), khu vực có các dân tộc thiểu số tương đối phát triển (như dân tộc Choang, dân tộc Di v.v..), khu vực có các dân tộc thiểu số sống cùng dân tộc Hán (như dân tộc Mãn, dân tộc Hồi v.v..) đều sử dụng nhà ở kiểu quy củ.

Tứ hợp viện Bắc Kinh (Ảnh do Phòng Tư liệu, Viện Kiến trúc Đại học Thanh Hoa cung cấp).

Phù điêu tại Tứ hợp viện.
(Ảnh do Phòng Tư liệu, Viện Kiến trúc Đại học Thanh Hoa cung cấp)

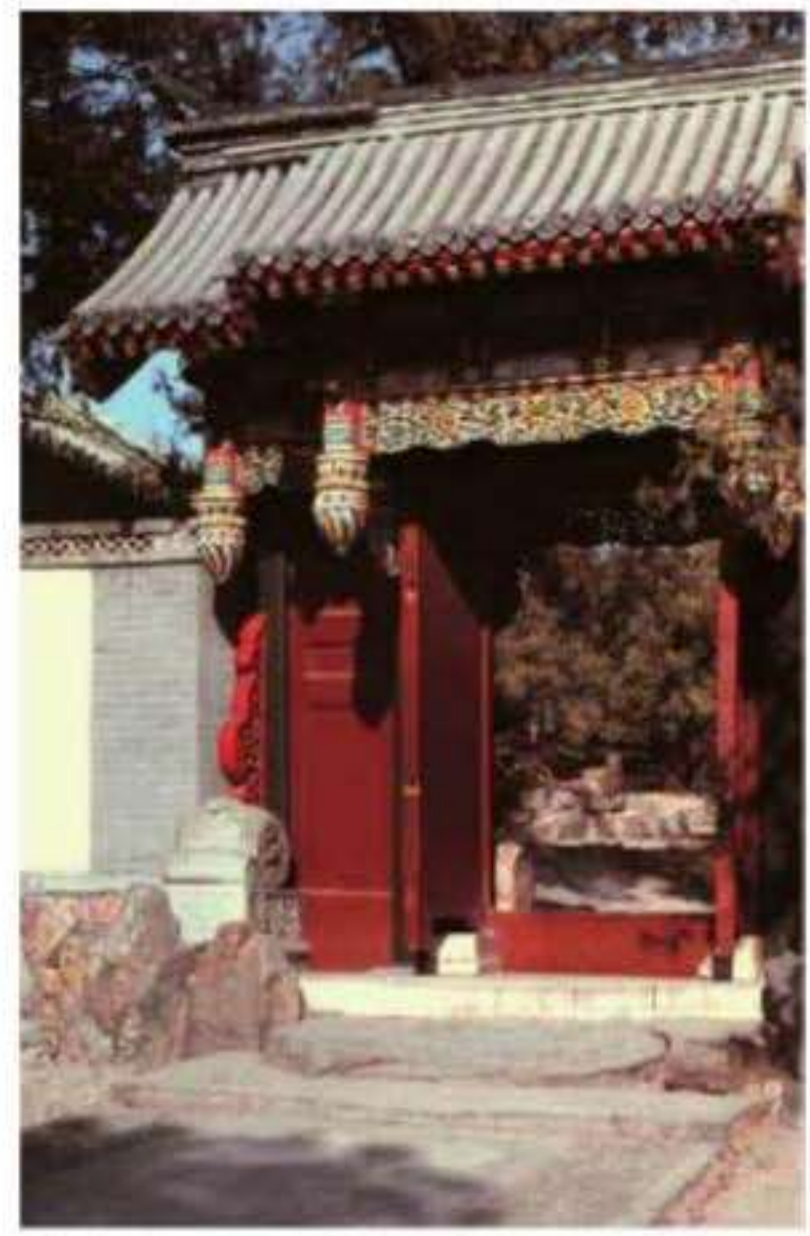

Cổng của Tứ hợp viện. (Ảnh do Phòng Tư liệu, Viện Kiến trúc Đại học Thanh Hoa cung cấp)

Tứ hợp viện Bắc Kinh là đại diện điển hình cho nhà ở kiểu quy củ tại Trung Quốc. Trong quá trình quốc tế hóa các đô thị lớn, Bắc Kinh cũng đồng thời ban hành những chính sách để bảo tồn 25 con ngõ nhỏ và Tứ hợp viện trong phạm vi thành cổ, từ phủ đệ Cung Vương Phủ tới nhà dân, hầu hết đều lưu giữ lại được hình dáng đầy đủ, hoàn chỉnh nhất của những ngôi Tứ hợp viện. Chỉ tính riêng Đại Môn đã có "Nái Tử Phòng", "Kim Trụ Môn", "Quảng Lượng Môn", "Như Ý Môn", "Man Tử Môn" v.v.. cũng có thể làm thành một bảo tàng Tứ hợp viện Đại Môn. Kiến trúc nhà cửa của những thương nhân thời Minh Thanh đã làm nên sự huy hoàng của kiến trúc nhà ở trên cả nước. Danh hiệu "Tam tấn đệ nhất trạch" của Vương phủ ở huyện Linh Thạch (Sơn Tây) để chỉ cả hơn trăm phủ viện lớn nhỏ.

Tứ hợp viện vô cùng phổ biến tại khu vực Bắc Kinh, mặc dù về mặt quy mô, kết cấu, trang trí… có nhiều thay đổi, nhưng những đặc trưng về hình dáng cơ bản là giống nhau, ví dụ như phủ Khổng ở Khúc Phụ, Sơn Đông,

Tiểu phẩm kiến trúc:
Những kết cấu kiến trúc nhỏ bao quanh kết cấu kiến trúc chính, thông thường công dụng chính là để làm không gian đẹp hơn, lưu thông không khí, cách biệt không gian, trang trí cho chủ thể kiến trúc chính và là chỗ để nghỉ ngơi. Tiểu phẩm kiến trúc bao gồm: đình, cầu, hành lang, tường hoa, lan can, bình phong, cổng chào, sư tử đá, bàn ghế v.v..

nơi cư trú của Trịnh Bản Kiều (họa sĩ thời nhà Thanh, 1693 - 1765) tại Duy Phường, những Tiền Trang trong thành cổ Bình Dao tại Sơn Tây v.v.. Những căn nhà tại khu vực nông thôn và thị trấn tuy không được hoàn chỉnh như những ngôi nhà Tứ hợp viện điển hình, có nơi chỉ có tam hợp viện, nhị hợp viện (là những ngôi nhà chỉ có tường bao và hai hoặc ba dãy nhà) như nhà ở dân tộc Mán tại Liêu Ninh, Cát Lâm, nhà bao bằng đất tại Sơn Tây, Thiểm Tây, nhưng đều lưu giữ lại những nét đặc trưng như cửa lớn, tường bao, sân rộng ở giữa, nhà chính. Có thể nói đây chính là một loại hợp viện, là hình thức giản lược của nhà ở kiểu quy củ truyền thống. Nhà ở kiểu quy củ còn có nhiều hình thức khác, ví dụ kiểu nhà "nhất khỏa ấn" tại Côn Minh, Vân Nam được phát triển từ nhà ở kiểu hang động, kiểu nhà kết hợp giữa nhà làm từ tre trúc với nhà ở kiểu quy củ tại Huy Châu, An Huy; hoặc ở điều kiện địa lý và lịch sử nhất định nào đó dùng để phòng ngự như nhà đất của người Khách Gia tại Vĩnh Định, Phúc Kiến - là những nhà ở kiểu quy củ có tường bằng gạch đỏ, mái dốc, tường chống lửa bao quanh.

Nhất khỏa ấn:
Có mặt bằng hình vuông, được tạo nên bởi tổ hợp nhà chính, nhà ngang và cổng; có mái ngói, tường đất. Do kết cấu khu nhà chặt chẽ, vuông như hình chiếc ấn, nên được gọi là Nhất khỏa ấn.

Nhà ở kiểu quy củ xuất hiện sớm nhất vào thời Tần - Hán (221 - 220 TCN), những bức vẽ trên gạch thời Đông Hán (25 -

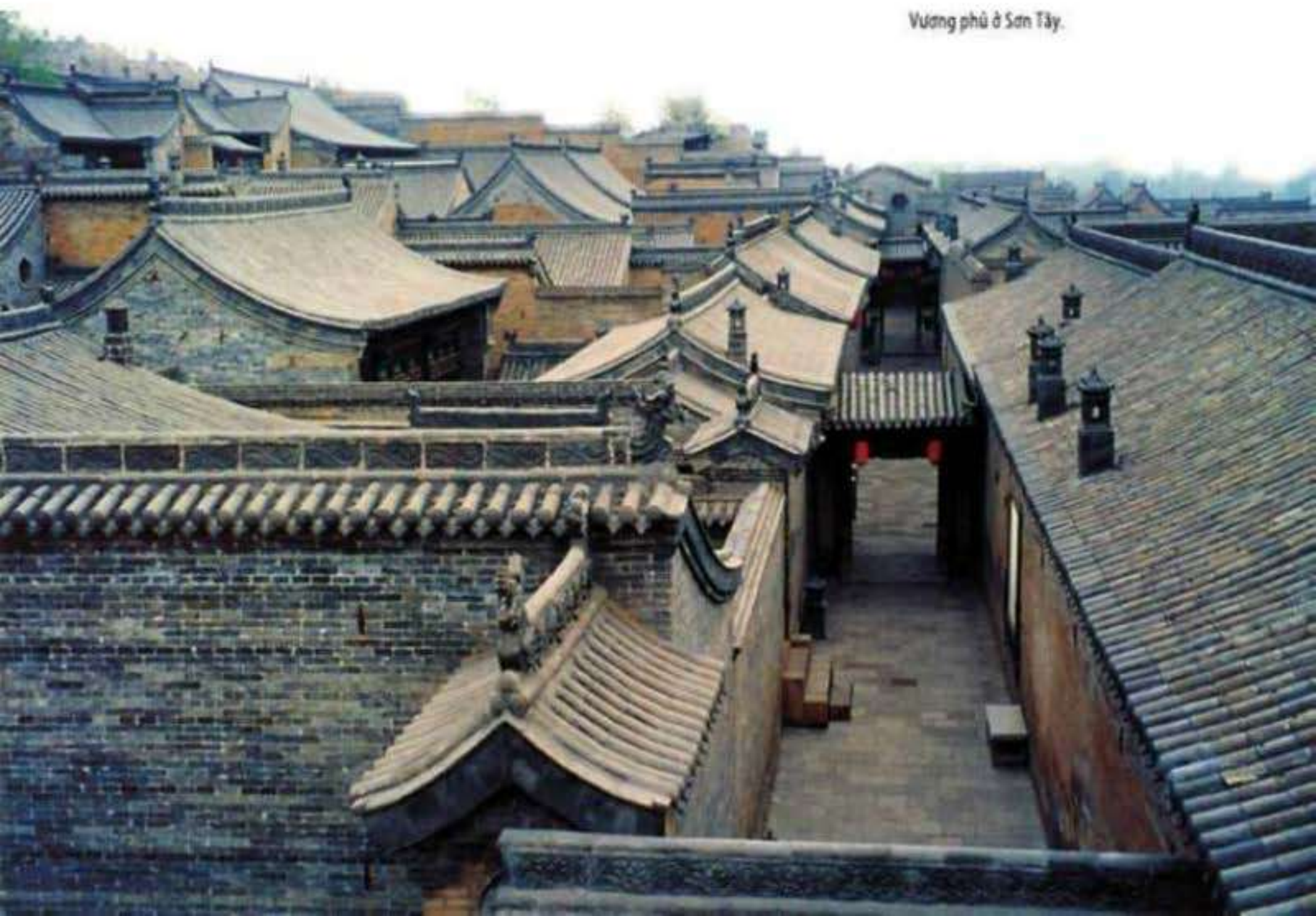

Vương phủ ở Sơn Tây.

220) đã cho chúng ta thấy hình dáng hoàn thiện nhất. Kỹ thuật làm gạch ngói thời Tần - Hán đã đặt những tiền đề cho việc phổ cập lễ chế và tính hoàn thiện của các mô hình gia đình nông canh thời phong kiến, đồng thời cũng giúp phổ cập văn hóa kiến trúc của nhà ở trong thời kỳ này. Những kiểu kiến trúc này đã thể hiện một sức sống mạnh mẽ trong một thời kỳ dài của xã hội nông canh tại Trung Quốc. Nhà nghiên cứu Trung Quốc học nổi tiếng Vương Quốc Duy (1877 - 1927) đã khái quát những nét đặc sắc của Tứ hợp viện: "Là một dạng cung thất, gắn với loại nhà để một gia đình ở, có đủ không gian để những người ở đó có thể giao lưu và giúp đỡ lẫn nhau, các phòng tiếp nối nhau, tạo thành bốn dãy nhà bao quanh bốn hướng". "Đông tây nam bắc cùng bao quanh một chiếc sân ở giữa. Cách bố trí này là phương pháp bố trí gần gũi nhất, dễ sử dụng nhất và cũng là thẩm mỹ nhất" (Vương Quốc Duy: *Minh Đường miếu tẩm khảo*). Nhà văn Lâm Ngữ Đường (1895 - 1976) lại đứng ở phương diện tâm lý xã hội để lý giải nguyên nhân người Trung Quốc thích nhà ở kiểu quy củ. Ông chỉ ra rằng: Nhà ở kiểu quy củ giống như các kiến trúc Trung Quốc khác, che phủ mặt đất, không giống như kiến trúc gothic với những tòa pháp cao vút. Thành công lớn nhất của tinh thần kiến trúc này là đưa ra được một tiêu chuẩn về hạnh phúc trong nhân sinh quan: Những ngôi

Giếng trời:
Trong kiến trúc truyền thống Trung Quốc, giếng trời là khoảng không gian nhỏ nằm ở giữa các tòa lầu, thường gặp ở vùng phía Nam nóng ẩm, mục đích chính dùng để thông gió cho toàn bộ kiến trúc.

Giếng trời trong nhà ở tại Huy Châu.

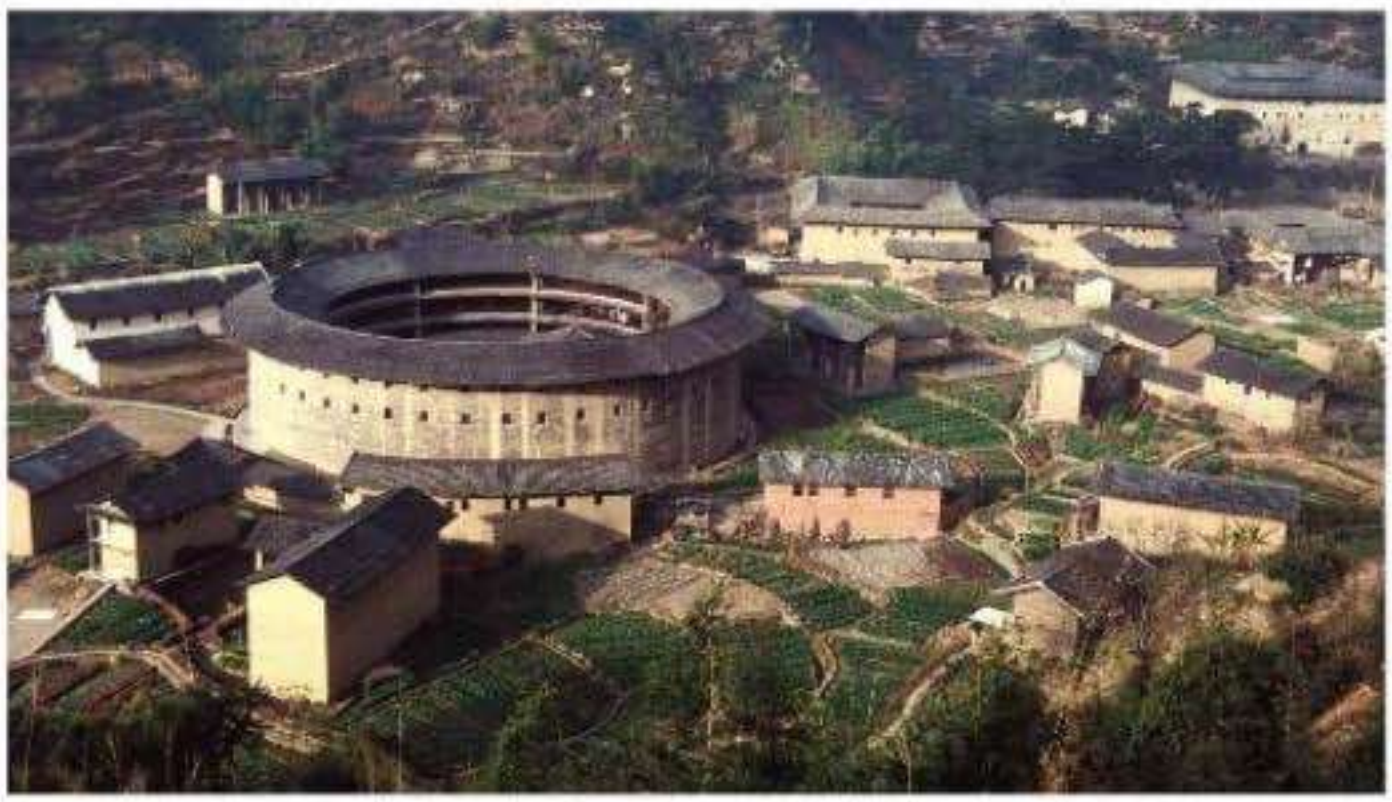

Nhà ở bằng đất tại khu vực phía Tây tỉnh Phúc Kiến. (Ảnh do Phòng Tư liệu, Viện Kiến trúc Đại học Thanh Hoa cung cấp)

nhà kiểu Trung Quốc cho thấy, nơi đầu tiên ta tìm thấy hạnh phúc chính là gia đình mình.

Nhà ở kiểu hang động và nhà ở kiểu lầu cao về mặt sinh thái tự nhiên thì có đặc trưng địa hình rõ nét, là loại hình kiến trúc bảo tồn được đặc trưng kiến trúc nguyên thủy nhiều nhất. Hai loại nhà ở này tập trung chủ yếu ở khu vực á nhiệt đới vùng núi Tây Nam và khu vực sa mạc cao nguyên đất đỏ vùng Tây Bắc.

Đại diện tiêu biểu cho nhà ở kiểu hang động là nhà hầm. Các tỉnh Hà Nam, Sơn Tây, Thiểm Tây, Cam Túc hiện vẫn đang bảo tồn một lượng lớn nhà hầm. Như vùng đồng khoảng phía Tây Hà Nam, phía Nam Thiểm Tây có một loại nhà tên Địa Khanh Diêu có kết cấu là toàn bộ phần nhà hầm nằm ở phía dưới mặt đất, ở giữa là một hố vuông rộng khoảng hơn mười mét, có cửa ở dưới hố vuông để dẫn vào nhà. Đây chính là nơi ở của một khu tập thể có khoảng hơn mười hộ. Khu vực huyện Lễ Tuyền tại Tây An, Thiểm Tây đến nay vẫn tồn tại kiểu nhà ở này. Ở khu vực Khâu Húc lại sử dụng kiểu nhà "Duyên Nhai Diêu". Đây là kiểu nhà hang phổ biến ở vùng

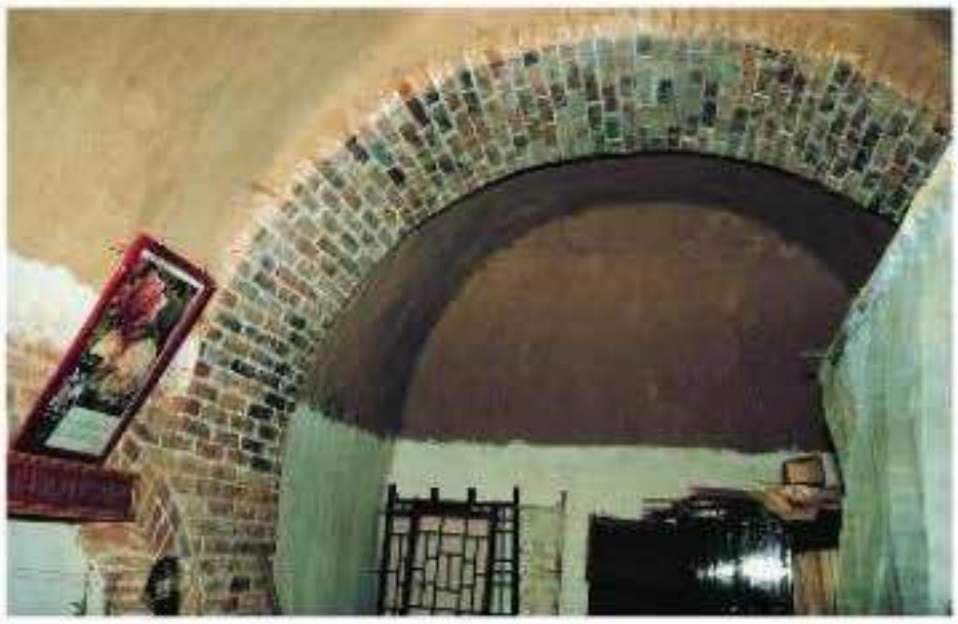

Nhà hầm.

cao, những ngôi nhà này có phần thân nhà nằm ở trong sườn đồi. Nhà có nhiều tầng, trong nhà có những đường hầm để thông với nhau, đồng thời ở phía bên ngoài có những bức tường bằng gạch mộc để tạo thành những con ngõ nhỏ bao quanh. Tại thành phố Tấn Trung, Thiểm Tây lại xuất hiện phổ biến một loại nhà ở hỗn hợp có tên Cố Diêu, là loại nhà xây thêm những căn phòng cao khoảng 1 hoặc 2 tầng bằng gạch mộc hoặc gạch nung ở ngoài cửa hầm, đồng thời có tường gạch bao quanh tạo thành sân, khiến không gian sinh sống trở nên linh hoạt hơn, không gian trong nhà cũng phong phú hơn. Rất nhiều người cho rằng kiểu nhà này còn giữ lại được đến ngày nay là do người dân nơi đó phải ứng phó thường xuyên với thiên tai như bão, động đất. Tuy không gian nhỏ nhưng bên trong kiểu nhà này vẫn không thể thiếu bàn thờ tổ tiên.

Bất kể nhà hầm, nhà đất hay những loại nhà được xây bằng gạch mộc, đất sét, đá, ở khu vực khô hạn, hoang mạc vùng Tây Bắc Trung Quốc, điền trang rộng lớn tại vùng Đông Bắc Thanh Hải hoặc nhà chòi của khu vực Tứ Xuyên, Thanh Hải, Tây Tạng, đến kiểu nhà đất cao tại khu vực Kashi Tân Cương, đều được liệt vào danh sách những loại nhà ở được làm từ đất.

Kết quả nghiên cứu khảo cổ học và nhân loại học cho thấy, nhà kiểu hang động là kiểu nhà ở nguyên thủy nhất của con người. Theo các tư liệu lịch sử, vào cuối thời kỳ đồ đá cũ ở khoảng 8.000 năm trước, con người tại

Nhà kiểu chòi canh của dân tộc Tạng. (Ảnh do Phòng Tư liệu, Viện Kiến trúc Đại học Thanh Hoa cung cấp)

Nhà đất cao tại khu vực thành cũ Kashi Tân Cương. (Ảnh chọn từ *Nghệ thuật kiến trúc Trung Quốc*, Nxb. Truyền bá Ngũ Châu, xuất bản năm 2006)

vùng cao nguyên Hoàng Thổ đã biết cách đào đất để ở. Nhà ở kiểu hang động thời kỳ đầu được phân làm hai loại: một là loại nhà hang tự nhiên, chủ yếu thịnh hành vào thời kỳ đồ đá cũ. Sau đó vào thời kỳ đồ đá mới, con người sau khi có cuộc sống ổn định thì mới bắt đầu hình thành các kiến trúc kiểu hang động, trong đó di chỉ văn hóa Ngưỡng Thiều tại Bán Pha, Tây An là đáng chú ý nhất. Những căn nhà tại đây hầu hết là nhà hầm bán lộ thiên hình vuông hoặc hình tròn, chứng tỏ kiểu kiến trúc này vẫn chưa hoàn toàn thoát ly khỏi kiểu nhà hang tự nhiên. Nó cho thấy con người từ chỗ phải sinh sống hoang dã ngoài tự nhiên đã biết tập trung định cư ở khu vực thảo nguyên, từ chỗ săn bắn đã biết chăn nuôi trồng trọt, từ chỗ phải sống trong hang đã biết lùi vào sống trong lòng đất.

Di chỉ Bán Pha là thực cảnh tốt nhất để có thể lội ngược dòng thời gian tìm hiểu những loại nhà ở truyền thống, cũng như hiểu được môi trường sinh sống của thời kỳ trước.

Nhà gỗ có kết cấu khung cột là đại diện điển hình cho kiểu nhà ở lầu cao, tập trung phân bố tại khu vực vùng núi có các dân tộc thiểu số sinh

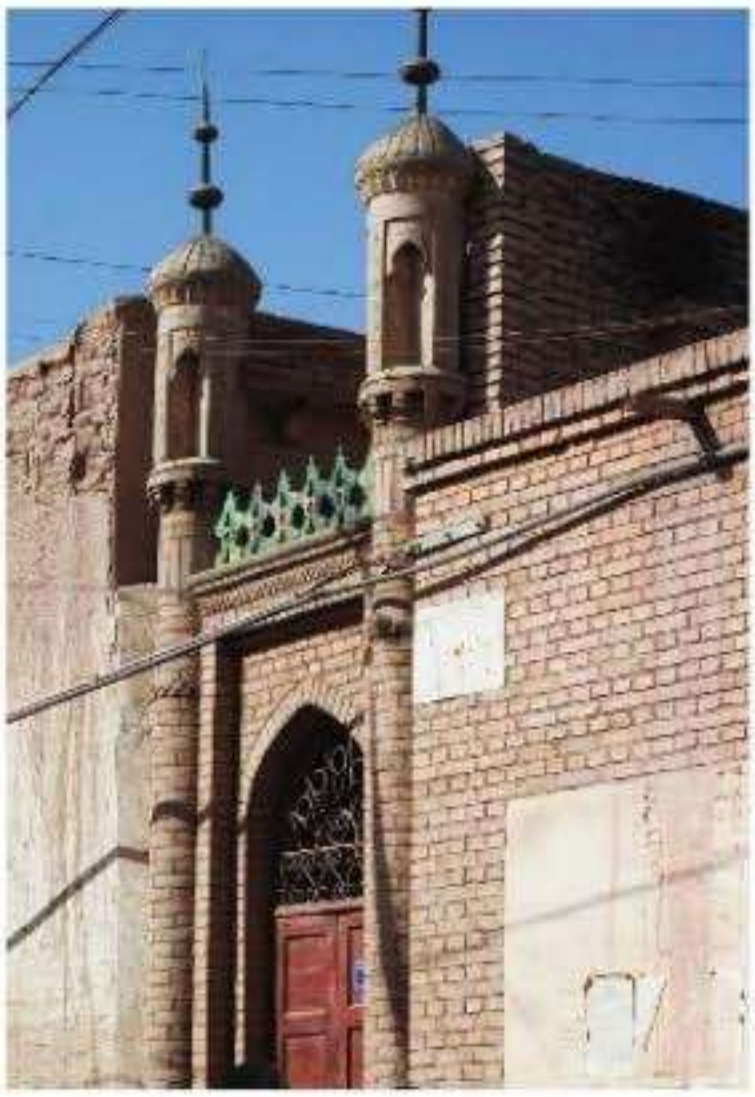

Nhà ở theo phong cách Islam tại khu vực thành cũ Kashi Tân Cương (Ảnh do CFP cung cấp).

Thôn nhà đất tại khu vực Ai Lao, Vân Nam.

sống ở vùng á nhiệt đới Tây Nam Á. Hình thái không gian và cách bố trí của kiểu nhà này, cũng như việc dựa vào núi để lấy thế, kỹ thuật mộng và chốt cũng như cách phân tầng của kết cấu mộc đã đạt đến trình độ cao. Loại kiến trúc này đã kết hợp với phong tục tập quán, đặc điểm dân tộc của các dân tộc thiểu số khác, thể hiện sự phong phú của văn minh vật chất và tinh thần của con người.

Nhà gỗ có kết cấu khung cột là loại nhà được làm hoàn toàn từ gỗ, khung gỗ, đòn gỗ, vách gỗ, gạch vỏ cây, những khớp nối thì dùng mộng và chốt gỗ, thậm chí không dùng một chiếc đinh, một miếng sắt. Mặt bằng ngôi nhà theo hình chữ nhật, nóc nhà là hai mái dốc theo kiểu "huyền sơn", khung làm thành hai đến ba tầng. Các hộ gia đình hầu hết đều sống tập trung tại sườn núi. Nhà ở tại châu tự trị dân tộc Thái tại Tây Song Bản Nạp - Vân Nam và châu tự trị dân tộc Thái tại Đức Hoành hầu hết là nhà hỗn hợp được làm từ các loại tre. Điểm khác nhau giữa hai loại nhà này là nhà làm từ tre được nối với nhau bằng dây làm từ xơ cây cọ hoặc dây mây; nóc nhà được gọi là "mũ Khổng Minh" và có "thiên mộc" hình đuôi yến, là một loại nhà bốn mái dốc theo kiểu "hiết sơn". Dân tộc Cảnh Pha, dân tộc Cơ Nặc, dân tộc Cáp Ni tại vùng này chủ yếu sinh sống trong nhà tre. Tại tầng gác trên không trong căn nhà có sự khác nhau nho nhỏ trong

Kết cấu khung cột:
Là loại kết cấu mộc trong các loại hình kiến trúc cổ đại của Trung Quốc. Kết cấu này dùng cột chính trực tiếp đỡ đòn nóc, không cần xà nhà, còn được gọi là "lập thiết".

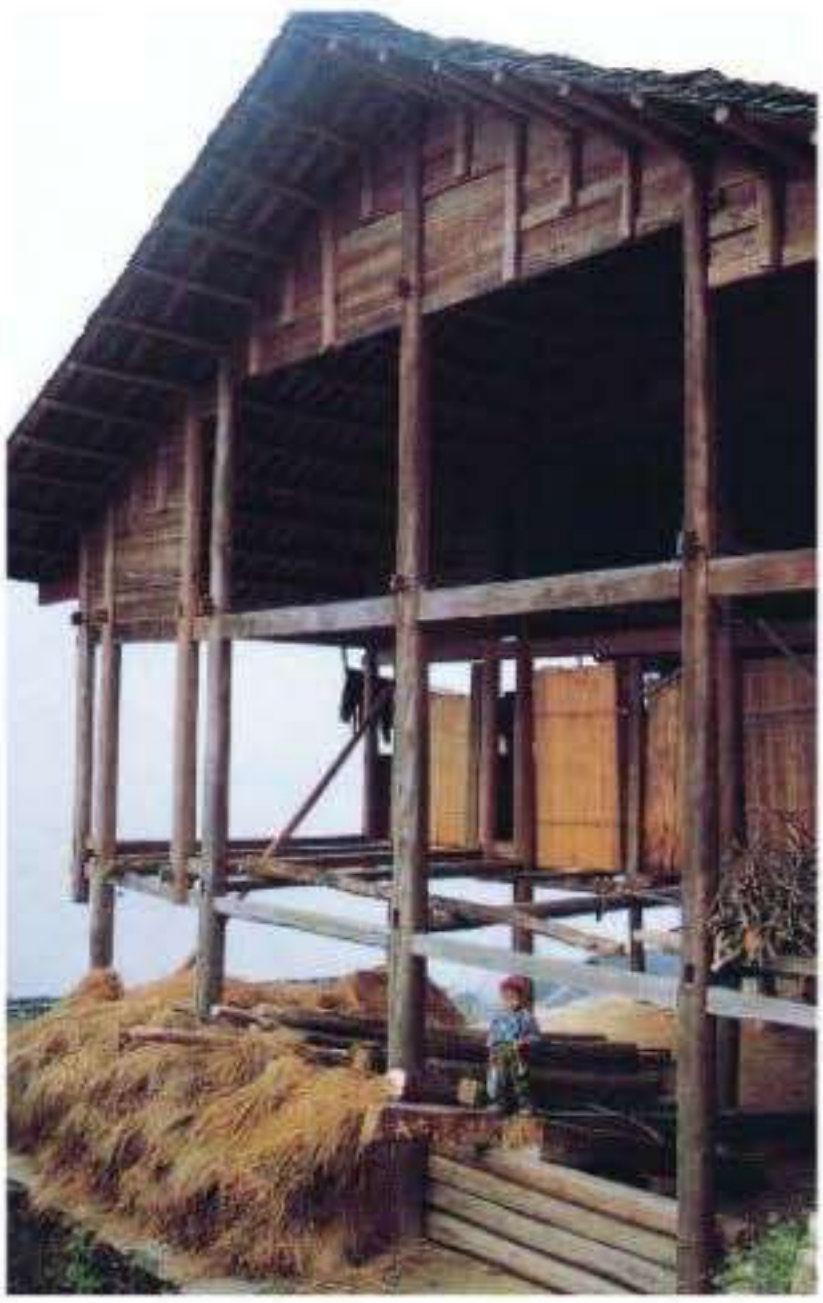

Nhà gỗ kết cấu khung cột.

việc có hay không dùng những loại vật liệu như gạch mộc, cỏ huyên, ngói hoặc chạm khắc tô-tem. Nhà trại bằng tre tại Vân Nam có một vài chỗ khác với những nơi khác, như nhà trại của dân tộc Thái có giếng nước, vách giếng được trang trí, thậm chí có cả chòi để che giếng và có chạm khắc linh vật.

Dân tộc Thái rất chăm chỉ tắm giặt, nên đã lưu truyền câu nói: "Có thể không ăn thịt ngon, nhưng không thể không dùng nước tốt". Coi trọng nguồn nước chính là một phong tục tập quán đẹp của người dân nơi đây. Hay như dân tộc Cáp Ni thường dùng cành cây xếp thành hình khung cửa, đặt tại đường chính vào trại, dùng da thú để phủ lên thanh ngang, về sau cũng dần dần khắc hình chim chóc lên đó. Học giả Kenzaburo Torigoe của Nhật Bản đã có một nhận xét sau một thời gian dài nghiên cứu: Cổng chào kiểu "nhà tổ chim" trong kiến trúc truyền thống Nhật Bản (một loại

Huyền sơn và hiết sơn:

Huyền sơn còn gọi là "tiêu sơn", là loại nóc nhà có hai mái dốc trước, sau, xà ngang lộ ra ngoài tường vách. Nhìn từ bên cạnh giống hình chữ "nhân". Hiết sơn là loại nóc nhà có hai mái to ở trước và sau, hai bên là hai mái nhỏ, mặt bên của ngôi nhà có hai hình tam giác cân được tạo bởi đỉnh nóc và hai mái nhỏ. Kiến trúc Thiên An Môn chính là ví dụ điển hình của mái nhà "hiết sơn".

Nhà bốn mái tại trại Mã An, huyện Tam Giang, Quảng Tây.

cổng chào, thường được dựng ở đường lớn dẫn vào nhà thờ hoặc nơi có hàng rào bao quanh nhà thờ) cùng với nóc nhà kiểu "thiên mộc" của Nhật Bản đều có nguồn gốc từ Vân Nam. Ngoài ra nhà sàn tại khu vực núi Nga Mi, khu vực Trùng Khánh, khu vực núi Phượng Hoàng ở phía tây Hồ Nam, khu vực bờ sông, nếu căn cứ vào kết cấu cơ bản, ý tưởng về không gian và nguồn gốc tạo hình của ngôi nhà, thì đều có thể coi chúng như một dị bản của nhà ở dạng lầu cao.

Nhà tổ chim và nhà kiểu hang động đều là hình thức nguyên thủy nhất của các loại nhà ở truyền thống tại Trung Quốc. "Nam sào bắc huyệt" là cách nói đúc kết của người đời xưa. Những ghi chép bằng văn tự đầu tiên bắt đầu từ đời Tấn (265 - 420) trong cuốn *Bác vật chí* của văn sĩ Trương Hoa (232 - 300): "Nam sào bắc huyệt, bắc sóc huyệt cư, tị hàn thử dã" (tức "ở phía nam sống trên cao, phía bắc sống dưới đất. Phía bắc sống dưới đất do phải tránh rét" - dịch giả).

Còn danh xưng "Can Lan" thì xuất hiện trong *Ngụy thư liêu truyện* thời Bắc Tề. Trong sách có viết "Y thụ tích mộc, dĩ cư kì thượng, danh viết Can Lan" (tức "lắp gỗ lên cây, để sống trên đó, gọi là Can Lan" - dịch giả). Trong tư liệu, sử ký sau thời Đường - Tống còn ghi chép tỉ mỉ hơn. Nhà trại gỗ được ghi chép trong cuốn *Từ Hà Khách du kí - Việt Tây du kí* của nhà địa lý thời

Cầu Phong Vũ tại trại Đồng - Quảng Tây.

Minh Từ Hà Khách (1587 - 1641) với những ngôi nhà trại gỗ Can Lan truyền thống vẫn còn được lưu giữ cho tới ngày nay gần như giống nhau. Những ghi chép lịch sử và phát hiện khảo cổ đã chứng minh rằng nhà gỗ Can Lan đã từng xuất hiện rộng rãi ở một nửa nước Trung Quốc tính từ phía nam lưu vực sông Trường Giang trở xuống. Những chỗ xuất hiện nhiều nhất loại nhà ở này là khu vực đồi núi mưa nhiều ẩm ướt, môi trường sinh thái có cây cối rậm rạp, phương thức sản xuất là canh tác nông nghiệp, tập tục cư trú đã phát triển đến giai đoạn sinh sống tập trung, trình độ kỹ thuật kiến trúc đã có những kỹ thuật tiên tiến như đốn gỗ, gia công, khắc chạm. Khu vực này theo sử sách được gọi chung là Bách Việt, xét kỹ ra thì được phân thành Ư Việt tại vùng Giang Chiết, Mân Việt tại vùng Phúc Kiến và Sơn Việt tại vùng An Huy, Giang Tây v.v.. Văn hóa nhà ở Can Lan và đặc điểm chung của Bách Việt, có tô-tem nơi cư trú, sản viện, cổng chào cùng với sự phân loại chặt chẽ của các loại hình kết cấu, vật liệu, đồng thời kết hợp với phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số, được lưu truyền đến đời sau, thể hiện ở miền Nam hiện nay đặc biệt là những nơi cư trú muôn hình vạn dạng tại miền Tây Nam ngày nay.

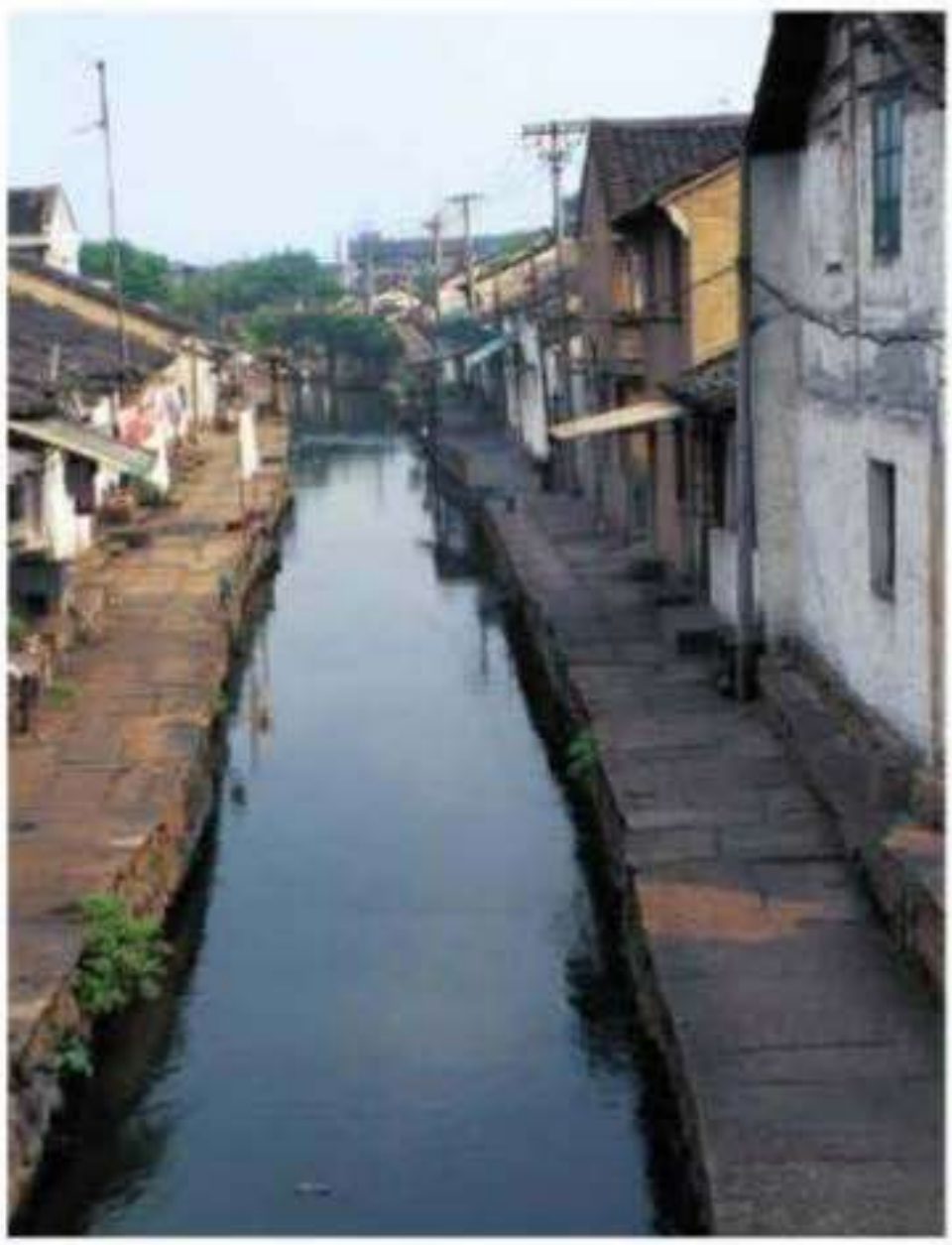

Nhà ở tại Thiệu Hưng, Chiết Giang.

Điều đáng nói là cùng với sự gia tăng dân số, sự giảm đi của tài nguyên gỗ, sự phổ biến của những nguyên liệu xây dựng như gạch, ngói và một vài yếu tố khác, dân tộc Hán tại miền Nam cùng với một vài dân tộc thiểu số tại khu vực đồng bằng đã dần dần thoát ly khỏi kiểu nhà gỗ Can Lan, và biến tấu chúng thành rất nhiều kiểu nhà mới có hình dáng khác so với nguyên bản, như nhà ở hai bên sông tại Chiết Giang, nhà ở kiểu giếng trời tại An Huy, nhà đất tại Mân Nam, nhà Nhất khỏa ấn tại Côn Minh v.v..

Nhà ở truyền thống Trung Quốc đều cố gắng dựa vào tự nhiên, hoặc cải tạo tự nhiên và

Nhà ở hai bên sông tại Ô Trấn, Chiết Giang.

thêm vào một vài thiết kế khác. Là quần thể tập hợp của các loại nhà ở, sự ra đời và phát triển của làng mạc truyền thống đã lợi dụng được tài nguyên sinh thái tự nhiên, đồng thời cũng vô cùng chú ý đến tiết kiệm tài nguyên, chú trọng "lí thủy" (xử lý các tiểu cảnh liên quan đến nước), sử dụng các vật liệu, kiến trúc xây dựng truyền thống, lợi dụng sự chênh lệch nhiệt độ tự nhiên cũng như phương pháp tránh rét tránh nóng v.v.., phản ánh nhân sinh quan con người hòa hợp với tự nhiên, coi trọng sự cân bằng sinh thái. Các loại nhà ở Trung Quốc đa dạng, phức tạp, khéo léo mà không giả tạo, điều cốt yếu nằm ở chỗ phải xây dựng trên cơ sở người dân đã quen với tập tục canh nông và quy luật thích ứng với sự biến đổi của tự nhiên. Người dân từ trước đến giờ đều chú trọng tính hài hòa trong đối ngẫu, vận luật trong biến đổi vì thế hình thành nên tính thẩm mỹ cao trong xây dựng điền viên truyền thống. Đặc điểm của loại kiến trúc này là:

Đẹp tự nhiên. Nhà ở Trung Quốc gần sông gần núi, được xây dựng trong không gian chan hòa ánh mặt trời, không gian thoáng đãng, cây cối xanh tươi. Đẹp tự nhiên còn có một ý nghĩa gợi mở khác: cái đẹp mà những người xây dựng nhà ở Trung Quốc tạo ra là một hình thức đầy ý nghĩa, rất ít khi có sự gò ép khiên cưỡng, bất luận là hình dáng, màu sắc, cảm nhận về chất liệu, ánh sáng v.v.. dường như đều có sự liên kết chặt

Cách phòng hỏa, tránh mưa và phòng triều cường của nhà ở:
Tường đầu ngựa là tường để tránh lửa, do có hình dáng giống đầu ngựa nên gọi là "tường đầu ngựa", là tường cao hơn hẳn mái, bố trí ở hai bên nhà, dùng để ngăn ngọn lửa từ những căn nhà bên cạnh. "Chụp cổng" là kết cấu ở phía trên cổng của kiến trúc, như chiếc mái nhỏ tránh mưa, có tác dụng che nắng che mưa và trang trí. "Chân gà" là những chiếc cột như những chiếc chân gà chống ở phía dưới nhà gỗ Can Lan, dùng để tránh triều cường.

Nhà gỗ "chân gà".

Đón ánh nắng tránh bóng tối, lưng dựa vào núi mặt hướng ra sông.

Sự nhịp nhàng của "tường đầu ngựa".

chế với công năng, chất liệu và kết cấu của kiến trúc, ví dụ tường đầu ngựa để chống lửa, chụp cửa để tránh mưa, xếp ngói trên mái để chắn lỗ hổng, nhà gỗ có "chân gà" để tránh triều cường và ẩm ướt v.v.. Những yếu tố trang trí tạo nên hình dáng ngôi nhà ngay từ đầu đã căn cứ vào nhu cầu thực tế, điều này chứng tỏ tính "nguyên sinh" và "tự nhiên", "hữu cơ" và "chân thật", đẹp từ những cái chưa đẹp, đẹp từ tự nhiên là những điểm mà các kiểu kiến trúc khác khó có thể bằng.

"Hữu cơ tùy cơ, vô pháp hữu pháp". Điểm mấu chốt trong kết cấu của các loại nhà ở chính là vật liệu xây dựng. Những kiểu nhà ở truyền thống thường lấy nguyên liệu từ đất, ví dụ gỗ trên núi, đất ở cao nguyên, đá ở bãi, cỏ trong sân v.v.., điều này khiến cho các ngôi nhà như được mọc lên từ đất, trở thành chỉnh thể hữu cơ với môi trường tự nhiên. Những ngôi nhà được dựa vào núi để lấy thế, có ô vãng và cột đỡ nếu cần thiết, nhà gỗ Can Lan là đại diện tiêu biểu cho loại nhà này. Trong bối cảnh những ngôi nhà tập trung cùng nhau, thì chúng sẽ trải dài theo con sông nếu như nhà ở gần sông, hoặc dựa vào núi lấy thế nếu ở trên núi; các ngôi nhà sẽ tập trung nếu như được xây dựng ở đồng bằng, sẽ phân tách nhau ra nếu được xây dựng ở vùng núi. Điều này giống như không có một quy tắc nào trong xây dựng, nhưng trong cái không có quy tắc đó thì lại có một quy tắc lớn nhất bao trùm, đó là "thuận theo tự nhiên", "tùy biến theo thế đất".

Hài hòa mà không giống nhau. Đặc điểm này vô cùng phù hợp với yêu cầu hình thái của môi trường sinh sống. Hình thức nhà ở của một khu vực đều tương đối giống nhau về vật liệu, kết cấu, không gian, cấu tạo mặt bằng, hình thành nên những màu sắc, kiểu dáng cho đến

Nhà ở tại An Huy.

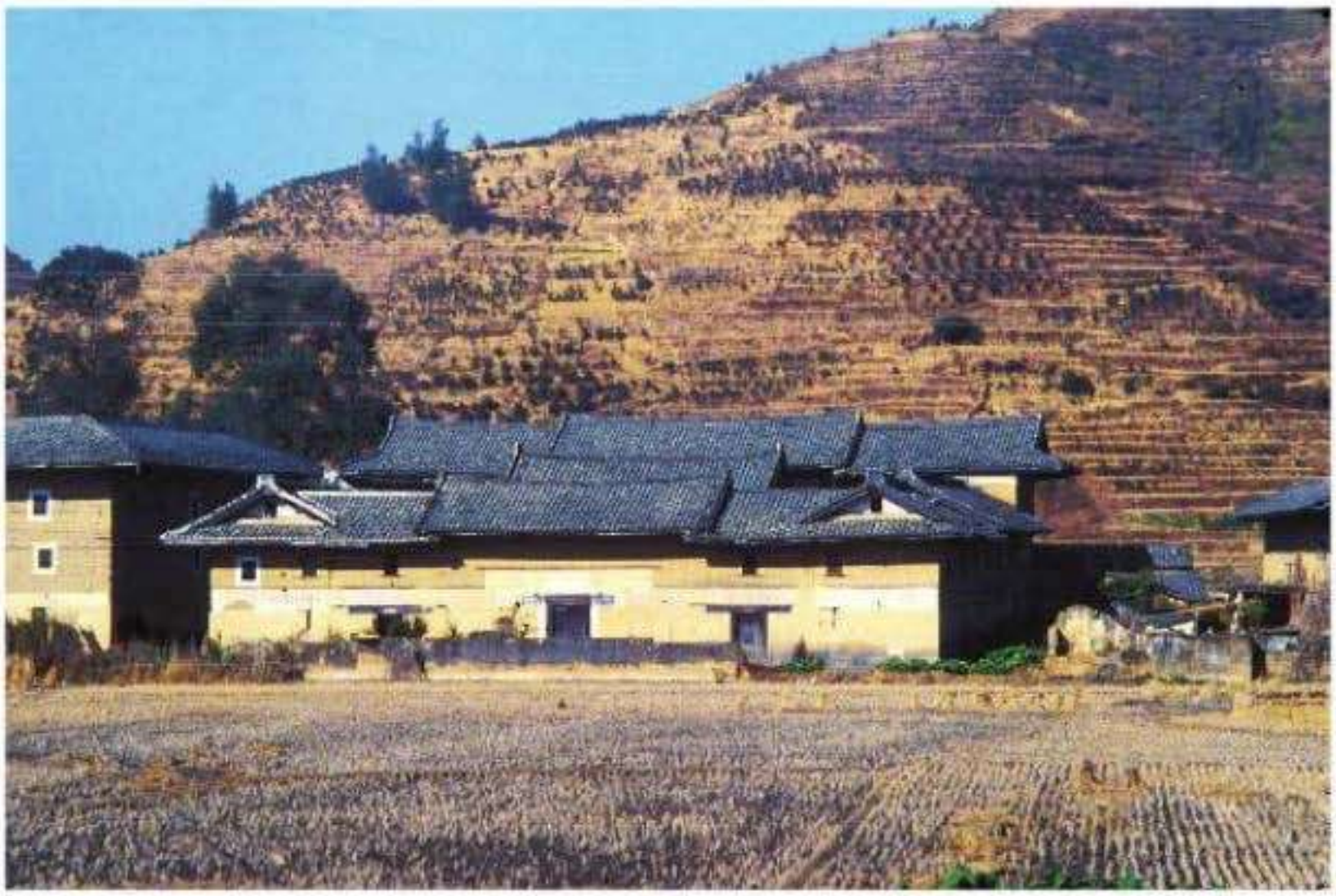

Ngũ Phong Lâu tại Mãn Tây (ảnh do Phòng Tư liệu Viện Kiến trúc Đại học Thanh Hoa cung cấp).

những "ký hiệu" kiến trúc tương đồng với nhau, thể hiện "cảm nhận về sự thống nhất" của nhà ở. Nhưng sự thống nhất không phải là bắt chước nhau mà là trong sự giống nhau có vô vàn sự khác nhau, điều này thể hiện rõ nhất ở việc phối hợp các nguyên tố tạo hình và bản thân sự biến hóa tinh tế của kỹ thuật xây dựng, cho thấy việc phát huy cá tính riêng trong một chỉnh thể hài hòa của nghệ thuật văn hóa truyền thống Trung Quốc, đồng thời cũng làm tăng thêm tính khu biệt, khiến chỉnh thể kiến trúc có giá trị thưởng lãm cao.

Kiến trúc nhà ở truyền thống so với các loại kiến trúc thành thị như đình chùa, cung điện, phủ đệ của các văn nhân, nó cùng với bài hát dân ca, trang phục dân tộc, phong tục địa phương, câu chuyện truyền khẩu cho đến "đại a phúc", hổ vải, cắt giấy, chuỗi quả đường cấu thành một loại văn hóa dân gian. Nó cùng với vận mệnh ngoan cường của mình đã sinh sôi nảy nở, phát triển tại các vùng nông thôn và trong tầng lớp xã hội thấp kém tại thành thị. Quảng đại quần chúng đã sáng tạo ra nó, sử dụng nó đồng thời cũng lưu truyền nó. Phong tục tập quán là gần gũi nhất với xã hội và môi trường tự nhiên của một dân tộc, một khu vực, càng gần gũi

Lều Mông Cổ mà dân tộc Mông Cổ và dân tộc Ca-dắc đang sinh sống là một loại nhà di động hình tròn, thuộc vào loại nhà di cư. (Ảnh chọn từ *Nghệ thuật kiến trúc Trung Quốc*, Nxb. Truyền bá Ngũ Châu, năm 2006).

hơn với cuộc sống của con người. Lý do để nó có thể lưu giữ đến ngày nay rất đơn giản: dân cư muốn sinh tồn, phát triển thì phải căn cứ vào bản chất cuộc sống và tâm nguyện của mình để dùng số tiền ít ỏi và phương tiện có hạn để sáng tạo nên không gian cư trú của riêng mình.

Không hề khoa trương khi nói rằng, nhà ở Trung Quốc phản ánh lịch sử của dân tộc Trung Hoa, kết hợp đức tính cần cù chịu khó, lý tưởng và trí tuệ của quảng đại nhân dân. Trong các kiến trúc truyền thống Trung Quốc, có những kiến trúc đồ sộ như hoàng thành, hoàng cung, phủ đệ, cũng có những kiến trúc tao nhã như viên lâm, thư viện, chùa chiền, nhưng cái gốc của những kiến trúc trên - xét từ "phần mềm" của phương diện tinh thần đến "phần cứng" của phương diện vật chất thì đều xây dựng nên từ nền tảng phong phú của dân gian.

Đơn Đức Khải

Tìm hiểu về
Tứ hợp viện Bắc Kinh

- Đình viện sâu thẳm
- Những cánh cửa
- Cửa thùy hoa
- Một góc trời riêng

Nhà Nguyên (1206 - 1368) chính thức lập kinh đô tại Bắc Kinh (1264), khi quyết định sẽ xây dựng một đô thành có quy mô lớn, Tứ hợp viện cùng với những cung điện, nha môn, đường phố và ngõ hẻm tại Bắc Kinh đồng loạt ra đời. Cuốn *Tích tân chí* của nhà nghiên cứu cuối thời Nguyên đầu thời Minh Hùng Mộng Tường có ghi ghép rằng: "Những con phố lớn kéo dài từ phía nam xuống phía bắc, lại kéo ngang từ phía đông sang phía tây. Phố lớn có chiều rộng bằng 24 bước chân, có 384 ngõ ngang, 29 nhai thông. "Nhai thông" ở đây tức là những con ngõ nhỏ. Phần không gian giữa những con ngõ nhỏ là nơi để người dân dựng nhà ở. Lúc đó, Nguyên thế tổ Hốt Tất Liệt "lệnh cho người dân từ thành cũ dời vào kinh đô, những người giàu có và quan lại trong triều đình được ưu tiên, và quy định mỗi phần đất rộng 8 mẫu", phân cho quan lại dời vào kinh đô để xây nhà, Tứ hợp viện truyền thống Bắc Kinh được hình thành một cách quy mô cũng từ đó mà ra.

Lối vào Tứ hợp viện (Ảnh được sử dụng trong chương này đều do Phòng Tư liệu, Viện Kiến trúc Đại học Thanh Hoa cung cấp).

Bắc Kinh lúc trước, ngoại trừ Tử Cấm Thành, vườn thượng uyển của hoàng gia, đình chùa miếu mạo và phủ đệ, thì nhà ở của người dân là những kiến trúc chiếm số lượng lớn nhất. Người thời Nguyên có câu: "Vân khai lư hạp tam thiên trượng, vụ ám lâu đài bách vạn gia" . Nhà ở "bách vạn gia" ở đây chính là Tứ hợp viện mà chúng ta nói đến ngày nay. Từ thời Minh (1368 - 1644), Thanh (1616 - 1911) đến nay, Tứ hợp viện Bắc Kinh tuy trải qua nhiều thăng trầm, nhưng hình dáng của kiểu nhà ở cơ bản này đã hình thành và không ngừng hoàn thiện, trở thành một loại kiến trúc độc đáo còn giữ lại đến ngày nay.

Hình dáng Tứ hợp viện cổ kính, tao nhã, trang trọng, chặt chẽ về kết cấu, môi trường yên tĩnh. Bậc thang, đôn đá, cửa đỏ, gạch xanh, ngói nâu[1], những góc mái cong vút hình đuôi ngựa, những bức tranh màu non nước mây trời dưới mái hiên, những bức tường được xây theo kỹ thuật chắp nối, hoa viên cầu kỳ, tất cả đều thể hiện phong thái cổ kính của Tứ hợp viện Bắc Kinh.

1 Chỉ gạch ngói thường dùng để làm vật trang trí cho ngôi nhà, có tác dụng bịt kín những chỗ hở ở nơi tiếp giáp giữa hai mái nhà hoặc tường bên.

Đình viện sâu thẳm

Tứ hợp viện Bắc Kinh có một mối liên hệ nội tại sâu sắc với những con đường kiểu bàn cờ tại đây. Tứ hợp viện chính thống thông thường sẽ dựa vào ngõ nhỏ hai bên đông tây mà "tọa bắc triều nam", đối xứng nhau qua trục giữa, hai bên trái phải cân bằng nhau, đối với bên ngoài thì có tính chất khép kín, đối với bên trong thì có tính chất hướng nội, vô cùng vuông vắn. Quy mô của Tứ hợp viện không giống nhau, khác nhau nhiều về quy mô to nhỏ. Nhưng cho dù to hay nhỏ thì cũng đều do những đơn nguyên cơ bản cấu tạo nên.

Một chiếc sân rộng được tạo bởi bốn căn nhà hợp lại, là đơn nguyên cơ bản của Tứ hợp viện, gọi là "nhất tiến Tứ hợp viện", nếu có hai sân thì gọi là "lưỡng tiến Tứ hợp viện", nếu có ba sân thì gọi là "tam tiến Tứ hợp viện", cứ thế mà tiếp diễn. Tứ hợp viện lớn tại Bắc Kinh (như Vương phủ) có thể đạt đến "thất tiến", "cửu tiến", ngoại trừ sân chính ở trung lộ ra, hai bên vẫn còn có sân Đông sân Tây, có thể nói đây là "nhà cao cửa rộng".

Cách bố trí phòng trong Tứ hợp viện Bắc Kinh cũng tương đối cố định, thông thường do chính phòng, nhĩ phòng, sương phòng, hậu tráo phòng và đảo tọa phòng hợp thành.

Do bị ảnh hưởng của ánh mặt trời, nên các gian phòng ở bốn hướng đều hướng về phía nam, vì vậy Tứ hợp viện đều lấy phòng ở phía bắc làm chính phòng, hai bên đông tây đứng phía sau, gọi là sương phòng. Căn phòng quan trọng nhất trong Tứ hợp viện là chính phòng, bài vị và bàn thờ tổ tiên được đặt ở giữa chính phòng, vì vậy chính phòng có địa vị cao nhất trong tất cả các

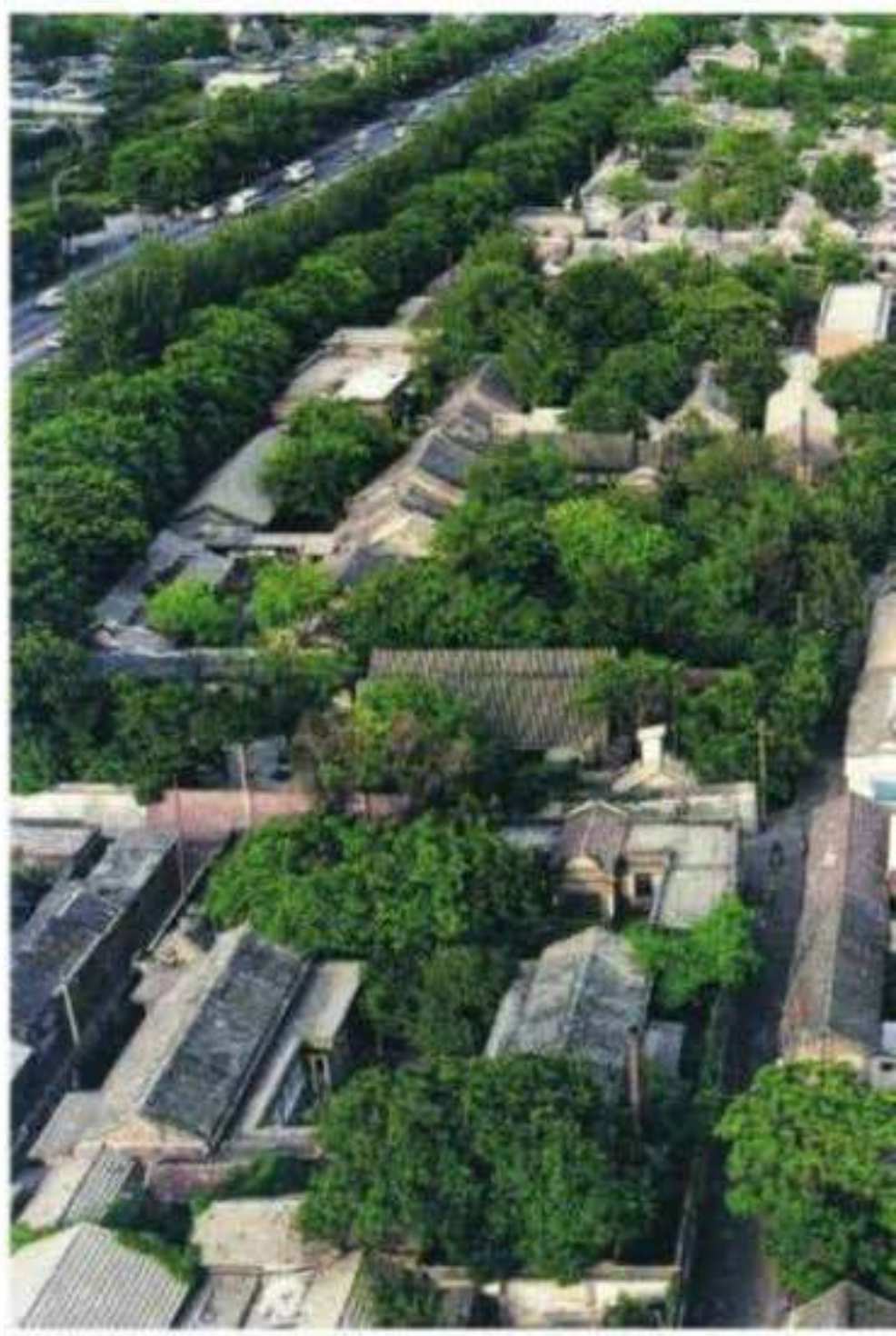

Quần thể Tứ hợp viện.

phòng tại toàn bộ khu nhà. Quy mô của chính phòng lớn hơn tất cả các phòng khác. Gian mở đầu của chính phòng thông thường có 3 gian nhỏ, gian giữa là nhà thờ, gian thứ phía đông là nơi ở của ông bà, gian thứ phía tây là nơi ở của cha mẹ. Gian thứ phía bên trái chính phòng (phía đông) của các căn nhà cũng to hơn gian thứ ở bên phải (phía tây), điều này do chịu ảnh hưởng của phong tục "tả vi thượng" (bên trái cao hơn - dịch giả). Trong Tứ hợp viện, ngoại trừ phòng chính nằm ở trên trục chính, phòng phía đông được cho là phòng thứ tốt, vì vậy người ta thường gọi chủ nhân là "đông gia" hoặc "phòng đông".

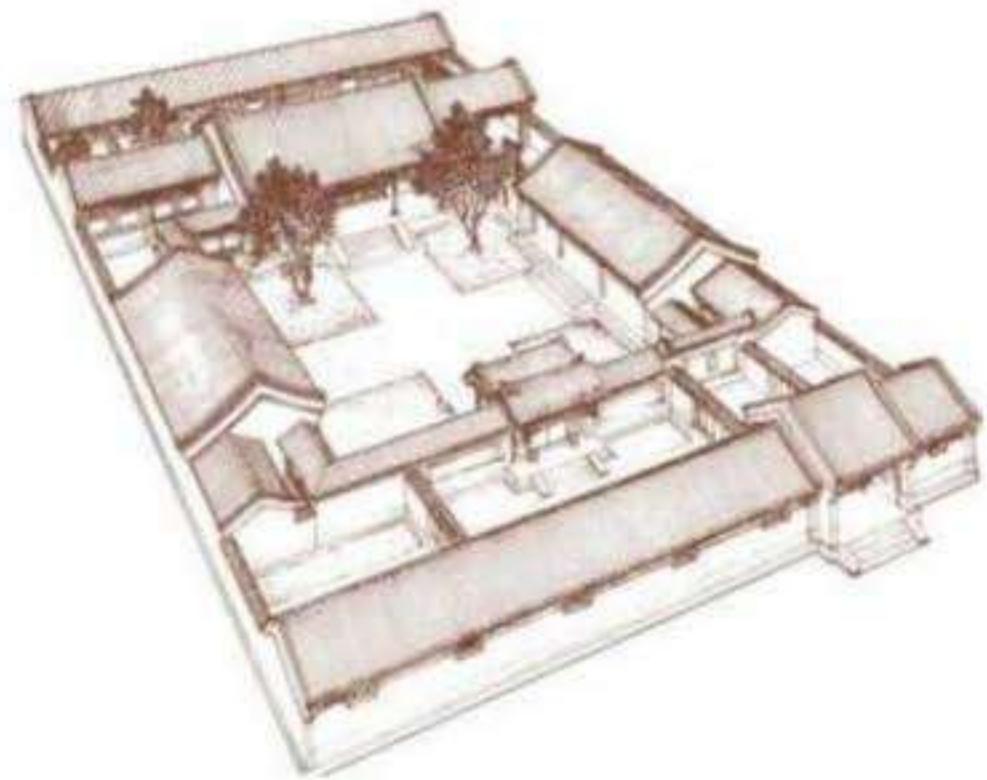

Tứ hợp viện quy mô trung bình nhìn từ trên cao.

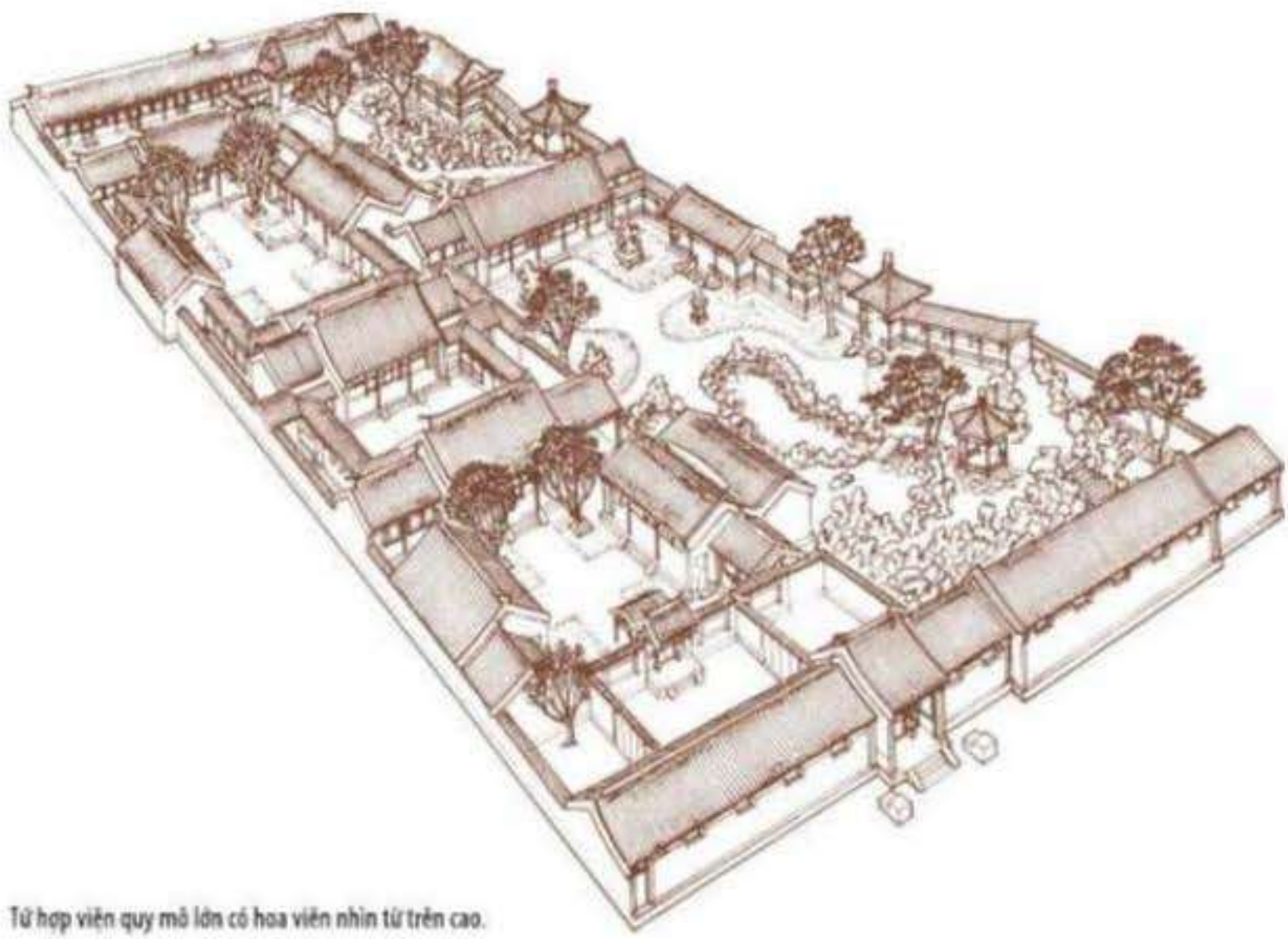

Tứ hợp viện quy mô lớn có hoa viên nhìn từ trên cao.

Chính phòng, sương phòng đông tây và sân nhìn từ cửa thùy hoa.

Phía trước chính phòng, mở rộng không gian của sân chính, có hai dãy phòng đối diện nhau là sương phòng. Sương phòng thường được phân làm 3 gian, là nơi ở của thế hệ sau.

Hai bên chính phòng thường có nhĩ phòng. Nhĩ phòng và chính phòng đều hướng về phía nam, có điều kích thước nhĩ phòng tương đối bé, đó là tường sau bằng với tường chính phòng, nhưng tường trước lùi về phía sau so với tường trước của chính phòng. Do diện tích nhỏ nên độ cao của mái cũng thấp hơn. Nếu như coi chính phòng như khuôn mặt, thì nhĩ phòng như hai tai. Nhĩ phòng ở hai bên chính phòng, có khi mỗi bên chỉ có một gian, có khi mỗi bên có hai gian. Mỗi bên có một gian gọi là "minh tam ám ngũ", có nghĩa là nhìn qua thì tường chính phòng có 3 gian, nhưng thực chất chính phòng có năm gian; mỗi bên có hai gian gọi là "minh tam ám thất". Phía trước nhĩ phòng là tường phía bắc của đông sương phòng hoặc tây sương phòng. Không gian nhỏ ở hai bên đông tây này, mỗi bên lại có tường viện hoặc hành lang ngăn cách, vừa đủ để hình thành một đôi sân nhỏ ở trước nhĩ phòng. Do hai cái sân nhỏ này không có mái ngói nên được gọi là "lộ địa", thường được dùng để trồng những loài hoa và cây cỏ mà chủ nhân yêu thích. Một số văn nhân lại thiết kế thư phòng ở nhĩ phòng, ánh sáng mặt trời có thể chiếu sáng căn phòng, mà không gian ở trước cửa sổ nhĩ phòng lại vô cùng riêng tư và yên tĩnh, có thể nói là một môi trường

tốt để đọc sách. Bên trong nhĩ phòng thường có cửa thông với cửa thứ của chính phòng. Về kết cấu, chính phòng, nhĩ phòng đều có tường bên độc lập, nhưng Tứ hợp viện được xây dựng sau thời kỳ Dân Quốc (1912 - 1949) đã giản lược kết cấu, hợp nhất hai bên tường giữa lại.

Giữa sương phòng và chính phòng, thông thường có hành lang nối liền. Hành lang này là một kiểu kiến trúc thêm vào, để cho người sử dụng có thể đi lại, cũng là để nghỉ ngơi, ngắm cảnh bên trong sân viện.

Một dãy phòng phía sau chính phòng được gọi là hậu tráo phòng. Hậu tráo phòng có rất nhiều gian, do không phải là chính phòng nên không bị ảnh hưởng bởi những quy tắc trong căn nhà. Hậu tráo phòng thường là nơi để con gái và hầu gái ở, có vị trí ở phía sau cùng trong viện, vì vậy cũng là nơi riêng tư nhất. Con gái sống tại đây, đi ra đi vào đều phải thông qua phòng cha mẹ ở chính phòng, vì vậy mọi hoạt động đều chịu sự giám sát của cha mẹ. Cấp bậc của hậu tráo phòng nhỏ hơn sương phòng, diện tích cũng nhỏ hơn sương phòng. Nếu cửa sau Tứ hợp viện ở gần đường, thì có thể để trống một căn phòng ở góc đông bắc để sử dụng làm cửa sau. Tường ngăn giữa hậu tráo phòng và đường phố, hầu hết không làm cửa sổ hoặc làm cửa sổ nhỏ, để người đi đường không nhìn được vào phòng.

Hậu tráo phòng nằm ở tận cùng phía bắc của sân viện, đối xứng với nó là dãy phòng quay lưng về cửa chính, mặt hướng về phía bắc ở tận cùng phía nam sân viện, gọi là đảo tọa phòng. Đảo tọa phòng thường được phân thành các công năng như sau: Căn phòng ngoài cùng ở phía đông là phòng học, có sân phía trước; gian tiếp theo là đại môn; gian thứ ba là môn phòng, là nơi ở của người hầu nam; ba gian đối diện với cửa thùy hoa, cũng là đối diện với chính phòng qua bức tường ngăn là nhà khách, có lúc được làm thành nơi tiếp khách; phòng ngoài cùng ở phía tây là nhà vệ sinh, có một bức tường ngăn

Nhĩ phòng, giếng trời và hành lang.

Trong các câu chuyện thần thoại cổ đại Trung Quốc, có 4 vị thần ở 4 phương, được đại diện bởi 4 linh vật: bên trái là thanh long, bên phải là bạch hổ, phía trước là chu tước, phía sau là huyền vũ. Huyền vũ chính là rùa.

phía nam chắn phía bắc để ngăn cách khu vệ sinh, và để một cửa nhỏ, có lúc làm cửa hình mặt trăng (cửa tròn), bởi vì người thời xưa cho rằng góc tây nam là nơi ở của ngũ quỷ, làm nhà vệ sinh tại đây, có thể dùng uế vật để bạch hổ trong "tả thanh long, hữu bạch hổ" đến trấn áp, không để ma quỷ vào nhà gây sự.

Tứ hợp viện có từ hai sân trở lên thông thường phân thành nội trạch và ngoại trạch, được nối với nhau bởi nhị môn - cửa thùy hoa hoặc cửa ngăn.

Những cánh cửa

Trước đây, khi đi dạo trong những con ngõ nhỏ tại Bắc Kinh, dọc con đường có thể nhìn thấy rất nhiều cửa chính có hai cánh đóng chặt. Không khí và cảm giác yên tĩnh này chính là nét điển hình của Bắc Kinh.

Cửa là bộ mặt của căn nhà, là đại diện cho địa vị xã hội của chủ căn nhà, vốn được người Trung Quốc coi trọng. Người ta thường dùng từ "môn đệ", "môn đăng hộ đối" cũng đều là nghĩa bóng của từ "môn". Người ta cũng quen dùng "thư hương môn đệ" (chỉ gia đình có học thức - dịch giả), "sài môn thảo hộ" (chỉ gia đình nghèo hèn - dịch giả) để hình dung hoàn cảnh

Cửa chính kim trụ tại căn nhà của nghệ sĩ Kinh kịch Mai Lan Phương (1894 - 1961).

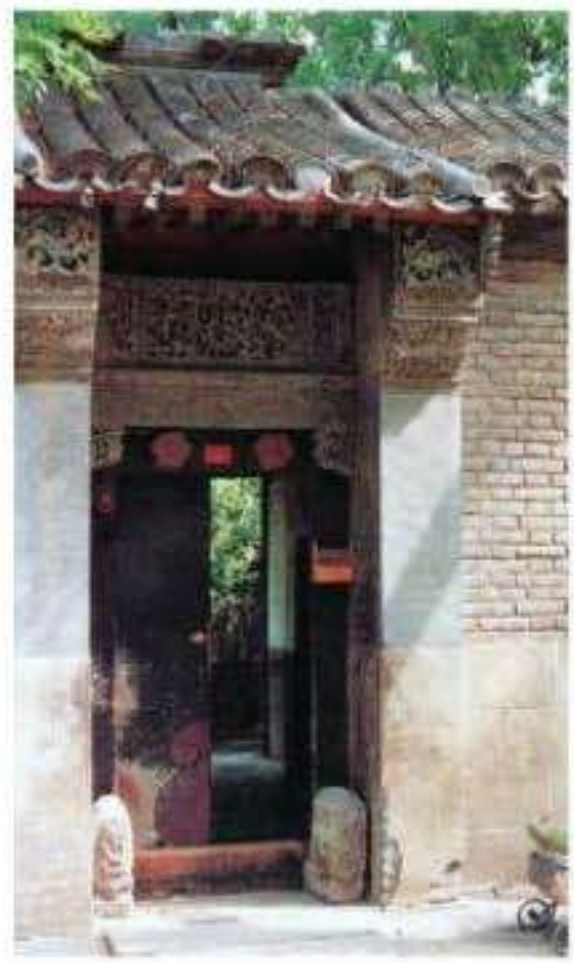

Cửa Như ý.

Đá ốm trống.

gia đình. Hình dáng của cửa, ví dụ kiểu dáng, to hay nhỏ, kiểu mái cửa, màu sơn, vật trang trí v.v.. đều có sự phân biệt chặt chẽ về đẳng cấp để thể hiện địa vị xã hội của chủ nhà.

Đại môn (cửa chính) của Tứ hợp viện căn cứ vào đẳng cấp, quy mô có thể phân làm Vương phủ đại môn, Quảng lượng đại môn, Kim trụ đại môn và Như ý môn v.v.. Vương phủ đại môn, Quảng lượng đại môn, Kim trụ đại môn đều thuộc sở hữu của các gia đình quý tộc hoặc quan lại, Như ý môn thuộc sở hữu của thương nhân và những người giàu có. Đặc điểm chính của đại môn Tứ hợp viện là nhìn giống một căn nhà nhỏ, vì vậy còn được gọi là "ốc vũ thức".

Quảng lượng đại môn là cửa chính có địa vị cao nhất sau Vương phủ đại môn. Loại cửa chính này trong thời Minh chỉ gia đình quan lại mới được sử dụng. Thông thường, cửa chính Tứ hợp viện Bắc Kinh chính là một gian phòng thuộc dãy Đảo tọa phòng, Quảng lượng đại môn cũng như vậy. Chiều sâu của gian phòng này lớn hơn một chút so với các gian phòng lân cận, mái cũng cao hơn mái các gian bên cạnh một chút, hai bên tường của cửa chính cũng cao hơn một chút, để phục vụ luôn mục đích trang trí. Nền nhà của cửa được đôn cao, như vậy nền cửa cao hơn nền đường, từ Tứ hợp viện đi ra sẽ có cái thế từ cao bước xuống thấp; từ ngoài đi vào Tứ hợp viện sẽ có cảm giác được đi lên cao hơn. Phần trên, nơi tiếp giáp với mái nhà của tường hai bên phía ngoài cửa chính hơi lõm vào, gọi là trì đẩu, phía trên trì đẩu dùng gạch khắc để trang trí; nội dung trên gạch khắc phân làm hai loại: một là cầu may, hai là trừ tà.

Sư tử trên phiến đá trước cửa Tứ hợp viện.

Đặc điểm của Quảng lượng đại môn là cửa nằm ở vị trí dưới đòn nóc, giữa hai cột trụ. Ngỏ trong cửa được phân làm 2 nửa: một nửa thuộc phần ngoài cửa, một nửa thuộc phần trong cửa. Đầu dưới của trục cánh cửa được

Đồ trang trí tại cửa chính của Tứ hợp viện:
Đá chắn cửa, chốt cửa, đá ôm trống là những đồ trang trí tại cửa chính của Tứ hợp viện. Đá chắn cửa là phiến đá có hình dáng giống chiếc gối thời xưa, đặt trước trục cửa. Công dụng của nó là cố định phần mặt cửa gỗ, để nó không bị di chuyển khi trời gió hoặc khi mở cửa. Chốt cửa là phụ kiện giúp cố định phần trên của trục cửa, giống như chiếc trâm cài đầu của phụ nữ; ít thì có 2 cái chốt cửa, nhiều thì có 4 cái hoặc có thể nhiều hơn nữa, có tác dụng trang trí. Đá ôm trống chính là trống trước cửa, là một loại đá chắn cửa, bên trên là hình chiếc trống.

kê vào phía sau của phiến đá chắn cửa, đầu trên dùng chốt cố định vào khung cửa. Chốt cố định có hình thù đa dạng, phía trước còn có thêm vật điêu khắc bằng gỗ để trang trí. Bên ngoài cánh cửa còn đặt một đôi đá ôm trống, là một vật trang trí đặt hai bên ngoài cửa, được phát triển từ hình dáng đồ nghi trượng thời cổ đại, đa phần có hình thù giống chiếc trống. Chốt cửa, đá ôm trống trên dưới hỗ ứng với nhau, khiến cho cửa chính của Tứ hợp viện thêm phần nền nã.

Đa số Quảng lượng đại môn không có trang trí hoa văn trên nóc mái, người ta có thể thấy rõ kết cấu của mái cửa khi nhìn lên; có những ngôi nhà thì có một nửa nóc mái trang trí hoa văn, thường thấy là trang trí hoa văn cho một nửa nóc mái phía bên trong cửa. Cửa chính Tứ hợp viện Bắc Kinh đa phần được xây dựng theo kiểu "ngạnh sơn thức", dùng gạch rỗng hoặc ngói ngưỡng hiệp (ngói xanh một sấp một ngửa). Phía ngoài cửa chính có bậc thang, hai bên bậc thang có đá chặn xiên.

Ngạnh sơn thức:
Là một loại mái nhà của kiến trúc truyền thống Trung Quốc. Đặc điểm của nó là hai phía đầu của mái nhà không nhô ra khỏi tường vách.

Kim trụ đại môn tinh xảo hơn Quảng lượng đại môn. Cột phía ngoài cùng của cửa gọi là thiềm trụ, cột ở chính giữa để đỡ mái là trung trụ, cột nằm giữa thiềm trụ và trung trụ là kim trụ. Kim trụ đại môn là kiểu cửa có cánh thiết kế ở vị trí kim trụ. Phía bên trong và ngoài trung trụ đều có kim trụ. Kim trụ đại môn của Tứ hợp viện Bắc Kinh là thiết kế cánh cửa ở vị trí của kim trụ nằm giữa trung trụ và thiềm trụ nằm ngoài cùng. Kiểu cửa này có hành lang bên ngoài cửa hẹp, hành lang bên trong cửa rộng. Những thiết kế khác của Kim trụ đại môn giống Quảng lượng đại môn, nhưng hầu hết đều có trần hoa, đặc biệt là trần phía ngoài cửa, đều vẽ những bức tranh màu của các câu chuyện về nhân vật lịch sử, phong cảnh sơn thủy, vũ khí thời cổ v.v..

Bức bình phong bên trong cửa là một hình thức kiến trúc có tính trang trí, tính tiêu biểu đồng bộ với cửa chính của Tứ hợp viện. Nó là bức tường hoặc một vật trang trí nào đó có tác dụng che đi cảnh vật bên trong Tứ hợp viện khi nhìn từ cổng chính. Khi ra vào cửa chính, điều người ta nhìn thấy đầu tiên sẽ là một bức bình phong với thiết kế tinh xảo bằng những hình điêu khắc hoặc chạm khảm.

Bình phong và cửa chính có mối quan hệ mật thiết. Nó tuy chỉ là một bức tường, nhưng do được thiết kế tinh xảo nên nó có tác dụng tô điểm thêm cho vẻ đẹp của Tứ hợp viện ở nơi ra vào.

Cửa thùy hoa

Bình phong.

Thùy hoa môn là một loại cửa tương đối được coi trọng trong Tứ hợp viện, hình thức đẹp để giúp nó trở thành vật ngăn cách ngoại viện và nội thất của Tứ hợp viện. Thùy hoa môn được đặt tại đường trục chính, ở chính giữa phía bắc của ngoại viện, nằm trên bậc đá cao ba bậc hoặc năm bậc, dùng để ngăn cách phần trước và sau của viện. Phần phía trước viện là nơi chủ nhân tiếp khách, phần phía sau viện là nơi ở của những người còn lại trong gia đình, người ngoài không được ra vào, ngay cả đến người hầu nam cũng không ngoại lệ. Người xưa có câu: Nhà có con gái "đại môn bất xuất, nhị môn bất mại", "nhị môn" chính là chỉ thùy hoa môn.

Thùy hoa môn có hai chức năng: một là có công dụng phòng vệ. Tại hai trụ cửa hướng ra phía ngoài có dựng hai cánh cửa tương đối nặng, giống như cửa hướng ra ngoài đường tại cổng chính, gọi là "kỳ bàn môn" hoặc "toàn biên môn", ban ngày mở ra để người nhà đi lại, đến tối đóng lại, có chức năng phòng vệ. Công dụng thứ hai là để che chắn, đây cũng là công dụng chính của thùy hoa môn. Để giữ được sự riêng tư trong nội thất, tại hai cột trụ phía trong của thùy hoa môn cũng dựng hai cánh cửa, gọi là "bình môn". Ngoại trừ những nghi lễ trọng đại trong gia đình như hôn lễ hay tang lễ, bắt buộc phải mở bình môn, trong những ngày thường, bình môn đều được đóng lại. Khi người nhà muốn ra vào nhị môn, thì không đi qua bình môn, mà sẽ đi theo hai cửa bên ở hai bên bình môn hoặc đi theo hành lang ở hai bên thùy hoa môn để đến các phòng trong nội viện. Công dụng này của thùy hoa môn có tác dụng vừa dùng để nối liền nội thất và ngoại thất, lại vừa dùng để ngăn cách hai không gian trên.

Xuất phát từ hình dáng, gọi là thùy hoa môn vì thiềm trụ tại cửa không chạm đất mà lơ lửng trong không gian, trên trụ có khắc hình những loài hoa đẹp, mà phần nhiều là khắc hoa sen và những loài hoa có màu sắc rực rỡ khác. Toàn bộ thùy hoa môn là kiến trúc chạm trời không chạm đất, đây là một trong những đặc điểm của thùy hoa môn.

Đồng thời, thùy hoa môn cũng là phần kiến trúc có tính trang trí tương đối nhiều, tất cả những vị trí lộ ra của nó đều được trang trí vô cùng cẩn thận. Phần đầu xà nhô ra ngoài thường được trang trí thành hình đám

mây, gọi là "ma diệp lương đầu". Loại xà được chạm trổ như thế này thường ít gặp trong các kiến trúc thông thường khác. Dưới "ma diệp lương đầu" có hai đôi trụ treo lơ lửng, đầu trụ hướng xuống dưới, được chạm khắc thành hình bông hoa sen hoặc hình chuỗi hạt, hình đài hoa, hình quả lựu v.v.. rất giống hình nụ hoa sắp nở. Đôi trụ ngắn này được gọi là "thủy liên trụ". Nguồn gốc tên gọi thùy hoa môn cũng từ đôi trụ đặc biệt này mà ra. Phần nối giữa hai trụ cũng được khắc rất đẹp, đề tài có "Tử tôn vạn đại", "Tuế hàn tam hữu", "Ngọc đường phú quý", "Phúc lộc thọ hỉ" v.v.. Những tấm điêu khắc này thể hiện sự mong ước của chủ nhân về một cuộc sống tốt đẹp, đồng thời cũng để trang trí cho chiếc cửa vô cùng quan trọng này thêm phần đẹp đẽ.

Một góc trời riêng

Tứ hợp viện dùng những căn phòng, hành lang, tường bao để quây một vùng trời đất lại trong không gian sinh sống, đóng cửa chính liền trở thành một thế giới riêng.

Bắc Kinh có khoảng 200 ngày không có sương, thời gian có thể hoạt động ngoài trời trong cả năm tương đối dài, thêm nữa, thời gian được mặt trời chiếu sáng trong ngày cũng dài, ánh nắng mặt trời chan hòa mọi nơi,

Thùy hoa môn được trang trí tinh xảo.

Thủy liên trụ.

vì vậy nhà ở kiểu quy củ như Tứ hợp viện vô cùng thích hợp với thời tiết này. Sân vườn được sử dụng nhiều. Mùa đông ở Bắc Kinh rất lạnh, mặt trời chiếu nghiêng, vì thế khi thiết kế nhà ở theo chiều rộng, phòng bên nọ sẽ không che khuất phòng bên kia, tất cả đều được chiếu sáng. Ánh mặt trời chiếu vào phòng, ngoài việc có thể làm tăng nhiệt độ trong phòng, còn có thể khiến người ở cảm thấy ấm áp, minh mẫn về tinh thần. Tứ hợp viện ngăn cách với bên ngoài, tất cả cửa sổ đều mở về hướng sân viện, đây là biện pháp tốt để ứng phó với bão cát lớn tại Bắc Kinh. Sân vườn trở thành hạt nhân trong sinh hoạt gia đình, vì vậy có thể nói người sáng tạo ra kiểu kiến trúc Tứ hợp viện có một tầm nhìn rất sâu rộng.

Tứ hợp viện chú trọng vào cây xanh, trong sân trồng cây trồng hoa, chính là để hoa và cây có thể liên kết không gian lại, làm tinh thần con người trở nên thanh nhã. Bốn phía của phần sân chính giữa viện có bốn khoảnh đất nhỏ, chuyên dùng để trồng cây. Người Bắc Kinh xưa thích trồng những loại hoa như đinh hương, hải đường, du diệp mai, sơn đào hoa v.v.. Cây thì có cây táo, cây hòe, cay hải đường, trong đó hải đường được trồng nhiều hơn cả, có ý nghĩa làm anh em trong nhà hòa thuận. Đến giai đoạn hiện nay, các loại cây trồng có phong phú hơn, có cây hoa thơm, cũng có cây ăn quả.

Thủy liên trụ.

Các chậu hoa cảnh là thứ đặc biệt nhất trong sân Tứ hợp viện. Thời Thanh có câu tục ngữ: "Nhà mát, chậu nuôi cá, cây lựu, lão gia, chó béo, a hoàn béo". Đây là miêu tả chân thực nhất về Tứ hợp viện. Chậu nuôi cá không chỉ dùng để nuôi cá mà còn để trồng hoa sen trong đó. Loại cây được trồng trong chậu nhiều nhất là cây lựu, thêm vào đó là trúc đào,

quất, ngân quế, chi tử v.v.. Cây lựu được trồng trong chậu hoa lớn, bên ngoài được bọc bởi thùng gỗ quét sơn mài; trồng cây lựu có ý nghĩa sẽ có nhiều con nhiều cháu. Đến những ngày lạnh, những chậu cây này được mang vào trong phòng để tránh rét.

Còn những bồn hoa trước cửa trồng hoa nhài, hoa phượng tiên, hoa khiên ngưu, hoa biển đậu thì đều là những cảnh đẹp thường thấy trong Tứ hợp viện.

Tứ hợp viện là không gian cư trú lý tưởng của người Trung Quốc truyền thống, có phòng ở, sân vườn, cửa chính, cửa phụ, có hành lang, phòng học, lại có phòng khách, bình phong, nhà kho, nhà bếp, những nhà giàu còn có xe ngựa v.v.. Tứ hợp viện là loại nhà ở khép kín, chỉ có duy nhất một cửa thông ra ngoài, đóng cửa lại trở thành một góc trời riêng, có tính riêng tư rất lớn, vô cùng phù hợp để cả gia đình sinh sống. Trong sân, các phòng ở bốn hướng đều mở cửa ra sân, người một nhà cùng nhau sinh sống vui vẻ hòa thuận trong đó. Bốn phía của Tứ hợp viện được tường bao hoặc tường sau của các gian phòng bao kín, các phòng hầu như không mở cửa sổ ra ngoài, vì vậy trong nhà không bị những âm thanh bên ngoài làm phiền, nên tương đối an toàn và yên tĩnh. Kiến trúc Tứ hợp viện không những hoàn toàn phù hợp với quan niệm đạo lý và kết cấu gia đình của người Trung Quốc, mà còn nói lên thái độ với đời của người Trung Quốc là yêu thích hòa bình và mọi sự thay đổi đều có quy tắc của nó.

Đình viện như tiên cảnh.

Nhà của nhà văn Quách Mạt Nhược (1892 - 1978) do Lục Ấm Phục xây dựng.

Đứng tại sân Tứ hợp viện để quan sát xung quanh, không

gian thoáng đãng, hành lang uốn lượn, khi ẩn khi hiện, toàn bộ tinh thần của Tứ hợp viện nằm trọn trong chữ "Hợp". Nó khiến rất nhiều yếu tố, bao gồm yếu tố tinh thần và vật chất "hợp" thành một thể, khiến các thành viên trong một đại gia đình cũng "hợp" vào một thể thống nhất. Chỉ có thể cảm nhận hết ý nghĩa của câu thơ "Đình viện thâm thâm thâm kỉ hứa" khi đem nó hình dung kiểu nhà ở cổ điển này.

Triệu Chi Phong

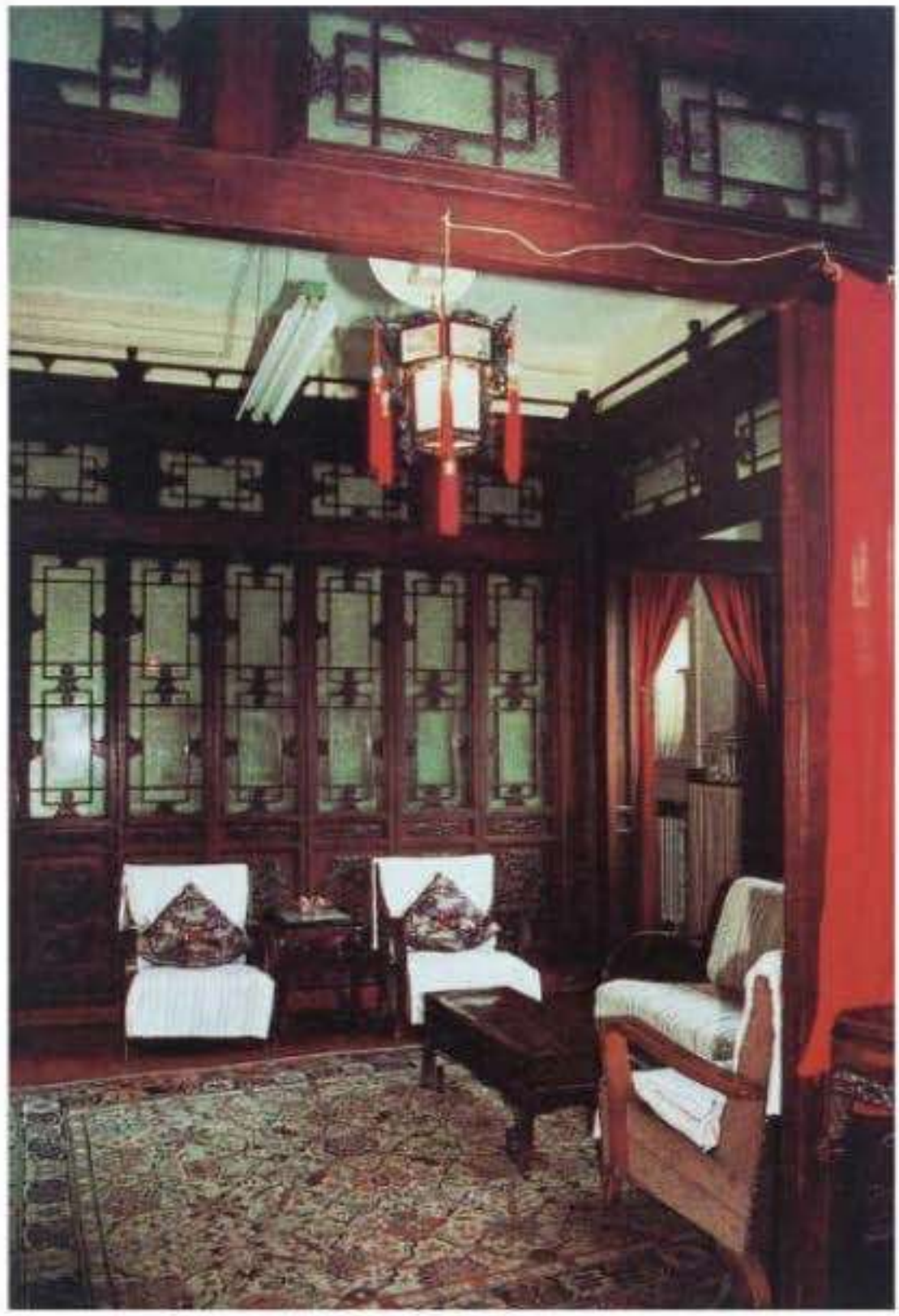

Không gian yên tĩnh trong phòng - tường ngăn và cửa sát sàn.

Thanh sơn lục thủy thoại huy cư
Những câu chuyện về làng
Hoàn Nam

- Huy Châu sơn thủy - Hoành Thôn bên sông
- Huy Châu đen và trắng - Đào nguyên Tây Đệ
- Huy Châu hư thực - Giếng trời và tường đầu ngựa
- Huy Châu thư lễ - Thư viện và Phòng học
- Huy Châu kỹ nghệ - "Tam Điêu" và viên lâm
- Huy Châu thương và Nho -
  Thương nghiệp và văn hóa bổ trợ nhau

"Nhất sinh si tuyệt xứ, vô mộng đáo Huy Châu" (nhà biên kịch, nhà văn thời Minh Thang Hiển Tổ, 1550 - 1616). Lật giở bản đồ Trung Quốc, bên bờ sông Tân An, ở dưới chân núi Hoàng Sơn, phía nam tỉnh An Huy là một vùng đất vẫn còn lưu giữ lại gần như hoàn chỉnh nền văn hóa lịch sử lâu đời của Trung Quốc, đó là Huy Châu.

Thời Nguyên bắt đầu xây dựng "Huy Châu lộ", tên Huy Châu cũng từ đó mà ra. Huy Châu hiện nay không phải là một đơn vị hành chính, mà chỉ là một vùng văn hóa trong chỉnh thể văn hóa truyền thống dân tộc Trung Hoa, nó bao gồm 5 huyện của tỉnh An Huy là huyện Hấp, huyện Hưu Trữ, huyện Kỳ Môn, huyện Tích Khê, huyện Y và huyện Vụ Nguyên của tỉnh Giang Tây.

Khu vực Huy Châu có gần 2.000 năm lịch sử, bắt đầu hình thành từ thời Nam Tống (1127 - 1279) đến thời Minh - Thanh thì đạt tới đỉnh cao. Huy Châu có nền kinh tế, kỹ thuật tiên tiến và có nền văn hóa, nghệ thuật phát triển rực rỡ. Ở đây đã thai nghén những giá trị văn hóa lớn như đạo Trình Chu, trường phái hội họa Tân An, tứ đại Huy ban, sản xuất loại giấy Tuyên Thành, mực Huy Châu, nghiên huyện Hấp; nghề thủ công, xuất bản, y học cũng vô cùng phát triển; và kiến trúc theo trường phái Huy Châu chính là một đặc trưng được nhiều người biết đến nhất. Văn hóa kiến trúc truyền thống Huy Châu hùng vĩ mà hoàn chỉnh, có cá tính riêng mà lại dung hòa cùng sơn thủy tự nhiên, kiểu dáng thiên biến vạn hóa mà lại hài hòa thống nhất, loại hình đa dạng mà lại có thể trở thành hệ thống, nghệ thuật tinh xảo nhưng tổng thể lại vô cùng đơn giản, hiện nay đã trở thành di sản quý báu để đi sâu nghiên cứu kiến trúc Trung Hoa.

Huy Châu sơn thủy - Hoành Thôn bên sông

Huy Châu sơn thủy hữu tình, cảnh đẹp như tranh vẽ, những ngôi nhà đều phát huy được đặc điểm sơn thủy nơi đây. Làng mạc tại Huy Châu chú trọng quy hoạch tổng thể, vị trí hợp phong thủy, kết cấu hoàn chỉnh. Trong đó, ví dụ điển hình nhất là di sản văn hóa thế giới - Hoành Thôn.

Hoành Thôn nằm tại huyện Y. Huyện Y bắt đầu hình thành từ thời Tần (221 TCN - 206 TCN), cùng với huyện Hấp bên cạnh là một trong những huyện được Tần Thủy Hoàng xây dựng đầu tiên, cách nay đã hơn 2.200 năm. Huyện Y nằm ở phía tây nam của Hoàng Sơn, núi non trùng điệp, suối, khe chảy ngược do giao thông bế tắc nên vẫn bảo lưu được những quần thể kiến trúc gần như hoàn chỉnh với hơn 3.000 căn nhà của thời Minh - Thanh đến tận ngày nay.

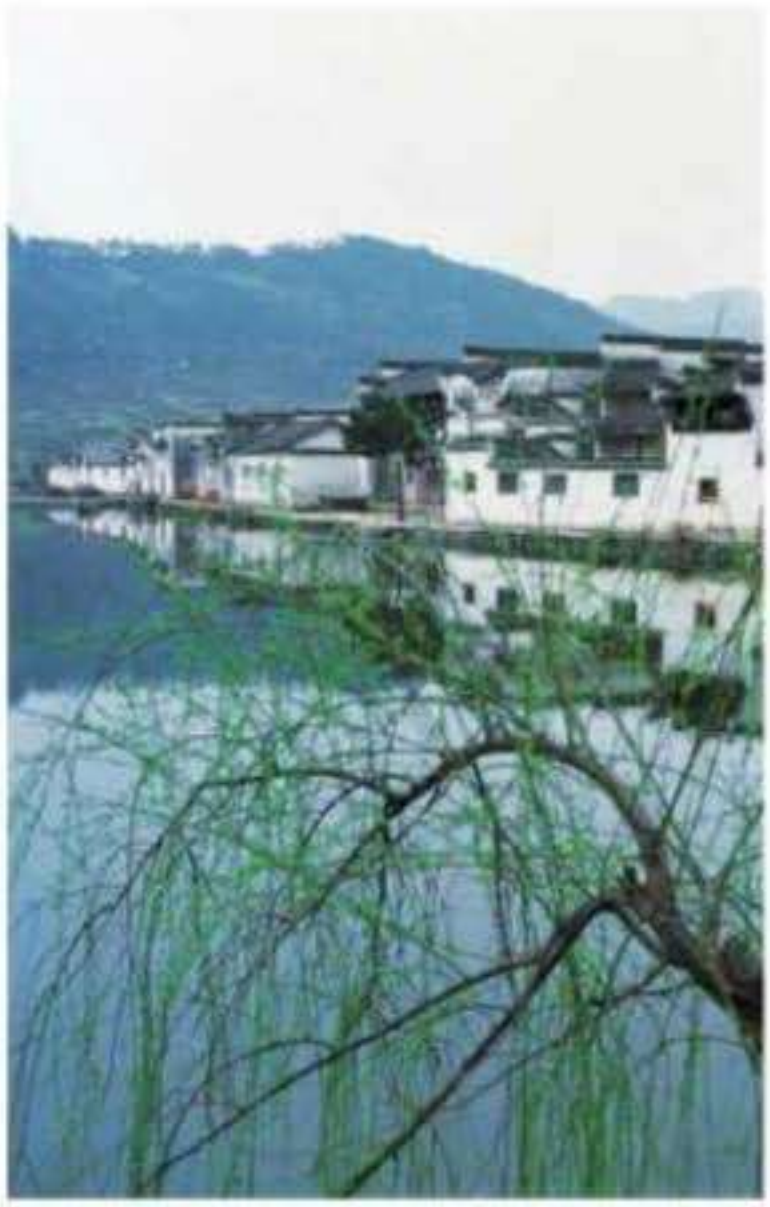

Hoành Thôn có thế lưng dựa vào núi, mặt hướng ra sông.

Hoành Thôn nằm ở phía bắc huyện Y, phía bắc dựa vào núi Lôi Cương, phía nam có sông Dương Sạn, về chỉnh thể đã hình thành nên thế âm dương, lưng tựa vào núi, mặt hướng ra sông. Điểm đặc biệt nhất của Hoành Thôn chính là kiến trúc thủy hệ được tạo nên bởi con người, có thể dễ dàng gặp được ở bất cứ nơi nào trong thôn.

Hoành Thôn bắt đầu hình thành từ năm Thiệu Hưng thời Nam Tống (1131) nhưng các kiến trúc thủy hệ đến năm Vĩnh Lạc thời Minh (1403 - 1424) mới bắt đầu được xây dựng một cách quy mô. Lúc đó, để dẫn suối vào trong thôn, người ta đã đào những mương nước dài trăm trượng, uốn lượn đi qua cửa từng căn nhà, cuối cùng cùng dẫn về hồ bán nguyệt có tên "Nguyệt Chiếu" trước cửa nhà thờ ở chính giữa thôn. 150 năm sau, tại phía nam của thôn lại xuất hiện một hồ lớn rộng hàng trăm mẫu tên là "Nam Hồ". 400 năm sau đó cho đến ngày

Hồ Nguyệt Chiếu ở trung tâm Hoành Thôn.

nay, Hoành Thôn vẫn lưu giữ lại được hệ thống thủy lợi tương đối hoàn chỉnh, người dân trong thôn đến giờ vẫn còn sử dụng.

Đường vào của hệ thống thủy lợi được đặt ở điểm tương đối cao tại phía tây bắc thôn. Đập nước là nơi dẫn nước vào mương, cũng là nơi khởi đầu của toàn bộ thủy hệ trong thôn. Tại đây, người ta đắp đá làm thành đê, đắp đập để ngăn nước, trở thành một trong tám cảnh đẹp trong thôn.

Mương nước rộng khoảng 60cm, sâu khoảng 1m, từ phía tây bắc uốn lượn quanh co trong thôn để chảy về phía đông nam. Nước mương trong vắt, đan xen ngang dọc, thông đi bốn hướng, cuối cùng chảy về Nguyệt Chiếu. Nguyệt Chiếu có bờ bắc thẳng, bờ nam cong như hình bán nguyệt, ở vị trí cửa chính nam của nhà thờ họ Uông. Toàn bộ thủy hệ giống như huyết mạch của cả thôn, chi phối cả đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Thủy hệ một mặt cung cấp nước để con người sinh hoạt, phòng cháy, thoát nước, điều hòa nhiệt độ và độ ẩm, mặc khác liên kết những con đường đá, viên lâm, quảng trường, nhà ở trong thôn lại, trở thành một cảnh quan vô cùng đặc biệt, đồng thời cũng tạo nên không gian để người dân có thể nghỉ ngơi, giao lưu và tổ chức hoạt động tập thể. Nếu đi bộ trong Hoành Thôn, làn nước trong vắt sẽ phản chiếu từng mái nhà cổ kính, bầu trời xanh, những con đường đá sẽ nối liền từng căn nhà và từng tòa lầu; Nam Hồ ở phía nam thôn, mùa xuân có liễu, mùa hạ có sen, mùa thu có lá vàng, mùa đông có tuyết, cảnh sắc bốn mùa vô cùng tuyệt diệu. Thủy hệ không những dùng để nối liền những cánh cổng của những ngôi nhà mà còn là đường dẫn vào sân, hình thành nên những căn nhà nhỏ trên mặt nước vô cùng đặc biệt, khiến cho mỗi căn nhà ở đây đều có một vẻ tự nhiên hiếm thấy.

Đầu nguồn - mương nước - Nguyệt Chiếu - Nam Hồ, còn cả những căn nhà trên mặt nước, tạo nên một hệ thống thủy lợi vô cùng hoàn chỉnh tại nơi đây. Nước trở thành linh hồn của cả thôn, khiến toàn bộ môi trường

Toàn cảnh thôn Tây Đệ.

bao gồm đường sá, kiến trúc, cảnh quan và cuộc sống, văn hóa trong những căn nhà nơi đây hợp thành một thể thống nhất, khiến con người có thể sinh sống hòa thuận cùng tự nhiên, bảo vệ tự nhiên cũng là khai thác tự nhiên. Con người không chỉ cải tạo và khai thác tự nhiên, mà còn sống dựa vào nó không thể tách rời.

Huy Châu đen và trắng - Đào nguyên Tây Đệ

Đặc điểm nổi trội nhất của quần thể kiến trúc Huy Châu là cảnh quan được tạo nên bởi những bức tường trắng và những mái ngói màu đen, giống như một bức tranh thủy mặc vẽ trên nền đồi núi xanh, thanh tịnh mà tao nhã. Những bức tường trắng tại Huy Châu vốn không có tác dụng trang trí, mà là một sự lựa chọn về sinh thái lúc đó. Tường dùng để ngăn nước, cũng có thể phản chiếu ánh nắng. Cuốn sách *Hưu Trừ huyện chí* vào năm Vạn Lịch thời Minh (1573 - 1619) có viết: "Quét vôi trắng để tránh nước chứ không phải cách làm đẹp đơn thuần". Sau này, cùng với sự phát triển của văn hóa, đặc biệt do chịu ảnh hưởng của trường phái Hoành Sơn trong tranh vẽ thủy mặc Trung Quốc, vẻ đẹp đen và trắng này càng được người đời sau ưa thích. Văn hóa Huy Châu phát triển, tính cách trầm lặng tao nhã của những nho sĩ có lẽ cũng do chịu ảnh hưởng bởi những cảnh đẹp này.

Một góc thôn Tây Đệ, có thể nhìn thấy quan hệ hữu cơ giữa những bức tường trắng và mái ngói đen.

Thôn Tây Đệ được ví như những căn nhà trong Đào Hoa Nguyên, cách thành phía đông của huyện Y 8km, trong thôn có hai con kênh

nhỏ chảy từ đông sang tây, nên gọi là Tây Đệ. Toàn thôn lưu giữ được một cách hoàn chỉnh những quy cách và hình ảnh của làng mạc xưa.

Cửa cong và cửa sổ trang trí: Các căn nhà tại Huy Châu đều có cửa cong, phía trên cửa là khung gỗ hình bán nguyệt, gọi tắt là cửa cong. Phía bên ngoài kiến trúc tại Huy Châu thông thường tương đối khép kín, cửa sổ thường rất bé như chỉ dùng để trang trí, gọi tắt là cửa sổ trang trí.

Tây Đệ là nơi cư trú của nhà họ Hồ, đường sá trong thôn uốn lượn, đa dạng, kích thước các kiến trúc thân thiện với con người. Những con đường nơi đây vừa là đường đi, lại cũng là không gian để giao lưu. Tại đây có thể nhìn thấy tường đầu ngựa, chụp cửa chạm khắc tinh xảo, cửa cong, cửa bán nguyệt, những cửa sổ có hình thù đa dạng, những bồn hoa tươi ở khắp mọi nơi. Những con phố được nối với nhà ở, nhà ở lại nối với giếng trời, không gian vô cùng biến hóa. Trong thôn các ngôi nhà được xây dựng sát với nhau, nhà thờ, tú lầu, đền thờ đều tập trung vào giữa, bao quanh là cây cối và rạch nước, tất cả đều tràn đầy sức sống. Mỗi kiến trúc đơn lẻ đều có những mái nhà và tường đầu ngựa quay về những hướng không giống nhau. Do đường sá uốn lượn, nên các kiến trúc có hướng khác nhau, hơn nữa độ cao, số tầng, quy mô của kiến trúc cũng không giống nhau nên đã hình thành một phong cách kiến trúc vô cùng biến hóa; tuy nhiên những vật liệu xây dựng và khung cơ bản của kiến trúc lại hoàn toàn giống nhau, vì vậy trở thành một cảnh quan có phong cách thống nhất nhưng diện mạo đa dạng.

Đương nhiên, những màu sắc phía trong kiến trúc còn phong phú hơn bên ngoài rất nhiều. Những căn nhà xa xỉ thường dùng trụ và xà nhà màu đỏ, những hình chạm khắc tại các vị trí quan trọng cũng cốt để biểu thị gia thế chủ nhà, còn nhà của người dân thường thì cửa và đồ gia dụng chỉ có màu gỗ hoặc sơn đen.

Thực chất nhà ở theo phái Huy Châu không mô phỏng những màu sắc đã có trong tự nhiên, mà là sự đối sánh hài hòa với mây trời xanh biếc: thông qua sự tổ hợp những tiêu chuẩn của mình và sự phong phú trong biến hóa, cùng với tính tao nhã trong sự hài hòa giữa hai màu đen trắng, khiến phong cảnh tự nhiên và kiến trúc cùng làm nổi bật nhau lên.

Huy Châu hư và thực - Giếng trời và tường đầu ngựa

Nhà ở truyền thống Huy Châu được phát triển vào thời Minh, điển hình nhất có kiến trúc hợp viện "tứ thủy quy đường". Đây là một loại hình kiến trúc có sự kết hợp của hư và thực. Nhà ở Huy Châu hướng nội, từ bên ngoài nhìn vào chỉ thấy những bức tường to lớn, có tác dụng chống trộm; điểm xuyết một vài cửa thông gió nho nhỏ, phần lớn nhà tại Huy Châu được thiết kế sát nhau, giữa các căn nhà được ngăn cách bởi tường

Tứ thủy quy đường:
Mái nhà tại bốn phía xung quanh sân nhà đều là mái dốc, khi trời mưa, nước mưa sẽ từ mái nhà nhỏ xuống giếng trời từ bốn hướng, vì vậy gọi là "tứ thủy quy đường".

chống cháy, chủ yếu dùng để ngăn cách ngọn lửa, tránh lửa lan từ nhà nọ sang nhà kia. Sau đó do những bức tường ngăn này có phần chân tường giống như đầu ngựa nên được gọi là tường đầu ngựa. Tường đầu ngựa giúp cho nhà ở tại Huy Châu thêm phần khép kín nếu nhìn từ bên ngoài, điều này thuộc về phương diện "thực". Tuy nhiên bên trong tổ hợp kiến trúc lại dùng giếng trời để giao lưu với tự nhiên, người ta dựng rất nhiều giếng trời với những kiểu dáng khác nhau trong tổ hợp kiến trúc, bên dưới giếng trời là những chậu cây, bồn hoa tươi tốt, mang hơi thở của cuộc sống, điều này thuộc phương diện "hư". Nhà ở Huy Châu đúng là đã đạt đến một cảnh giới thống nhất hoàn mỹ trong nghệ thuật và đời sống bởi chính cái "hư" và "thực" này.

Giếng trời bên trong nhà ở thời Minh, là loại tứ thủy quy đường điển hình, giếng trời nhỏ hẹp khiến không gian thêm sâu lắng.

Giếng trời tại nhà ở Huy Châu không giống với ở Tứ hợp viện Bắc Kinh. Sinh sống ở Huy Châu trước kia là người Việt cổ, là người cổ sinh sống ở phía nam hạ lưu sông Trường Giang từ thời Tần, tương truyền là dòng dõi của anh hùng trị thủy thời cổ đại Đại Vũ. Đặc trưng sinh sống của họ là sống trong tổ. Bắt đầu từ thời Hán (206 TCN - 220 SCN), người Trung Nguyên di cư mạnh mẽ về phía Huy Châu, đem theo cả văn hóa Trung Nguyên, sau này từ khách biến thành chủ, trở thành văn hóa chủ đạo tại Huy Châu. Tuy nhiên văn hóa Hán không hoàn toàn lấn át văn hóa Việt, càng không thể phát triển nếu như tách rời với hoàn cảnh địa lý, khí hậu của nơi mà văn hóa Việt đã sinh ra. Trên thực tế, những ngôi nhà cổ còn lại đến ngày nay tại Huy

Tổ hợp tường đầu ngựa phong phú đa dạng.

Châu chính là kiến trúc nhà tổ chim của người Việt cổ - là sự kết hợp của nhà gỗ Can Lan với Tứ hợp viện của miền Bắc. Hợp viện tại Huy Châu về cơ bản là nhà lầu, rất ít khi có hợp viện chỉ có một tầng như miền Bắc, cho dù là nhà một tầng cũng phải kê thêm gỗ tấm để làm thành gác xép, dùng để thông khí, tránh ẩm ướt. Kiến trúc Huy Châu thời Minh vẫn là dạng nhà lầu, những hoạt động chủ yếu diễn ra ở tầng trên, vì vậy tỉ lệ chiều cao giữa tầng 1 và tầng 2 là 1:2. Huy Châu vào thời Thanh về cơ bản đã tiếp nhận đặc điểm mọi hoạt động chủ yếu diễn ra ở tầng 1 của Tứ hợp viện miền Bắc, tỉ lệ chiều cao cũng thay đổi thành 2:1. Tuy nhiên vẫn giữ đặc trưng của nhà tổ chim, nối liền trung đường với giếng trời, để tăng tác dụng thông gió. Tỉ lệ của giếng trời cũng không giống Tứ hợp viện miền Bắc, cao và nhỏ hẹp, như vậy có thể tránh được nóng vào mùa hè, tạo nên hiệu ứng thông gió để ứng phó với trời nóng. Kết cấu kiến trúc tại đây cũng kết hợp với kiểu xây dựng nhà gỗ sử dụng dầm đỡ của miền Bắc và khung cột của miền Nam, được sử dụng trong chính đường và phòng ngủ của cùng một ngôi nhà. Cửa chính của nhà ở Huy Châu cũng là sự kết

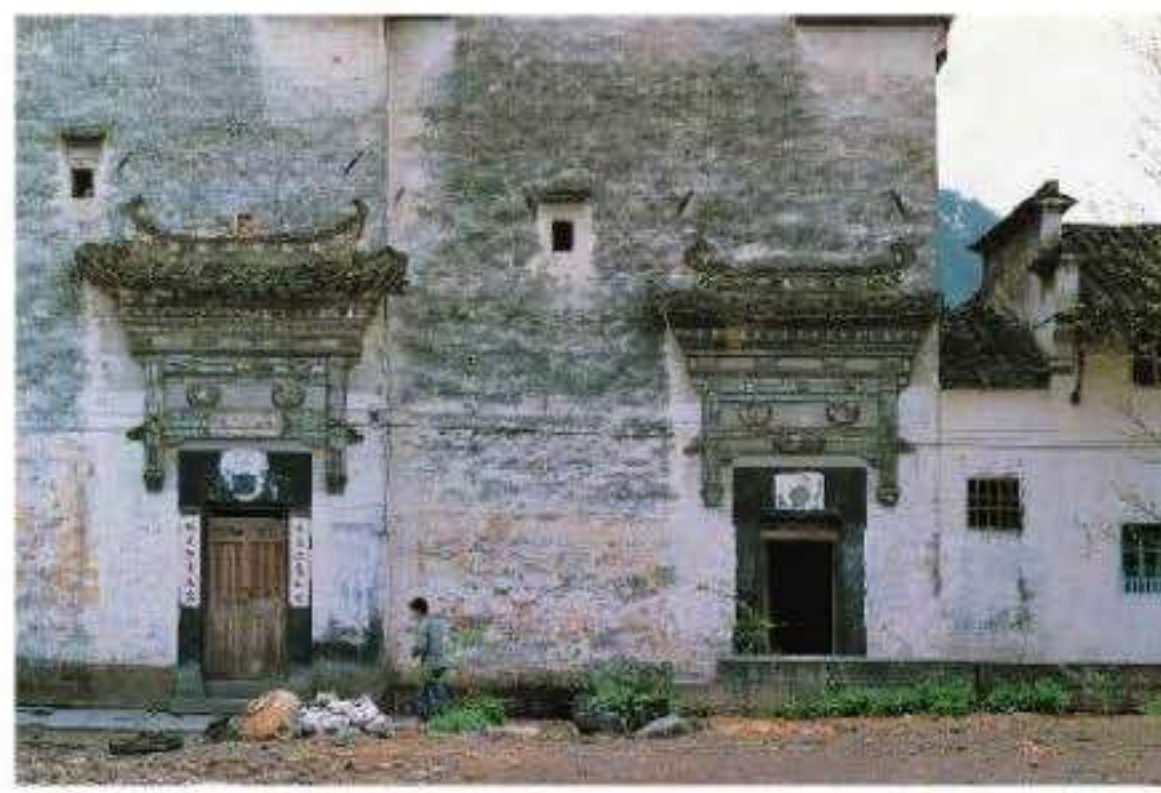

Tạo hình cửa của nhà ở tại Huy Châu.

Kết cấu dầm đỡ và kết cấu khung cột:
Kết cấu dầm đỡ là một kiểu xây dựng dành cho các ngôi nhà gỗ tại Trung Quốc, cách làm là dựng dầm ở bên trên cột, phía trên dầm chính lại có dầm phụ, vì thế gọi là "kết cấu dầm đỡ". Kết cấu khung cột là một kiểu xây dựng khác, là phương pháp kết nối, chỉ cột và dầm ngang được nối với nhau bởi cái nút mộng.

hợp của cửa trại trong các thôn trại miền Nam và cổng có mái che của miền Bắc. Các miếu thờ và cổng miếu thờ của Huy Châu chính là ví dụ tiêu biểu.

Huy Châu thư và lễ - Thư viện[1] và miếu thờ

Từ thời cổ đại, văn hóa và giáo dục ở Huy Châu đã phát triển, chịu ảnh hưởng rất lớn bởi Nho học và Lý học, nhà Lý học nổi tiếng thời kỳ Nam Tống Chu Hy (1130 - 1200) chính là người được sinh ra tại Huy Châu. "Tân an đa danh sĩ", "thập hộ chi thôn bất phế canh độc" - việc duy trì sự học và lễ nghi là truyền thống tại Huy Châu, người ta tin rằng "việc tốt nhất trong cuộc đời là đọc sách" (câu đối thôn Tây Đệ), truyền thống này được thể hiện trên kiến trúc, vì vậy đã ra

1 Thư viện: là nơi dùng để dạy học và đọc sách của Trung Quốc xưa.

Thư viện bên Nam Hồ vào mùa hạ.

đời rất nhiều thư viện và đền thờ miếu mạo.

Huy Châu có rất nhiều trường tư thục, kiến trúc thư viện cũng rất nhiều, nổi tiếng có thư viện Nam Hồ, thư viện Tử Dương, thư viện Trúc Sơn nằm bên cạnh Nam Hồ tại Hoành Thôn. Vào thời Minh, Huy Châu có 52 thư viện, 462 trường tư thục phục vụ 560.000 nhân khẩu. Sau thời Minh, Huy Châu xuất hiện nhiều người đỗ đạt cao, cùng một thôn mà hiện tượng một nhà có 9 người đỗ đạt, hay anh em sinh đôi cùng đỗ cao hay hai cha con cùng đọc sách không hề hiếm, rất nhiều văn sĩ và quan lại nổi tiếng đều từ Huy Châu mà ra.

Phong cảnh bên trong của nhà thờ họ Hồ ở thôn Tây Đệ.

Huy Châu trọng lễ pháp, về mặt kiến trúc được biểu hiện bằng rất nhiều đền thờ và nhà thờ. Nhà thờ là hạt nhân của các dòng tộc, Huy Châu là nơi tụ họp của nhiều dòng tộc, nên nhà thờ rất nhiều, đẳng cấp cũng rất cao. Ví dụ Bảo Luân Các của nhà thờ họ La tại thôn Trình Khảm được xây dựng vào năm Vạn Lịch thời Minh, gồm 11 gian, chiều dài bề mặt 29m, chiều sâu 10m, kết cấu chủ yếu là điêu khắc, có bức vẽ màu vô cùng quý giá hiếm thấy trong nhân gian treo tại gian thờ chính. Kính Ái Đường của nhà thờ họ Hồ thôn Tây Đệ có hai sân, ba dãy nhà lớn, không gian rộng rãi tĩnh mịch, kết cấu dầm cột vô cùng cân đối, điêu khắc tinh xảo. So với các nhà thờ khác mà nói, vị thế, chất lượng, diện tích của nhà thờ này đều đứng đầu toàn thôn. Nhà thờ trong các thôn

Cổng vào miếu thờ thôn Tây Đệ.

của Huy Châu là trung tâm của hệ thống kiến trúc, cũng là trung tâm của các giá trị tinh thần của người dân nơi đây, các nghi lễ thờ cúng của dòng tộc, các quyết sách quan trọng, mọi sự kiện khen thưởng hay trừng phạt đều được diễn ra tại đây. Cho đến ngày nay, nhà thờ chính là một cảnh quan vô cùng đặc biệt tại Huy Châu.

Quần thể miếu thờ thôn Đường Việt.

Miếu thờ là lễ giữa dòng tộc và quân vương. Số lượng và chất lượng các miếu thờ tại Huy Châu vang danh khắp nơi, chỉ tính riêng huyện Hấp đã có 94 miếu thờ, trong đó có 34 miếu thờ trinh tiết. Những miếu thờ này có tác dụng "đáo môn" về không gian, hoặc biểu thị cổng vào, hoặc phân cách không gian, vô cùng linh hoạt. Miếu thờ ở cửa thôn Tây Đệ có ba gian bốn cột năm lầu, cao 13 mét, là miếu thờ có vị thế cao nhất. Hoàng đế Chu Dực Quân thời Minh (1563 - 1620) đã phong tước Giao Châu Thứ Sử cho người họ Hồ - Hồ Văn Quang. Hiện nay miếu thờ lớn nhất tại Huy Châu nằm ở Đường Việt, có 7 tòa, nằm bên cạnh thôn, được bao quanh bởi thảm hoa cải dầu, có quy mô to lớn, chạm khắc tinh xảo, chữ khắc hàm ý sâu xa, ghi lại lịch sử và những thời kỳ thịnh vượng cũng như thăng trầm của gia tộc.

Huy Châu kỹ và nghệ - "Tam điêu" và viên lâm

"Tam điêu" tại Huy Châu bao gồm điêu khắc đá, điêu khắc gạch và điêu khắc gỗ có kỹ thuật khắc điêu luyện, nổi tiếng toàn Trung Quốc. Điểm đặc biệt nhất là tam điêu Huy Châu dùng trong kiến trúc, luôn luôn kết hợp vô cùng khéo léo với những kết cấu trong và ngoài của kiến trúc, giúp tô điểm thêm cho vẻ đẹp của căn nhà, đồng thời cũng nói lên thân thế của chủ nhân. Chụp cửa, dầm gỗ, cửa sổ, cửa ngăn cách, tất cả đều được chạm khắc vô cùng đẹp. Điểm đáng giá nhất là không lạm dụng kỹ thuật, chỉ là chạm khắc ở những chỗ bắt mắt, chú trọng đao pháp, không hoàn toàn theo đuổi phong cách tả thực, khiến nó vừa giản dị lại vừa tinh xảo.

Gỗ được chạm trổ tại Huy Châu thông thường không quét sơn, chỉ quét dầu trấu; vật liệu là những loại gỗ quý được lựa chọn kỹ càng như cây

ngân hạnh, cây nam mộc, điều này có tác dụng vừa tránh được việc sơn sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả điêu khắc mà còn thể hiện vẻ đẹp của những loại gỗ quý và những vân gỗ tự nhiên.

Khung cảnh trong căn nhà gỗ được chạm trổ tại Lư thôn.

Điêu khắc gỗ thường lấy nguyên liệu là loại đá xanh nổi tiếng tại huyện Y, nó có kết cấu rắn chắc, vân đá tinh mịn, bóng bẩy, thường được lấy từ thôn Tây Đệ hoặc núi Mỹ Khê huyện Y. Kiến trúc Huy Châu không có cửa chính, miếu thờ được chạm đá, mà điều khiến người ta thán phục hơn là có thể chạm trổ khung cửa sổ hình hoa từ một phiến đá khối, hình được khắc vô cùng tinh xảo, giống như thật, có tác dụng trang trí và hiệu quả lưu thông không gian vô cùng độc đáo.

Điêu khắc gạch ở Huy Châu bắt đầu từ việc khắc trên đá xanh, được dùng rộng rãi trong các loại cửa mang phong cách Huy Châu, trở thành một bộ phận quan trọng trong trường phái kiến trúc nơi đây.

Kỹ thuật thủ công tại Huy Châu không những phát triển (ví như bốn cảnh, giấy Tuyên, mực Huy, nghiên Hấp), mà còn có sự biến đổi từ kỹ thuật đến nghệ thuật, dưới dòng chảy của văn hóa và kỹ thuật, nghệ thuật tại nơi này cũng vô cùng phát triển. Các trường phái hội họa tại Huy Châu, đặc biệt là những họa sĩ theo phái Tân An, từ Hoằng Nhân thời Đường (1610 - 1664), Tra Sĩ Tiêu (1615 - 1698) đến Hoàng Tân Hồng thời kỳ hiện đại (1865 - 1955) đã góp phần rất lớn vào phát triển tranh thủy mặc, phản

Cửa sổ được điêu khắc bằng đá tại thôn Tây Đệ.

Điêu khắc gạch tại cổng chính Thanh Ý Đường thôn Đường Việt.

ánh tự nhiên, giúp nền hội họa Trung Quốc phát triển. Thẩm mỹ, phong cách và thủ pháp của người họa sĩ ảnh hưởng rất lớn tới phong cách, kết cấu, bố cục của nghệ thuật xây dựng nhà ở và viên lâm ở Huy Châu.

Viên lâm theo phái Huy Châu là đại diện tiêu biểu của phái kiến trúc Huy Châu, có đặc điểm riêng biệt dựa trên những bồn cảnh, hồ nước cây xanh, nó xuất hiện ở khắp nơi trước nhà, sau nhà của người dân, có quan hệ mật thiết với cuộc sống thường ngày. Đàn Can viên tại thôn Đường Mô huyện Hấp là viên lâm nổi tiếng nhất Huy Châu, nó nhỏ nhưng tinh tế, mô phỏng thủ pháp kiến trúc của viên lâm vùng Giang Chiết, còn có tên gọi là "tiểu Tây Hồ", do thương gia họ Hứa đầu thời Thanh tạo dựng nên để mẹ mình có thể thưởng lãm vẻ đẹp Tây Hồ ở Hàng Châu. "Canh Độc Viên" tại Bích Sơn, huyện Y đã hợp nhất cảnh sắc sơn thủy tại đây, phía trước thư phòng là hồ nước xanh trong vắt, bên ngoài tường bao là đống ruộng mênh mông, hai chữ "canh độc" không cần giải thích người đời vẫn hiểu. Nhà của Lý Thư Minh tại thôn Hoành có hồ nước ở phía sau chính phòng, đi ra khỏi nhà sau sẽ đứng ngay bên hồ, những ghế nghỉ đơn giản dọc hành lang, lan can đá có đặt những bồn hoa mang đậm phong cách Huy Châu hoặc những bức tường với các ô cửa sổ chạm hoa đã mang lại cho viên lâm một không khí điền viên mang đậm phong vị quê hương.

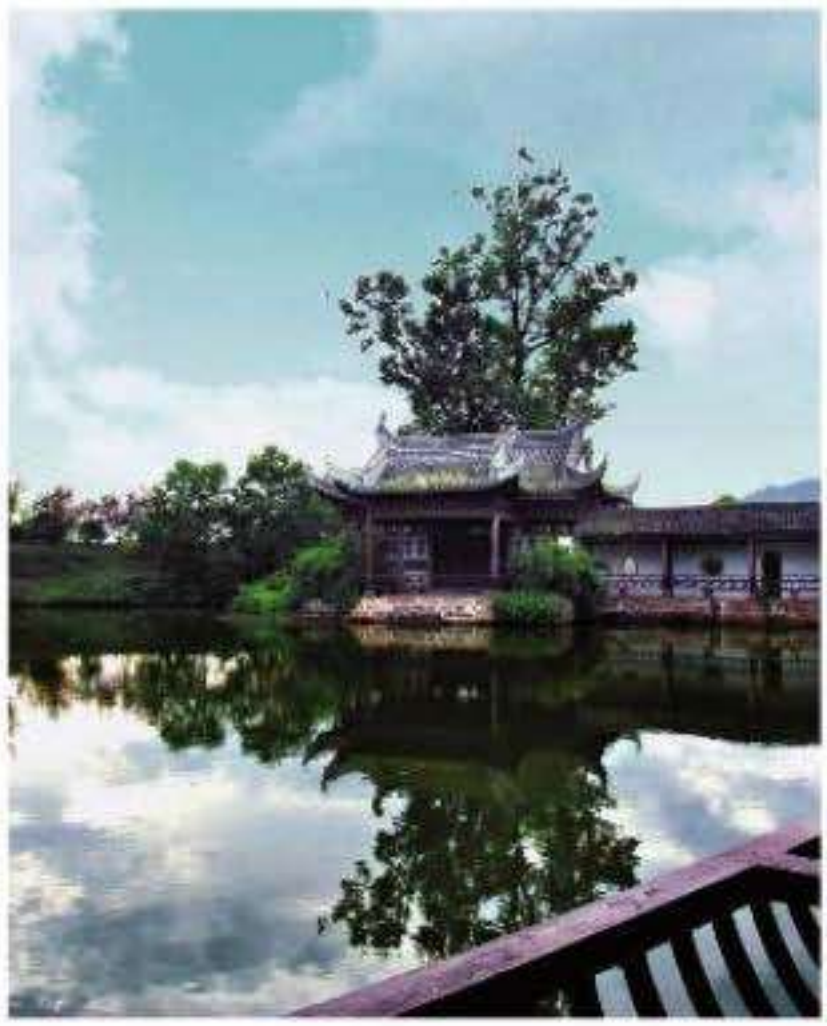

Đàn Can viên ở thôn Đường Mô.

Nhà vườn nước của Vương Thuận Phong tại Hoành Thôn.

Huy Châu thương và Nho - Thương nghiệp và văn hóa bổ trợ nhau

Văn hóa kiến trúc Huy Châu không phải ngẫu nhiên mà phát triển, yếu tố nội tại quan trọng nhất chính là đặc trưng "Cổ Nho" xuất phát từ các nhà buôn Huy Châu.

Khác với Tấn thương, Huy thương ngay từ đầu đã đến từ bối cảnh giao thoa giữa Hán và Việt, bởi vì đất chật người đông nên phải ra ngoài buôn bán, vì thế có tính chất hướng ngoại. Do văn hóa giáo dục phát triển, Huy thương nhanh nhạy mà giữ chữ tín, biết cách buôn bán, luôn đạt được thành công trên thương trường và quan trường. Họ chủ yếu buôn bán muối, trà, các loại xuất bản phẩm v.v.. hình thành nên thế "không có nơi nào ở Huy Châu không là thị trấn", tiền bạc ngày một tập trung nơi đây. Kinh tế ổn định giúp phát triển văn hóa, văn hóa tiến bộ lại thúc đẩy Huy thương giao lưu với thế giới bên ngoài, khiến kinh tế ngày một phồn thịnh.

Đa số nhà ở tại Huy Châu đều được dựng lên dựa vào thực lực tài chính của Huy thương, không những vậy, những kiến trúc ấy đẹp mà không dung tục hay xa xỉ, điều này hoàn toàn chịu ảnh hưởng bởi thẩm mỹ văn

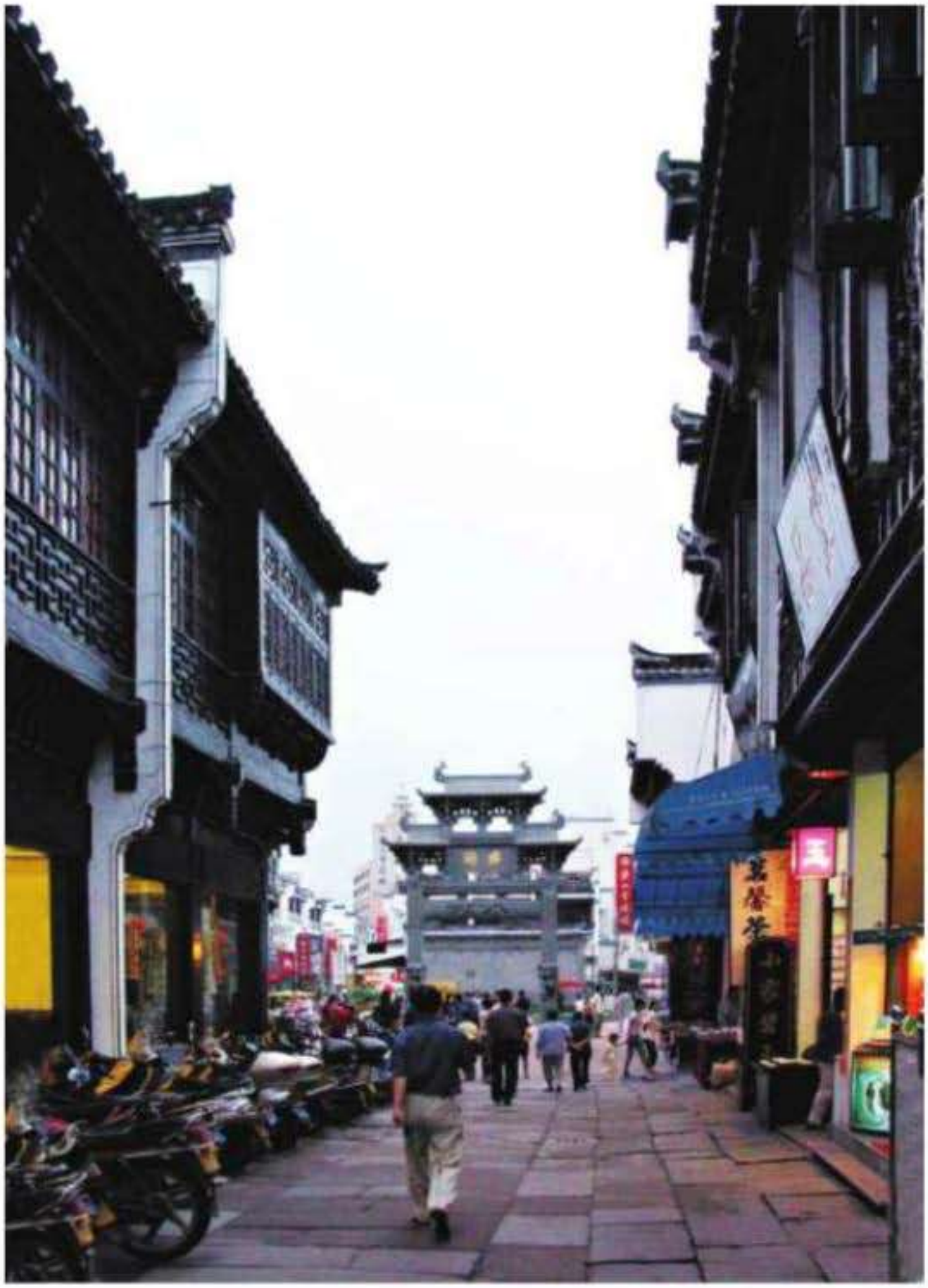

Phố cổ Đồn Khê, có lịch sử thương mại hơn một trăm năm,
ngày nay vẫn là khu vực thương mại quan trọng nhất Đồn Khê.

Bảo Luân Các tại thôn Trình Khảm.

Giếng trời bên trong Thừa Chí Đường tại Hoành Thôn, trình độ khắc gỗ đạt đến độ tinh xảo.

hóa của Huy thương. Kiến trúc nhà thờ, miếu thờ, thư viện đặc sắc nhất tại Huy Châu đều phát triển dựa trên sự đa thân phận của Huy thương, vừa là thương gia, vừa là nhà Nho, lại vừa là nhân sĩ. Rất nhiều miếu thờ Hứa Quốc ở huyện Hấp là được xây dựng để tưởng niệm học sĩ Hứa Quốc huyện Hấp (1527 - 1596) vào năm Vạn Lịch thời Minh được nhà vua ân thưởng vì lập được công trạng. Tương tự còn có miếu thờ Giao Châu Thứ Sử tại thôn Tây Đệ, nhà thờ họ La thôn Trình Khảm, cơ quan bảo tồn văn vật trọng điểm quốc gia Bảo Luân Các, thư viện Nam Hồ Hoành Thôn và rất nhiều đại viện khác của Huy thương, tất cả đều không phải chỉ dựa vào tiền của mà dựng nên được. Đây là kết quả của việc tương hỗ bổ trợ một cách toàn diện giữa kinh tế, tông pháp, văn hóa và nghệ thuật.

Sự phát triển và tính phóng khoáng trong văn hóa Huy Châu khiến nó có thể chủ động tiếp thu văn hóa của những khu vực khác như Kinh Sở (Hồ Nam, Hồ Bắc), Hoài Dương (Giang Tô), Hàng Nghiêm (Chiết Giang), Nhiêu Cống (Giang Tây) v.v.. từ đó, phong phú và hoàn thiện thêm văn hóa của mình.

Viên Mục

Chiếc cầu nhỏ - dòng nước chảy - con người
Quy tụ về vùng sông nước Thiệu Hưng

- Đài môn tam thiên
- Đài môn trên sông
- Đài vạn niên ven sông ở Thiệu Hưng
- Đi tìm những căn nhà cổ

Thiệu Hưng là thành phố nổi tiếng về văn hóa lịch sử của Trung Quốc, là quê hương sông nước, quê của những chiếc cầu nhỏ, quê của những loại rượu nổi tiếng và những vở kịch hay. Nơi đây lưu giữ nhiều giá trị lịch sử phong phú và di sản văn hóa của nhân loại, trong đó nhà ở tại Thiệu Hưng là vật kết tinh của văn hóa lịch sử lâu đời tại đây, hội tụ toàn bộ tinh hoa của xã hội Việt Châu trong hàng trăm năm trở lại đây, phản ánh triết lý nhân sinh độc đáo, quan niệm về kỹ thuật và quan niệm về mỹ học, thu hút được sự chú ý và quan tâm của nhiều người.

Mênh mông Trạch Quốc (Ảnh: Trần Tân).

Thiệu Hưng nằm ở phía tây bình nguyên Ninh Thiệu và sườn phía bắc núi Cối Kê thuộc bờ nam vịnh Hàng Châu của Giang Nam, đơn vị trực thuộc có huyện Thiệu Hưng, thành phố Chư Kỵ, thành phố Thượng Ngu, thành phố Thặng Châu, huyện Tân Xương và khu Thành Việt, dân số sống tập trung, là quê hương của cá và gạo. Thiệu Hưng có nền lịch sử lâu đời, có rất nhiều văn bản cổ ghi chép về nơi này. Tương truyền hơn 4.000 năm trước, "Vua Vũ tập hợp chư hầu tại Giang Nam, tính công trạng xong thì bằng hà, chôn cất ngay tại đó, đặt tên là Cối Kê". Thời kỳ Xuân Thu Chiến Quốc (770 - 221 TCN), Thiệu Hưng là khu vực trung tâm của Việt Quốc, Việt Vương

Mặt nước như gương.

Câu Tiễn (? - 465 TCN)[1], nằm gai nếm mật, suy tính quốc sự, cuối cùng diệt Ngô lập Việt. Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ, lập quận Kê tại đây. Năm thứ tư Kiện Viêm thời Nam Tống (1130), Kim Quốc (1115 - 1234) dẫn một đội quân thất trận từ phía bắc chạy xuống phía nam, Cao Tông (1107 - 1187, húy Triệu Cấu, năm 1127 lập vị, sau này xây dựng chính quyền Nam Tống) đã "kế thừa sự nghiệp rạng rỡ của cha ông, chấn hưng hoàng tộc một trăm năm", nên đã đổi tên năm thành năm Thiệu Hưng (1131), và thăng Việt Châu thành phủ Thiệu Hưng, cái tên Thiệu Hưng từ đó mà ra.

Điều kiện lịch sử địa lý đặc biệt đã thai nghén việc ra đời một vòng văn hóa đặc biệt, đồng thời cũng thúc đẩy tốc độ định hình của các kiến trúc mọi nơi. Nếu phân theo khu vực, Thiệu Hưng ở vào vùng hạt nhân của vòng văn hóa Việt cổ tại Chiết Giang, là bộ phận quan trọng cấu thành nên vòng văn hóa dân tộc Hán tại Giang Nam, điều này đã quyết định rằng về bản chất, các loại nhà ở tại Thiệu Hưng là một bộ phận trong hệ thống kết cấu kiến trúc bằng gỗ kiểu khung cột tại Giang Nam. Nếu xét ở phương diện vi mô, nhà ở Thiệu Hưng có một vài đặc điểm chung với nhà ở tại các khu vực phụ cận khác như Huy Châu, Tô Châu; nếu xét ở phương diện vi mô, Thiệu Hưng là khu vực nhiều nước, những đặc điểm lịch sử và văn hóa nơi đây khiến kiến trúc nhà ở có một cá tính vô cùng riêng biệt. Chính là môi trường này đã nuôi dưỡng một Thiệu Hưng phong phú đa dạng. Nơi đây là một bức tranh sinh hoạt với những cây cầu, dòng nước chảy và con người của quê hương sông nước.

Đài môn tam thiên

Đặc trưng của khu vực dân cư Thiệu Hưng không chỉ thể hiện ở hình thái không gian mà còn nổi tiếng nhờ phong cách riêng của nó. Nhà ở có quy mô tương đối lớn, thường được gọi là các "đài môn", nhưng những kiểu nhà sơ sài tềnh toàng thì không thể coi là như vậy. Nghe nói rằng, thành phố Thiệu Hưng trước đây còn được gọi là "Đài môn tam thiên", nhà cửa san sát nối tiếp nhau, đích thực là thắng cảnh về một nhánh sông Giang Nam phồn hoa. Về mặt bố cục, đài môn thường xây men theo lối vào rồi phát triển theo chiều dọc, dọc theo lối vào nhà có cửa lớn, sảnh, phòng chính, sảnh phía sau; kiến trúc chính của chái nhà gồm có hai mặt với một đường xuyên suốt, thường là nơi không quan trọng như phòng ngủ, phòng để đồ hay phòng bếp. Giữa các gian nhà đều có giếng trời, đây là giải pháp để giải quyết vấn đề ánh sáng và tạo sự thoáng mát cho kiến trúc bên trong

1 Quốc Vương nước Việt thời Xuân Thu.

Cửa của đài môn.

Nét xưa vẫn còn in dấu.

căn nhà. Những đài môn có quy mô tương đối lớn thường có năm ngăn, thậm chí nhiều hơn thế. Kết hợp giữa bố cục truyền thống chính nam, chính bắc của kiến trúc Trung Quốc, khu dân cư Thiệu Hưng thường có hình dáng chữ nhật dài và hẹp theo hướng nam bắc. Để có thể phòng hỏa hoạn và tránh trộm, kiến trúc ở đây thường khép kín, đặc biệt những mặt tường hướng ra núi thì rất ít khi có cửa sổ, còn kiến trúc bên trong thì dựa vào giếng trời.

Cách đặt tên cho đài môn truyền thống thì có rất nhiều nhưng thường phân làm bốn dạng: dựa vào chức quan để đặt có đài môn ngự sử, đài môn tiến sĩ, đài môn thượng thư; dựa vào ngành nghề có đài môn bán kiệu, đài môn hàn thiếc, đài môn bán thuốc; dựa vào đặc điểm kiến trúc có đài môn trúc tơ, đài môn bản sắt, đài môn bát quái; dựa vào tên họ có đài môn Vương gia, đài môn Trương gia, đài môn Lâm gia… Người Trung Quốc từ trước đến nay có truyền thống bảo tồn di sản các dòng tộc tập trung sinh sống, mỗi căn đài môn đều ghi lại sự hưng thịnh, lụi bại của mỗi gia đình, ngưng đọng lại biết bao câu chuyện lịch sử cũng như phản ánh lại quá trình thay đổi của xã hội. Cho đến ngày nay, rất nhiều đài môn đã bị tàn phá, nhiều người chủ không thể tìm lại nữa, nhưng hơi thở và cuộc

sống sinh hoạt chất phác, gần gũi để người đời nay hiểu thêm về văn hóa cổ đại bên trong mỗi đài môn cổ vẫn còn tồn tại và bao trùm khắp nơi đây.

Những căn nhà nơi đây chủ yếu là một đến hai tầng, bố cục tổng thể không hề đối xứng hay bó buộc theo kiến trúc cổ, rất nhiều căn khi bước vào cửa, là một lối đi nhỏ ở mặt bên, còn các gian phòng nằm trên tầng hai. Mọi người phải đi qua lối đi nhỏ dài, hẹp, tối và lạnh để vào bên trong, bước vào giếng trời khép kín chợt thấy rộng mở lạ thường. Những người thiết kế nhà ở Thiệu Hưng không chịu bất cứ một sự bó buộc nào, dựa vào thế đất mà thay đổi bố cục kiến trúc, giếng trời có thể to hoặc nhỏ, bẹt hay dài. Vừa bước vào nhà, tất cả mang đến cho người ta cảm giác về một không gian mới. Đối với những đài môn có quy mô tương đối lớn, bao quanh tầng hai của giếng trời là một vòng hành lang liên thông, gọi là "hành lang đua ngựa", tạo nên một hệ thống không gian thông suốt trên dưới. Đứng ở đây có thể nói chuyện rất thoải mái với người ở hai tầng trên dưới.

Giữa đài môn và đài môn thường là một ngõ nhỏ dài và hẹp, những ngõ nhỏ này thường được lát đá xanh. Mỗi lần vào tiết trời mưa, những ngõ nhỏ ở Giang Nam như dài thêm trong màn mưa bụi bay bay, tạo nên

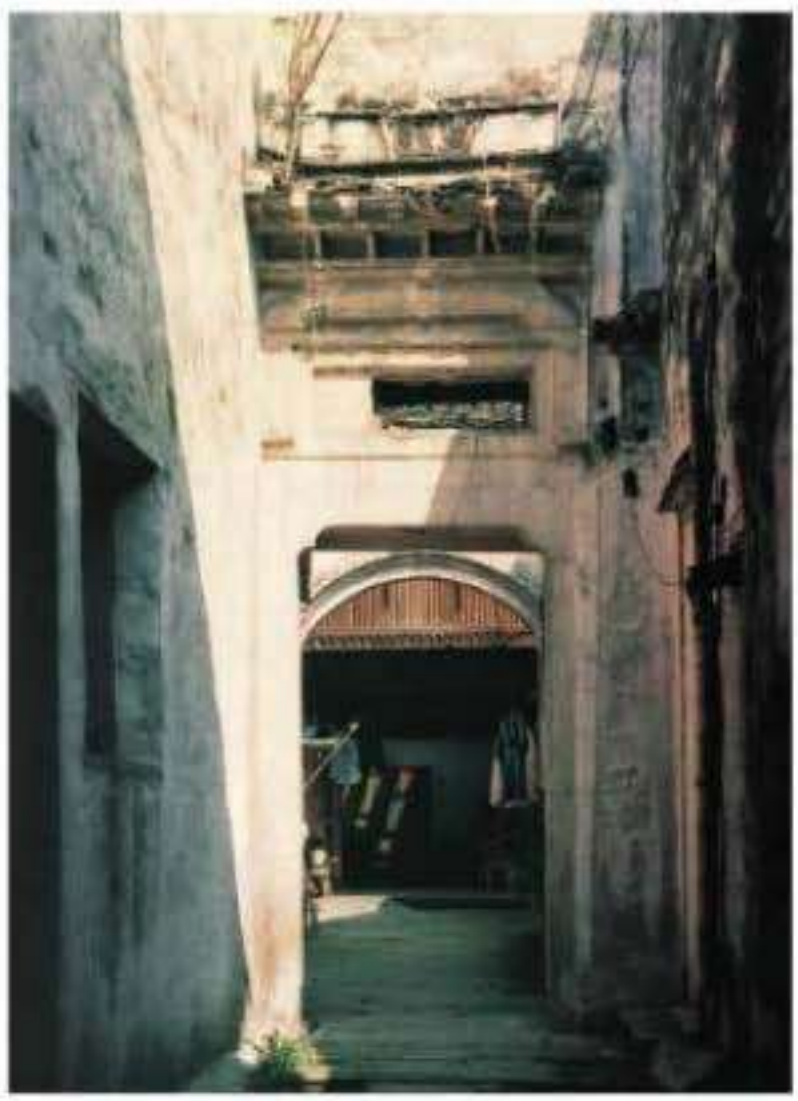

Đài môn Trương gia.

Ngõ nhỏ sâu hút.

Kiến trúc điêu khắc gỗ trên phần khung giá.

Điêu khắc đá tinh xảo.

một bức tranh thủy mặc trong sương khói mờ ảo. Phần dưới tường hai bên ngõ thường được ốp đá, để bảo vệ phần gạch tường bên trong không bị hủy hoại.

Những đài môn tinh tế thì hay có các phần chạm khắc bằng gỗ hay bằng đá, đây là điều thể hiện rõ nhất tính nghệ thuật của người dân nơi đây. Hình chạm khắc bằng gỗ thường có trên phần kiến trúc phụ cửa sổ hay trên tấm bình phong, cột nghiêng..., đề tài là những hình ảnh mang

Ô bồng thuyền - thuyền mui quạ.

Bình phong:
Là một bức tường bằng gỗ có tác dụng ngăn cách các gian nhà trong kiến trúc truyền thống của Trung Quốc. Phần phía trên làm thành các chấn song cửa.

Cột nghiêng:
Là bộ phận cấu tạo trong kiến trúc truyền thống Trung Quốc. Đựng tại nơi tiếp nối với xà ngang. Thường thấy trong nhà ở Trung Quốc.

ý nghĩa may mắn, hình các con vật hay nhân vật lịch sử, điêu khắc vô cùng tinh tế và tỉ mỉ khiến cho các con vật hay những nhân vật đều sinh động như thật. Điêu khắc gỗ về cơ bản không dùng màu sắc, có cái vẫn giữ nguyên màu gỗ, qua thời gian dài dần dần có màu nâu thẫm; có cái được phết sơn đen như bình phong, thêm chút bột tường, khiến nó thêm màu sắc cổ xưa.

Điêu khắc đá thì dùng nhiều trên cửa chính và nóc nhà, thường xuất hiện với hình dáng kết cấu nhỏ có tính trang trí. Cũng có nhiều người dân dùng chạm lộng để điêu khắc cửa sổ hoa, chủ yếu là các hình hoa văn làm tôn thêm chữ hay hình những con vật may mắn ở trung tâm, tỉ lệ cân đối, vô cùng đẹp mắt.

Người già Thiệu Hưng.

Có học giả cho rằng, nghệ thuật kiến trúc Thiệu Hưng là nghệ thuật "đen, trắng, xám". Hoàn toàn chính xác, mỗi khi dạo bước trong các thôn xóm truyền thống như vậy, thẳng trước mặt là tường trắng, là ngói xanh đen, là cầu đá với màu xanh xám, là tấm bình phong với màu hạt dẻ sẫm, thêm vào đó là văn hóa "Tam ô" của Thiệu Hưng (thuyền

Chiếc cầu nhỏ, dòng nước chảy với con người.

mui quạ dập dờn, mũ ni có chóp giống mỏ quạ, những ngôi nhà với hương thơm từ rau khô) đã mang đến hương vị một vùng sông nước Giang Nam tĩnh mịch và trang nhã.

Văn hóa tam ô kết hợp với không gian kiến trúc đen, trắng, xám khiến cho quan điểm về cái đẹp của con người cũng bất giác thay đổi, dần dần hướng tới sự hàm súc, rộng lớn, thấy trong lòng phảng phất chút tinh khiết, trong sáng. Trong không khí ngào ngạt của vùng sông nước, những ông lão vừa uống rượu, vừa chèo thuyền mui quạ một cách ung dung tự tại, dường như tất cả những việc trên thế gian đều đã được gạt lại phía sau.

Đài môn trên sông

Đặc điểm lớn nhất của nhà ở Thiệu Hưng là con người có mối quan hệ mật thiết với nước và các cây cầu, giữa ba nhân tố này có một mối quan hệ cộng sinh khăng khít. Điều này bắt nguồn từ quan niệm đã có từ hàng ngàn năm về cách dùng nước, trị thủy và văn hóa thuận theo dòng nước của người Việt cổ. Những quan niệm này đều được phản ánh qua việc lựa chọn kiến trúc, bố cục không gian phố trên sông.

Thiệu Hưng có mạng lưới sông ngòi dày đặc nên còn có tên gọi là "vương quốc trên sông". Vùng đất này vốn thuộc kỉ trầm tích và đồng bằng, khi cả thế giới mới bị nước biển xâm lấn, sau khi nước rút, những nơi biển cạn thành đất liền, và lưu lại rất nhiều sông ngòi, ao hồ. Ngày nay, có hệ thống các sông đổ về sông Tiền Đường như sông Tào Nga, sông Phố Dương, Giám Hồ; kênh đào Triết Đông đan xen đông tây thông với các sông chảy theo hướng nam bắc, tạo thành vùng đồng bằng với hệ thống sông ngòi chằng chịt. Thiệu Hưng xưa nay vốn nổi tiếng về sông nước và núi non, đã có lời ngợi ca rằng: "Việt sơn trường thanh thủy trường bạch, thiên nham cảnh tú, bách hác tranh lưu, thủy mộc thanh hoa, sơn xuyên ánh phát".

Trong quá trình trường kỳ lao động sản xuất thực tiễn, người Việt cổ đã nắm bắt được phương pháp tiên tiến trong việc lợi dụng và trị thủy. Thông qua việc xây đắp đê, nạo vét lòng sông, khai thông kênh rạch, khiến Ninh Thiệu vốn lũ lụt, triều cường tràn lan, đầm lầy vô số bỗng chốc trở thành quê hương gạo và cá của Giang Nam. Hệ thống thủy lợi tiên tiến và điều kiện thủy lợi ưu việt giúp cho Thiệu Hưng - xứ sở ao đầm của ngày hôm nay không còn phải chịu khổ vì lũ lụt, người dân khi chọn nơi sinh sống thì cũng ưu tiên những khu vực gần sông, nhiều khu nhà mặt hoặc lưng giáp với sông, thậm chí còn xây nhà trên sông. Theo thống kê, Thiệu

Một sông hai phố.

Một phố một sông.

Hưng có 2.500 thôn tự nhiên, trong đó trên 80% là sát bờ sông và kênh rạch. Phố nước, ngõ nước, thôn nước, trong thành đâu đâu cũng thấy nước. Đối với người dân Thiệu Hưng, nước không chỉ là yếu tố để sản xuất và sinh sống, mà còn là mạng lưới giao thông; vừa là một bộ phận cấu thành nên môi trường dân cư, vừa là suối nguồn để sản sinh và phát triển văn hóa Việt.

Làng xóm truyền thống của Thiệu Hưng chủ yếu ở ven sông, hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy có thể chia thành các dạng "một sông hai phố", "một phố một sông" hay "có sông không phố"... Trong thành phố với mật độ dân cư quá đông, chiều sâu của mỗi đài môn về cơ bản đều bằng độ rộng khu phố gần sông, bố cục kiến trúc của đài môn chủ yếu mặt trước là phố, mặt sau giáp sông, với kiến trúc gần phố giáp sông, một mặt có thể làm cửa tiệm, mặt giáp sông có thể vận tải, nhập hàng hóa. Bề rộng của các con phố truyền thống tương đối hẹp, hợp với người đi bộ; mặt giáp sông của đài môn có thể đi thuyền, tương đối giống như đường chạy xe cơ động ngày nay. Được nhìn thấy hệ thống giao thông có hiệu quả cao thời cổ đại "người xe phân luồng" khiến chúng ta không thể không tán dương sự thông minh tài trí của người Việt cổ.

Trong kết cấu quy hoạch thôn xóm truyền thống "một sông hai phố" hay "một phố một sông", đường đều nằm giữa sông và nhà ở, nó vừa có thể đảm nhiệm chức năng giao thông đường bộ, vừa là nơi ra vào vận chuyển hàng hóa trên sông. Bến sông ở Thiệu Hưng thì vô số, rất tiện cho dân cư ven sông lấy nước và lên xuống thuyền, có những đoạn cứ bốn đến năm mét lại có một bến, mật độ dày đặc khiến nhiều người phải kinh ngạc. Ở

những đoạn tương đối phồn hoa, như cầu Thiệu Hưng hay An Xương, trên những con đường ven sông thường có những hành lang dài để che mưa, chắn gió, thường gọi là "phiên hiên trường lang" (hành lang dài có mái hiên cao). Đứng từ xa trông, những hành lang dài màu đậm cùng với những kiến trúc ven sông, khiến ta có cảm giác như chúng đang vươn dài mãi.

Trong thôn xóm truyền thống, có sông thì ắt có cầu. Cầu ở Thiệu Hưng số lượng nhiều, bề ngang rộng, theo như "Thiệu Hưng phủ thành cù lộ đồ" (Sơ đồ đường sá thành phố Thiệu Hưng) được vẽ vào năm Thanh Tự Quang (Quý Tị - 1893) thì Thiệu Hưng lúc đó có tới 229 cây cầu đá, năm bước là lên đến cầu, mười bước là qua cầu, có thể nói "không cầu không thành phố, không cầu không thành đường, không cầu không thành thôn". Ngày nay, Thiệu Hưng là một trong số những nơi bảo tồn được nhiều cầu cổ với số lượng lớn nhất của Trung Quốc, bao gồm: cầu gỗ, cầu vòm gỗ, cầu nổi, cầu đá, cầu có nhiều mặt, cầu đá hình bán nguyệt, cầu đá hình móng ngựa, cầu hình bầu dục... tạo nên hệ thống cầu cổ hoàn chỉnh, và được coi là "Viện bảo tàng cầu cổ" của Trung Quốc.

Hình ảnh hành lang dài có mái hiên cao trên sông.

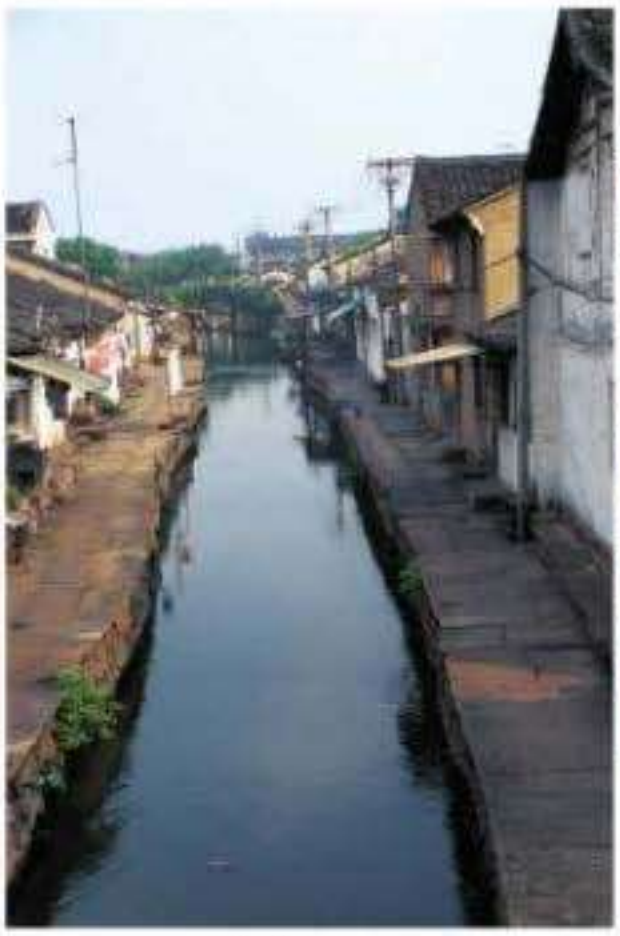

Cầu cổ An Xương.

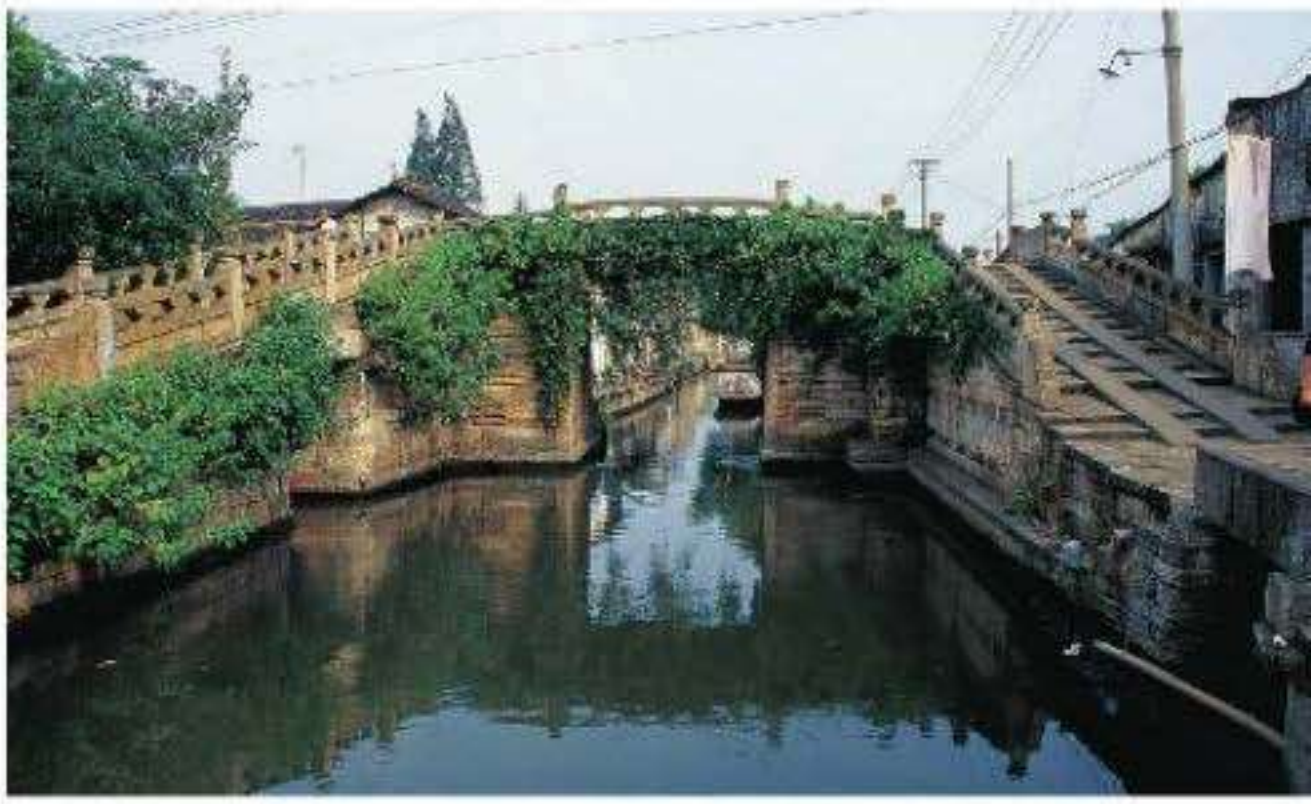

Cầu hình chữ "bát".

Những cây cầu và kiến trúc ở Thiệu Hưng, về mặt bố cục rất hoàn chỉnh hữu cơ. Ví dụ như cây cầu chữ bát thời Tống ở phía đông thành phố Thiệu Hưng là một trong những cây cầu đầu tiên của thành phố, hiện vẫn được bảo tồn; có câu "kiều tương đối nhi tà, trạng như bát tự, cố đắc danh" (vì cầu đối nhau, có hình như chữ bát, nên có tên gọi từ đó). Người thiết kế cầu vô cùng tỉ mỉ, đặt trụ chính trên sông, trụ phụ thì đặt ở cầu dẫn hai bên, dưới hai chiếc cầu dẫn này lại xây hai gầm cầu nhỏ hình vuông xuyên qua hai con sông nhỏ, cả cây cầu bắc qua ba đoạn sông và nối ba con phố. Việc xây cầu của người xưa là phù hợp với thực tế, cùng lúc giải quyết được vấn đề giao thông mà lại không ảnh hưởng tới diện tích nhà ở, thật đáng khâm phục. Một ví dụ khác về cây cầu đá nhỏ ở An Xương, một đường dẫn của cầu kéo dài tới nóc nhà dân hai bên sông, từ bờ bên kia quan sát, thấy kiến trúc và màu sắc đều hài hòa, tương đối giống với đầu lô cốt.

Đài Vạn niên ven sông ở Thiệu Hưng

Thiệu Hưng là vùng đất hí kịch nổi tiếng xa gần, là nơi có giọng hát véo von truyền thống, đàn ca ý vị, còn là nơi có dòng kịch lớn của Trung Quốc là Việt kịch. Sự hưng thịnh của hí kịch tạo nên một số lượng lớn kiến trúc đài kịch (nơi diễn kịch). Nhà văn nổi tiếng Lỗ Tấn (1881 - 1936) trong tác phẩm *Xã hí* của mình đã từng có những lời nhận xét vô cùng sinh động: "Tôi nhớ nhất một đài kịch được dựng trên một khu đất trống ven sông bên ngoài thôn trang, mờ ảo trong ánh trăng đêm, không thể phân tách

Hí đài và phường hí kịch.

nó với không gian xung quanh, khung cảnh thần tiên mà tôi vô tình vẽ ra trước đó đã xuất hiện ở chính nơi đây". Ở Thiệu Hưng, có một hí đài cổ có tên là "Vạn niên đài" - biểu tượng của nghệ thuật hí kịch sẽ phát triển lâu dài và mãi mãi.

"Vạn niên đài" Thiệu Hưng thường được xây trên một trục với chuỗi các kiến trúc theo thứ tự, đối diện có thể là chùa, miếu hay nhà thờ họ, phần giữa là nơi thưởng thức kịch của khán giả. Bố cục của hí đài phân làm hai phần trước sau, phần trước là một đài cao có thể nhìn thấy được, phần sau là một căn phòng khá khép kín, là nơi đoàn kịch nghỉ ngơi, hóa trang, để đạo cụ, và bối cảnh sân khấu. Mặt chính hí đài thường phải hướng về các vị thần, mặt sau thuận tiện để đoàn kịch vận chuyển đạo cụ biểu diễn trên mặt nước. Về nghệ thuật kiến trúc, hí đài chính là nơi thể hiện tài hoa của những nghệ nhân và thợ thủ công, trên các cây cột của hí đài được điêu khắc rất nhiều những bức họa tinh xảo, tỉ mỉ, vô cùng đẹp đẽ.

Hí đài cổ Thiệu Hưng gồm có hí đài ven sông, hí đài của nhà thờ họ, hí đài chùa miếu. Trong đó, gần gũi với đời sống người dân nhất, thể hiện được đặc sắc của vùng sông nước nhất phải kể đến đài kịch ven sông

nằm rải rác trong thành phố. Tiếp đó, hí đài thường được xây gần cầu hoặc một mảnh đất nhỏ ở đầu cầu, vừa tiết kiệm lại vừa tiện cho nhân dân, hơn nữa cây cầu cao chính là đài quan sát thích hợp nhất. Hí đài cổ Thiệu Hưng là một mắt xích không thể tách rời trong tổng thể làng xóm truyền thống, đây cũng chính là nơi vui chơi giải trí của người dân Thiệu Hưng, thông qua hí kịch để tuyên truyền đến người dân những đạo lí của xã hội phong kiến; là một nét văn hóa quê hương, đây còn là cách để người dân bày tỏ ước mơ và nguyện vọng của mình. Về hình dáng kiến trúc, nó đã thể hiện đầy đủ đặc điểm thanh tú, không gian tâm linh trong kiến trúc của vùng sông nước; thông qua mối liên hệ với hệ thống sông ngòi đa dạng đã tạo nên một vùng sông nước với kết cấu hoàn chỉnh.

Hí đài ven sông, được chọn từ *Hí đài cổ Thiệu Hưng*, Nxb. Viện Khoa học Xã hội Thượng Hải, năm 2000.

Căn cứ vào mối quan hệ giữa hí đài và kiến trúc xung quanh như môi trường, sông ngòi, phố xá, hí đài ven sông có thể phân làm bốn loại: hí đài ba mặt giáp nước, hí đài trên mặt nước, hí đài trên phố và hí đài giữa sông. Trong đó, hí đài ba mặt giáp nước là phổ biến nhất, như hí đài Thành An, khu Mã Sơn huyện Thiệu Hưng. Khi đất dùng để xây đài kịch quá hẹp, người ta xây trên sông, ba mặt giáp nước, một mặt dựa vào bờ, mặt chính của đài kịch thường hướng về bờ sông. Nhưng cũng có đài kịch dựa lưng vào bờ sông hay thậm chí lưng giáp với bờ sông. Tại sao các đài kịch lại được xây dựng như vậy? Nguyên nhân là vì, không gian công cộng của Thiệu Hưng chủ yếu là các con phố tuyến tính, rất ít quảng trường lớn, đối với việc diễn kịch mà nói, rất khó để có một sân khấu đủ rộng, do đó mà các sân khấu kịch được xây dựng trên mặt nước, để có thêm được nhiều khán giả hơn nữa.

Đài kịch thường được xây trực tiếp trên những nơi chật hẹp sát với những con sông nhỏ, như đài kịch làng Long Cẩm phía nam Thiệu Hưng, các thuyền có thể bơi qua bơi lại dưới khán đài, hương vị nồng nàn của vùng sông nước chính là bắt nguồn từ nơi đây.

Những đài kịch được xây trên phố là thú vị nhất: bình thường là những con phố qua lại, lúc cần diễn kịch thì bắc thêm các tấm phản, cũng là tùy diện tích từng nơi. Như đài kịch ở đền Thổ Cốc, Thiệu Hưng đến nay vẫn còn được bảo tồn nguyên vẹn. Các đài kịch được dựng lên ở giữa sông thường cũng là xây dựng tạm thời tùy theo từng trường hợp như tác giả Lỗ Tấn trong *Xã hí* đã miêu tả về đài kịch trên sông.

Đi tìm những căn nhà cổ

Thiệu Hưng có tên là "quê hương của gạo và cá", và còn nổi tiếng là vùng đất "địa linh nhân kiệt", nơi người tài hội tụ. Những danh nhân văn hóa đời xưa để lại biết bao căn nhà cổ, như Lữ phủ, phòng sách Thanh Đằng, nhà của Lỗ Tấn, phòng sách tam vị, ngoài ra còn có nhà của thư pháp gia nổi tiếng thời cổ đại Vương Hi (321 - 379), nhà của Từ Tích Lân (1873 - 1907) hay nhà của nhà giáo dục thời hiện đại Thái Nguyên Bồi (1868 - 1940). Trong đó, phủ đệ vừa có khí phách hiên ngang, phòng sách với mùi mực tàu khắp nơi, phải kể đến những căn nhà có sân vườn - nơi truyền bá sức hấp dẫn của truyền thống Thiệu Hưng.

Căn nhà cổ của Từ Tích Lân thấp thoáng sau màu xanh.

Một giếng, một ghế, một cửa, một ao, một cây mây.

Những di tích cổ gắn liền với những danh nhân thì nhiều như sao trên trời và nằm rải rác khắp vùng đất Việt cổ, như để kể lại với người đời nay về thời kì huy hoàng trước đây của Thiệu Hưng và mong ước vào một tương lai tươi sáng.

Lữ phủ danh tiếng của Thiệu Hưng là đại diện tiêu biểu cho phủ đệ dân cư, chính là phủ đệ của sử bộ thượng thư những năm Gia Tĩnh đời Minh (1522 - 1566). Phía đông Lữ phủ bắt đầu từ cầu Vạn An, phía tây kéo dài tận cầu Tạ Công, phía nam bắt đầu từ ngõ Tân Hà, phía bắc đến kho Đại Hữu; bên trong có hai đường nam bắc hướng "thủy lộng" và một đường đông tây hướng "mã lộng". Kiến trúc do mười ba gian sảnh đường theo thứ tự kết hợp mà thành, được gọi là "Lữ phủ thập tam sảnh". Men theo cổng, bước lên thềm vào trong, đi theo hướng trung tâm từ nam xuống bắc lần lượt là sảnh cầu, sảnh tứ, sảnh ngũ, hai bên trục trái phải mỗi bên có năm phần kiến trúc. Trong Lữ phủ, giếng trời rất lớn, đại sảnh thoáng mát, nguyên liệu dùng tiết kiệm, đã thể hiện những đặc trưng riêng trong kiến trúc phủ quan phía nam thời nhà Minh; đồng thời nó lại được xây dựng trên vùng sông nước nên đã bị ảnh hưởng bởi những đặc điểm dân cư Thiệu Hưng như tươi mới, thanh thoát, trang nhã, súc tích.

Phòng sách Thanh Đằng là đại diện tiêu biểu cho kiến trúc dân cư theo dạng khu lâm viên, diện tích không đến hai mẫu, không gian tươi mới, tao nhã, con người có tính cách mạnh mẽ. Phòng sách này là nơi sinh ra và đọc sách của nhà văn, nhà thư họa nổi tiếng nhà Thanh Từ Vị (1521 - 1593), đây cũng là nơi ở yêu thích của họa gia lớn cuối đời nhà Minh đầu đời nhà Thanh Trần Hồng Thụ (1598 - 1652). Căn phòng này có trụ đá, tường gạch, san núi làm phòng, cửa sổ hoa có tấm cách gỗ; tổng cộng có hai phòng, phòng trước hướng nam, bên trong có treo tranh và sách của Từ Vị, không một hạt bụi nào được chạm vào chúng, và còn có một bức hoành do Trần Hồng Thụ kí. Bên trong giếng trời ở ngoài cửa sổ phía nam có "Thiên đầm", Từ Vị đã từng nói "Thâm bất khả trắc, thủy hạn bất hạc, nhược hữu thần dị"(đầm sâu không thể đo được, nước cạn cũng không

khô, ắt có thần tiên ở đó); bức tường phía tây đắm làm nền cho Thanh Đằng, những tia nắng mặt trời chiếu rọi làm bóng cây đung đưa khiến cho những bức tường rộng lớn vốn nhạt nhẽo, khô khan nơi đây bỗng chốc trở nên có sinh khí. Một giếng, một ghế, một cửa, một đắm, một cây mây, hình ảnh đơn giản mà ý nghĩa sâu sắc, đã thể hiện đầy đủ những tài hoa khi làm vườn của họa sĩ bậc thầy một cách đầy nghệ thuật.

Mặt chính phòng đọc sách tam vị nhìn từ góc nghiêng.

Nhà của Lỗ Tấn, phòng sách tam vị, vườn bách thảo và nơi sống của tổ tiên ông là nơi Lỗ Tấn - đại văn hào của Trung Quốc sinh ra và trưởng thành, nó thật sự đã tái hiện lại diện mạo của khu dân cư Thiệu Hưng thời niên thiếu của Lỗ Tấn. Lỗ Tấn đã từng miêu tả nơi đây vô cùng sinh động trong rất nhiều những tác phẩm của mình, ví dụ như tác phẩm *Từ vườn bách thảo đến phòng đọc tam vị* mà người đọc đều rất quen thuộc. Phòng sách tam vị là trường tư thục nổi tiếng trong thành Thiệu Hưng cuối đời nhà Thanh, Lỗ Tấn theo học ở đây từ năm 12 đến năm 17 tuổi. Nhà cổ Lỗ Tấn và phòng sách tam vị đều có tường ngói xanh, cột trụ sơn đen, phong cách đơn sơ, màu sắc trang nhã đã thể hiện một cách tập trung hình thái không gian trong khu dân cư truyền thống của Thiệu Hưng cuối đời nhà Thanh đầu thời kì dân chủ. Vườn bách thảo nằm ở phía sau nhà Lỗ Tấn, vốn là đài môn mới với một vườn rau chung của mười gia đình họ Chu, là nơi vui chơi của Lỗ Tấn thời nhỏ, thưởng thức giàn dâu màu tím hồng và chút ngọt ngọt chua chua của phúc bồn tử, bắt dế dưới chân tường đất bùn thâm thấp và chơi kéo co. Những câu chuyện thú vị hồi nhỏ sẽ mãi là những kỉ niệm tươi đẹp không bao giờ phai mờ trong tâm trí của Lỗ Tấn, và đây cũng là cơ hội để chúng ta có thể cảm nhận cuộc sống truyền thống dưới con mắt trẻ thơ.

Khu dân cư Thiệu Hưng là do người Việt cổ dựa trên nhận thức sâu sắc về đặc điểm vùng sông nước mà xây dựng nên một môi trường sống vô cùng ý vị và đầy chất thơ, là những cảnh sinh hoạt làm rung động lòng người, và là một tác phẩm văn hóa có giá trị lưu giữ cho muôn đời sau.

Úc Phong

Coi trọng văn võ, trong ngoài hòa hợp
Thăm thú nhà đất Mân Tây

- Đất tổ của người Khách Gia
- Kết cấu đáng kinh ngạc của nhà đất
- Tìm về nguồn cội
- Lý và tình cùng tồn tại

Phía Tây Phúc Kiến được núi đồi bao bọc, nơi đây dường như là mảnh đất thiêng của nhân gian, thế ngoại đào viên, cách xa sự ồn ào nơi đô thị, cũng cách xa văn minh công nghiệp. Đối với mảnh đất này, điều quen thuộc nhất đối với người dân đô thị là phong cảnh tuyệt diệu của núi Vũ Di, tuy nhiên, vẫn còn có một ý nghĩa quan trọng hơn, thần thánh hơn, nơi đây là đất tổ của hàng triệu người Khách Gia trên khắp thế giới, là cố hương mà họ ngày đêm mong nhớ về. Bên cạnh đó, chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử và địa lý đặc biệt, mảnh đất Mân Tây đã thai nghén một loại kiến trúc vô cùng độc đáo là "nhà đất", thực sự khiến người ta phải nể phục.

Nhà đất, là loại nhà dùng đất để dựng nên, theo cách nói của kiến trúc gọi là "kiến trúc sinh thổ". Phương pháp thi công nhà đất Mân Tây chủ yếu dùng đất sét trộn với cát theo tỷ lệ nhất định, sau đó dùng những tấm gỗ và đầm trục để tạo thành bức tường kiên cố, cột và dầm được tạo nên từ những vật liệu gỗ.

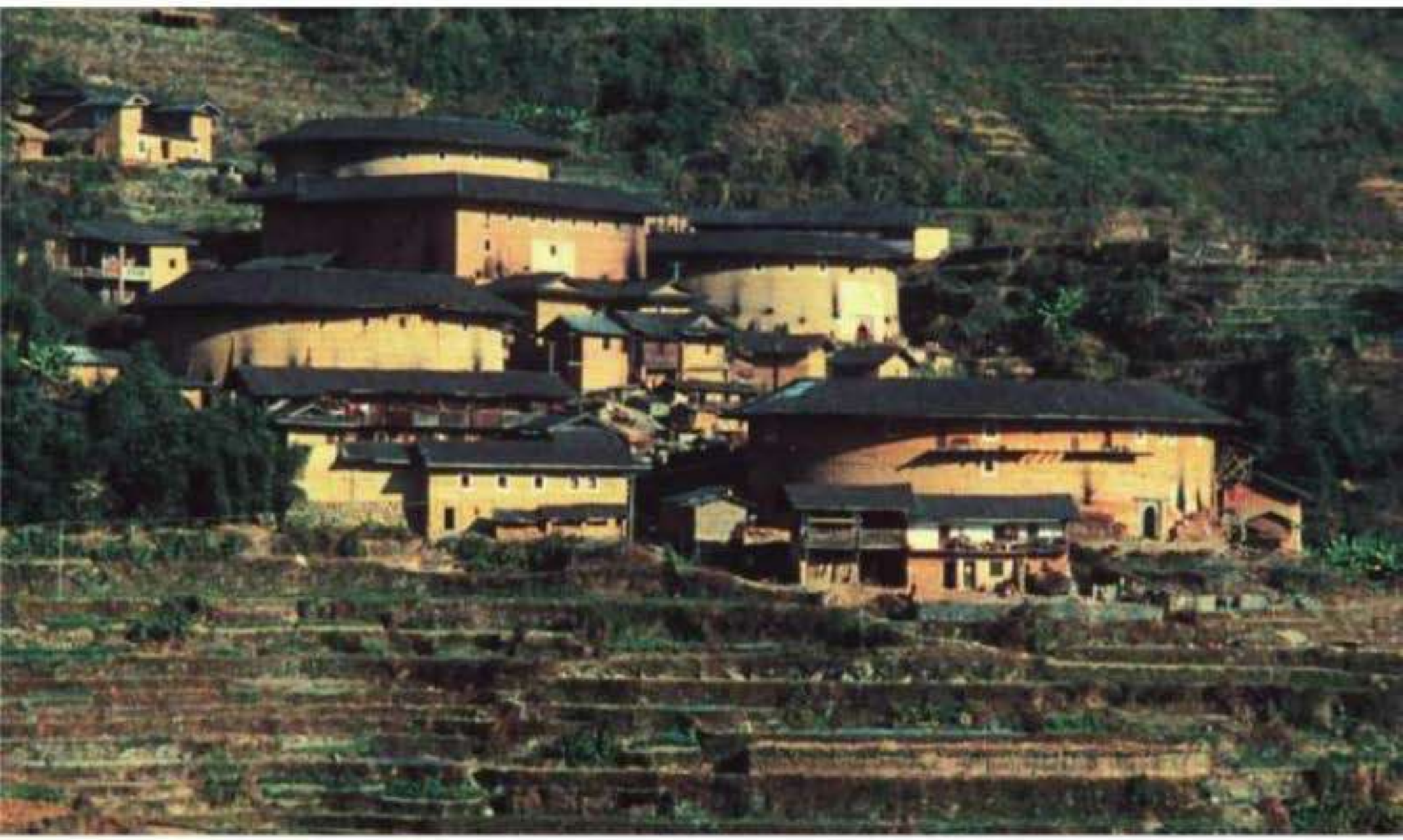

Nhà đất được dãy núi bao bọc.

Kỹ thuật thi công nhà đất.

Số lượng và kiểu dáng của nhà đất Mân Tây đa dạng, có phong cách riêng, tạo thành một chi riêng trong hệ thống các loại nhà ở tại Trung Hoa, được nhiều người biết đến từ những năm 80 của thế kỷ XX trở lại đây. Năm 1986, Bộ Bưu chính và Viễn thông Trung Quốc phát hành bộ tem về hệ thống nhà ở, trong đó chủ đề của tem có giá trị 1 nhân dân tệ về nhà ở tại Phúc Kiến chính là Thừa Khải Lầu của nhà đất Khách Gia (chiếc tem này được bình chọn là chiếc tem đẹp nhất thế giới năm đó). Cho đến ngày nay, nhà đất Mân Tây từ chỗ ẩn cư hàng vài thế kỷ ở vùng núi sâu, đã chuyển thành một tài nguyên du lịch và vùng khoáng sản được giới học thuật quan tâm nghiên cứu, trở thành một điểm nóng của xã hội.

Đất tổ của người Khách Gia

Nói đến nhà đất không thể không nói đến người Khách Gia. Rất nhiều người Khách Gia tại miền nam Mân Tây sinh sống trong nhà đất, hiện nay rất nhiều nhà đất quan trọng còn tồn tại cũng nằm trong khu vực định cư của người Khách Gia. Người Khách Gia là một chi của dân tộc Hán, chiếm 6% dân số Hán. Quê gốc của người Khách Gia là ở Trung Nguyên. Thời Tây Tấn (265 - 317) do có phiến loạn nên họ di chuyển xuống khu vực phía nam,

trải qua nhiều thăng trầm, một phần đã di chuyển xuống Giang Tây, Quảng Đông, Phúc Kiến ngày nay, sau một thời gian dài hòa nhập cùng các dân tộc bản địa, cuối cùng hình thành nên tộc người Khách Gia. Hai chữ "Khách Gia" là đối nghĩa với "người địa phương". Do khu vực Trung Nguyên với địa lý và môi trường thuận lợi đã bị những tộc người Hán khác chiếm giữ, người Khách Gia chỉ có thể định cư tại vùng núi phía nam Giang Tây, phía tây Phúc Kiến, phía đông Quảng Đông, vì vậy mới xuất hiện hiện tượng "Núi cao ắt có người Khách Gia ở, không có người Khách Gia nào không sống trên núi".

Ngày nay, khu vực phía nam Giang Tây, phía tây Phúc Kiến, phía đông Quảng Đông theo quy hoạch hành chính của Trung Quốc thì nằm trên 3 tỉnh khác nhau, nhưng trước kia đều thuộc về một khu vực có chung vòng văn hóa, là đại bản doanh của người Khách Gia. Khu vực này nhiều núi, hẻo lánh. Người Khách Gia Mân Tây chủ yếu sống tại 7 huyện: Ninh Hóa, Thanh Lưu, Thượng Hàng, Trường Đinh, Vĩnh Định, Liên Thành, Vũ Bình, ngoài ra, còn sống ở những huyện có người Khách Gia và người Hán cùng cư trú, bao gồm 11 huyện: Minh Khê, Thuận Xương, Kiến Ninh, Thái Ninh, Thiệu Vũ, Quang Trạch, Sùng An, Long Nham, Nam Tĩnh, Bình Hòa, Chiếu An.

Tuy nhiên, không phải tất cả người Khách Gia đều sống trong nhà đất. Nhà đất được coi như một kiến trúc nhà ở không phải vì đây là hình thức cư trú duy nhất của người Khách Gia, một số khu vực phi Khách Gia tại Mân Tây, Mân Nam cũng có kiểu nhà này. Các học giả Trung Quốc chỉ ra rằng, nhà đất chủ yếu phân bố tại nơi tiếp giáp giữa những khu vực có người Khách Gia sinh sống tại phía nam Phúc Kiến - các huyện Long Nam, Vĩnh Định, Nam Tĩnh, Bình Hòa, Thiệu An, Vân Tiêu, Chương Phố, Hoa An; phía đông bắc Quảng Đông - các huyện Nhiêu Bình, Đại Bộ, đặc biệt tập trung tại huyện Vĩnh Định và Nam Tĩnh của Phúc Kiến, khu vực phía đông Quảng Đông, các khu vực khác thì có tương đối ít loại nhà này, nhất là nhà đất hình tròn. Hiện tượng này bắt nguồn từ bối cảnh địa lý văn hóa của nơi xây dựng nhà đất.

Trong lịch sử, người Khách Gia Mân Tây đều từ tỉnh Giang Nam di cư tới theo hướng từ bắc xuống nam, từ tây sang đông. Vì vậy, phía tây bắc khu vực Khách Gia Mân Tây chính là hạt nhân của văn hóa Khách Gia. Khu vực này vào thời Minh Thanh là đất thuộc phủ Đinh Châu, mà phủ Đinh Châu lại nằm về phía tây bắc khu vực người Khách Gia Mân Tây sinh sống. Tương tự, bức tường đá "Đất hưng nghiệp của Khách Gia", tứ bảo của khu

Người Phúc Lão:
Là một hệ người của dân tộc Hán, chủ yếu sinh sống tại các vùng ở Mãn Nam và khu vực huyện Long Nham, Chương Bình của Mãn Tây. Nói phương ngữ Phúc Lão của những hệ Mãn Nam.

vực trọng yếu về thương mại cũng nằm tại nơi đây. Trong khu vực văn hóa Khách Gia trung tâm nhất, những ngôi nhà đất nhiều tầng thường ít xuất hiện, xuất hiện nhiều là loại nhà giống như nhà ở kiểu quy củ ở Trung Nguyên. Nhưng đi dần xuống phía nam, tại khu vực mà người Khách Gia sinh sống cùng tộc người khác như người Phúc Lão, thì có rất nhiều nhà đất. Thời kỳ Minh Thanh, các tộc người tại đây mâu thuẫn kịch liệt, thậm chí xảy ra bạo loạn, sử sách gọi những người đó là "đạo tặc" và "phỉ hoạn". Trong tình hình đó, người Khách Gia và người Phúc Lão không thể không điều chỉnh cách sinh hoạt, phải lùi vào sống trong những ngôi nhà đất có công năng phòng vệ. Từ đó có thể rút ra kết luận, văn hóa nhà đất chỉ là một bộ phận rực rỡ của văn hóa Khách Gia, là một loại hình sinh sống và môi trường cư trú nảy sinh trong điều kiện đặc biệt, không phải là toàn bộ văn hóa Khách Gia.

Nhà đất hình tròn hùng vĩ tại huyện Nam Tinh.

Kết cấu đáng kinh ngạc của nhà đất

Cảm giác kinh ngạc đầu tiên mà nhà đất Mãn Tây mang đến chính là sự đồ sộ trong kiến trúc, điều này rất hiếm gặp trong hệ thống nhà ở Trung Quốc. Mặc dù các kiểu kiến trúc khác không hề thiếu những căn nhà quy mô lớn, nhưng đều cố ý giảm nhẹ mức độ đồ sộ của kiến trúc, đồng thời đem đến trước mắt người nhìn một sự phong phú có tính cục bộ. Nhưng nhà đất lại hoàn toàn khác, hình dáng đơn giản, có tính hình học, mặt bằng thường là hình tròn, hình vuông, cũng có hình elip, bát quái, bán nguyệt, hình đa giác. Ngoài ra, còn một loại nhà khác của mái nhà nhấp nhô, gọi là "Ngũ Phương Lầu", kiểu dáng loại nhà này tương đối nhiều, nên được tách riêng thành một loại khác.

Thú vị ở chỗ, vào thời cổ đại, rất nhiều kiến trúc có tính hình học hầu hết có công năng thờ cúng hoặc lễ bái, như đền Parthenon tại Hy Lạp, Kim Tự Tháp Ai Cập, Thiên Đàn của Trung Quốc v.v.. Những kiến trúc này khiến con người tự dưng có một cảm giác thần bí. Xuất phát từ nhu cầu phòng ngự, bên ngoài nhà đất hùng vĩ như một tòa thành, kiểu dáng độc đáo, vì vậy cũng có một cảm giác thần bí, có một sức hấp dẫn khiến người khác muốn đi vào bên trong để khám phá.

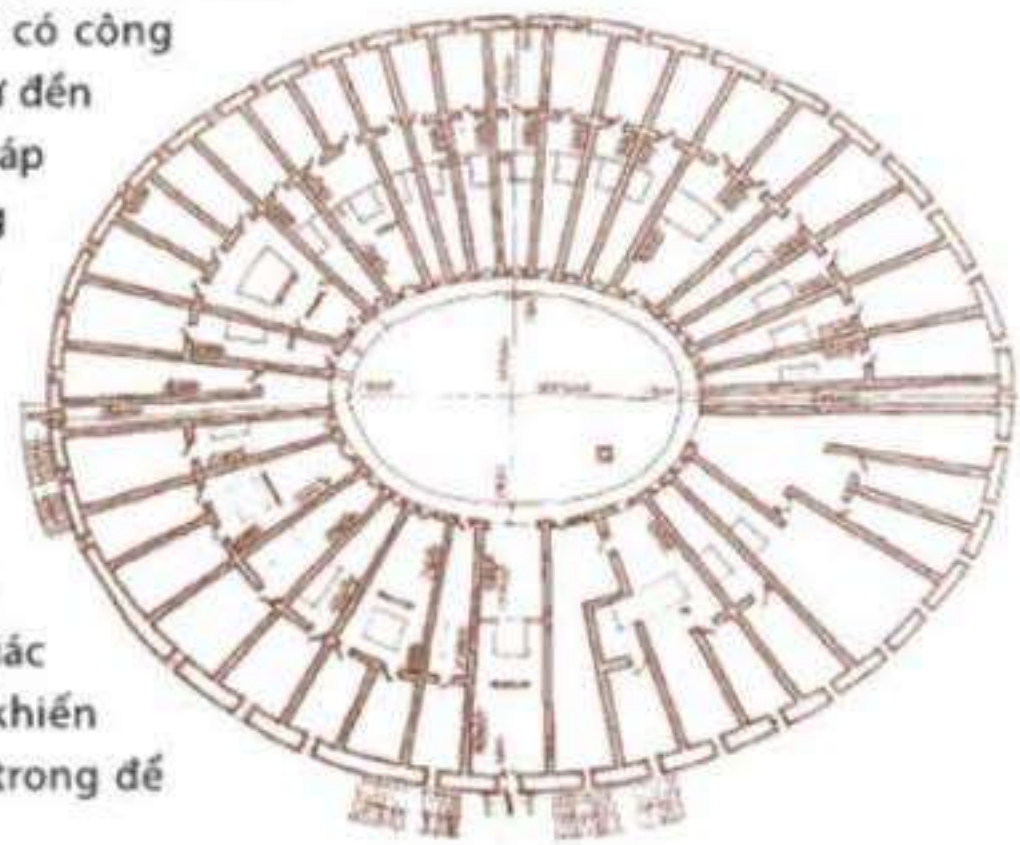

Nhà đất có mặt bằng hình elip.

Nhà đất thông thường phân làm 2 hoặc 6 tầng, tầng 1 về cơ bản không có cửa sổ, tầng 2 mở một số ít cửa sổ, tính chất phòng ngự rất nặng nề. Trong bố cục về chức năng kiến trúc, thông thường tầng 1 là nhà bếp, nhà ăn, tầng 2 là nơi để vật phẩm, tầng 3 trở lên là phòng ngủ. Bức tường nhà ngoài cùng thông thường dày đến 3 mét, tường tầng 1 dày 1,5 mét, càng lên cao càng mỏng dần. Phía trong bức tường bao người ta dùng gỗ để phân thành các phòng, sâu vào trong nữa là lối đi, gần chính giữa là nhà thờ, phòng học hoặc phòng vui chơi. Tuy nhà đất khép kín với môi trường bên ngoài, nhưng bên trong lại như một thế giới khác: tất cả các căn phòng đều mở rộng về trong theo một hành lang thông nhau, hình thành một

loại nhà ở rất có tình người. Khi đi bộ bên trong nhà, thi thoảng còn nhìn thấy câu đối, tranh vẽ. Vì vậy, dùng câu "coi trọng văn võ, ngoài cứng trong mềm" để hình dung về nhà đất là vô cùng đúng đắn.

Hình dáng nhà đất Mân Tây phong phú đa dạng, trong có số lượng nhiều nhất là nhà vuông, nhà tròn và nhà Ngũ Phượng.

Nhà vuông phân bố chủ yếu tại Vĩnh Định, kết cấu đơn giản, mặt bằng hoặc hình vuông hoặc hình chữ nhật hoặc hình chữ "mục". Nhà vuông lớn nhất được biết đến là nhà Di Kinh thuộc thị trấn Cao Pha huyện Vĩnh Định, được xây dựng vào năm Hàm Phong thời Thanh (1851), có diện tích hơn 4000 mét vuông, được xây dựng trong ba đời trong vòng 70 năm, người dân thường gọi là "Đại Lâu Hạ". Tường ngoài phía Đông Tây rộng 136 mét, phía nam bắc rộng 76 mét, có 1 cửa chính hai cửa phụ. Căn nhà được phân làm 4 phần, trong đó phần đằng sau phía bắc căn nhà có 5 tầng, phía bên trái, phải và 3 mặt trước có 4 tầng, tạo thành hình chữ "khẩu",

Căn gác được treo trên tầng cao nhất của ngôi nhà, để thuận tiện cho việc tấn công xuống phía dưới.

Thế hùng vĩ của một tòa nhà hình vuông.

bên trong còn một kết cấu hình chữ "khẩu" nữa, về tổng thể tạo thành hình chữ "hồi". Trung tâm căn nhà là nhà thờ, bên trái và phải phía trước căn nhà mỗi bên có hai phòng cánh, là nơi để học tập.

Nhà tròn là kiểu nhà đất Mân Tây nổi tiếng nhất, sự xuất hiện của nó trên thế giới khiến cho một kiến trúc ẩn mình hàng vài thế kỷ trong núi sâu bỗng được cả thế giới biết đến. Hình dáng nhà tròn có mặt bằng phân thành đơn vòng, đa vòng, thậm chí có cả mặt bằng hình tròn bao lấy hình vuông. Nhà đa vòng thường được thấy nhất, mặt bằng của nó là tập hợp những vòng tròn đồng tâm, ngoài cao trong thấp, trong nhà lại có nhà, từng vòng ôm lấy nhau, trung tâm thường là nhà thờ, là nơi toàn bộ căn nhà tổ chức những hoạt động tập thể quan trọng. Theo một số thống kê chưa đầy đủ, số lượng nhà tròn tại huyện Vĩnh Định hiện nay là 360 căn. Trong đó căn nhà lâu đời nhất, số lượng vòng nhiều nhất là nhà Thừa

Cửa chính nhà Di Kinh.

Bên trong nhà Di Kinh.

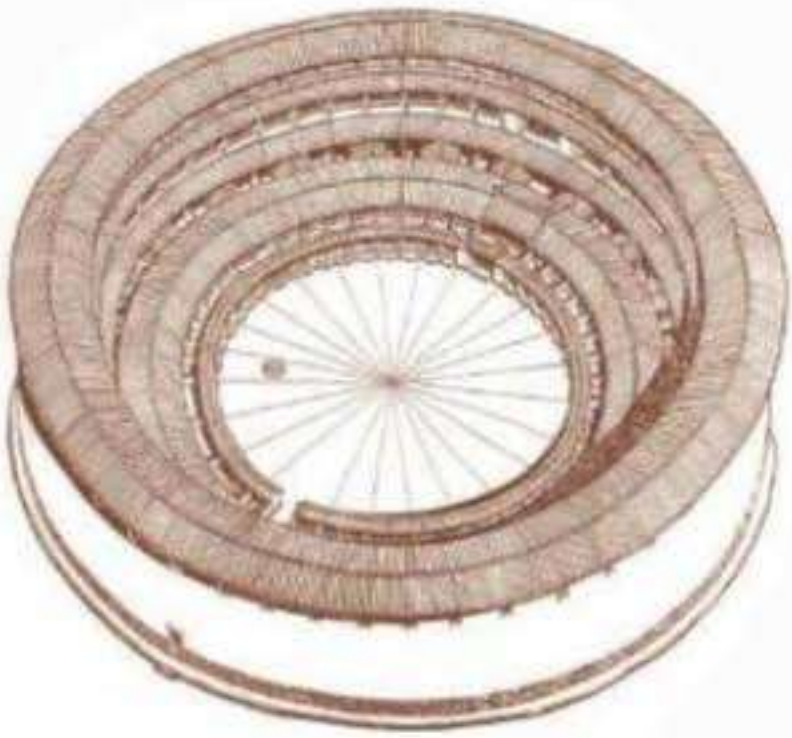

Nhà tròn đa vòng điển hình.

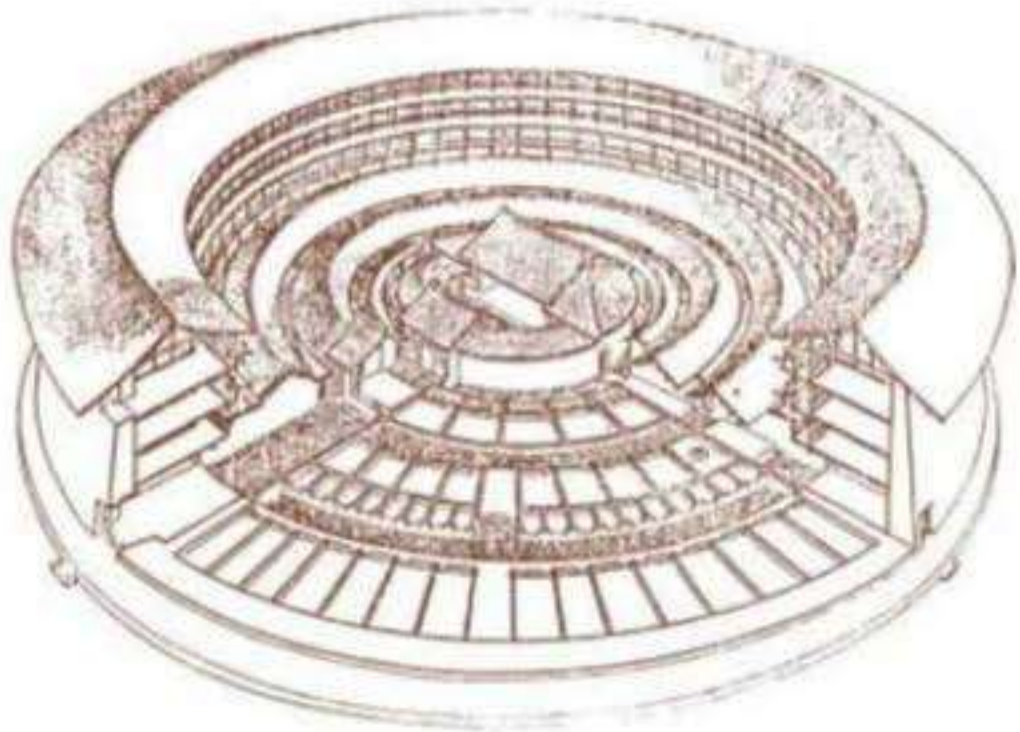

Nhà tròn đa vòng điển hình.

Khải, đường kính lớn nhất là nhà Thâm Viễn, đường kính nhỏ nhất là nhà Như Thăng v.v..

Nhà Thừa Khải nằm tại thôn Cao Đẩu huyện Vĩnh Định, có đường kính 73 mét, chiều dài hành lang bao quanh 229,34 mét, quy mô rộng lớn khiến người ta phải kinh ngạc. Toàn nhà có 400 phòng, là nơi cư trú của 60 hộ gia đình với hơn 400 người. Năm 1981 căn nhà này được đưa vào từ điển thắng cảnh Trung Quốc, với cái tên "Thổ Lâu Vương". Bố trí mặt bằng nhà Thừa Khải bao gồm 3 vòng 1 trung tâm, vòng ngoài cùng có 4 tầng, mỗi tầng có 72 phòng, vòng thứ 2 có 2 tầng, mỗi tầng 40 phòng, vòng thứ 3 có 1 tầng gồm 32 phòng, ở giữa là nhà thờ. Dân gian miêu tả căn nhà này như sau: "cao bốn tầng, bao vốn vòng, trên trên dưới dưới bốn trăm gian, từng vòng tròn lồng vào nhau, đã có 300 năm lịch sử thăng trầm", đó là cách miêu tả căn nhà rất trực quan.

Ngũ Phượng Lầu là một loại nhà tương đối đặc biệt tại Mân Tây. Có rất nhiều lý giải về nguồn gốc cái tên Ngũ Phượng. Có người nói "Ngũ Phượng" để chỉ năm loại chim có màu sắc khác nhau, tượng trưng cho 5 hướng đông, tây, nam, bắc và ở giữa. Cũng có người nói do Ngũ Phượng Lầu có 5 tầng mái, giống như đôi cánh phượng hoàng, cho nên có tên gọi như vậy. Chưa biết cách nói nào là đúng, nhưng có một điều vô cùng rõ ràng là Ngũ Phượng Lầu là kiến trúc nhà đất gần với kiến trúc nhà ở kiểu quy củ tại Trung Nguyên nhất. Ngũ Phượng Lầu nằm ở trung tâm văn hóa Khách Gia, phản ánh sự ảnh hưởng văn hóa lễ giáo Trung Nguyên, là một loại nhà biến

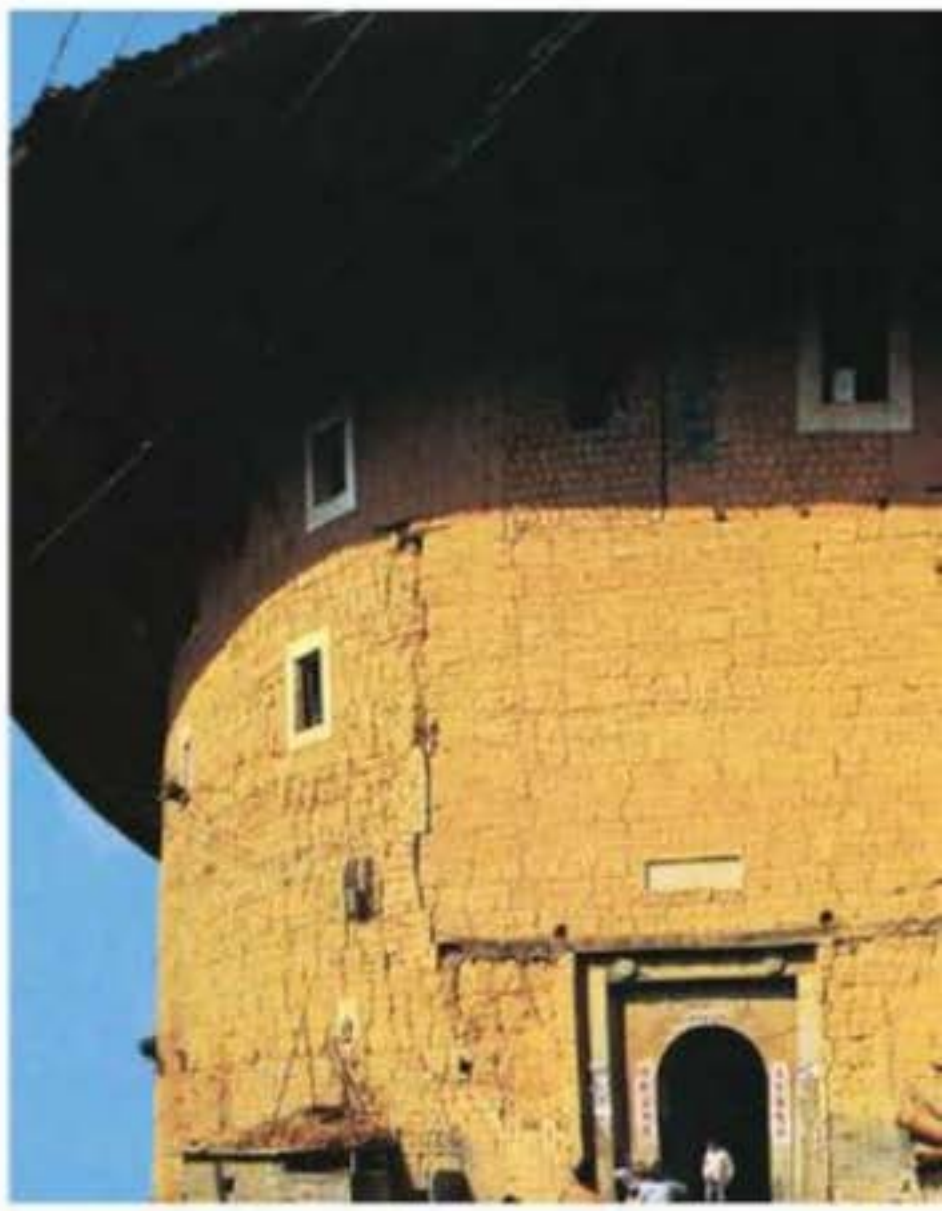

Nhà Thừa Khởi đài đầu sương gió.

thế trên đất Phúc Kiến của Tứ hợp viện vùng Trung Nguyên. Về hình dáng, Ngũ Phượng Lầu cân đối quy củ, cao thấp xen nhau, phía chính diện gần giống với Ngũ Môn tại Cố Cung Bắc Kinh. Ngũ Môn Bắc Kinh lại bị lớp người già Bắc Kinh gọi là "Ngũ Phượng Lầu", không biết có phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên hay không.

Đặc trưng kiến trúc điển hình của Ngũ Phượng Lầu là: ba nhà chính hai nhà ngang, trục đối xứng rõ ràng, mặt nhìn ra sông lưng dựa vào núi, phía trước thấp phía sau cao. "Ba nhà chính" có nghĩa là ba dãy nhà hạ đường, trung đường và chủ lầu nằm trên trục đối xứng nam bắc, "hai nhà ngang" chỉ những căn phòng hình vuông nằm dọc ở hai bên hông nhà. Kiểu bố trí này rất giống với kiến trúc Trung Nguyên, nhưng Ngũ Phượng Lầu chuộng kiểu kiến trúc dốc theo sườn núi, phía bắc cao phía nam thấp, khiến toàn bộ khu nhà dần dần cao lên từ phía nam sang phía bắc giống hình bậc thang. Từ mặt chính căn nhà nhìn thấy mái nhà tầng tầng lớp lớp, vô cùng đặc biệt. Ngũ Phượng Lầu nằm trong khu vực có lễ giáo hưng thịnh, người dân đều mong muốn con cái đỗ đạt thành tài để rạng danh cả dân tộc. Trước cửa chính tại Ngũ Phượng Lầu có

Ngũ Phượng Lầu phong thái hiên ngang.

khắc 3 chữ "Đại phu thê", vì vậy người ta cũng còn gọi Ngũ Phượng Lầu bằng tên khác là nhà đất kiểu "đại phu thê". Cách gọi này không những có tác dụng biểu đạt thân phận hiển hách của mình mà còn nói lên nguyện vọng của chủ khu nhà: cầu mong cho con cháu có thể vượt qua "đại phu thê" để tiến bước xa hơn, vượt trội hơn mọi người.

Mái nhà của Ngũ Phượng Lầu, giống như phượng hoàng sải cánh, như thang trời giúp đỡ đạt cao.

"Phúc Dụ Lầu" tại thôn Hồng Khanh thị trấn Hồ Khanh huyện Vĩnh Định là một loại Ngũ Phượng Lầu điển hình. Khu nhà này được ba anh em họ Lâm xây dựng từ năm 1880, tổng diện tích là 7000 mét vuông. Phúc Dụ Lầu nếu tính theo trục đối xứng từ nhà chính có thế trước thấp sau cao, hai tòa nhà ngang thuộc hai dãy bên cạnh, phía trước khu nhà có 3 cửa chính, nhà chính và nhà ngang kết hợp khăng khít với nhau. Bậc cửa và tường bao được xây bằng đá cuội, kỹ thuật tinh xảo, hòa thành một thể thống nhất với môi trường xung quanh. Ngoại hình tòa nhà giống 3 ngọn núi, có ý nghĩa ba anh em chủ nhà giống như "tam sơn".

Phúc Dụ Lầu.

Bên trong Chấn Thành Lầu, phong cách Trung Quốc kết hợp phương Tây giúp tôn lên vẻ đẹp của nhau.

Đối với những căn nhà có hình dáng khác, bố trí bề mặt cũng phong phú đa dạng như vậy, như nhà hình elip, nhà bán nguyệt, nhà đa giác. Đáng nói đến là kiểu nhà "Bát quái": đây không phải là hình tám cạnh đơn giản, mà là một dấu hiệu vô cùng sâu đậm của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Ở Mân Tây, chọn lựa vị trí để xây nhà ở đều không thể tách khỏi Bát quái, vì vậy có những tòa nhà lấy luôn hình bát quái làm kết cấu mặt bằng, đây là xuất xứ của kiểu nhà Bát quái tại Mân Tây. Những căn nhà này có mặt bằng là hình đa giác tám cạnh tiêu chuẩn, giống Đạo Vận Lầu tại thôn Nam Lâm hương Tam Nhiêu huyện Nhiêu Bình tỉnh Quảng Đông; cũng có những căn nhà Bát quái nhìn từ ngoài giống hình tròn, chỉ áp dụng tư tưởng Bát quái vào bố cục mặt bằng, vì vậy cũng có thể liệt kê chúng vào loại nhà tròn. Ví dụ điển hình cho loại nhà này là Chấn Thành Lầu tại thôn Hồng Khanh trấn Hồ Khanh huyện Vĩnh Định.

Chấn Thành Lầu được xây dựng vào năm 1912 bởi nhà họ Lâm, diện tích 5000 mét vuông, bề mặt phân thành hai vòng trong ngoài. Nhà ở vòng phía ngoài là hình tròn, cao 4 tầng, căn cứ theo bát quái mà phân thành 8 bộ phận, mỗi quẻ 6 gian, mỗi tầng có 48 gian. Mỗi quẻ trong nhà thiết kế một cầu thang, tạo thành một đơn vị độc lập, giữa các quẻ với nhau là tường chống cháy, đồng thời có cửa thông nhau. Nếu quẻ nào xảy ra hỏa hoạn sẽ đóng cửa thông để không ảnh hưởng tới khu nhà. Ngoài ra, khi nhà có trộm sẽ đóng cửa thông của quẻ đó, kẻ trộm nhất định không có lối thoát. Nhà ở vòng phía trong có 2 tầng, kiến trúc mang nhiều nét phương Tây, ví dụ như lan can bằng gang, cột và dầm đỡ bằng đá, lan can trang trí

bình hoa và sử dụng rất nhiều cột chống v.v.. Việc đưa vào thiết kế những nét kiến trúc phương Tây có quan hệ mật thiết với việc gia tộc họ Lâm có thời gian dài buôn bán và tiếp xúc nhiều với văn hóa phương Tây. Trong nhà có 1 sảnh lớn, 2 giếng trời (tượng trưng âm dương lưỡng cực trong Bát quái), 3 cửa (tượng trưng thiên, địa, nhân trong Bát quái) và 8 đơn nguyên (Bát quái), có thể thấy được ý tưởng độc đáo của người thiết kế ngôi nhà. Chấn Thành Lầu kết hợp kiến trúc Trung Quốc và phương Tây, năm 1995, mô hình kiến trúc của tòa nhà này được lựa chọn tham gia Triển lãm Kiến trúc quốc tế tại Los Angeles - Hoa Kỳ, thu hút được nhiều sự chú ý, được mệnh danh "Hòn ngọc kiến trúc phương Đông".

Tìm về nguồn cội

Sau khi thăm thú một vòng các kiến trúc nhà đất đa dạng, bỗng dưng lại nảy ra một suy nghĩ trong đầu: những ngôi nhà đất này đến từ đâu, tại sao có thể biến thành hình dạng như ngày nay. Các học giả có rất nhiều ý kiến khác nhau cho những câu hỏi phức tạp này, dưới đây xin giới thiệu một vài quan điểm chính.

Trước tiên, cư trú tập trung là một đặc trưng cơ bản của nhà đất. Điểm này hoàn toàn giống với cách sinh hoạt truyền thống của dân tộc Hán tại Trung Nguyên. Trong khu nhà đất, sự liên kết gia tộc chặt chẽ, thiết kế hoàn hảo, như một xã hội thu nhỏ. Người lãnh đạo khu nhà thông thường là trưởng bối đức cao vọng trọng. Bề mặt khu nhà đối xứng, có một trung tâm kiến trúc rõ ràng, thể hiện ý thức đẳng cấp rõ rệt. Cách bố trí này hợp với quan niệm tông pháp trong truyền thống Trung Quốc, cũng phù hợp với việc khống chế và quản lý việc cư trú tập trung. Về mặt kỹ thuật, kiến trúc nhà đất tuy đều sử dụng kỹ thuật đắp đất, nhưng vẫn không thoát khỏi hệ thống cấu trúc bằng gỗ của Trung Nguyên, có thể nói là một chi của kiến trúc văn hóa Hoa Hạ.

Hệ thống kết cấu gỗ của nhà đất.

Cho dù tổ tiên người Khách Gia là người Hán tại Trung Nguyên, nhưng

trong quá trình di chuyển lâu dài, văn hóa của họ như ngôn ngữ, trang phục, thói quen sinh hoạt đều không thể tránh khỏi việc có sự giao lưu với người dân Trung Nguyên ở phía nam, nên có sự biến đổi so với văn hóa truyền thống Trung Nguyên, thêm vào đó là sống ở nơi núi non xa triều đình, nên hình thức quản lý tại nơi ở của người Khách Gia giống như một khu tự trị của dân tộc thiểu số. Vì vậy mặc dù người Khách Gia luôn nhấn mạnh họ là con cháu dân tộc Hán, nhưng từ thời cổ đại, những người thống trị chưa bao giờ đối xử với người Khách Gia khác với các dân tộc khác, mà đều định nghĩa họ là "Nam Man", tiến hành đàn áp chính trị, phục dịch quân sự và kỳ thị văn hóa, điều này khiến cho người Khách Gia có ý thức tự phòng ngự rất cao. Ngoài ra, trong lúc các tộc người còn hỗn tạp, liên tiếp xảy ra mâu thuẫn, mà phạm vi quản lý của chính quyền có hạn, vì vậy để an toàn, người Khách Gia chỉ có thể ở trong những khu nhà giống như tòa thành.

Còn sự xuất hiện của những khu nhà tròn, có nhà nghiên cứu nhà ở cho rằng, nhà tròn khởi nguồn từ khu vực Chương Châu Mân Nam gần với khu vực Khách Gia tại Mân Tây, người Khách Gia sau khi học được cách xây dựng loại nhà này thì đã áp dụng để xây dựng, vì vậy hiện nay nhà tròn đều xuất hiện ở khu vực Khách Gia sinh sống và khu vực Mân Nam. Trong lịch sử, khu Chương Châu bạo loạn không ngừng, hình thành rất nhiều sơn trại và bảo thành hình tròn trên các đỉnh núi. Người Khách Gia đầu tiên sinh sống trong những ngôi nhà Ngũ Phượng ở gần Trung Nguyên, trong quá trình di cư sang phía đông, chính ở nơi tiếp giáp của người Khách Gia Mân Tây, để bảo vệ an toàn và sinh tồn, người dân đã vay mượn cách xây dựng nhà đất, hình dáng khu nhà được đơn giản hóa, chức năng phòng ngự dần được tăng cường nên đã trải qua chuyển biến từ Ngũ Phượng Lầu đến nhà vuông rồi nhà tròn.

Di chỉ sơn trại nằm rải rác ở các huyện Chương Châu.

Ngoài ra, một vài học giả thiên về việc lý giải sự hình thành của nhà tròn từ góc độ văn hóa. Họ cho rằng thiết kế hình tròn là để cầu cát tường như ý, bình an phú quý, đem Bát quái, tái cực sử dụng trong tạo hình kiến trúc, sau này

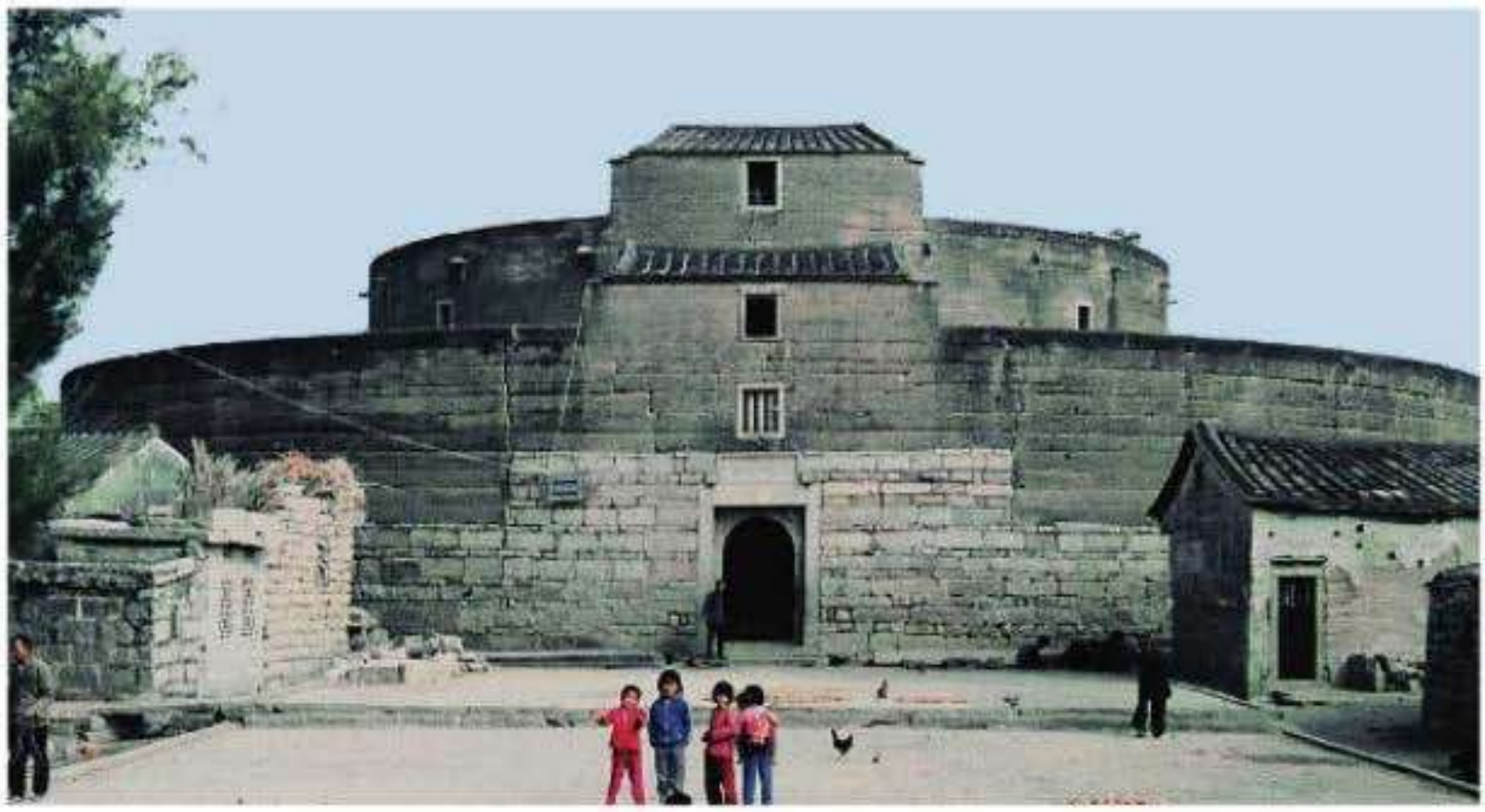

Cẩm Giang Lâu ở khu Chương Châu có hình dạng như pháo đài.

chuyển biến thành mặt bằng hình tròn, như ví dụ Chấn Thành Lầu được nói ở phía trên; quan niệm trời tròn trong truyền thống dân tộc Trung Hoa cũng có những ảnh hưởng nhất định tới việc xây dựng nhà tròn; đồng thời, nhà tròn thể hiện tinh thần con người sống quần tụ đồng tâm đoàn kết, có lợi cho hệ thống phòng ngự tâm lý với các thế lực xâm lược bên ngoài.

Lý và tình cùng tồn tại

Ngoài việc coi trọng văn võ, nhà đất Mân Tây còn có đặc trưng rõ rệt khác: "lý và tình cùng tồn tại", thể hiện bằng việc con người với con người, con người mới môi trường cùng nhau hòa nhập, sống cùng một cách thân thiết. Trong tương quan với nội dung của chương, "tình" chỉ cảm tình, thiên về phương diện tinh thần nhân văn, có thể phát sinh nghĩa bóng là "tình thái quan"; "lý" chỉ lý tính, thiên về phương diện kỹ thuật vật chất, có thể phát sinh nghĩa bóng là "sinh thái quan". Trong xã hội nông nghiệp truyền thống, "tình thái" tốt thể hiện bằng quan hệ ôn hòa giữa người với người trong sinh sống cộng đồng, huyết thống gia tộc, truyền thống sùng văn trọng đạo, quan hệ với láng giềng, coi trọng gia đình, sinh sống thuận hòa, tôn sùng đạo lễ v.v..; "sinh thái" tốt thể hiện ở kiến trúc ứng biến tự nhiên, duy trì sự cân bằng giữa sinh thái và môi trường khu vực, chú trọng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ rừng sinh thái v.v..

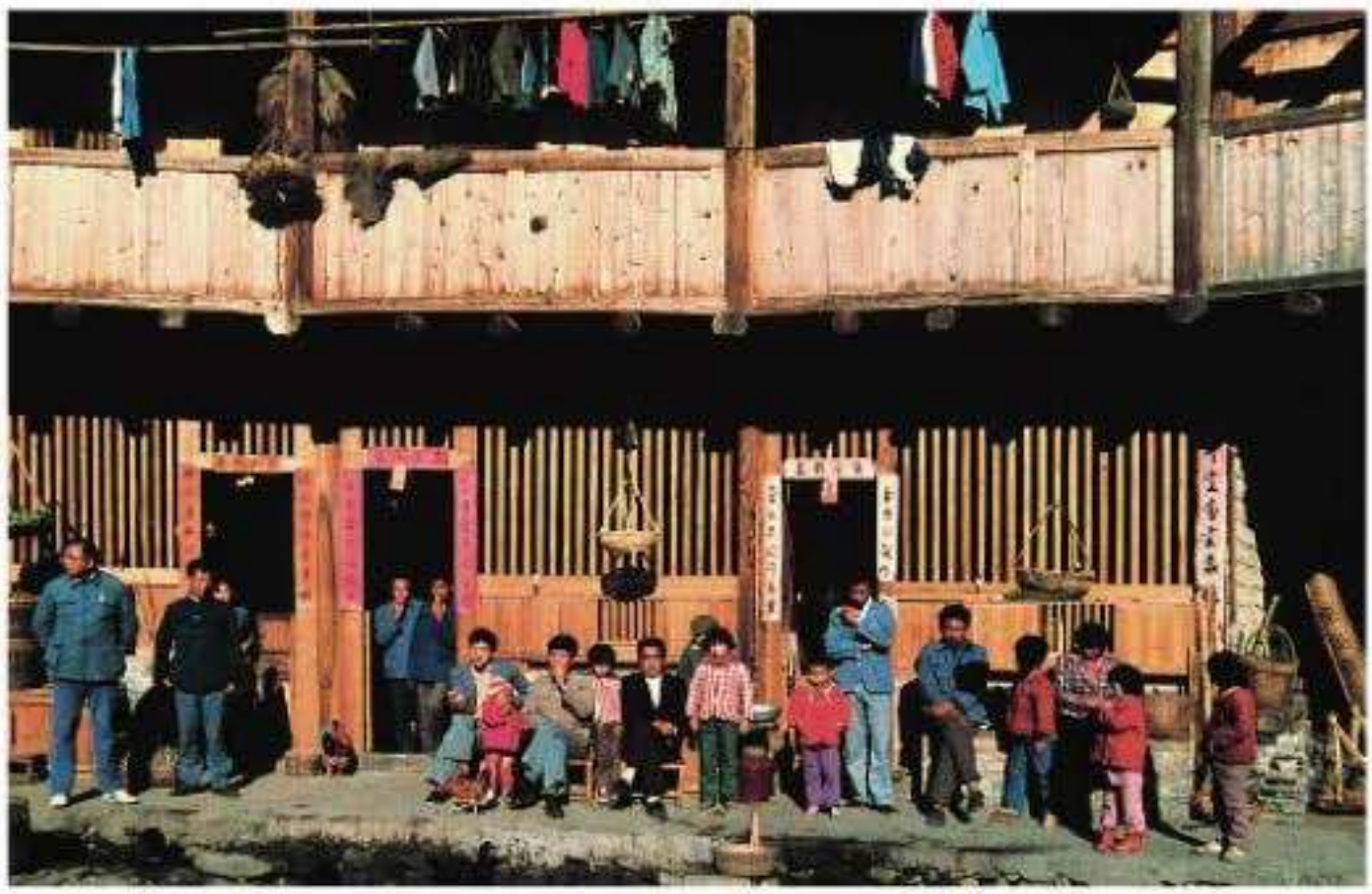

Nhiều thế hệ sống chung với nhau rất vui vẻ.

Ở phương diện tình thái, những người sinh sống trong nhà đều chất phác, sớm tối cùng nhau đoàn kết tương ái, duy trì cách sống quần tụ. Thoạt đầu, bố cục kiến trúc nhà đất có nhiều nét giống với nhà ở tập thể đương đại, nhưng trong và ngoài nhà đã thể hiện được tình cảm gắn bó như thể tay chân cũng như quan hệ huyết thống thân thiết, là điều mà nhà tập thể không thể nào có được. Ở phương diện coi trọng học vấn, người Khách Gia có truyền thống đẹp đẽ, số lượng lớn những nhà thờ, thư phòng, hoành phi, thư pháp đều vô hình trung đã nói lên được sự thật này. Ví như Chấn Thành Lầu có giá trị văn hóa vô cùng cao, khu nhà này đã mang tư tưởng "Bát quái" vào trong phong cách thiết kế, Trung Quốc kết hợp phương Tây. Không khí văn hóa bao trùm khắp khu nhà, nơi nơi đều có câu đối, trong đó có câu: "Chấn tác na hữu nhàn thời, thiếu thời, tráng thời, lão niên thời, thời thời tu nỗ lực; Thành danh nguyên phi dịch sự, gia sự, quốc sự, thiên hạ sự, sự sự yếu quan tâm" và hai bức hoành phi "Lý đường quan hình", "Nghị thanh tái đạo" của Tổng thống Lê Nguyên Hồng (1864 - 1928) của Chính quyền quân Bắc Dương những năm đầu Dân Quốc đã cho thấy triết lý và luân lý trong Chấn Thành Lầu.

"Diễn Hương Lầu" tọa lạc tại thôn Tân Nam cũng là một tòa nhà thư hương điển hình. Khu nhà này là một tòa nhà đất hình tròn, có 4 tầng tổng cộng 136 gian, thiết kế theo tư tưởng Bát quái. Gia tộc họ Tô, chủ nhân ngôi nhà không ngừng học tập, đạt đến ngưỡng cao về học vấn, sinh được rất nhiều tú tài, cử nhân. Diễn Hương Lầu được lấy tên theo

nghĩa "con cháu đời sau quyền cao chức trọng, môn đệ thư hương mãi mãi lưu truyền", trước cửa chính khu nhà có 2 chữ "Đại Phu Đệ", câu đối 2 bên là: "Tích đức đa phồn diễn, tàng thư phát cổ hương", hoành phi là "Thi lễ truyền gia". Trong những khu nhà đất khác, những ví dụ như thế này nhiều không kể hết, như Thụy Vân Lầu trấn Thích Trung, Hoài Viễn Lầu hương Mai Lâm huyện Nam Tinh đều thể hiện truyền thống tôn trọng văn lễ, sinh sống hòa thuận.

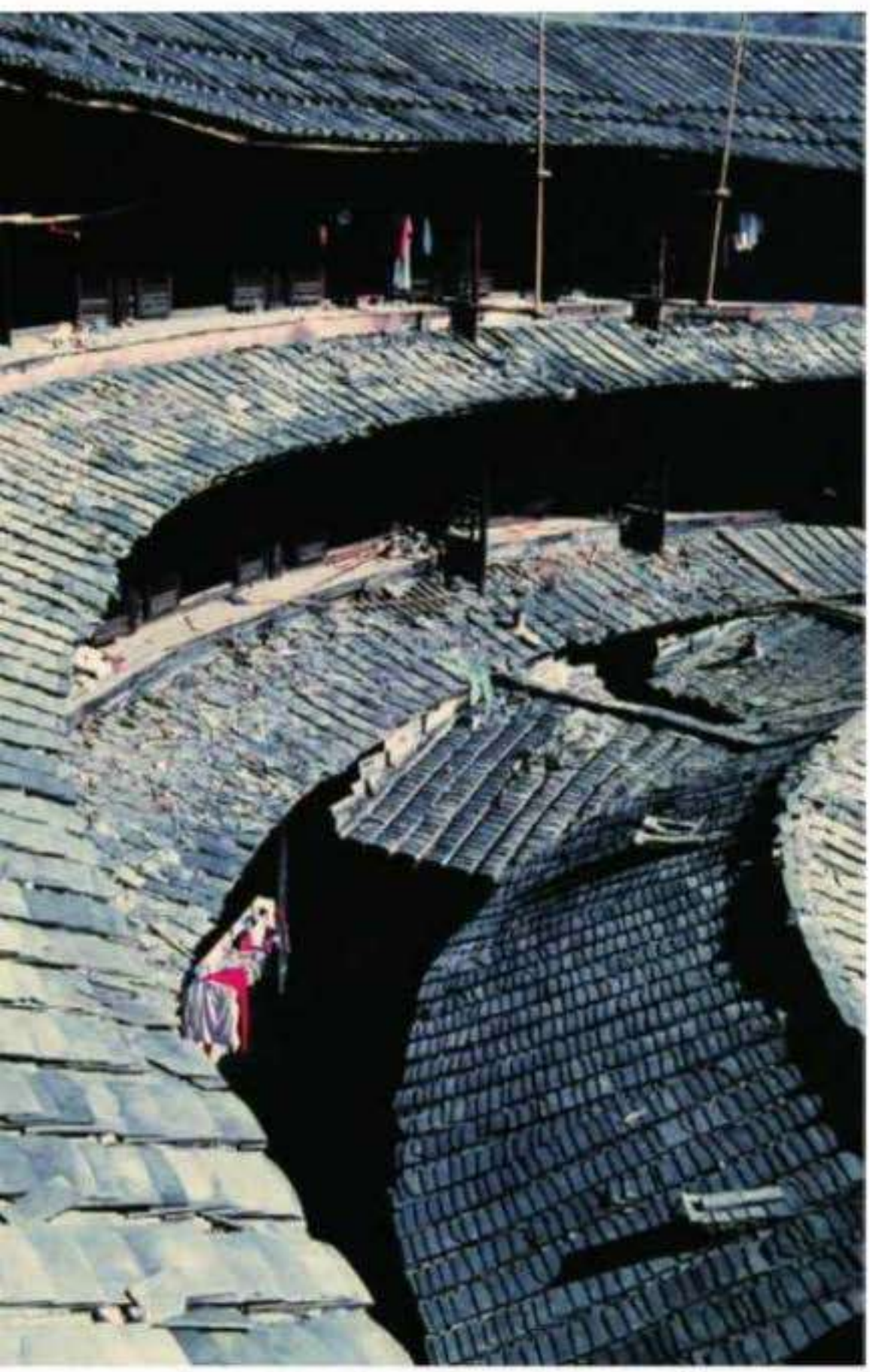

Môi trường khí hậu thoáng đãng bên trong những khu nhà đất.

Về phương diện sinh thái, nhà đất Mân Tây là kiến trúc truyền thống, cho thấy con người trong khi tận dụng tự nhiên để phát triển cũng đã có ý thức không làm tổn hại môi trường tự nhiên. Nhà đất không dùng gạch nung, không phá ruộng canh tác, lấy từ đất thì cũng trả về đất. Đồng thời, kiến trúc nhà truyền thống có tường dày còn có một ưu điểm về nhiệt học, đó là có khả năng giảm nóng và ngăn cản ánh nắng mặt trời, vì vậy môi trường trong nhà đất mùa đông ấm áp, mùa hè mát mẻ, bất luận trời nóng hay trời lạnh đều có cảm giác cả năm là mùa xuân. Ngoài ra, bố cục kiến trúc vòng tròn của nhà đất tạo thành một giếng trời tự nhiên để thông gió, đồng thời kết hợp với cửa sổ, hành lang, tạo nên một khí hậu thoáng đãng rất dễ chịu. Dân gian ca ngợi nhà đất là "lửa cháy không qua, nổ lớn không đổ, hổ sói khó vào, động đất không chuyển", đối với cái nhìn văn minh hiện đại của chúng ta, nhà

Hoài Viễn Lâu huyện Nam Tinh.

đất đích thực có tính hợp lý khoa học, thể hiện quan niệm bảo vệ sinh thái một cách gần gũi nhất. Người đời không ngừng thán phục, những tiền nhân vĩ đại tại Mân Tây, trong môi trường sinh tồn khắc nghiệt, đã dùng trí tuệ lao động của mình phát triển ra một loại kiến trúc mà có thể tồn tại cả lý và tình, đến ngày nay vẫn là một nơi sinh sống tập trung. Sự sáng tạo này thực là không còn gì đáng trân trọng hơn.

Nếu như coi quan hệ hòa thuận giữa người với người trong nhà đất là "nội hòa", coi sự tiếp xúc tốt đẹp của người sống bên trong với môi trường sinh thái bên ngoài là "ngoại thích", thì nhà đất sẽ có "tình" và "lý" cùng tồn tại, cũng như có cả "nội hòa" và "ngoại thích". Đây há chẳng phải là điều làm người đời sau phải thán phục hay sao?

Úc Phong

Trung Tây kết hợp, hòa hợp đa nguyên
Quê hương Hoa kiều tại Ngũ Ấp

- Lầu canh sừng sững, nhân chứng lịch sử của Hoa kiều
- Kỵ lầu uốn lượn, san sát mà ngay ngắn
- Từ đường Kiều hương - phong cách truyền thống

Ở vùng Ngũ Ấp, Quảng Đông có rất nhiều các hình thức tạo hình và trang trí khác hẳn với kiến trúc truyền thống của Trung Quốc, các ngôi nhà được xây dựng mang những đặc trưng khác biệt của nền văn hóa ngoại lai. Nhìn xung quanh sẽ thấy rất nhiều các phong cách hỗn hợp muôn hình vạn trạng như La Mã, Gothic, Byzantine, Hồi giáo, Trung Quốc truyền thống. Phong cách đặc trưng này có nguồn gốc từ bối cảnh lịch sử đặc biệt của địa phương.

Nhà ở hỗn hợp của phong cách nhà có cấu trúc cột của phương Tây và mái ngói của phương Đông (Hình được sử dụng trong chương này do Phòng Tư liệu, Viện Kiến trúc Đại học Thanh Hoa cung cấp).

Ngũ Ấp là một trong những vùng quê nổi tiếng của người Trung Quốc hải ngoại. Cuối đời nhà Thanh đến thời kỳ đầu Dân Quốc đã có một số lượng lớn con em được di cư ở nước ngoài. Năm 1999, con số thống kê cho thấy số lượng Hoa kiều của người dân Ngũ Ấp sinh sống ở hải ngoại, Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan có tới 3,6 triệu người, phân bố ở 100 quốc gia và địa phương trên khắp thế giới. Những người Hoa kiều này không chỉ mang về cho quê nhà một số lượng tài sản khổng lồ, họ còn mang về Trung Quốc những tư tưởng mới, những quan niệm mới, trong đó có cả những kiến trúc văn hóa và kỹ thuật kiến trúc của khắp bốn phương. Điều này khiến cho phong cách kiến trúc truyền thống của Trung Quốc và văn hóa các nước khác pha trộn nhau, hình thành nên một vùng Ngũ Ấp đặc biệt với phong cách Trung - Tây kết hợp.

Quần thể nhà ở kiểu lô cốt trong làng mạc.

Ngũ Ấp không phải tên một địa danh riêng biệt, mà đó là tên gọi thông dụng của 5 vùng Tân Hội, Đài Sơn, Ân Bình, Khai Bình, Hạc Sơn thuộc tỉnh Quảng Đông, ngày nay 5 địa danh này trực thuộc 4 thành phố và 1 khu vực trong quy hoạch khu hành chính của thành phố Giang Môn của tỉnh Quảng Đông. Vì sao mọi người lại coi Ngũ Ấp là một tổng thể thống nhất mà không gọi thành 5 địa danh khác nhau? Trên thực tế, Ngũ Ấp không chỉ là một khái niệm về địa lý phản ánh về một loại văn hóa khu vực nhiều hơn, nó đã phản ánh lên môi trường sinh sống của những người có nét tương đồng về văn hóa... Nền văn hóa này được hình thành qua một chiều dài lịch sử của "Ngũ Ấp", khác với các quan niệm văn hóa của các địa phương khác ở Lĩnh Nam, điều này được thể hiện rất rõ qua phương ngôn, lịch sử và đặc điểm địa lý khí hậu và môi trường của Ngũ Ấp. Cư dân chính là sự minh họa sinh động cho văn hóa của chính vùng đất ấy, vì vậy, cư dân Ngũ Ấp có nhiều nét tương đồng về tổng thể đồng thời cũng là vùng đất có đặc trưng văn hóa ngoại lai sâu sắc ở Trung Quốc.

Lầu canh sừng sững, nhân chứng lịch sử của Hoa kiều

Tại Kiều Hương, điều gây ấn tượng sâu sắc nhất, phản ánh kiến trúc lãnh thổ rõ rệt nhất chính là các tòa lầu canh của dân nằm rải rác giữa các làng. Lầu canh, theo như tên gọi, trông giống như một lô cốt, mục đích chính là để bảo vệ thôn xóm, ngăn chặn sự xâm nhập của trộm cướp. Khi gặp các trường hợp khẩn cấp, mọi người đều di dời đến sống ở trong lầu để bảo đảm an toàn. Trên lầu canh đa phần có các hành lang ngoài trời để người trong tháp tiện cho việc đứng ở trên cao quan sát và đề phòng sự tấn công từ bên ngoài. Lầu canh thường được đặt ở đằng sau và hai bên hông của làng, nằm trong bộ phận chỉ huy, mỗi làng ít nhất cũng 2 - 3 tòa lầu canh như vậy,

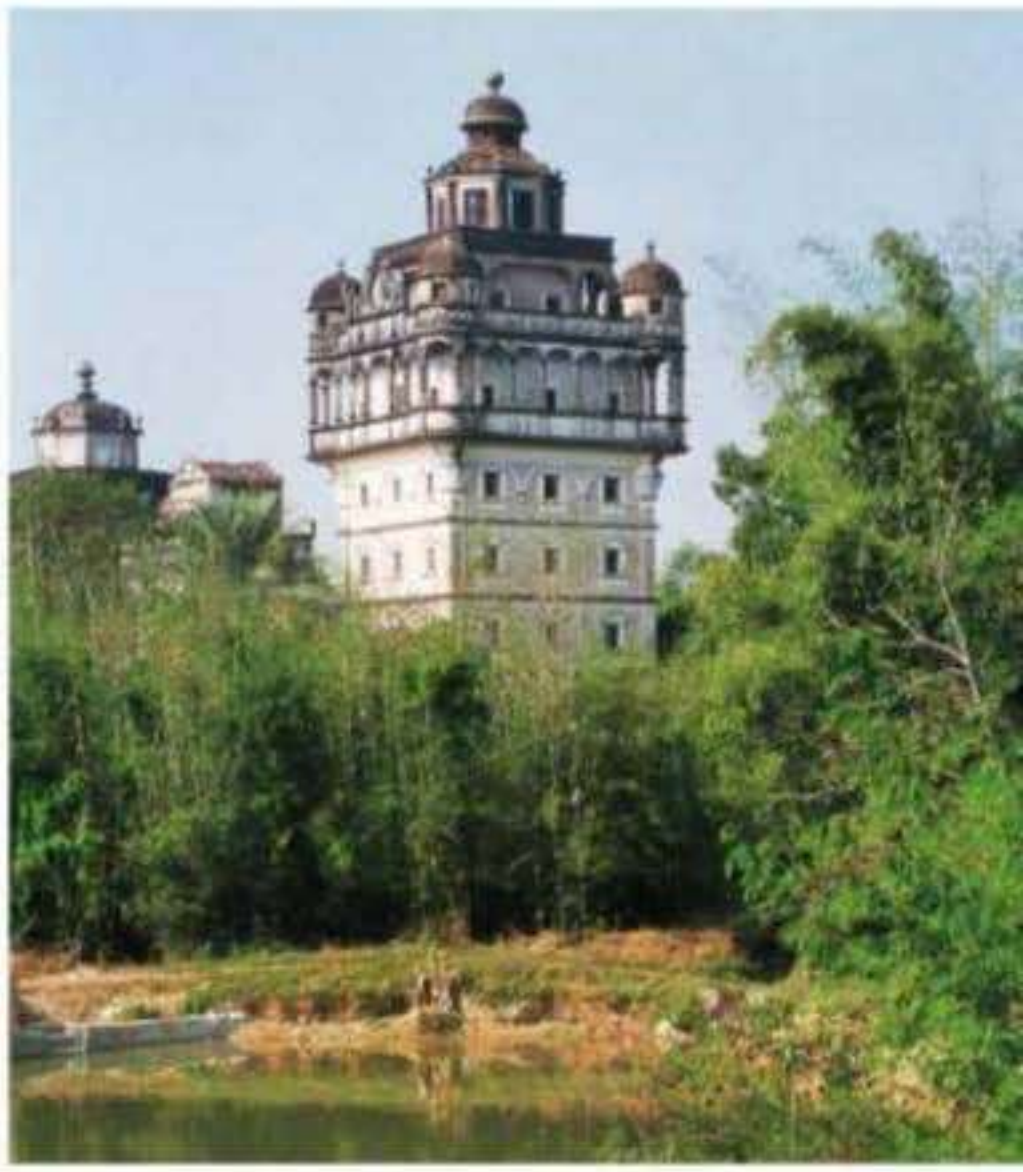

Lầu canh tại núi Đài của quê hương Hoa kiều, tạo hình tinh tế, tỷ lệ hài hòa.

nhiều thì 7 - 8 tòa. Khắp nơi trong Ngũ Ấp đều có rất nhiều tòa tháp, trong đó lầu canh hiện còn nhiều nhất ở Khai Bình. Theo thống kê không hoàn toàn, năm 2000 Khai Bình vẫn còn hơn 1.400 tòa.

Kiểu kiến trúc tòa tháp được ra đời từ khá sớm. Từ đầu thời nhà Thanh, các làng xã trong huyện Khai Bình đã có kiểu kiến trúc đặc biệt này. Đến đầu thế kỷ XX, nhờ vào một số tiền lớn do Hoa kiều ở nước ngoài gửi nên điều kiện kinh tế của rất nhiều người gốc Hoa đã được cải thiện rõ rệt. Trước năm 1929, kiều hối mỗi năm của riêng huyện Đài Sơn đạt tới 10 triệu Đô la Mỹ, 1929 trở về sau đạt tới 30 triệu Đô la. Song song đó, tình hình trị an của cộng đồng Hoa kiều lại ngày càng đi xuống, các hộ Hoa kiều giàu

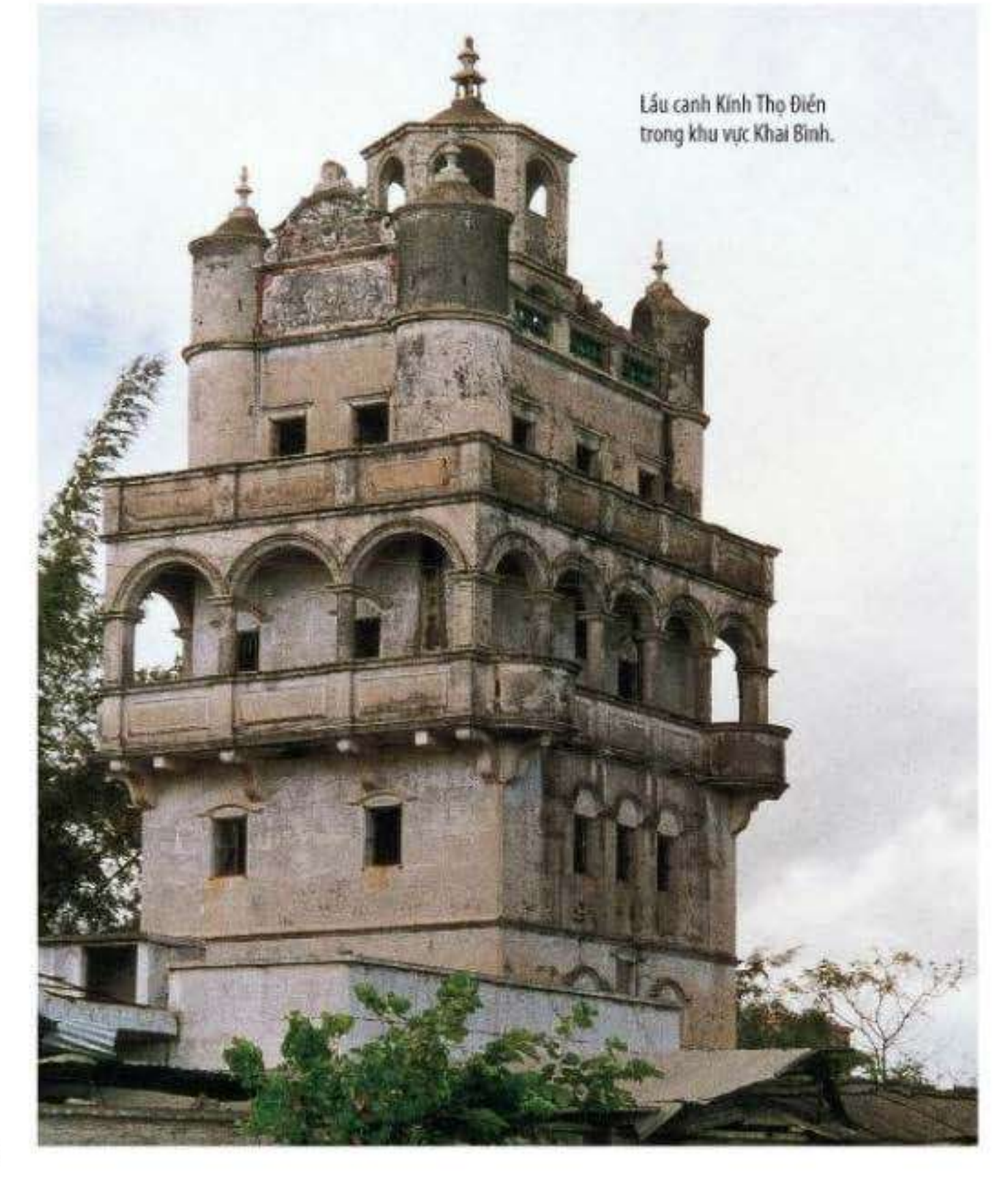

Lầu canh Kính Thọ Điền trong khu vực Khai Bình.

Đường viền tinh tế trên khung của cửa chính.

Mái nhà của nhà đá có phong cách Byzantine, hình dáng đa dạng.

có trở thành miếng mồi ngon cho dân trộm cướp. Trộm cướp hoành hành, chúng bắt cóc tống tiền, trộm cắp tài sản khắp các làng, lúc đó người dân đành phải tự phát hợp sức lại, xây các tòa lầu canh để tự bảo vệ mình. Ngày nay, chức năng bảo vệ của lầu canh đã mất đi ý nghĩa trong thực tế, nhưng chúng đã chứng kiến những thăng trầm của thời gian, mang lại một không gian lịch sử rất đặc trưng, có giá trị cao về mặt thẩm mỹ và có đóng góp rất lớn cho kiểu kiến trúc khác trong khu vực.

Lầu canh ở Ngũ Ấp thường cao từ 3 đến 6 tầng, loại đặc biệt cao từ 7 đến 9 tầng, bề mặt cơ bản là hình vuông, mặt đứng chia thành 3 đoạn: Thân lầu, phần nhô ra và đỉnh lầu. Phần thân lầu nằm ở phần dưới, mục đích để phòng ngự, tường dày và khá kiên cố, cửa sổ nhỏ nhưng có rất nhiều lỗ quan sát. Do bị hạn chế bởi nhu cầu phòng ngự nên hình dáng của lầu khá đơn giản, những mặt tường lớn đem lại cảm giác vững chãi và khép kín, nhưng vì đây không phải là một tòa lầu canh đúng nghĩa, mà là một không gian sống, do đó cũng phải thể hiện được sự theo đuổi cái đẹp và tình yêu cuộc sống, ví dụ như phần chế tác tinh xảo ở phía chân các cửa sổ. Phía trên của tòa lầu canh kiên cố là bộ phận nhô ra tương đối linh hoạt, dùng để quan sát để phòng sự tấn công của kẻ địch, đường hành lang và bộ phận nhô ra đều có những cái lỗ nhỏ xếp theo hình bậc thang để ngắm bắn. Xét về mặt hình dáng, góc của tầng nhô ra có dạng hình ống, một số lại trông như một cái tổ yến nhỏ hình bát giác, cũng có khá nhiều các hình cột theo kiểu dáng châu Âu. Tầng thoát hiểm ngoài ý nghĩa quân sự ra còn có rất nhiều ý nghĩa thẩm mỹ và ý nghĩa sinh thái về mặt kiến trúc. Về mặt thẩm mỹ, hành lang thoát hiểm và những bức tường đá

chặn phía dưới có tác dụng bổ trợ cho nhau, tạo nên sự đối xứng giữa hư và thực; về mặt sinh thái học, những hành lang rộng có tác dụng thông gió hút ẩm, rất có lợi cho việc cải thiện khí hậu nóng ẩm của người dân tại vùng Lĩnh Nam. Tầng trên cùng chính là phần đặc sắc nhất của tòa tháp, nó được xây dựng trên nền hình vuông hoặc các hình có nhiều góc cạnh, hình thành nên những góc chân trời phong phú đa dạng.

Từ góc độ vật liệu và hình thức kết cấu kiến trúc, lầu canh có thể phân thành 3 loại: bùn đất, gạch và bê tông cốt thép. Bùn đất và gạch là 2 nguyên liệu xây dựng truyền thống của Trung Quốc. Bê tông cốt thép lại là sản phẩm của sự ảnh hưởng từ văn hóa phương Tây. Các tòa tháp được xây dựng từ những năm 20-30 của thế kỷ XX, là sự tổng hợp nhiều phong cách kiến trúc khác nhau của Hoa kiều và người thân của họ, xây dựng bằng những vật liệu tiên tiến nhất lúc bấy giờ và được xây dựng theo kỹ thuật tự tạo. Những tòa tháp đã thể hiện được sự giao thoa và dung hòa của nền văn hóa đa nguyên giữa xưa và nay, giữa truyền thống và hiện đại.

Ở Kiều Hương còn có một kiểu nhà khác cũng có sức hút không kém, đó chính là các nhà Lư. Nhà Lư là tên gọi của những ngôi nhà được những

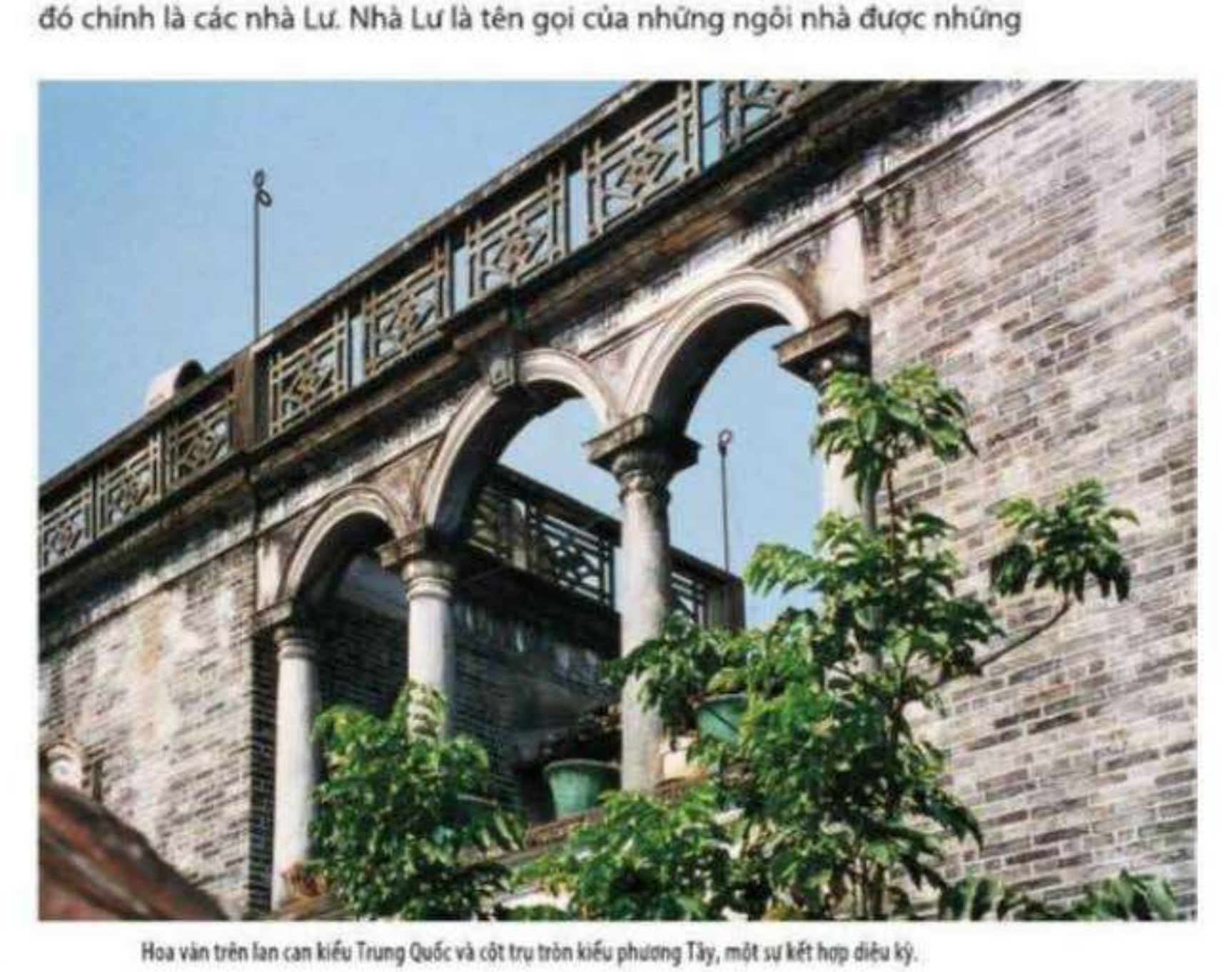

Hoa văn trên lan can kiểu Trung Quốc và cột trụ tròn kiểu phương Tây, một sự kết hợp diệu kỳ.

Kiến trúc kiểu nhà Lư thể hiện sự gặp nhau của văn hóa kiến trúc Trung Quốc và phương Tây.

người Hoa kiều có điều kiện kinh tế khá giả xây dựng nên, gần giống với các ngôi biệt thự theo như quan niệm ngày nay. Nhà Lư thường có 2 đến 3 tầng, được đặt trong khung cảnh môi trường thơ mộng, thiết kế bề ngoài và kết cấu xây dựng khá linh hoạt và mang tính chất cá nhân, rất thích hợp với cuộc sống của người dân. Vì cùng hình thức kết cấu, vật liệu xây dựng nên nhìn từ phía ngoài, nhà Lư và các lầu canh có những nét tương đồng, tuy nhiên số lượng các tầng thường ít hơn, cửa sổ tương đối nhiều, do đó khả năng đề phòng trộm cướp cũng không cao. Bên cạnh đó, từ lối xây dựng truyền thống của lầu canh, các tầng thoát hiểm của nhà Lư dần trở thành các không gian nối lên, do đó hiệu quả không gian và tỷ lệ của nó cũng hợp lý hơn.

Kỵ lầu uốn lượn - San sát mà ngay ngắn

Nếu như nói rằng lầu canh là đại diện của văn hóa dân cư vùng nông thôn Ngũ Ấp thì Kỵ lầu lại là đại diện của văn hóa dân cư thành thị Ngũ Ấp. Thành phố là nơi trao đổi giao dịch và mua bán hàng hóa, ở nơi nào có thành phố, nơi đó sẽ có các hoạt động thương mại. Trước đây có rất ít các cơ sở thương mại chuyên nghiệp quy mô lớn, đa phần là mô hình kinh doanh kết hợp với nhà ở cùng một chỗ như buôn bán ở

Phố buôn bán ở thị trấn Đường Khẩu - Khai Bình, các căn nhà có sự phân bố làm 3 đoạn rõ rệt từ trên xuống dưới.

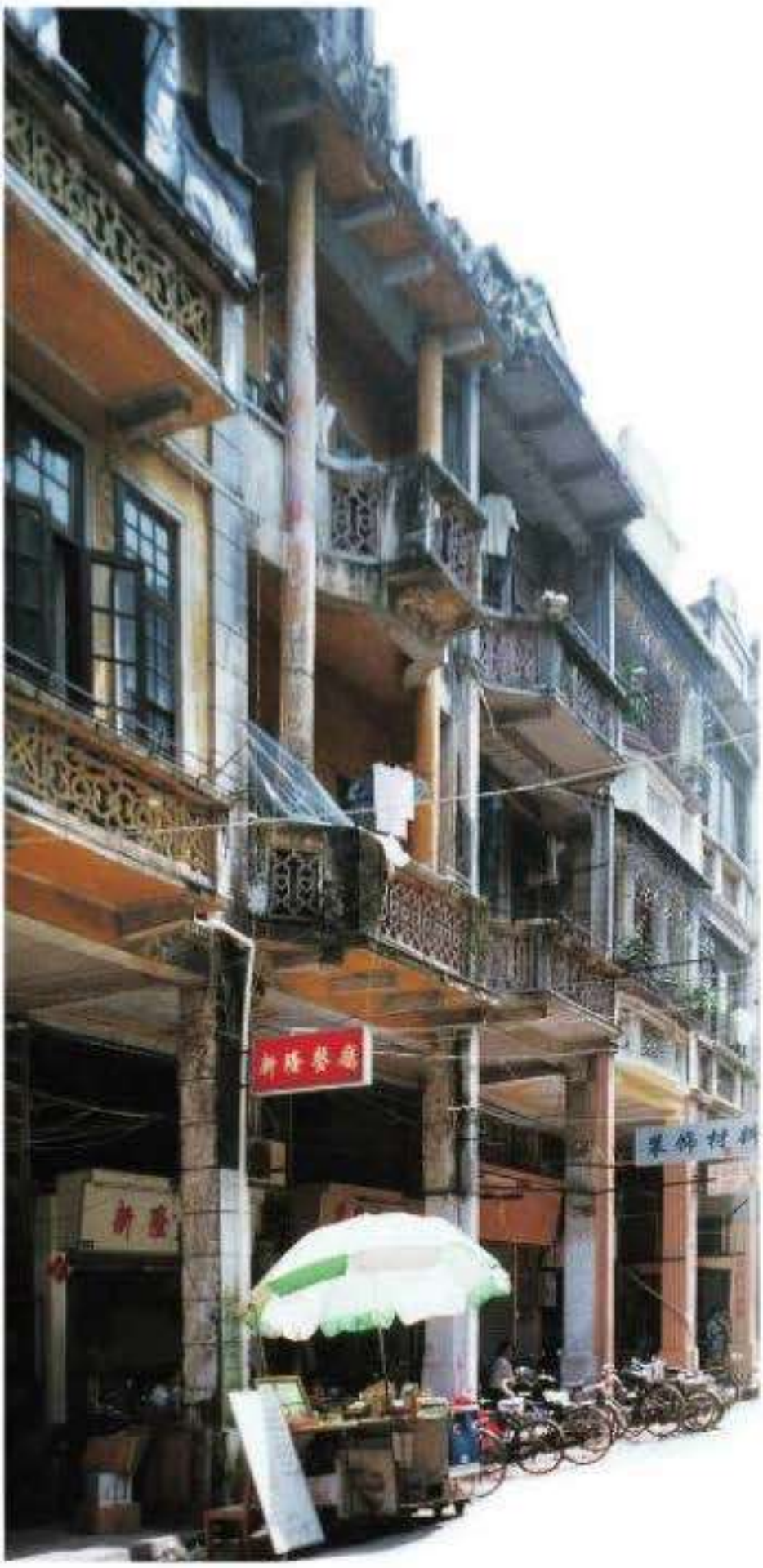

Kỵ lầu có ban công nhô ra ở tầng 2.

dưới sinh hoạt ở trên hoặc đằng trước kinh doanh, đằng sau ở. Chính vì vậy mà mô hình Kỵ lầu kết hợp giữa cửa hàng và nhà ở đã trở thành một trong những mô hình nhà ở rất điển hình của thành phố Lĩnh Nam.

Kỵ lầu thường có 2 đến 3 tầng, mặt tiền tầng trệt là hành lang chính, nhiều hành lang nối liền với nhau tạo thành các đường "vỉa hè" cho người dân qua lại. Khu vực Hoa Nam nóng bức nhiều mưa, để người dân có thể trú mưa che nắng, "vỉa hè" đi bộ ở đây thường có mái che. Đi cùng với sự phồn thịnh của thành phố, ở phía trên của "vỉa hè" thường xây thêm lầu để mở rộng diện tích, hình thành nên những Kỵ lầu đầu tiên. Kiến trúc của Kỵ lầu thích hợp với việc mua sắm, đồng thời cũng giúp thúc đẩy việc kinh doanh, chiếm được tình cảm của cả người bán và người mua. Những ngôi nhà kiến trúc kiểu Kỵ lầu là sản vật kết hợp giữa phong cách xây dựng của nước ngoài, với các điều kiện khí hậu và các hoạt động kinh tế ở miền Nam Trung Quốc. Có thể nói, ngay từ khi ra đời, kiến trúc Kỵ lầu đã mang "tính lai" điển hình. Cũng giống như các tòa tháp, nó cũng là sự pha trộn giữa văn hóa truyền thống Trung Quốc và văn hóa du nhập phương Tây.

Từ dưới lên trên, kiến trúc của Kỵ lầu chia thành 3 phần: hàng cột, thân nhà và phần nóc nhà. Các cột nhà là sự pha trộn của các kiểu cột của Trung Quốc và phương Tây: trên đỉnh cột trang trí theo phong cách Hy Lạp cổ đại và Rô Ma, cũng có những đỉnh cột trang trí đơn giản theo hình

Sơn hoa và tường ở đình Ky lầu.

Phần mái Ky lầu có phong cách đặc biệt.

tròn hoặc vuông theo kiểu Trung Quốc. Phần thân nhà có 3 cách xây: một là xây cửa sổ trên tường, đồng thời thêm rất nhiều các kiểu trang trí hoặc Tây hoặc Trung Quốc; hai là các khoảng không gian trống làm hành lang phía ngoài, đa phần đều sử dụng các kiểu cột theo phong cách Hy Lạp cổ và Rô Ma, cũng có phong cách Hồi giáo; ba là phần ban công, hình dáng bề mặt của ban công và lan can rất đa dạng, có hình vuông, hình cung, đường gấp khúc, phần lan can của ban công có trạm trổ nhiều hoa văn, cũng có những lan can được làm trong suốt hoặc uốn sắt hình hoa. Phần đình của Ky lầu lại càng đa dạng và phong phú hơn vì phần lớn đều sử dụng những phong cách giản hóa của Barroco hoặc Rococo, thậm chí là cả cách trạm trổ hình ảnh thu nhỏ theo kiến trúc phương Tây.

Ky lầu thường được xây ở những khu phố thương mại sầm uất, vì thế về cơ bản thường được bố trí dọc thành các đường phố. Giá đất trong thị trấn đắt đỏ khiến cho các căn hộ của thành phố thường có xu hướng nhỏ hơn và sâu hơn, việc thông gió, lấy ánh nắng, lấy nước sinh hoạt, xử lý nước thải và giao thông đều được giải quyết ngay trong ngôi nhà, chủ yếu nhờ vào giếng trời, phòng lớn và hành lang. Nhìn chung hình thức sắp xếp với mật độ dày đặc của kiểu kiến trúc này có vẻ không ổn, nhưng trên thực tế, lại rất thích hợp với khí hậu của địa phương. Ở Lĩnh Nam mùa hè nóng nực, thời gian chiếu sáng dài, những bức tường cao trong đường hẻm hẹp đã giúp cho phần lớn các con đường được phủ trong bóng râm, cộng với việc các giếng trời có chức năng thông gió rất tốt nên đã mang lại không khí mát mẻ cho cư dân ở đây.

Khi đi bộ tại Ky lầu, ấn tượng đầu tiên của mọi người chính là cái nhìn tổng thể của dãy Ky lầu uốn lượn, hay nói một cách khác, nó tạo nên

một điều rất hay cho góc nhìn của con người. Điều này chủ yếu là do quy mô nhỏ và na ná nhau của các nhà mặt đường, tạo nên hiệu quả thành hàng ngay ngắn. Cho dù gian nhà và mặt tiền cửa hàng của Kỵ lầu không giống nhau nhưng số tầng gác, độ cao lại có sự tương đồng, kích thước của cửa hàng gần như bằng nhau, màu sắc hài hòa hình thành nên một bức tranh mang màu sắc của sự phồn thịnh. Những người đã tạo ra kiểu kiến trúc này thật không hổ danh là những nhà "thiết kế thành phố" của thời đại, điều này cũng nhận được rất nhiều sự khen ngợi của giới kiến trúc.

Từ góc độ cảnh quan đô thị, sự pha trộn của nhiều phong cách văn hóa trong kiến trúc Kỵ lầu đã mang đến những sự vật không liên quan, thậm chí mâu thuẫn nhau, tạo nên một không gian sống hệt như trong phim ảnh. Những kiểu kiến trúc kết hợp pha trộn, những biển hiệu muôn hình muôn vẻ, tiếng người bán chào mua hàng, hàng hóa la liệt... tất cả đã tạo nên một khung cảnh tương đối lộn xộn, nhưng lại mang đầy hơi thở cuộc sống. Chính sự "lộn xộn" ấy đã mang lại sức sống và sự náo nhiệt khiến cho đường phố trở nên thú vị, hấp dẫn hơn.

Những dãy Kỵ lầu buôn bán trong toàn thị trấn tại Địch Hải.

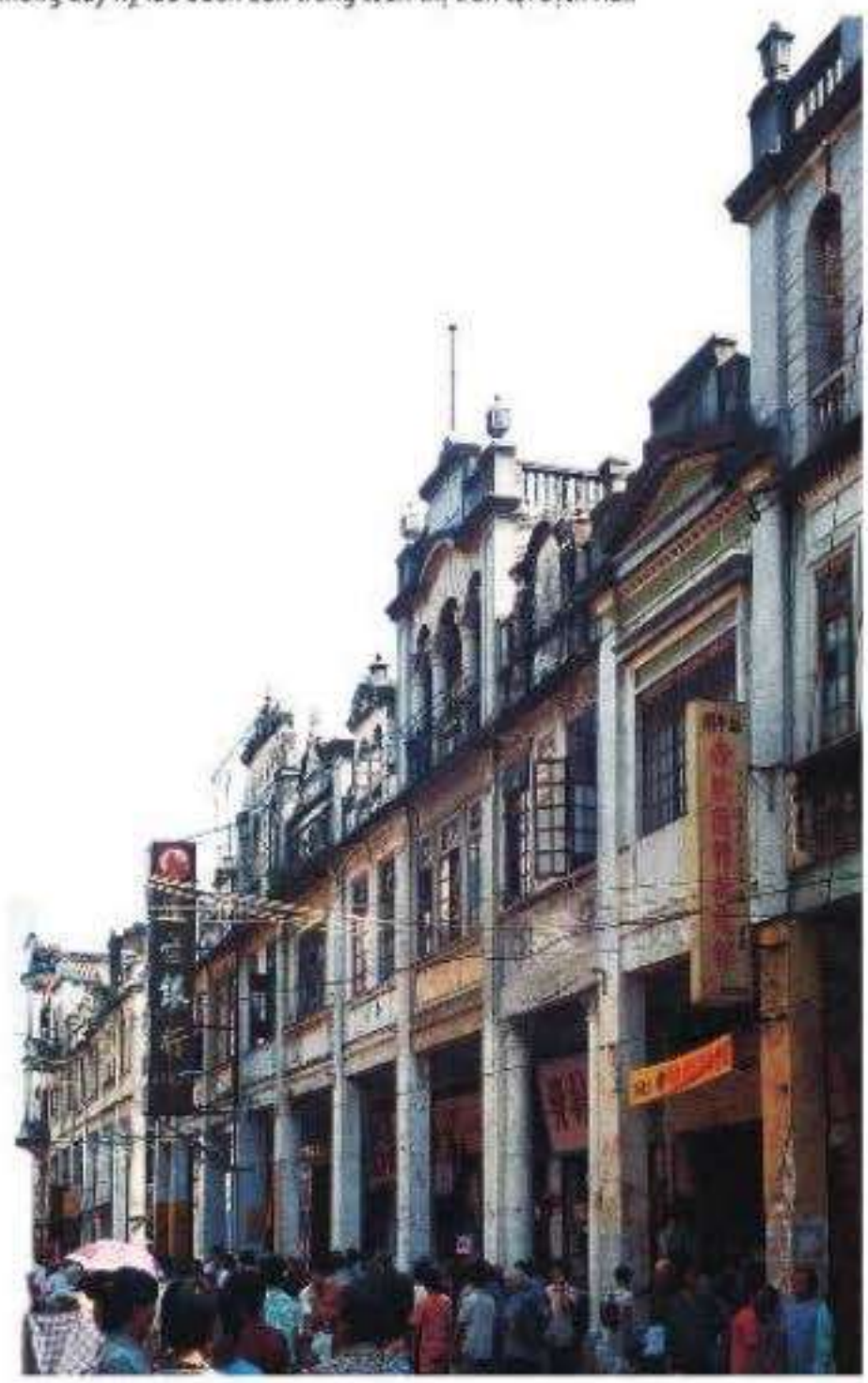

Phố buôn bán có Kỵ lầu tại thị trấn Xích Khẩm - Khai Bình, khắp nơi nổi bật lên một phong cách "hỗn hợp".

Từ đường Kiều hương - Phong cách truyền thống

Đặc điểm đa dạng hỗn hợp của kiến trúc Kiều hương không chỉ thể hiện trong cuộc sống của người dân mà còn thể hiện ở đời sống tâm linh của người Trung Quốc - đó là các kiến trúc đền thờ. Chế độ Tông pháp tồn tại hàng nghìn năm đã được khắc sâu trong lòng mỗi người dân Trung Quốc, cho dù người nào ở đất khách được thăng quan tiến chức đến đâu, trong họ vẫn tồn tại một ý thức mãnh liệt về quan hệ ruột thịt và cội nguồn tông tộc, họ muốn trở về quê hương mình, họ muốn "lá rụng về cội", điều này thể hiện rất rõ trong cuộc sống của Hoa kiều. Tông pháp không hẳn chỉ có sự ảnh hưởng tiêu cực, mà nó đã được nâng lên thành sự khao khát hoài niệm những người chung huyết thống và tinh thần yêu nước mãnh liệt. Đầu thế kỷ XX, đã có rất nhiều các Hoa kiều về quê hương phát triển toàn diện các mặt như xây dựng thêm các nhà xưởng, thành lập trường học, đầu tư vào các công trình công ích, đẩy mạnh sự phát triển văn hóa kinh tế và xã hội Kiều hương. Rất nhiều Hoa kiều tuy sống ở nước ngoài, nhưng lòng họ vẫn luôn hướng về Trung Quốc, kế thừa văn hóa truyền thống Trung Quốc, khi họ tạo dựng được sự nghiệp ở nước ngoài, họ sẽ xây dựng các nhà từ đường ở trong nước hoặc nước ngoài để tôn vinh dòng họ, động viên con cháu.

Nhưng tất cả những gì ở Kiều hương đều mang tính đặc trưng của riêng nó, phản ánh lên văn hóa vùng miền và bối cảnh kinh tế. Dân Hoa kiều sống lâu năm ở nước ngoài thường bị ảnh hưởng bởi lối sống cũng như quan niệm về thẩm mỹ của phương Tây một cách chủ động hoặc bị động. Những nhà từ đường mà họ tu sửa chắc chắn sẽ phản ánh lên sự thay đổi về những quan niệm tư tưởng này, vì thế trong việc sử dụng các cách bố cục, phong cách trang trí, kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng đều mang tính "hòa quyện Trung Tây", "dung hòa đa nguyên".

Phong Thái đường tại Khai Bình.

Trong số các từ đường hiện còn của Hoa kiều ở Ngũ Ấp hiện nay, nổi tiếng nhất, điển hình nhất chính là tòa nhà "Phong Thái đường" ở Khai Bình. Phong Thái đường tọa lạc ở một trong ba cảng của thành phố Khai Bình, là nơi thờ cúng tổ tiên của con cháu dòng họ Dư ở trong và ngoài nước, đây cũng là 1 kiến trúc được xây nên nhằm tưởng nhớ Tổ tiên của họ Dư là Trung Tương Công Dư Tịnh. Theo ghi chép của sách sử, Dư Tịnh (999 - 1064) là công thần của nhà Tống, người Khúc Giang tỉnh Quảng Đông, Thụy hiệu là Viết Tương, làm đến chức Đại phu. Con cháu đời sau vì muốn tưởng nhớ tới ông đã xây dựng nhà tưởng niệm ông tại Khúc Giang (nay là thành phố Thiếu Quan) và đặt tên là "Phong Thái lầu". Về sau con cháu hậu duệ của dòng họ Dư ở trong và ngoài nước thường đặt tên cho các công trình xây dựng hoặc các tổ chức là "Phong Thái" hay "Vũ Khê" để tưởng nhớ tổ tiên của họ, ví dụ như ở Mỹ hiện nay có "Phong Thái đường", "Vũ Khê công sở", "Dư Phong Thái đường" và ở Quảng Đông có "Vũ Khê Thư viện".

Khai Bình Phong Thái đường được xây dựng vào năm thứ 32 của đời Thanh Tự (1906), chia thành 2 bộ phận là "Phong Thái đường" và "Phong Thái lầu", tổng diện tích là 5.364 m^2. "Phong Thái đường" là công trình để tưởng niệm, vì Giao Địch Chúy ở thị trấn Địch Hải thuộc huyện Khai Bình 3 mặt được bao quanh bởi nước, đã lấy mục đích xây trường học, nơi thi cử và nơi tổ chức lễ hội tiệc tùng của làng chung một nơi để giáo dục cho đời sau, vì thế căn cứ vào đặc điểm địa hình, ở phía đông có xây một quảng trường rộng lớn để các buổi gặp mặt quy mô lớn và "học mà chơi, chơi mà học", chủ thể của kiến trúc Phong Thái đường được bố trí vuông góc với trục đông tây của quảng trường; sau này nó trở thành một Phong Thái lầu mang đậm màu sắc của phương Tây.

Chi tiết trang trí tại cửa chính của Phong Thái đường.

Bức tường nhỏ nhô lên này có hình vuông, gồm 3 mặt sừng sững như vươn thẳng lên trời xanh.

Phong Thái lầu là công trình kiến trúc mà các thợ xây dựng đã tự mô phỏng thiết kế của kiến trúc phương Tây, là một sản phẩm giao lưu kết hợp giữa văn hóa và kiến trúc giữa phương Tây với Trung Quốc thông qua nhân dân. Vì kiến trúc sư chưa được học qua một trường lớp chuyên môn nào nên cũng ít bị ảnh hưởng bởi những hạn chế của khuôn khổ phép tắc, họ đã kết hợp được phong cách kiến trúc Trung Quốc và phương Tây một cách rất tự nhiên và sinh động, mang lại một màu sắc tươi mới cho các công trình kiến trúc. Về mặt hình dáng và chức năng, Phong Thái đường cũng giống như các nhà từ đường truyền thống khác, đó là có 3 tòa nhà, 3 lối vào, 15 cột và 6 viện (2 tầng cho 2 chầu chay). Bố cục tổng thể rất cân đối, kết cấu chặt chẽ, lộng lẫy tráng lệ, hình thành nên một "Tứ hợp viện" vừa độc lập vừa quan hệ mật thiết với nhau. Một đặc điểm lớn nhất về mặt tạo hình, đồng thời cũng là một điểm thành công nhất của Phong Thái đường đó chính là 18 hàng tường phòng lửa. Hình dạng gốc của những bức tường phòng lửa này là tường hình đầu ngựa học hỏi từ các mái nhà của từ đường truyền thống, từ đó đã sáng tạo nên một tạo hình mới hết sức độc đáo. Từng hàng từng hàng tường xếp thành các bậc tam cấp trên nóc nhà, hai hàng ở trên có góc nghiêng 75 độ đã mang lại một cảm giác nhẹ

Bức tường phòng lửa:
Bức tường cao hơn mái nhà ở hai bên kiến trúc, dùng để tránh lửa lan tới khi những kiến trúc bên cạnh gặp hỏa hoạn để thoát thân.

nhàng như một chiếc lông vũ hướng thẳng lên bầu trời.

Về mặt nghệ thuật trang trí, các chi tiết trong từ đường hầu như đều sử dụng các cách xây dựng truyền thống của Trung Quốc như điêu khắc trên đá (ví dụ như bức phù điêu "Bát tiên vượt biển" trên bức tường đá Cổ Đài ở cổng chính), điêu khắc gỗ, gạch, sứ, cột sắt... và trong các chi tiết trang trí nhỏ hơn thì có sự kết hợp phong cách trang trí phương Tây. Ví dụ, trong việc xử lý hai dãy hiên trái và phải ở lối thông vào con hẻm, họ đã sử dụng lối kết hợp giữa Trung và Tây: ở trên đỉnh trang trí theo phong cách broken pediment (phần đỉnh nhô ra hình tam giác) của phương Tây, phía trên khắc đầy hình cuộn, phía dưới mái hiên lại dùng gạch Lưu ly của Trung Quốc và các bức bích họa song núi theo phong cách Trung Quốc; dưới cùng các biển tên lại thêm các họa tiết trang trí theo phong cách phương Tây, nó đã đóng góp một vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi đến cửa vòm kiểu phương Tây sau này.

Cột trụ và lan can tại của Phong Thái đường đều sử dụng kỹ thuật khắc đá tinh xảo.

Cột trụ phía bên trong Phong Thái đường cũng là một kiệt tác của sự hòa quyện đến đỉnh cao của Trung và Tây, có những cột trụ có cách trang trí hoa văn mô phỏng hoàn toàn theo phong cách Hi Lạp và La Mã cổ đại nhưng thân cột lại không có các rãnh sắc nét hay mềm mại, cả hàng loạt tỷ lệ cũng không giống với những cột trụ của Hy Lạp hay La Mã cổ đại; đồng thời, ở các chân cột lại có thêm những phong cách của Trung Quốc. Các cột thường được làm bằng đá, cũng có một số ít được làm bằng sắt, ví dụ như hiên nửa hình bát giác nhô ra ở phía trước đại sảnh, bốn cây cột khắc hoa nâng đỡ mái nhà bằng gạch Lưu ly màu xanh phản ánh rõ sự ứng dụng vật liệu mới và kỹ thuật mới.

"Hiên" trong Phong Thái đường có sự kết hợp Trung Quốc và phương Tây:
cột sắt có hoa kiểu Tây chống đỡ mái nhà được lợp từ ngói Lưu ly kiểu Trung Quốc.

Lối vào ngõ có tranh màu kiểu Trung Quốc và mái vòm kiểu phương Tây.

Chi tiết không gian và trang trí bên trong Phong Thái đường.

Nhìn một cách tổng quan thì Lầu canh, Kỵ lầu và Từ đường ở Ngũ Ấp đều có điểm chung, đó là sự mạnh dạn tiếp nhận các văn hóa của nước ngoài đồng thời có sự kết hợp hài hòa với văn hóa địa phương, hình thành nên một văn hóa kiến trúc mới. Ở Ngũ Ấp đa phần đều là "Các công trình kiến trúc không có kiến trúc sư", không bị các hạn chế bởi bất kỳ quy tắc hay khuôn khổ nào, chỉ cần hay là sẽ được áp dụng. Tuy nhiên cách làm này cũng không hoàn toàn đạt được kết quả lý tưởng, nhưng nó đã phản ánh được tư tưởng đổi mới của người dân Kiều hương cũng như đặc điểm văn hóa "thích cái mới, thích đổi mới, thích cái tốt hơn" của văn hóa Lĩnh Nam.

Úc Phong

Nhà gỗ Can Lan và cầu Phong Vũ

- Du lịch trại nhà gỗ
- Hát đối trên cầu Trình Dương
- Cổ lầu và trụ lô sanh
- Nhà gỗ Can Lan
- Lò sưởi - Không gian thần thánh bên trong nhà gỗ

Nhà gỗ Can Lan trại Bình An huyện Long Thắng.

Trung Quốc có lãnh thổ rộng lớn, kiến trúc nhà ở của dân cư phong phú, đa dạng. Những cư dân ở đây chủ yếu có nguồn gốc từ hai hệ thống lớn từ thời xa xưa là "tổ cư" ở phía nam và "huyệt cư" ở phía bắc, còn gọi là "nam sào bắc huyệt". Hang động phía bắc - một kiểu di tích thuộc hệ thống "huyệt cư", mà các nhà gỗ Can Lan phân bố rải rác ở các vùng núi Tây Nam Trung Quốc lại là biểu tượng của hệ thống "tổ cư" xa xưa và nguyên sinh. Các nhà gỗ Can Lan này chủ yếu phân bố tại các vùng đất rộng lớn ở phía Bắc Quảng Tây (Quế Hoa), phía Đông Quý Châu (Đông Nam Quý Châu), phía Tây Hồ Nam (Tương Tây), phần lớn chúng đều có thể dựa núi, lớn thì rải rác còn nhỏ thì tập trung, nằm cạnh Trại Môn, Lô Sanh Bình, cổ lầu và cầu Phong Vũ, tạo thành nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số như Miêu, Đồng, Tráng, Dao...

"Can Lan" hay còn gọi là "Ma Lan", trong ngôn ngữ của dân tộc Trang thì "lán" hay "Can Lan" đều có nghĩa là "nhà". "Can Lan" đã trải qua hàng nghìn năm phát triển, trong *Ngụy thư - Liêu truyện* có ghi chép: "Y thụ tích mộc, dĩ cư kì thượng, danh viết Can Lan". Tạm dịch là: dựa vào rừng, gom góp gỗ lại xây thành nơi để người sống trên đó thì gọi là Can Lan. Di tích Can Lan bằng gỗ thuộc di chỉ sông Dư Diêu tỉnh Chiết Giang đã có niên

đại hơn 7000 năm. Phần lớn lãnh thổ phía nam của Trung Quốc cổ đại thuộc khu vực dân tộc Việt (chính là khu "Bách Việt"), từ Chiết Giang đến vùng đồi núi Quảng Tây, Vân Nam, đâu đâu cũng thấy "tổ cư", có thể nói hình thức cư trú nhà gỗ Can Lan đã bao trùm lên cả thời gian và không gian từ xa xưa và tồn tại cho đến ngày nay. Do sự biến đổi và phát triển của xã hội cũng như những tiến bộ của khoa học kĩ thuật, hình thức nhà gỗ Can Lan ở đồng bằng và khu vực phát triển đã dần thay đổi, thay vào đó là những kiểu kiến trúc kết hợp giữa gạch và gỗ, tuy nhiên tại nơi sinh sống của các dân tộc thiểu số vùng núi vẫn bảo tồn được phần lớn các nhà gỗ Can Lan, lưu giữ lại những phong tục tập quán độc đáo mang đậm bản sắc văn hóa của nhiều dân tộc.

Du lịch trại nhà gỗ

Trại nhà gỗ ở vùng núi Quế Hoa có hình dáng rất đa dạng, đều có nguồn gốc từ hình thức phân bố của các cư dân là tùy vào thế đất mà thích nghi: hoặc là vượt qua khe suối, hoặc kề sát chân núi, hoặc chiếm đất hay vòng quanh sông. Các trại nhà gỗ đa phần đều có cổng trại, nếu là trại lớn thì không chỉ có một cổng. Đường núi, khe suối và nhà gỗ đan xen vào nhau, đồng ruộng và thôn xóm thì kết thành một khối, điều này đã phản ánh những đặc điểm của việc sinh sống dựa trên việc cày cấy trồng trọt của các hộ kinh tế tiểu nông.

Trại Hoàng Lạc, huyện Long Thắng.

13 trại Long Tích thuộc huyện tự trị các dân tộc Long Thắng, cách thành phố Quế Lâm 100km, cao hơn mực nước biển gần 1000m, được gọi là "ruộng bậc thang số một thế giới". Ruộng bậc thang ở đây sinh khí

Ruộng bậc thang Long Tích, sinh khí tràn đầy.

tràn đầy, uốn lượn nhấp nhô. Điều kiện môi trường sinh thái không tốt đã tôi luyện cho những đồng bào dân tộc Trang nơi đây: Trong số 13 trại, trại Bình An là trại cao nhất so với mực nước biển, một mảnh ruộng bậc thang ở đây không quá một mẫu, mảnh ruộng nhỏ nhất được gọi là "một cú nhảy của châu chấu bằng ba mảnh này", trung bình mỗi người chỉ được bảy phần đất; từng mảnh từng mảnh ghép lại thành ruộng lúa nước rộng 630 mẫu, dùng bò kéo cày chưa đến một phần ba, phần còn lại đều do người tự kéo cày.

Đi vào trong trại Bình An, những con đường núi đá khúc khuỷu, dốc đứng nối liền với các nhà nằm rải rác trên khắp các sườn núi. Những nhà gỗ với những mái ngói nghiêng nghiêng một màu với các trụ chống trên mặt đất dốc, có trụ chống cao trên 5, 6m với những mảnh ruộng bậc thang xen cài phía trong nó. Quần thể các nhà gỗ vừa phải thuận theo thế núi, thế đất, các thôn trại cũng phải nằm tiếp giáp đồng ruộng để tiện việc cày cấy, nên có câu rằng

Lối vào trại Nham được xây tại lầu qua phố.

Trại Tọa Long ở thôn Độc Đống giống như một pho tượng rồng đang nằm.

"Gần nhà không có đất xấu, ruộng xa không có người giàu", điều này đã thể hiện nhu cầu của các hộ kinh tế tiểu nông đối với môi trường sinh sống.

Do sự thay đổi của lịch sử, trong số rất nhiều những thôn trại của huyện tự trị dân tộc Đồng ở Tam Giang, vẻn vẹn chỉ có một vài trại cạnh nhau, thậm chí kết thành một khối, 3 trại ở Lâm Khê là một ví dụ. Trại Hoàng Triều là trại có địa thế tốt nhất trong 3 trại, dọc đường vào trại là những bậc thềm dốc, sẽ phải đi ngang qua cổng trại có hình dạng như mái đình. Trại có hình chữ nhật, cổng trại, cổ lầu, hồ tích nước, tiểu cổ lầu được xây dựng theo tuần tự, bố cục rất chặt chẽ. Trại Nham là trại nhà gỗ ngay bên dưới sườn trại Hoàng Triều, được xây bên lòng sông, gần với khe suối, từ cầu Phong Vũ muốn vào trại nhất định phải ven theo con đường nhỏ bên bờ sông đi vào. Đặc điểm vừa cao hơn lại vừa gần với lòng sông của trại Nham đã tạo nên một cảnh cổng rất độc đáo cho trại lối vào ở bên dưới lầu qua phố thuộc

Toàn cảnh cầu Trinh Dương.

cổ lầu, từ lòng sông men theo bậc thang đi lên mới vào đến cổng trại. Cây cầu Phong Vũ xinh xắn phía trước trại Nham thuận theo con sông một cách rất tự nhiên rồi nối liền với trại Lượng, trại Lượng cũng có cổng trại và cổ lầu riêng. Chính như vậy, ba khu trại này là ba kiểu ba cách, vừa giống vừa khác, vừa hợp vừa phân.

Trại Tọa Long của thôn Độc Đồng ba mặt đều bao quanh bởi nước, một mặt tựa theo triền dốc, giống hệt hình ảnh một con rồng đang nằm, đây là một thôn trại nhỏ chỉ với hơn 40 hộ. Đường núi chật hẹp, nhà gỗ ngay cả thú cũng phải leo bậc, nhưng vẫn có thể nổi bật lên cổ lầu, miếu nhà và cổng trại.

Hát đối trên cầu Trình Dương

Mỗi dịp lễ tết, già trẻ trai gái, anh em họ hàng dân tộc Đồng đều hết sức hào hứng từ khắp mọi nơi đổ về cầu Trình Dương. Họ khoác lên mình những bộ trang phục hết sức trang trọng, đốt pháo hoa rực rỡ và nhảy điệu múa khèn "Thái đường". Mọi người tập trung ở đầu cầu Trình Dương, thanh niên nam nữ dùng những cành trúc xanh tạo thành hàng rào trúc, chặn lại đường lên cầu vào trại, tất cả những vị khách đến thăm họ hàng hay bạn

Những thanh niên dân tộc Đồng đang "bày trận" hát điệu chắn đường trên đầu cầu Trình Dương.

Giá đỡ cầu Trình Dương tất cả đều được làm từ gỗ Sam với kết cấu mộng.

bè vào những dịp đặc biệt hay lễ tết cũng đều bị chặn lại. Họ không kiểm tra giấy thông hành của bạn, cũng không đòi phí qua đường mà chỉ muốn bạn hát đối với họ. Hãy lắng nghe "Điệu hát chắn đường" đang cất lên:

"Từ trước tới nay chưa bao giờ thấy mặt trời sáng tỏ đến vậy
Từ trước tới nay chưa bao giờ thấy trăm hoa khoe sắc như vậy
Hôm nay, chính là nhờ những vị khách từ phương xa tới đây
Những gương mặt của anh em Đồng gia chúng tôi
cũng trở nên rạng ngời...".

Những điệu hát của dân tộc Đồng cũng giống như cây cầu Trình Dương, rất thân thiết, gần gũi, giản dị và đẹp đẽ. Các vị khách phải đối được vài câu hát mới có thể lên cầu vào trại và được đón tiếp nồng hậu. Những hoạt động náo nhiệt như vậy diễn ra ở khắp các trại của dân tộc Đồng, nhưng vì cầu Trình Dương là văn vật trọng điểm cấp quốc gia của Trung Quốc nên nó càng trở nên nổi tiếng.

Cầu Trình Dương là do năm vị trưởng lão của dân tộc Đồng thuộc tám trại như Trình Dương, Má An... lãnh đạo xây dựng nên. Họ vừa làm ruộng vừa đi làm, kêu gọi mọi người quyên góp gỗ, quyên góp sức lao động, mời đến những thợ đá, thợ gỗ tốt nhất và đã hoàn thành cây cầu sau mười hai năm xây dựng: chuẩn bị nguyên vật liệu và đá làm cột chống cầu mất bốn năm, vận chuyển gỗ xây khung cầu hết ba năm, dựng đình, lợp ngói và trang trí hết 5 năm.

Trạm nghỉ trên cầu là cầu Phong Vũ xã Độc Đồng có mái được dựng theo phong cách ca sơn.

Cầu Trình Dương thuộc xã Lâm Khê, huyện Tam Giang, Quế Bắc, bắc ngang qua sông Lâm Khê, dài 64m, rộng 3m, cao trên 10m, có bốn vòm và chia làm năm tầng. Phần chính của cầu mỗi vòm có đường kính 1,6 thước (khoảng 0,5m) do bảy trụ làm từ thân cây sam cao 9 trượng (khoảng 30m) xếp thành hai tầng mà thành, tiếp đó là phải phủ ván gỗ, dựng cột gỗ, khung cầu, làm mái, lợp ngói; hai bên cầu được dựng như hình của mĩ nhân đang tựa vào lan can. Chỉ riêng ở xã Lâm Khê đã có hơn mười lăm chiếc cầu Phong Vũ như vậy, thường gọi là "cầu Hoa". Điều đáng chú ý là, trên thân cầu không có lấy một cây đinh sắt, toàn bộ đều dựa vào kĩ thuật cao là "xuyên" và "ghép", đan xen, kẹp chặt rồi được nối vào nhau, tất cả đều được đóng chặt lại bằng đinh gỗ.

Cầu Phong Vũ Ba Đoàn tại xã Độc đồng.

Các trại ở Quế Bắc đều có cầu, và mỗi chiếc cầu Phong Vũ lại có đặc điểm khác nhau: có ba, bốn hay năm trạm nghỉ, có bốn góc hay sáu góc (chu vi hình vuông) ghép thành đỉnh nhọn, có hai đến năm tầng mái hiên, có cái dựa theo thế núi (chu vi hình chữ nhật) hoặc kết hợp giữa thế núi và đỉnh nhọn của mái nhà. Như vậy, tính từ số trạm nghỉ trên cầu, số mái hiên cho đến hình dáng của mái nhà, mỗi cầu đều có đặc điểm rất riêng của mình, không cái nào giống cái nào. Thêm nữa, cầu Phong Vũ ở trấn Ba Đoàn có hai tầng, tầng trên dành cho người, tầng dưới cho gia súc. Quả thật, sức sáng tạo và sự khéo léo của người dân nơi đây khiến cho chúng ta vô cùng khâm phục.

Cầu Phong Vũ không chỉ là cánh cổng dẫn vào trại mà còn là con đường nối liền hai bên bờ sông, là nơi nhất định phải đi qua nếu muốn ra vào thôn trại, và điều quan trọng nhất, cây cầu chính là tượng trưng cho thôn trại. Việc hát đối trên cầu Trinh Dương đã tạo nên màu sắc độc đáo cho kiến trúc dân cư dân tộc Đồng nơi đây.

Cổ lầu và trụ lô sanh

Có thể sánh ngang với vẻ đẹp của cầu Phong Vũ chính là cổ lầu (lầu đánh trống) nằm ở giữa mỗi thôn trại (mỗi trại có thể có tới hai hoặc nhiều cổ lầu). Cổ lầu có vị trí vô cùng nổi bật, ngay giữa trại và nó cũng là tinh hoa trong kiến trúc của xã Đồng. "Đôi cánh của gà mái và đuôi của chim phượng hoàng cũng không thể sánh được với vẻ đẹp của cổ lầu Đồng gia", chính là hình ảnh tượng trưng cho sự tán thưởng của mọi người đối với cổ lầu.

Cổ lầu phân làm trên dưới 2 bộ phận, phần dưới giống cái đình hay trạm nghỉ chân, phần trên giống như tháp. Phần lầu bên dưới có tám trụ chống bằng gỗ, bên trong và bên ngoài đều có bốn cột, bên trong dùng những trụ lớn bằng gỗ sam làm xà, trụ bên ngoài dùng để chống đỡ mái hiên; phần phía trên do các lớp mái ghép lại, phân thành bốn, sáu hay tám góc, các lớp mái hiên thường lấy số lẻ, có thể là năm hay bảy lớp, nhiều hơn nữa là chín hay mười một lớp. Phần đỉnh nhọn trên mái của cổ lầu thường được đặt hồ lô và hạc nghìn năm, với ý nghĩa mang đến cát tường, may mắn. Bên trong lầu, nền đất được lát bằng đá, xây cả "Lò sưởi", có thêm chỗ ngồi, những cổ lầu lớn có thể chứa tới một hai trăm người. Trống là một thân gỗ rỗng lớn, hai đầu bịt da bò được đặt ở chính giữa lầu. Cổ lầu là nơi bàn bạc các việc trọng đại của thôn, ngoài ra còn là nơi đặt ra và kiểm tra việc chấp hành các quy định, hương ước khác; thứ nữa, cổ lầu dùng để cảnh báo mọi người khi có nguy hiểm hay đạo tặc, khi nghe thấy tiếng trống, mọi người sẽ tập trung ở cổ lầu và cùng nhau hành động.

Hình ảnh phía mặt chính của cổ lầu ở trại bên vách núi - trại Nham.

Đỉnh có chín tầng theo phong cách ca sơn ở cổ lầu Mã Bàng.

Nằm chính giữa thôn trại xá Đồng là cổ lầu nhưng chính giữa trại Miêu lại là trụ lô sanh, đó là một thân cây sam lớn, thẳng đứng, được gắn đầy sừng trâu, rồng phượng, đại đao..., phần đỉnh có hình phượng hoàng. Trụ lô sanh được dựng ở chính giữa khu trung tâm quảng trường trại Miêu, lấy trụ làm trung tâm rồi dùng lớp lớp đá cuội tạo thành hình. Trụ lô sanh chính là "tô-tem" của dân tộc Miêu ("tô-tem" là biểu tượng của tổ tiên, họ hàng hay thần bảo hộ trong nhận thức của người nguyên thủy), mỗi dịp lễ tết, anh em đồng bào Miêu lại khoác lên mình những trang phục trang trọng, các cô gái thì vẩy những chiếc khăn tay đầy màu sắc, các chàng trai thì mang lô sanh làm bằng ống tre, họ cùng vây quanh trụ lô sanh để nhảy "điệu múa Thái dương".

Tại sao trại Đồng có cổ lầu và cầu Phong Vũ mà trại Miêu chỉ có trụ lô sanh? Có cách lí giải rằng: "Trên núi cao thì có dân tộc Dao, dưới núi thấp thì có dân tộc Miêu, dân tộc Hán sống ở đồng bằng, còn Đồng gia thì cư trú ở lòng sông". Các dân tộc này đấu tranh với nhau để quyết định nơi sinh sống của dân tộc mình. Dân tộc

Trụ lô sanh - "tô-tem" của dân tộc Miêu.

nào mạnh thì sẽ giành được mảnh đất màu mỡ, vị trí tốt hơn, ngoài dân tộc Hán chiếm vùng đồng bằng và thành phố ra, trong số các dân tộc thiểu số ở Quế Bắc, dân tộc Đồng là lớn mạnh nhất, do đó mà họ chủ yếu sinh sống ở khu vực hai bên lòng sông. So với vùng núi thì nơi đây có nguồn nước tương đối dồi dào, khá nhiều ruộng đồng, nhưng nếu lập trại ở bên sông nhất định phải xây nhiều cầu, điều này cũng có lợi cho việc phòng chống sự tấn công của trộm cướp. Xét về quy mô, chất lượng của trại nhà gỗ và nhà ở của dân có thể thấy thôn Đồng vẫn nổi trội hơn.

Hình ảnh phía bên ngoài của nhà gỗ Liêu gia

Nhà gỗ Can Lan

Vùng núi Quảng Tây có nhiều rừng, khí hậu nóng ẩm, lượng mưa dồi dào, lại có rắn độc thú dữ, do đó kiểu nhà gỗ Can Lan xuất hiện nhiều ở vùng núi Quế Bắc. Những dân cư ở đây từng bước sáng tạo, hoàn thiện những nhà gỗ Can Lan làm từ trúc, tre, gỗ; lầu trên dành cho người, phía dưới có không gian thoáng đãng thì để nông cụ, đồ đạc và nuôi gia súc. Nhà gỗ Can Lan thường có hình chữ nhật và có dạng "ba gian bốn giá" (mặt chính có ba gian mở, đi sâu vào trong thấy trên khung nhà có bốn dãy xà). Dựa vào các đặc điểm khác nhau như số người ở, địa hình, đường sá giao thông mà khu nhà có thể có hình chữ L, hình lối hay lõm; do thường xây trên địa hình núi dốc, để tiết kiệm đất cũng như kết hợp được các dạng địa hình, mỗi nhà thường có hai, ba tầng hình chữ nhật. Các mái nhà của nhà gỗ thuộc huyện tự trị Tam Giang của dân tộc Đồng thường ở trên đỉnh núi với 4 bề đều là sườn núi, nhưng ở trại Miêu huyện Dụng Thủy thì lại dựa vào vách núi. Vật liệu để làm mái nhà chủ yếu là ngói xanh, nhà gỗ ở vùng rừng núi cao cũng có dùng cả ngói và tấm gỗ. Bao quanh các bức tường đều là các tấm gỗ, có thể xây cửa sổ nhỏ hoặc để trống. Ở Quế Bắc, các gian nhà mở ở những nhà gỗ vừa và nhỏ thường rộng từ ba đến năm mét, điều này được quyết định bởi vật liệu gỗ sam đã dùng có kích thước to hay nhỏ. Cả ngôi nhà gỗ

đều dùng mộng và chốt để liên kết lại với nhau, rất ít khi sử dụng dụng cụ bằng sắt. Phần thấp nhất của nhà gỗ là các trụ gỗ, được đặt trực tiếp trên nền nhà, thường được chèn thêm đá. Vì cả khu lầu đều chịu lực tác động như nhau nên nếu có phá một cây cột trụ hay di chuyển các hòn đá chèn trụ thì nhà gỗ cũng không mảy may lay chuyển. Hệ thống kiến trúc này có rất nhiều ưu điểm: một là rất khó để tìm được một khu đất có kiến trúc bằng phẳng trên vùng núi, điều chỉnh độ dài của các cột trụ cho hợp với độ cao của khu đất nên sẽ tránh được những hạn chế khi xây nhà ở khu vực như vậy; hai là các tấm gỗ bao quanh các bức tường có thể dựa trên nhu cầu mà đóng hay mở, hoặc đóng kín lại chỉ trổ cửa sổ nhỏ ra ngoài hoặc xây lan can thành những đài sưởi nắng hay đài nghỉ mát; ba là có thể xây thêm hay ghép nối các nhà gỗ rất tiện lợi và dễ dàng. Hệ thống kiến trúc này còn có lợi cho việc thoát nước mưa, phòng và chống động đất.

Cần phải nhắc đến hai đặc điểm vô cùng nổi bật của nhà gỗ Can Lan Quế Bắc, đó là: trụ treo và giá treo dưới mái nhà. Để tăng thêm diện tích sử dụng của nhà gỗ trên nền đất có hạn, người dân ở đây phải xây thêm các tầng nhô ra phía bên ngoài, điều này bắt buộc trên xà ngang phải có các trụ treo chống đỡ các tầng nhô ra. Trụ treo bên ngoài tầng trên và xà nhà được

Nhà gỗ treo.

Bên trong nhà gỗ ở trại bên vách núi - trại Nham, kết cấu tập trung giữa xuyên nối và các mộng, chốt.

Trụ treo của nhà gỗ.

Khung nhà gỗ trại Mạnh xã Đồng Lạc đang được thi công.

ghép nối với nhau thông qua hình thức giá nối hình thành nên kiểu ghép nối "xuyên - ghép", đầu dưới của trụ nhô ra một chút gọi là trụ treo. Đầu trên của trụ treo thường được gia công, tạo nên hình cánh sen, đèn lồng giống như trụ hoa sen trên cổng thủy hoa trong Tứ hợp viện ở phía bắc. Còn có kiểu giá treo dưới mái nhà do khu vực phía nam hay có mưa, ngày quang mây thì nắng to, do đó mà mái nhà thường có mái hiên rất lớn, khoảng 1,5m; trụ đứng dưới hiên hướng ra ngoài để chống đỡ xà nhà, trên đó lại có xà ngang, những mái hiên lớn thường có từ hai đến ba tầng xà chống đỡ như vậy. Tuy cả khu nhà gỗ không hề có những hình điêu khắc tinh xảo, nhưng những giá xuyên ghép, trụ treo, đài sưởi nắng, giá treo, cộng với việc địa hình cao thấp khác nhau, trái phải trên dưới đều gắn kết với nhau nên tạo hình mềm mại, uyển chuyển, phong phú và đẹp đẽ vào bậc nhất.

Lò sưởi - Không gian thần thánh bên trong nhà gỗ

Bên trong mỗi nhà gỗ ở Quế Bắc đều có "lò sưởi", nằm ở phần giữa, trong một không gian rộng lớn ở trên tầng hai, những nhà gỗ lớn thường có hai hoặc ba lò sưởi. Lò sưởi được đặt trên mặt nền của nhà gỗ, là một cửa vuông rộng một mét vuông, tạo thành một hộc vuông chìm dưới sàn, khung gỗ để chịu sức cho lò sưởi được đóng trên xà nhà, bên dưới lót thêm gỗ và bùn chống lửa, khảm thêm đường viền ở 4 bên để cách nhiệt phòng lửa. Lò sưởi sử dụng than gỗ, khói bốc nghi ngút trong phòng về lâu dài sẽ có một lớp khói dầu trong nhà gỗ, điều này làm cho

không gian trong nhà gỗ rất tối và u ám, nhưng người dân ở đây lại nói rằng nó có tác dụng chống ẩm, chống mục.

Lò sưởi có vị trí khá quan trọng, trong gia đình nó vừa có công dụng nấu bếp, vừa là nơi để gia đình, bạn bè tụ họp, nói chuyện lúc nông nhàn. Bất kể là xuân, hạ, thu, đông thì ngọn lửa trong lò sưởi của trại nhà gỗ cũng không bao giờ tắt. Lò sưởi còn là một không gian thần thánh, nếu tùy ý bước qua lò sưởi sẽ bị coi là hành động bất kính. Ở huyện Long Thắng, Quế Bắc, đồng bào dân tộc Trang thường vây quanh lò sưởi và hát đối; đặc biệt là nam nữ thanh niên, họ bày ra các trận hát, một hỏi một đáp, một hát một bè. Con người nơi đây xuất khẩu thành lời ca, hát trà, hát tán dương, hát để trọc ghẹo, hát về tình yêu... Một khi đã hát thì ít nhất phải quá nửa đêm, thậm chí đến khi gà gáy báo sáng:

"Long tích san hạ tang thủy bàng
Muội muội xướng ca tình ý trường
Tâm lí hảo tỉ thủy nguyên đầu
Khẩu trung xướng xuất nhất điều giang
Long thắng thủy lai nhất điều hà
Đương số ca ca tình ca đa
Lạc liễu tam thiên mông mông vũ
Nhất xuyến vũ châu nhất chi ca".

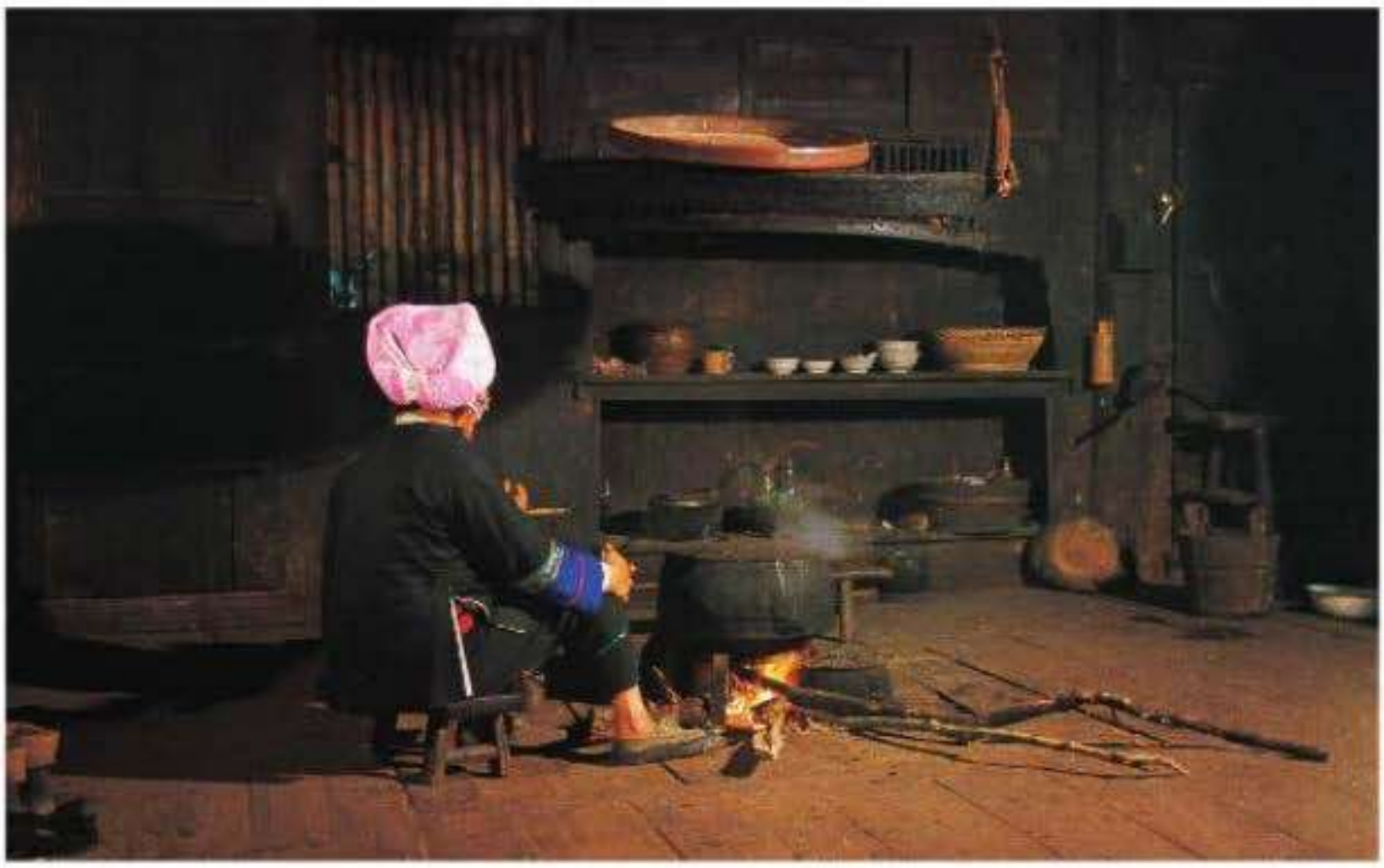

Lò sưởi trong nhà gỗ Liêu gia trại Bình An.

Thanh niên dân tộc Nội Trang trại Bình An hát đối.

Đống lửa này, chiếc nồi này, li trà này, bài hát này là những thứ rất phổ biến và được ưa chuộng trong cuộc sống sinh hoạt của đồng bào dân tộc Trang, nó đã mang đến cho lò sưởi một chiều sâu văn hóa trong không gian nhà gỗ đặc sắc này. Ở nơi đây, không gian kiến trúc - cuộc sống nhàn hạ - phong thổ nhân tình đều hợp làm một.

Dòng sông Ngọc Hà nuôi dưỡng và cho nhiều sản vật

Tìm hiểu về nguồn gốc phố xá Lệ Giang

- Thành cổ thăng trầm nghìn năm
- Dòng nước uốn lượn bao bọc những con đường
- Nhà ở ba phường với bình phong

Phía tây bắc tỉnh Vân Nam thuộc biên giới tây nam Trung Quốc, "Lệ Giang" là nơi có ngày càng nhiều người biết đến và hướng đến. Nơi đó có dân tộc Nạp Tây chất phác hồn hậu, lưu giữ lại rất nhiều thành cổ và nhà ở, có núi Ngọc Long phủ đầy tuyết quanh năm, có văn hóa Đông Ba của dân tộc Nạp Tây vô cùng lâu đời, thần bí, phong phú và đa dạng. Nơi đây giống như tinh thổ, cũng giống như thiên đường của nhân gian, con người tự do ngao du giữa núi sông tận hưởng cái tĩnh của cuộc đời. Ngoài núi tuyết, thành cổ ra, ở đây còn có thảo nguyên Vân Sam, bích họa Bạch Sa, khe núi Hổ Khiêu, Trường Giang đệ nhất vịnh, hồ Lô Cô, thảo nguyên Ly Ngưu, tất cả đều khiến lòng người say đắm.

Thành cổ thăng trầm nghìn năm

Du lịch Lệ Giang, điều khiến người ta lưu luyến nhất là thành cổ ở đây, và thứ đi sâu vào lòng người nhất chính là nhà ở trong lòng thành cổ.

Thành cổ Lệ Giang trong thị trấn cổ Đại Nghiên là một khu thành nhỏ rất đẹp, có vẻ gì đó vừa giống Venice, vừa giống Tô Châu, mà lại toát ra hơi thở chốn thôn quê nhiều hơn Venice và Tô Châu. Nơi đây, núi và sông ở xung quanh những làng mạc nhỏ bé, những khu rừng rậm rạp bao quanh, hòa quyện thành một thể thống nhất. Thành cổ Lệ Giang còn là một thành cổ lưu giữ nhiều dấu ấn cuộc sống từ đời này sang đời khác, và những dấu tích lịch sử của dân tộc Nạp Tây. Thành cổ là nơi văn hóa và đời sống nhân dân Nạp Tây được tiếp diễn qua nhiều đời. Những con đường lớn, những con hẻm nhỏ, những ngôi nhà lớn, cửa hàng, cửa hiệu đều chứa đựng rất nhiều câu chuyện, dấu tích của năm tháng. Điều đáng quý là những ngôi nhà ở trong thành và trong rất nhiều góc nhỏ của thành cho đến bây giờ vẫn là nơi sinh sống của người dân Nạp Tây cần cù lương thiện. Vì vậy, đây là một ngôi thành cổ "sống", là một thành cổ vẫn sống sau khi đã chứng kiến bao nhiêu thăng trầm của lịch sử và vẫn tồn tại đến tận hôm nay. Cũng vì những giá trị và đặc điểm nêu trên, năm 1997 Ủy ban Di sản thế giới thuộc Tổ chức Khoa học Giáo dục Liên hợp quốc đã đưa thành cổ Lệ Giang vào Danh sách Di sản Văn hóa thế giới.

Trang phục dân tộc Nạp Tây - Thất tinh đới nguyệt.

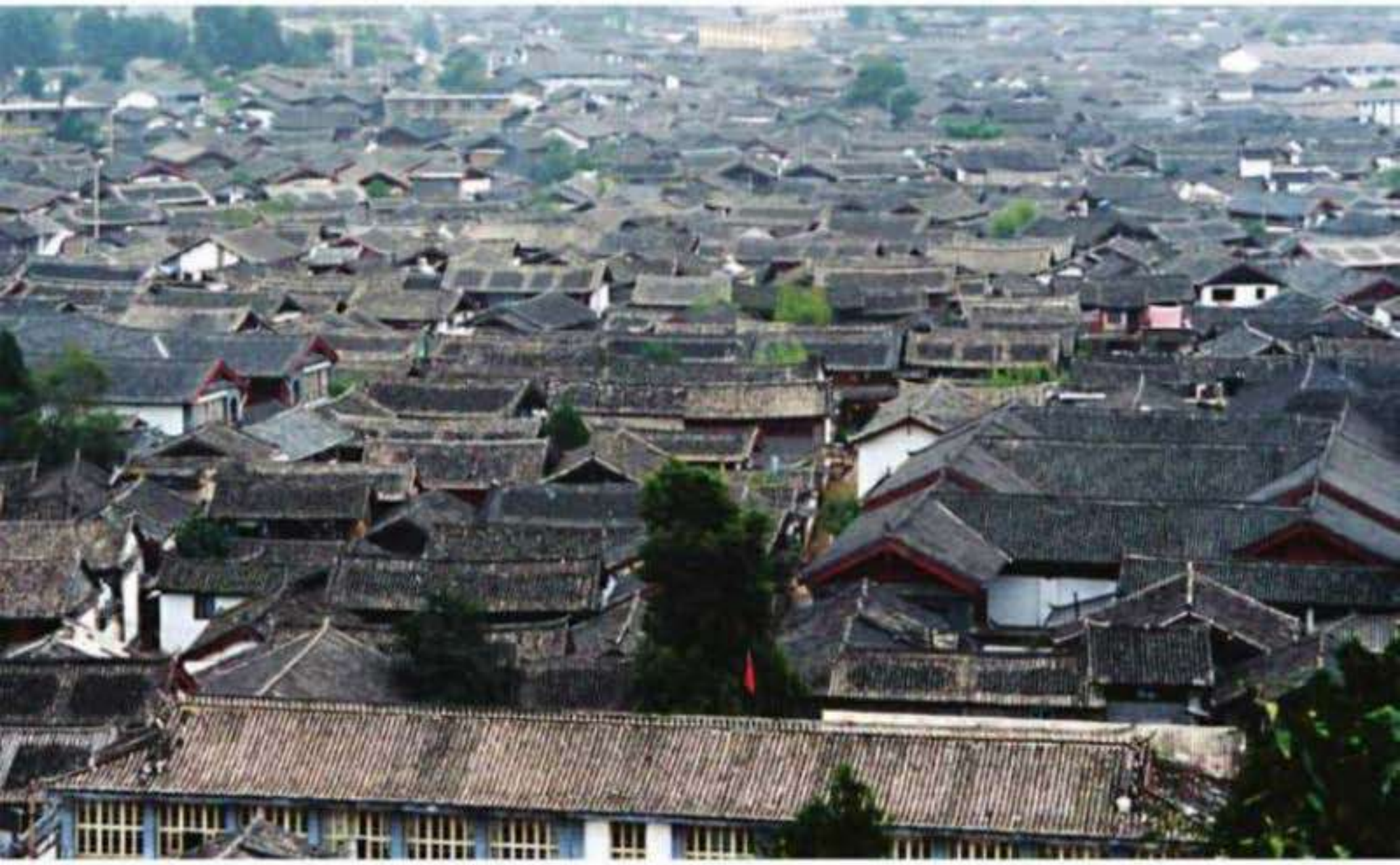

Phủ khám trong thành cổ.

Sự phát triển của một thị trấn hoặc một tòa thành bao giờ cũng song song với sự phát triển kinh tế xã hội của nơi đó, thành cổ Lệ Giang đương nhiên cũng không phải là ngoại lệ. Căn cứ vào ghi chép lịch sử, tổ tiên người Nạp Tây là bộ lạc được sinh ra bởi hậu duệ của dân tộc Khương cổ di chuyển từ vùng Tây Bắc xuống vùng Tây Nam và những người dân bản địa. Cuối thời Tùy đầu thời Đường (thế kỷ VII), trong quá trình những người nguyên thủy chuyển hóa từ việc du canh du cư sang định cư, bộ lạc thời kỳ đầu của người Nạp Tây - dân tộc Ma Ta đã dựng hàng trăm chiếc trại lớn nhỏ dọc lưu vực sông Kim Sa và lưu vực sông Ngọc Hà, hình thành cảnh quan các thôn tụ họp lại với nhau. Nếu nhìn từ góc độ lịch sử phát triển của các khu vực sinh sống quần cư, thì những khu vực sinh sống quần cư nguyên thủy này là khởi nguồn đầu tiên của sự phát triển của thành cổ Lệ Giang. Nhà ở trong thời gian này, bước đầu hình thành loại nhà mà ngày nay chúng ta gọi là nhà Mộc Lăng.

Nông canh khi phát triển đến một mức độ nhất định tất yếu sẽ hình thành thị trường mậu dịch và trao đổi vật phẩm. Vì vậy, các thị trấn tập trung cũng do lẽ đó mà được hình thành, và trở thành mô hình đầu tiên của thành cổ. "Đại Nghiên địa" tại lưu vực sông Ngọc Hà cũng là điển hình của một làng cổ chuyển hóa thành trị trấn tập trung.

Đại Nghiên địa ở vào vị trí trung tâm của Bá Tử - Lệ Giang và vùng miệng túi của vịnh sông Kim Sa, bốn bề có núi bao bọc, bên ngoài núi có sông Kim Sa, trở thành một dòng sông bao quanh để bảo vệ thành, đây là một nơi vừa có thể phòng ngự lại vừa có thể khống chế toàn bộ những khu vực dọc lưu vực sông. Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt (1215 - 1294) dẫn đại quân Mông Cổ vượt sông, kết thúc tình trạng từng vị tù trưởng tự cai quản bộ lạc của mình, đồng thời phong Phó thống soái quân Nguyên là Mạch Lương lên làm thủ lĩnh vùng đất này, đồng thời sau khi con của Mạch Lương là A Lương A Hổ kế nhiệm đã đặt cơ quan hành chính Lệ Giang tại Đại Nghiên địa. Ông ta đã cho đào nhánh phía tây của sông Ngọc Hà, bắt đầu cho việc xây dựng thành cổ Đại Nghiên, từ đó thiết lập lề lối cơ bản cho việc phát triển thị trấn xung quanh các nhánh sông phía tây và nhánh sông giữa của sông Ngọc Hà, đây là tiền thân của thành cổ Lệ Giang sau này. Đến thời Minh, Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương (1328 - 1398) đã phong Mộc thị làm Tri phủ Thổ ti Lệ Giang, quan Thổ ti Mộc thị đã dời phủ từ Bạch Sa vào thị trấn Đại Nghiên, đồng thời xây dựng nhiều công trình trong thành cổ, bố cục thị trấn Đại Nghiên lấy phố Tứ phương làm trung tâm trục đường chính, từ đây tỏa ra 4 phương 8 hướng hình thành 1 bố cục hoàn chỉnh cho thị trấn. Đến đời Ung Chính thời Thanh (1723 - 1735), Quan Thổ ti ở Lệ Giang trước đây giờ đổi sang là các quan bị triều đình lưu đày giáng chức ra cai quản (sử gọi là Cải thổ quy lưu). Lưu quan lại đào thêm nhánh sông ở phía đông của sông Ngọc Hà, cuối cùng về cơ bản đã hình thành nên thế 3 nhánh sông phía tây, phía đông, và nhánh giữa gắn kết chặt chẽ như ngày nay, hệ thống các con đường được xây dựng nên trong đó, phố Vuông (phố Tứ phương) chính là trung tâm của các con phố trong thành cổ Lệ Giang.

Thành cổ dựa vào núi Tượng và núi Kim Hồng ở phía đông bắc, phía tây bắc lại gần với núi Sư Tử. Địa hình này có lợi cho việc chắn tuyết và gió lạnh vào mùa đông và mùa thu, tránh tổn hại cho khu vực nội thành. Mùa xuân trong thành gió đông ấm áp, vạn vật xanh tốt, mùa hạ gió nam lồng lộng, không khí mát mẻ. Thành trì tuy ở vào độ cao 2400 mét so với mực

nước biển nhưng mùa đông không lạnh, mùa hè không nóng, bốn mùa không khí trong lành mát mẻ.

Dòng nước uốn lượn bao bọc những con đường

Nước là linh hồn của thành cổ, vẻ đẹp của thành cổ không thể tách rời nước.

Đầu nguồn của sông Ngọc Hà trong thành là đầm Hắc Long. Nước suối được chảy ra từ dưới những gốc cây hạt dẻ già cỗi dưới chân núi Tượng, phun ra từ giữa những tảng đá lớn, tạo thành một đầm nước vừa lớn vừa thần bí. Nước trong đầm chảy từ phía tây bắc thành cổ đến cầu Ngọc Long, sau đó được phân làm ba nhánh nhỏ, chảy về ba hướng đông chính giữa, và hướng tây trong thành. Vì vậy, nước sông Ngọc Hà không bao giờ cạn, đây chính là khởi nguồn cho sức sống mãnh liệt của thành.

Nhánh Đông, nhánh Tây và nhánh Giữa lại được phân thành rất nhiều nhánh sông nhỏ chảy khắp các ngõ ngách trong thành. Điều kiện tự nhiên thuận lợi đã tạo nên bố cục của những con đường rất đa dạng trong thành cổ. Trong thành, những nhánh sông song hành cùng đường phố chính, những nhánh sông nhỏ hơn song hành cùng các ngõ nhỏ, con đường uốn

"Trái tim" của thành cổ - phố Tứ phương (phố Vuông).

lượn theo các nhánh sông, các căn nhà lại dựa theo thế đất mà cao thấp không đều. Như vậy, hình dáng cơ bản của thành cổ cũng trở nên rõ nét. Có hệ thống sông, thì ắt sẽ có những cây cầu đủ kiểu, đủ loại. Cầu ở Lệ Giang muôn hình vạn dạng, có sức hấp dẫn vô cùng lớn. Khi bạn ngồi trên lan can cầu, lắng nghe dòng nước sông Ngọc Hà chảy qua, nhìn những rặng liễu đung đưa theo làn gió nhẹ ở hai bên bờ, phóng mắt nhìn ra những con phố nơi có dòng người lớn tuổi, phụ nữ và trẻ em Nạp Tây đi lại, nghĩ về nhà ở và cuộc sống của người Nạp Tây, bạn mới hiểu được quan hệ mật thiết giữa nước, cầu, kiến trúc, thành cổ ở nơi đây.

Bước vào thành cổ, những con đường lót đá xanh sẽ dẫn khách đi đến con phố này tới ngõ nhỏ khác. Những con đường này khác với đường đá thông thường khác, phía trên mặt những phiến đá đã được mài nhẵn có hình vẽ đầy màu sắc, giống như được ghép từ những viên đá nhỏ đa sắc màu, đây chính là một loại đá tự nhiên ở đây - đá ngũ hoa. Loại đá này được lấy từ vùng núi xung quanh đập Lệ Giang, trong suốt sáng bóng và khi bước lên có cảm giác rất chắc chắn. Quan sát kỹ lưỡng, bạn sẽ phát hiện trên con đường đá có vô vàn những vết hằn, sâu nông không giống nhau, đó chính là những vết tích do người đi đường và những chiếc xe

Những nhánh sông nhỏ chảy khắp thành chính là "mạch máu" của thành cổ vô cùng xinh đẹp này.

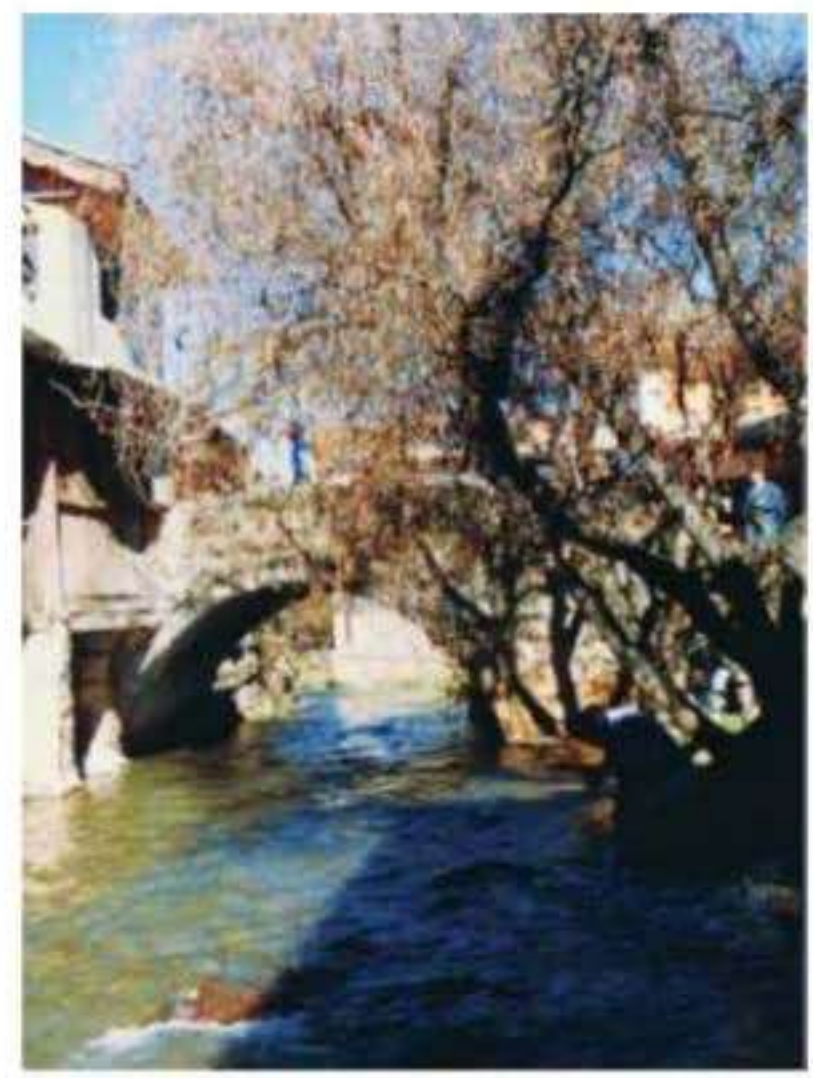

Những cây cầu muôn hình vạn dạng trong thành cổ Lệ Giang.

Trà mã cổ đạo:
Trà mã cổ đạo chỉ con đường giao thương quốc tế có phương tiện chủ yếu là xe ngựa ở phía Tây Nam Trung Quốc. Là hành lang giao lưu văn hóa kinh tế của các dân tộc phía Tây Nam. Trà mã cổ đạo khởi nguồn từ khu chợ trà mã tại biên giới phía tây nam thời cổ đại, tức là loại giao dịch lấy ngựa đổi trà hoặc lấy trà đổi ngựa của các dân tộc Hán và dân tộc Tạng. Bắt đầu xuất hiện vào thời Đường Tống, phát triển hưng thịnh vào thời Minh Thanh, cuối Thế chiến thứ hai là thời kỳ hưng thịnh nhất. Trà mã cổ đạo chia làm hai nhánh là nhánh Tứ Xuyên - Tây Tạng và nhánh Vân Nam - Tây Tạng, nối Tứ Xuyên - Tây Tạng - Vân Nam, kéo dài tới Bhutan, Sikkim, Nepal, Ấn Độ, cuối cùng đến bờ biển Hồng Hải của Tây Á và Tây Phi. Trà mã cổ đạo Vân Nam - Tây Tạng được hình thành vào khoảng cuối thế kỷ VI, bắt nguồn từ khu sản xuất trà Vân Nam như Tư Mao, Phổ Nhĩ; đi qua châu tự trị dân tộc Bạch Đại Lý và khu vực Lệ Giang, Hương Cách Lý Lạp trước khi đi vào Tây Tạng và tiến thẳng đến Lasha.

ngựa để lại sau mấy trăm năm. Những năm gần đây, người ta ngày càng có hứng thú với "con đường tơ lụa phía nam", thậm chí còn cho rằng đó là con đường giao lưu buôn bán và là hành lang văn hóa sớm hơn cả con đường tơ lụa cổ ở Tây Bắc, mà Lệ Giang là đoạn quan trọng trong con đường tơ lụa phía nam - là nơi dừng chân chủ yếu trên Trà mã cổ đạo của những người buôn bán khi qua đây. Vì vậy, những dấu tích vết chân ngựa để lại cũng là những dấu tích văn hóa - những dấu tích của việc truyền bá và hội nhập văn hóa.

Những khu chợ và những con phố góp phần làm nên diện mạo phố phường của thành cổ. Phố Tứ phương chính là đại diện cho phố chợ trong thành cổ. Trước kia, đây chỉ là một khu chợ sơ khai, sau này trở thành địa điểm quan trọng của "khu chợ trà mã" của "trà mã cổ đạo". Ngày nay, nơi đây tập trung rất nhiều cửa hiệu, quầy hàng và những cửa hàng bách hóa bán đồ cổ. Những quầy hàng bán vải dù, dù giấy và bán đồ truyền

Núi tuyết Ngọc Long là một ngọn núi thần trong quan niệm của người dân Nạp Tây, thành cổ và núi tuyết tồn tại mối quan hệ hòa hợp gắn bó.

Những con phố cổ đã ghi dấu rất nhiều những năm tháng đẹp như những bài hát.

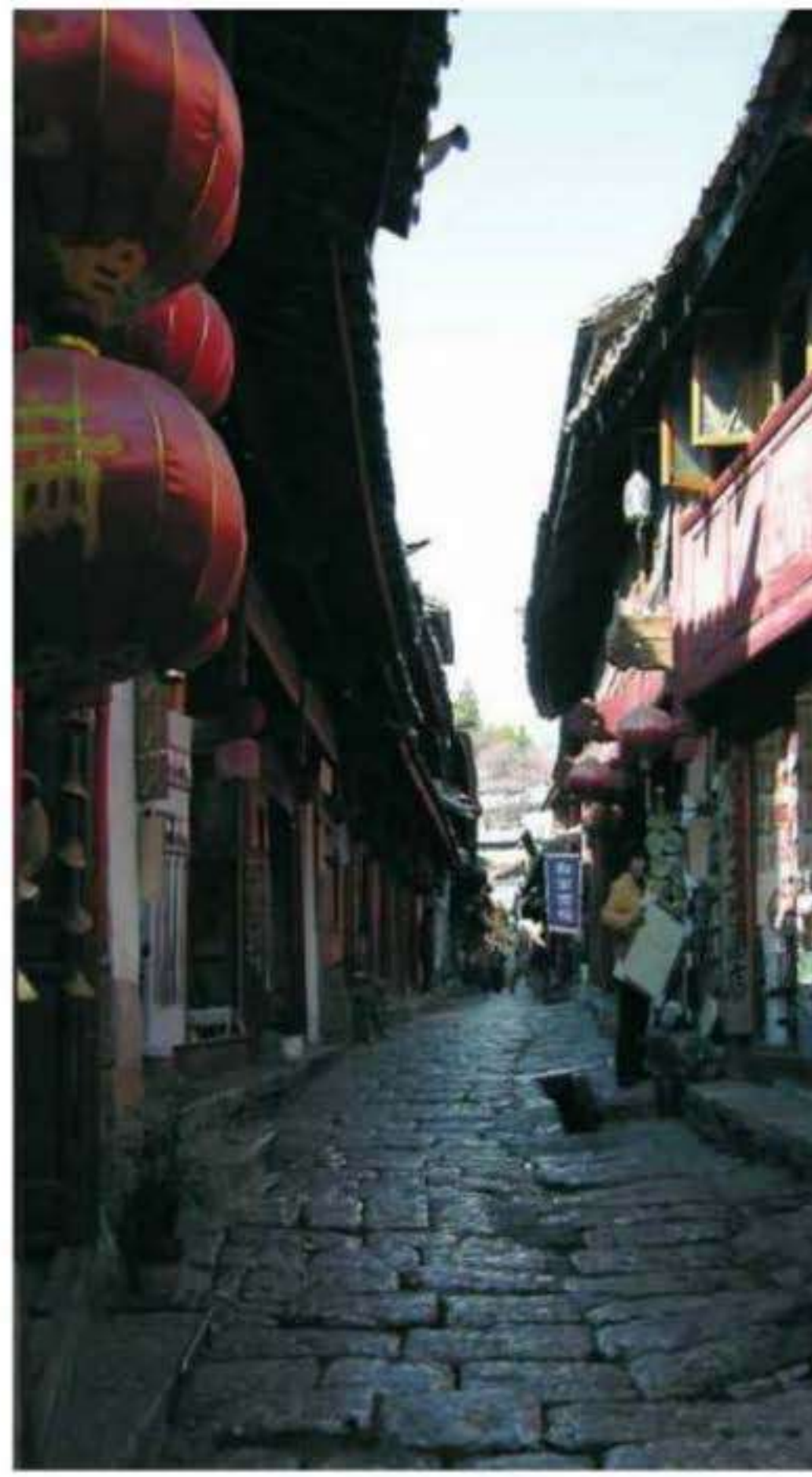

Ngã rẽ ngõ Hiện Văn.

thống trở thành một cảnh quan lớn của chợ. Phía tây của chợ lại bán nhiều đồ thủ công cổ, nhắc đến nó giống như nhắc đến một câu chuyện thời xưa. Phía Đông lại bán những đồ dùng hàng ngày như nồi niêu xoong chảo, những chiếc vung to ở đây có thể đem làm mũ, những chiếc muôi bằng đồng được đánh sáng choang. Quảng trường chợ có vài con đường nhỏ tỏa đi bốn hướng giống như những tia nắng mặt trời, là đường Quang

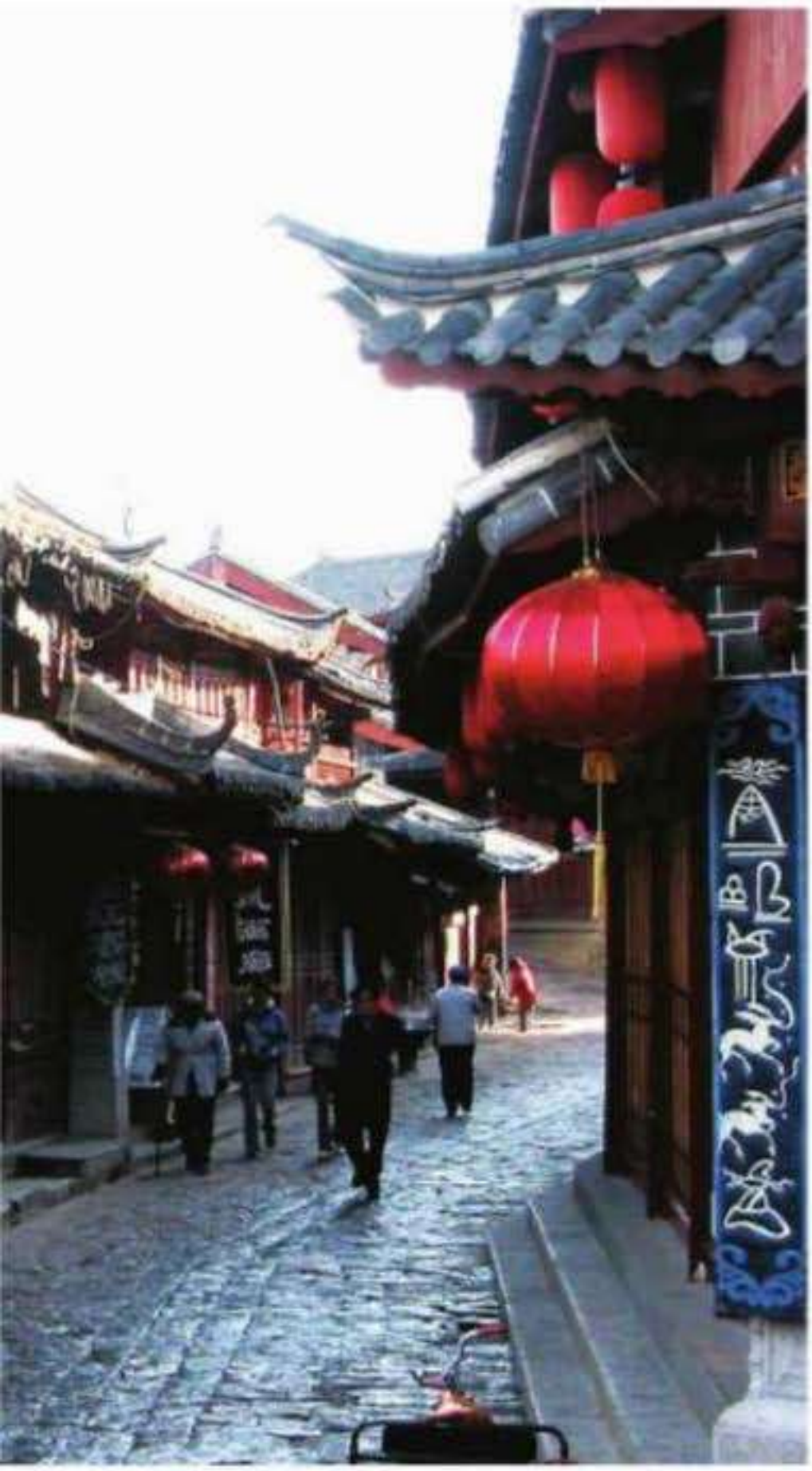

Những phiến đá trên đường đã được mài nhẵn bởi thời gian.

Nước nhánh sông phía tây ở phường Khoa Cống.

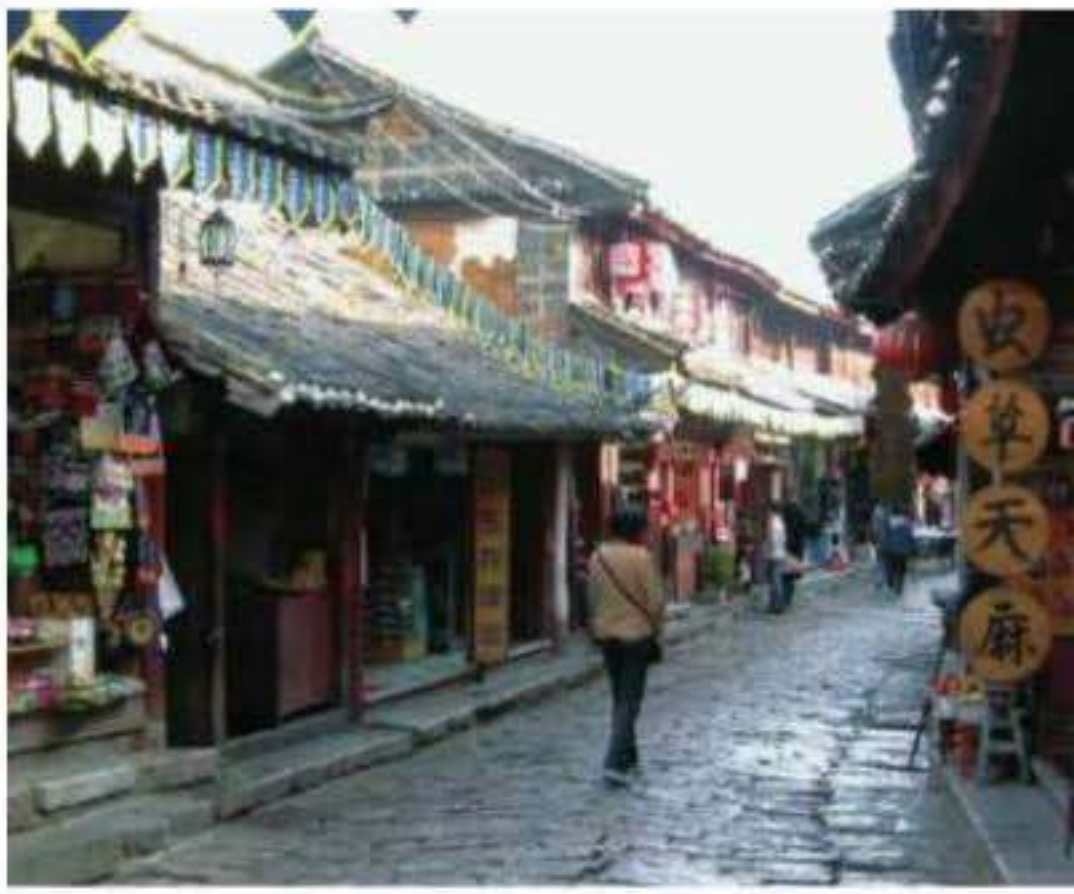

Thành cổ cũng xuất hiện những con người hiện đại và cửa hiệu mới.

Nghĩa, đường Thất Nhất, đường Ngũ Nhất phía đông và đường Tân Hoa phía tây v.v.. Mỗi con đường chính lại có những con đường nhỏ tỏa đi khắp nơi, vì vậy về hình dáng, đường phố ở đây lấy phố Tứ phương (phố Vuông) làm trung tâm, xung quanh được bao bọc bởi các cửa hàng và nhà trọ, tạo nên một bố cục vừa chặt chẽ vừa thông thoáng. Điều này khác với những con đường hình chữ "Tỉnh" vuông vức truyền thống tại Trung Quốc. Những

con đường khác trong thành cổ đều rất đặc biệt, và nó đều là những con phố tiếp nối hoặc bổ sung cho phố Tứ phương. Tại đây, vạn vật trên thế gian muốn gì có đó: tiệm ăn, tiệm trà, dệt đay gai, sản xuất da, cắt tóc, tranh chữ, trang phục, điêu khắc gỗ, tranh, đồ gốm v.v..

Nhà ở ba phường với bình phong

Lệ Giang là kết tinh của cuộc sống và văn hóa Nạp Tây, người ta không những có thể cảm nhận được vẻ đẹp của sự giản dị, trong lành, tự nhiên nơi đây, mà còn có thể thấy được sự kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống và sự giao lưu văn hóa đa nguyên. Kiến trúc nhà ở tại Lệ Giang, dường như đã dẫn người ta đi từ ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác.

Một Lệ Giang có một bề dày lịch sử văn hóa và cũng có một lịch sử phát triển kiến trúc của riêng mình. Nhà ở Lệ Giang đã từ "nhà hầm", "nhà tổ chim", "nhà mộc lăng được ghép từ những khúc gỗ" phát triển thành những mô hình nhà ở cận đại như: "3 phường 1 bình phong", "giếng trời 4 hợp 5", "tẩu mã chuyển các lầu". Nhà mộc lăng là hình thức nhà ở nguyên thủy của dân tộc Nạp Tây. Ngày nay, vẫn có thể nhìn thấy nhà mộc lăng ở khu vực hồ Lô Cô huyện Ninh Lang nơi có người Ma Toa sinh sống và một số sơn trại tại nơi xa xôi hẻo lánh. Đây là một loại nhà làm bằng gỗ, bốn bên tường do những mảnh gỗ đã được gọt đi lớp vỏ ghép lại theo hàng ngang mà thành, mái nhà được làm từ các tấm gỗ. Nguyên liệu xây nhà mộc lăng dễ tìm, phương pháp xây dựng đơn giản mà lại tiện lợi, phù hợp.

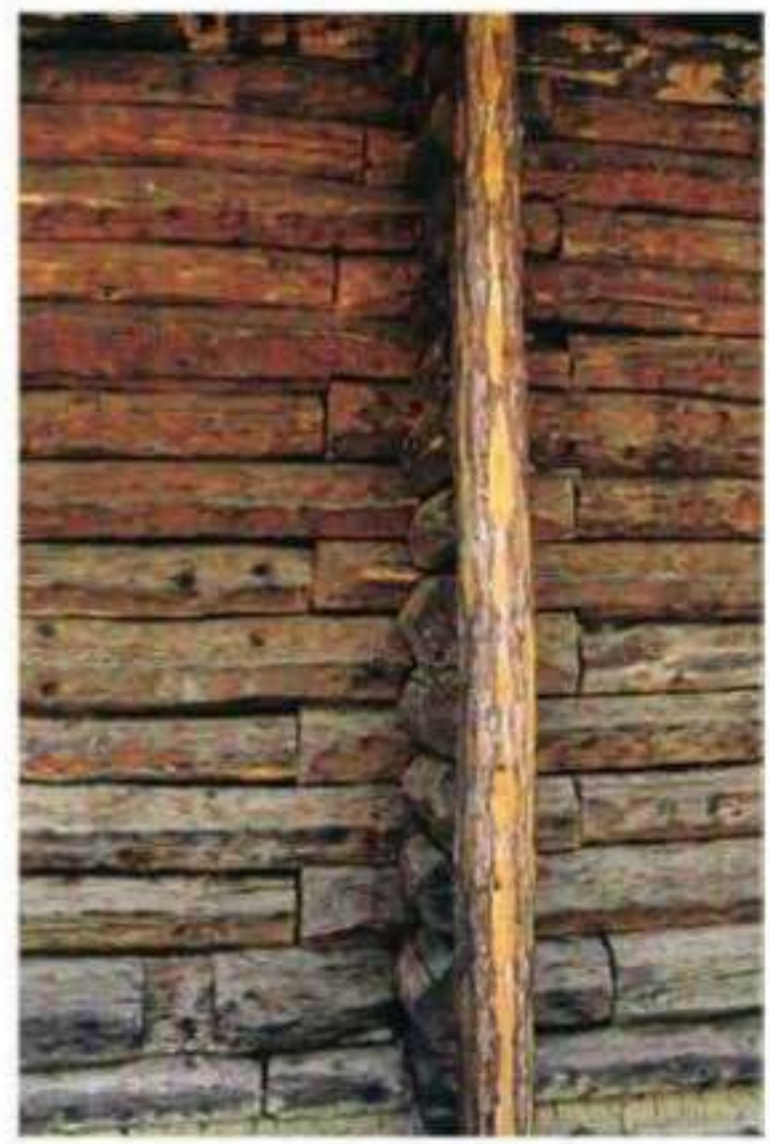

Nhà mộc lăng truyền thống của người Nạp Tây.

Không gian của nhà mộc lăng ban đầu chỉ là một sân vườn nho nhỏ, nhưng sau đó do chịu ảnh hưởng của văn hóa nơi khác nên đã dần dần biến hình thành loại hợp viện tương đối quy củ; chia làm chính phòng, sương phòng, hoa lâu, môn lâu. Chính phòng dành cho các hoạt động tập thể trong gia đình, là nơi để hội họp, nấu nướng hoặc cúng tế. Sương phòng (còn gọi là Kinh đường) thường có 2 tầng, tầng trên là nơi ở của Lạt Ma hoặc nơi thờ tượng Phật, tầng

dưới là nơi ở của con trai độc thân hoặc khách; hoa lâu chủ yếu là nơi ở của con gái; môn lâu (còn gọi là thảo lâu) phía trên để cỏ, hai bên cửa lớn phía dưới là chuồng gia súc. Cửa chính của nhà ở Ma Toa thông thường mở về hướng đông hoặc hướng bắc, sân giữa rộng, những việc cưới hỏi ma chay đều được tổ chức tại sân giữa. Cấu trúc chính phòng phức tạp: sau phòng là phòng dự trữ lương thực và là phòng ở của người lớn tuổi; bên phải chính phòng là nơi ở của những bà nội trợ; trong một góc chính phòng có đặt bếp nấu, góc bếp có bàn thờ, bên trên đặt tượng thần, đồ cúng và bình hoa; dưới bếp đặt 1 chiếc lò sưởi, bên phải lò sưởi là chỗ của chủ nhà, bên trái là chỗ của khách, không được lẫn lộn; trong phòng có 2 cột lớn, phân làm cột trái và cột phải, cột trái là cột nam, cột phải là cột nữ, khi tổ chức lễ thành đinh, con trai sẽ tổ chức bên cột trái, con gái sẽ tổ chức bên cột phải.

Rất rõ ràng, hình thức, bố cục của nhà mộc lăng không thể tách rời môi trường sinh sống, phong cách sinh hoạt của xã hội nông canh của người dân Nạp Tây; cuộc sống hàng ngày, môi trường tự nhiên, về cơ bản kỹ thuật đã quyết định kết cấu và hình dáng nhà ở; không gian chính phòng có quan hệ mật thiết với tín ngưỡng tôn giáo, trạng thái hôn nhân và tổ chức gia đình, ý niệm nguyên thủy của dân tộc Nạp Tây đã khoác cho kiến trúc nơi đây nhiều ý nghĩa biểu tượng và sắc thái văn hóa.

Tuy nhiên, nhà ở truyền thống của dân tộc Nạp Tây Lệ Giang trên cơ sở lưu giữ được những ưu điểm của nhà mộc lăng truyền thống đã dần dần chuyển hướng về kết cấu kiến trúc nhà ở kiểu sân vườn quy củ của người Hán hiện nay. Đây là một loại chuyển biến của lịch sử cũng như văn hóa. Có một vài lăng kính lịch sử giúp ta hiểu rõ hơn tại sao lại có sự chuyển biến này.

Năm 1253, Thổ ti Mộc thị của Nạp Tây Lệ Giang được phép bắt đầu tự trị trong 470 năm. Trong thời kỳ Thổ ti Mộc thị thống trị, về phía văn hóa đã sử dụng chính sách vừa hội nhập vừa kế thừa. Ông ta chăm chỉ học văn hóa Hán, tiếp nhận Phật giáo, Phật giáo Tây Tạng và Đạo giáo, tiếp thu kỹ thuật sản xuất và công nghệ của người Hán, tăng cường giao lưu kinh tế chính trị với khu vực Trung Nguyên, khiến kinh tế văn hóa xã hội của Lệ Giang phát triển nhanh chóng. Trong Bạch Sa Đại Bảo Tích Cung tại Lệ Giang trưng bày những bức bích họa Bạch Sa có sự kết hợp về đề tài và kỹ xảo nghệ thuật xoay quanh 3 dân tộc Tây Tạng, Hán và Nạp Tây, cũng chính là minh chứng hùng hồn nhất của việc giao lưu văn hóa đương thời.

Năm 1723, Hoàng đế Ung Chính thời Thanh (1678 - 1735) áp dụng chính sách cải thổ quy lưu, nên những vị quan đến từ Trung Nguyên đã

thay thế cho Thổ ti Mộc thị quản lý Lệ Giang. Dân tộc Nạp Tây lại càng chịu nhiều ảnh hưởng của người Hán về tôn giáo, giá trị quan và phong cách sinh hoạt.

Năm 1921, nhà sinh vật học, địa lý học, nhân học của Mỹ Joseph Charles Francis Rock (1884 - 1962) đã đến Lệ Giang, tiến hành nghiên cứu văn hóa Đông Ba tại Nạp Tây. Ông làm bạn với người Nạp Tây ở đó, người Nạp Tây cũng tiếp nhận ông, không vì ông đến từ nước khác mà xa cách ông. Sau này, thành quả nghiên cứu của ông đã có tác dụng rất quan trọng trong việc giúp người dân trong và ngoài Trung Quốc hiểu rõ hơn về Lệ Giang.

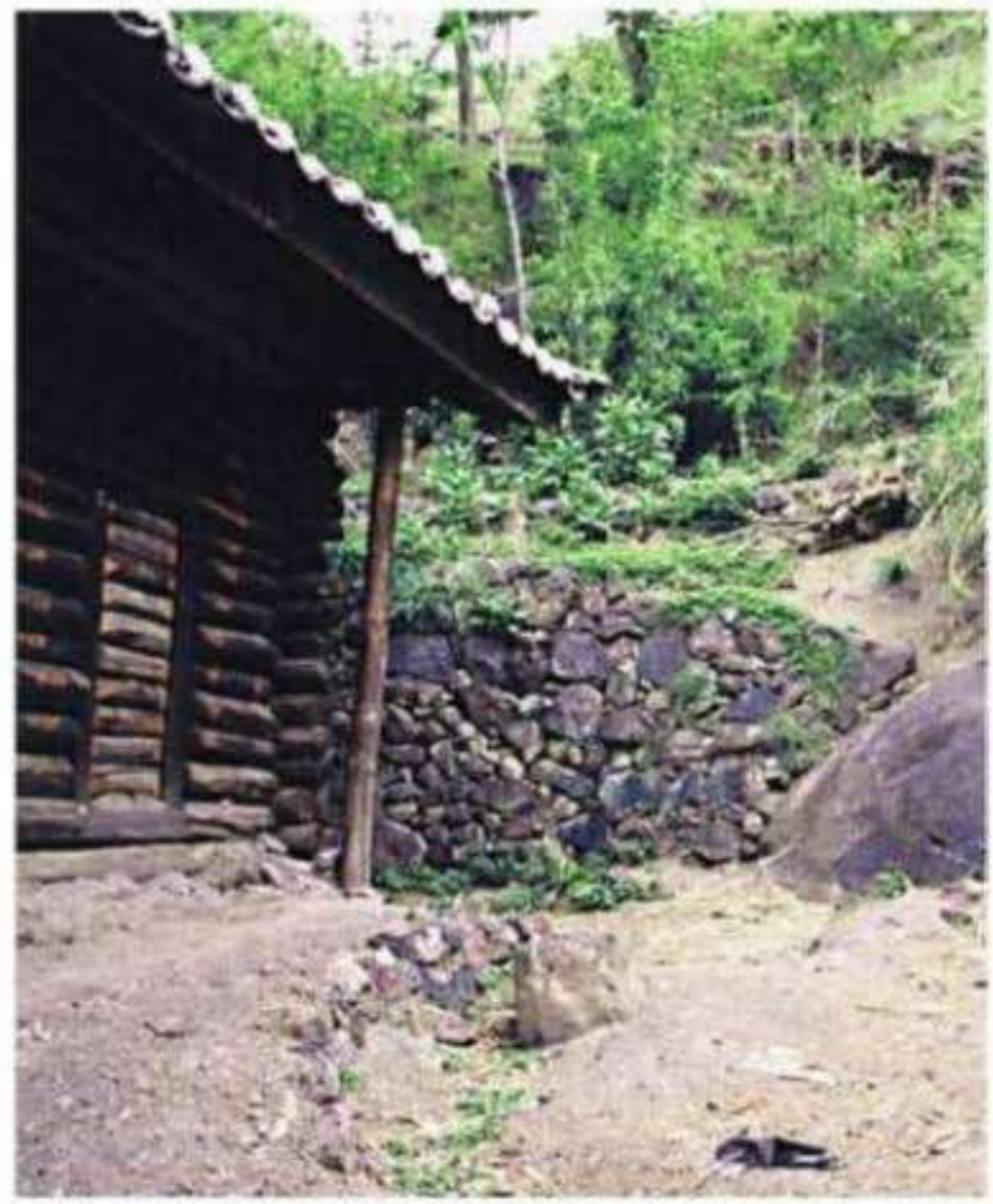

Nhà mộc làng truyền thống của người Nạp Tây.

Năm 1988, ông Tuyên Khoa người Lệ Giang đã thành lập Đoàn Cổ nhạc Nạp Tây, diễn tấu nhạc cổ Đông Kinh. Nghe nói, buổi biểu diễn nhạc cổ đầu tiên nhất diễn ra trong một cái sân lớn tại thành Bắc, khi đó người dân vẫn chưa hiểu chuyện gì xảy ra. Sau này, nhạc cổ có sức lan tỏa vô cùng nhanh chóng và phát triển mạnh mẽ ở khắp nơi trên đất nước, và từng bước tiến ra ngoài quốc tế. Tính cách "mở" của dân tộc Nạp Tây lại một lần nữa được chứng minh.

Do sự mở cửa của tổ tiên và những người Nạp Tây trước kia, cũng do thị trấn cổ Đại Nghiện trước đây là trạm dừng chân quan trọng trong hành lang mậu dịch Vân Nam - Tây Tạng và Tứ Xuyên - Tây Tạng, vì vậy Lệ Giang cũng giống như một hành lang văn hóa. Do đó, người Nạp Tây tôn sùng văn hóa, luôn học hỏi và hòa nhập với những nền văn hóa tiên tiến khác. Nếu chiêm ngưỡng kỹ những ngôi nhà Nạp Tây trong thành, có thể thấy rất rõ những ngôi nhà ở đây là sự kết hợp hài hòa của phong cách, kiểu dáng và văn hóa kiến trúc của dân tộc Nạp Tây, dân tộc Hán, dân tộc Bạch và dân tộc Tạng.

Bình phong và cửa sổ trang trí:

Bình phong là bức tường che cổng chính, có thể ở bên trong hoặc bên ngoài cửa chính. Trong nơi ở truyền thống của người Trung Quốc thì thường có tác dụng trừ tà. Ở phía bắc thì gọi là "tường ảnh". Cửa sổ trang trí thường dùng ở đình, hành lang, tường bao trong viên lâm hoặc nhà ở. Hình dáng cửa sổ rất đa dạng, có hình vuông, tròn, lục giác, bát giác, cánh quạt. Sau đó dùng ngói hoặc gạch mỏng, tre trúc hoặc gỗ miếng, bùn đen để làm thành những hình vẽ hoặc hình các loài hoa cây cối để tăng thêm vẻ đẹp cho cửa sổ.

Kiểu dáng của nhà ở Nạp Tây thường thấy có một số loại: 3 phường 1 bình phong, giếng trời 4 hợp 5, tiền hậu viện, nhất tiến lưỡng viện. Trong đó, 3 phường 1 bình phong là loại nhà cơ bản nhất cũng là loại nhà thường thấy nhất của dân tộc Nạp Tây Lệ Giang. Đặc trưng chủ yếu của loại nhà này là: phòng chính cao, hai bên phòng phụ thấp hơn thêm vào 1 bức bình phong ở mặt còn lại, chủ - thứ phân minh, bố cục hài hòa. Mái hiên nhà có một độ dốc nhất định, tránh tình trạng nặng nề và vẽ ra một đường cong mềm mại cho căn nhà. Tường nhà có độ nghiêng thích hợp về bên trong, tăng tính vững vàng cho kiến trúc. Bốn bên tường đều không xây kín đến nóc, cửa sổ được làm bằng gỗ tấm. Để giúp gỗ tấm không bị ẩm ướt, hầu hết các dãy nhà đều có mái hiên nhô ra ngoài, đồng thời có thêm viền ở hai đầu xà ngang chỗ lộ ra khỏi nhà, gọi là "tường phong hỏa". Để tăng thêm tính thẩm mỹ cho căn nhà, có nơi còn thêm hành lang hoặc lan can. Cuối cùng để tránh giá đỡ của mái bị xô lệch và giúp giảm cảm giác đơn điệu của cột nhà khi bị lộ ra ngoài, họ đã khéo léo sử dụng "thùy ngư bản" (Thùy ngư bản: là một phụ kiện treo, có tác dụng che lỗ hổng, gia tăng được hiệu quả trên kết cấu cũng như trang trí), vừa có thể bảo vệ cho xà ngang, vừa gia tăng tính nghệ thuật cho toàn thể kiến trúc. Thông qua cách xử lý bố cục của phòng ở chính phụ, bình phong, thân tường, mái hiên, và "thùy ngư", toàn thể kiến trúc có độ cao thấp hài hòa, ngang dọc tương ứng, tạo thành một cảnh quan vừa cân bằng lại giàu tính biến hóa. Nhà ở "3 phường 1 bình phong" cho thấy trình độ kiến trúc vượt trội của người Nạp Tây.

Chính phòng của nhà ở Nạp Tây thường hướng về phía nam, chủ yếu để người lớn tuổi ở; chái đông và chái tây thấp hơn một chút, để con cháu ở; phía dưới để người ở, phía trên là nhà kho; giếng trời dùng để sinh hoạt cũng như sản xuất (như phơi các loại hạt ngũ cốc hay chế biến lương thực), được lát gạch, thường trồng cây cỏ xung quanh để tăng tính thẩm mỹ. Mỗi căn nhà ở của người Nạp Tây đều có một sảnh lớn trước mỗi dãy phòng (chính là hành lang ngoài). Sảnh lớn là một trong những bộ phận quan trọng nhất cấu thành nhà ở của dân tộc Nạp Tây và không thể tách rời khỏi khí hậu dễ chịu của Lệ Giang. Người Nạp Tây vì vậy mà thường dời một vài hoạt động đáng lẽ phải diễn ra trong phòng như ăn

Nhà mộc lâng phía dưới chân núi tuyết Ngọc Long của dân tộc Nạp Tây.

cơm, tiếp khách ra ngoài sảnh lớn. Ngoài ra, thành cổ Đại Nghiên từ trước đến giờ phát triển mậu dịch, người Nạp Tây cũng có ý thức tương đối mạnh về hàng hóa, nếu khu nhà có những căn phòng giáp mặt đường, thì chủ nhà thường mở tiệm bán hàng ngay tại đó.

Thực chất, văn hóa và đời sống của một dân tộc thường bị ảnh hưởng bởi văn hóa những dân tộc khác, trong tôi có bạn, trong bạn có tôi, không thể tách biệt rạch ròi. Cuộc sống giản dị, chân thật, tự nhiên trong sân, dưới sảnh đá tạo nên một tâm thái ôn hòa, điềm đạm của người Nạp Tây. Khi ở trong kiến trúc như thế này, bạn sẽ cảm nhận được một cách chân thực nhất văn hóa của dân tộc Nạp Tây.

Vương Đông

Những ngôi nhà tráng lệ và tinh tế
Cảm nhận về nhà lô cốt tại vùng tuyết

- Lịch sử lâu đời
- Hình dáng đa dạng
- Nơi sống cùng thần linh
- Gia viên tương sinh cùng trời đất
- Bức tranh sinh hoạt tráng lệ và tinh tế

Tây Tạng nằm ở phía Tây Nam Trung Quốc, còn được gọi là "cao nguyên tuyết". Ở đây, trời xanh thăm thẳm, núi tuyết trùng điệp. Tây Tạng không những có phong cảnh tự nhiên thần kỳ hùng vỹ, mà còn có nền văn hóa kỳ bí thu hút con người từ trước đến nay, cảnh quan nhân văn và môi trường tự nhiên đặc biệt đã tạo nên nét đặc trưng riêng biệt cho cao nguyên Tây Tạng.

Phong cảnh dòng sông Lasha.

Vẻ đẹp bên lòng chảo Ni Dương.

Cao nguyên Tây Tạng nằm ở độ cao 4.000 mét so với mực nước biển, là tầng cao nhất trong 3 tầng độ cao địa lý của Trung Quốc, còn có tên là "mái nhà thế giới". Các loại hình địa lý Tây Tạng vô cùng phong phú, có đất núi, cao nguyên, đồng cỏ, rừng, sông, khu vực ẩm thấp và khu vực khô hạn, các hồ trên cao nguyên cũng rất nhiều. Diện tích mặt hồ ở đây vào khoảng 30 ngàn mét vuông, chiếm khoảng 1/3 diện tích mặt hồ toàn Trung Quốc. Sự thay đổi về khí hậu ở đây cũng rất lớn, có khí hậu lạnh núi cao, khí hậu hàn ôn đới cận núi cao, khí hậu ôn đới vùng núi, khí hậu noãn ôn đới vùng núi, khí hậu cận nhiệt đới vùng núi và khí hậu nhiệt đới vùng núi.

Tinh thần văn hóa dân tộc và sự đa dạng về địa lý và loại hình khí hậu của cao nguyên tuyết đã hình thành nên các khu dân cư Tây Tạng vô cùng tráng lệ.

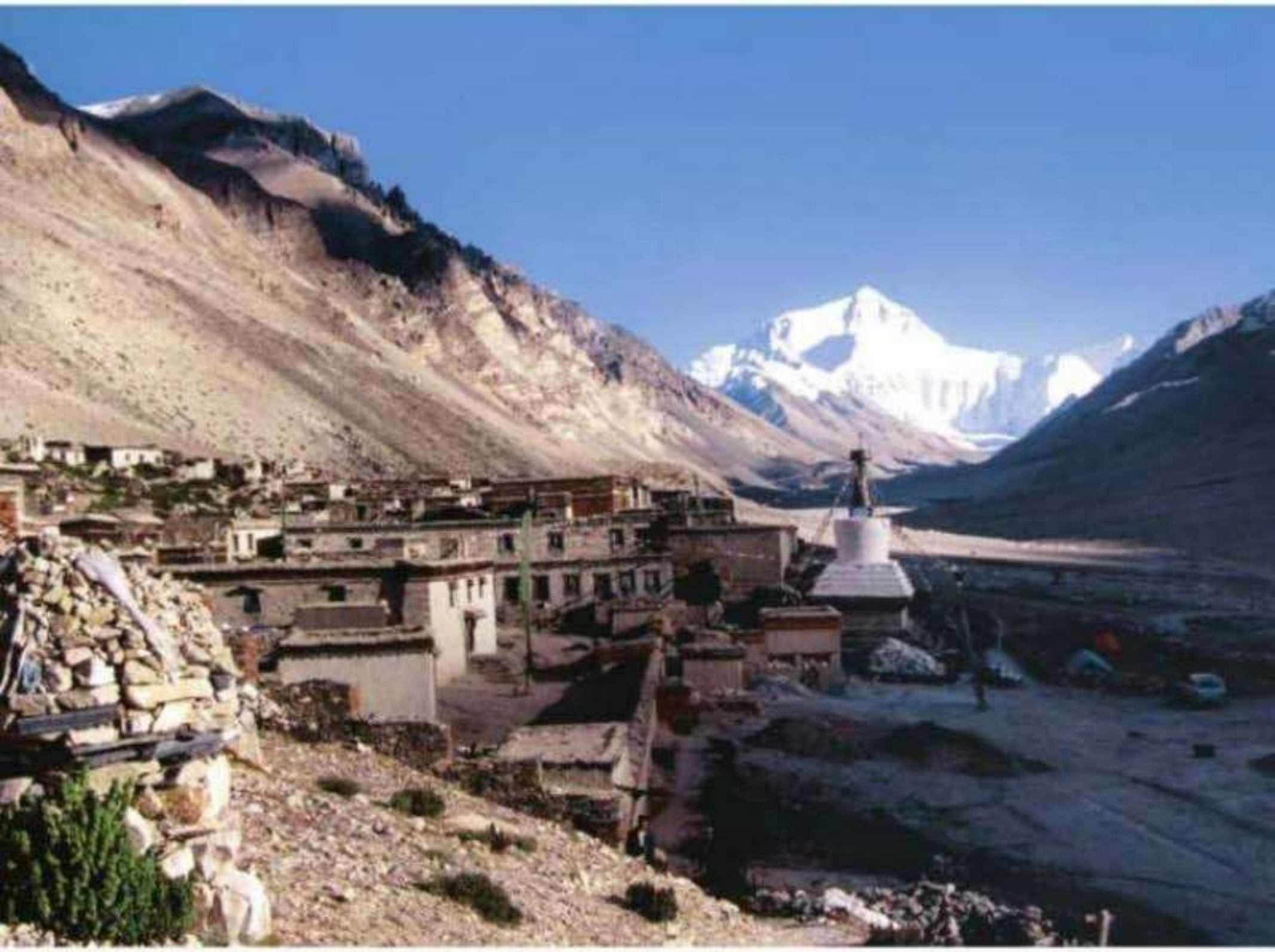

Từ chùa Nhung Bố nhìn đỉnh núi Châu Mục Lăng Mã.

Lịch sử lâu đời

Các khu dân cư ở cao nguyên Tây Tạng có lịch sử rất lâu đời. Từ 4.000 - 5.000 năm trước đây đã xuất hiện những ngôi làng có kiến trúc nhà ở kiểu huyệt cư và bán huyệt cư. Năm 1975 di chỉ làng mạc nguyên thủy Xương Đô Ca Nhược được phát hiện, đã tiết lộ tình hình sinh sống của tổ tiên Tây Tạng 4000 năm trước. Diện tích toàn bộ di chỉ Ca Nhược vào khoảng 10 ngàn mét vuông, trong đó có 31 di chỉ nhà ở thuộc hai loại tường cỏ và tường đá, nhà ở bán huyệt cư hai tầng, trong nhà có lò sưởi và bếp, phản ánh hình thái nguyên thủy của phong cách kiến trúc nhà ở trên cao nguyên tuyết.

Cao nguyên Tây Tạng có các dân tộc Tạng, Môn Ba, Lạc Ba, Hán, Hồi sinh sống, trong đó dân tộc Tạng chiếm phần lớn dân số. Trong các câu chuyện truyền thuyết, "thần Khỉ" và "Nham ma nữ" tuân theo ý trời mà ở cùng nhau, sinh ra hậu thế chính là dân tộc Tạng. Tiền nhân dân tộc Tạng sinh sống tại thung lũng Nhã Lung bên bờ nam của sông Nhã Lỗ Tạng Bố, phân thành 6 bộ lạc lớn, sinh sống chủ yếu bằng săn bắt và hái lượm. Đến khoảng thế kỷ III trước Công nguyên, 6 bộ lạc thống nhất, thành lập vương quốc "Phiên", đồng thời xuất hiện cung điện được lát bằng đá, được gọi là "Tây Tạng đệ nhất cung" - Ung Bố Lạp Khang. Đến đầu thế kỷ VII, Tùng Tán Can Bố (? - 650) dời đô về Lasha, từng bước thống nhất cao nguyên tuyết, thành lập vương triều Thổ Phiên hùng mạnh. Sau đó, thi hành một loạt chính sách văn hóa, bao gồm sáng tạo chữ Tạng, thống nhất đơn vị đo lường, du nhập văn hóa ngoại lai v.v.. đồng thời hình thành nên một văn hóa dân tộc độc đáo trên tất cả các mặt như: triết học, lịch sử, văn học, kiến trúc, nghệ thuật.

Dân tộc Môn Ba là một trong những dân tộc thiểu số sinh sống tập trung tại cao nguyên Tây Tạng từ lâu đời, tên Môn Ba có được do sống ở vùng Môn Ngung phía đông nam của dãy Himalaya, độ cao của vùng này so với mực nước biển từ 4.000 mét dần dần giảm xuống còn hơn 1.000 về phía nam, "Môn Ba" có nghĩa là "đất thấp" trong tiếng Tạng. Dân tộc Môn Ba có ngôn ngữ riêng nhưng không có chữ viết, giỏi ca hát nhảy múa, nền văn học và kịch nghệ dân gian rất phong phú, Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 6 Thương Ương Gia Thác (1683 - ?) sinh ra tại đây. Vào thời Đạt Lai đời thứ 5 thế kỷ XVII, một bộ phận người Môn Ba sinh sống tại khu vực Môn Ngung đã di chuyển theo phía đông về đồi Bạch Mã (huyện Mặc Thoát), từ đó khu vực sinh sống của người Môn Ba phân làm hai vùng phía đông và phía tây, kiểu cách nhà ở của hai nơi cũng có phần không giống nhau.

Dân tộc Lạc Ba do hơn 30 bộ lạc lớn tập hợp thành, chủ yếu sinh sống tại khu vực phía nam tính từ eo sông Nhã Lỗ Tạng Bố, về địa lý thì được gọi là "Lạc Du", "Lạc Ba", trong tiếng Tạng có nghĩa là "người phía nam". Dân tộc Lạc Ba có ngôn ngữ Lạc Ba nhưng không có chữ viết, phương thức sinh sống và sản xuất là săn bắt, hái lượm và đốt rẫy gieo hạt. Trong rất nhiều truyền thuyết của dân tộc Lạc Ba, tổ tiên của họ đã từng có lịch sử sống trong hang hoặc trong tổ. Do sống trong vùng núi sâu, giao thông cách biệt với bên ngoài, xã hội của dân tộc Lạc Ba phát triển rất chậm. Trước cải cách dân chủ tại Tây Tạng vào năm 1959, dân tộc Lạc Ba vẫn ở vào giai đoạn xã hội phụ hệ nguyên thủy, sống quần cư theo thị tộc hoặc gia tộc

Biểu diễn ca múa.

có cùng huyết thống, điều này khiến nhà ở tại đây vẫn lưu giữ được những nét đặc trưng của riêng mình.

Văn hóa dân tộc Tạng, dân tộc Môn Ba và dân tộc Lạc Ba đều có những đặc trưng riêng, cùng thuộc một loại hình văn hóa, đều có truyền thuyết "khỉ biến thành người", "cùng chung tổ tiên", "đồng bào anh em", ba loại hình văn hóa này đã tạo nên một chỉnh thể văn hóa Tây Tạng trên cao nguyên tuyết. Bối cảnh văn hóa gần gũi và có sự giao lưu văn hóa lẫn nhau, khiến thiết kế nhà ở của ba dân tộc có nét tương đồng, đó là thích ứng với khí hậu nơi sinh sống, điều kiện địa lý tự nhiên; kết hợp tín ngưỡng tôn giáo của dân tộc, truyền thống văn hóa và thói quen sinh hoạt; sử dụng phương thức xây dựng thích hợp với điều kiện từng nơi và lấy nguyên liệu xây dựng tại chỗ, từ đó hình thành nên những kiến trúc nhà ở thân thiện mới môi trường tự nhiên và hài hòa với môi trường nhân văn.

Hình dáng đa dạng

Cao nguyên Tây Tạng đất đai rộng lớn, môi trường địa lý, đặc trưng khí hậu và tình trạng tài nguyên của từng nơi là rất khác nhau, thêm vào đó là phong cách sinh sống mỗi nơi cũng có sự khác biệt, khiến hình dáng của nhà ở cũng có nhiều diện mạo phong phú đa dạng, chủ yếu có nhà lô cốt, lều Ngưu Mao, nhà đất, nhà gỗ, nhà trúc và nhà hầm ở cao nguyên v.v.. Về phương thức cấu tạo của kiến trúc nhà ở, có kiến trúc bằng đất, khắc đá, nhà hỗn hợp đất - đá - gỗ, nhà Can Lan và nhà làm bằng gỗ ghép; về hình thức có nhà mái bằng, nhà mái dốc và nhà mái kiểu hỗn hợp. Kiến trúc nhà ở đa dạng có tính khu vực khi phân bố trên cao nguyên Tây Tạng, khu vực chăn nuôi trên cao nguyên phía Bắc Tây Tạng thường là lều Ngưu Mao; nhà ở tại Lasha, Xigazê cùng các khu vực lân cận có nhà lô cốt bằng đá; nhà ở khu rừng rậm tại lưu vực sông Nhả Lỗ Tạng Bố ở phía Đông Nam Tây Tạng chủ yếu là kiến trúc bằng gỗ; nhà hầm phân bố tại khu vực A Li ở phía Tây. Tính đa dạng về kiểu dáng nhà ở của các khu vực thể hiện được sâu sắc đặc điểm dân tộc và màu sắc khu vực, nói lên quan hệ thống nhất hài hòa về hình thái, sinh thái, tình thái và thần thái của kiến trúc nhà ở.

Vùng chăn nuôi thảo nguyên phía Bắc Tây Tạng sử dụng lông bò để dệt sợi, kết thành miếng thảm dày, sau đó may thành lều, đây là nhà ở kiểu lều Ngưu mao. Mặt bằng của lều thông thường là hình vuông hoặc hình chữ nhật, dùng gậy gỗ để chống đỡ một khung nhà có chiều cao khoảng 2 mét, mái lều dốc, phía trên phủ thảm đen làm từ lông bò Tây Tạng, bốn phía được làm từ những sợi dây tết từ lông bò, cố định trên mặt đất. Sống lều có một khoảng trống rộng 15cm, dài 1,5m để đón ánh nắng và thông gió, tản nhiệt, bên lều có một cái móc để căn cứ vào tình hình thời tiết thực tế mà có thể đóng mái lại. Bên trong lều dùng những khối được làm từ cỏ và bùn hoặc gạch mộc xếp lên thành một bức tường thấp khoảng 40 - 50cm, phía trên thường dùng để lúa mì thanh khoa, túi bơ và phân bò. Một mặt của lều dùng để mở cửa, ban ngày mở miếng vải cửa lều ra hai bên để ra vào, đến tối dùng dây cột chặt lại, tạo thành một không gian nghỉ ngơi ngăn cách hoàn toàn với bên ngoài. Giữa lều là bếp, phía sau đặt tượng Phật. Loại lều được dệt bằng lông bò này rất dày, không sợ mưa tuyết sương gió, cách làm đơn giản, có thể dễ dàng dỡ bỏ, vận chuyển thuận tiện, có thể di chuyển bất cứ lúc nào, thích hợp với phong cách sinh sống du mục của mục dân.

Nhà lô cốt là hình thức thường thấy trên cao nguyên Tây Tạng, được làm từ đất hoặc đá, hình dáng giống như lô cốt, nên được gọi là "nhà lô cốt". Nhà lô cốt đa phần có từ 2 hoặc 3 tầng trở lên, tường ngoài làm bằng đá. Những ngôi nhà lô cốt của quý tộc, lãnh chủ hoặc phú thương đều có trên 3 tầng, cao nhất là 5 tầng. Mặt bằng nhà lô cốt hầu hết được tổ hợp lại từ những đơn nguyên là mạng lưới cột gỗ, khiến ngôi nhà có hình vuông. Về cấu tạo mặt bằng, đa phần là có một gian lớn bên ngoài, hai gian nhỏ bên trong, chiều cao của nhà tương đối thấp, những ngôi nhà được ngăn cách nhau tạo nên sự kết nối mang tính hình học, có sự phân bố cao thấp rất rõ ràng. Hệ thống kết cấu của nó là kết cấu hỗn hợp: dùng đất đá làm tường và dùng gỗ làm cột, một gian nhà có một chiếc cột, vì vậy còn có tên "một chiếc ô", dùng những tấm gỗ ghép lại tạo thành mặt sàn; tường bằng gạch mộc thường dày 40 - 50cm, tường bằng đá vụn dày 50 - 80cm, tường phía trong dựng đứng, tường phía ngoài dần dần thu vào theo độ cao. Tầng dưới của nhà lô cốt dùng để nuôi súc vật hoặc làm nhà kho, tầng 2 và 3 để ở, ban công và nhà vệ sinh ở tầng 2 thường xây bằng gỗ và nhô ra so với tường ngoài. Mặt hướng về phía mặt trời của kiến trúc đều có cửa sổ hoặc cửa kính, bề mặt đón nắng rộng, ngoài ra cửa sổ đều mở ra hướng sân ở giữa, bên ngoài thường dùng cửa nhỏ để tránh gió tránh rét, khiến mùa đông ấm áp mùa hè mát mẻ,

Nhà ở kiểu lô cốt bằng đá.

Nhà ở kiểu lô cốt của quý tộc.

Nhà ở kiểu lô cốt có một sân.

thích hợp với đặc điểm khí hậu cao nguyên. Mái nhà đều là mái bằng, dùng một loại đất đá vôi đã được phong hóa để quét bằng, xây dựng ban công trên mái, dùng để phơi vật phẩm.

Nhà lô cốt kiểu độc viện (một sân), giữa sân có xây giếng nước, trồng hoa, vật kiến trúc và tường nhà dày đặc có tác dụng phòng ngự. Bên trong nhà lô cốt loại lớn có nhiều phòng, có xây thêm giếng trời nhỏ để đón nắng, chòi cao 20 - 30 mét dùng để cất giữ đồ vật quý giá và quan sát để phòng vệ. Hình dáng nhà lô cốt tùy vào từng nơi mà không giống nhau. Nhà ở Lasha đa phần là kiểu có hành lang trong nhà, có 2 hoặc 3 tầng, cũng có nhà kiểu một tầng một sân; người dân khu vực Sơn Nam lại ưa thích hoạt động ngoài trời, nên nhà ở thường tận dụng hành lang bên ngoài nhà để làm không gian sinh hoạt.

Khu vực rừng phía Đông Nam Tây Tạng có nhiều dân tộc và nhiều kiểu khí hậu địa lý, tài nguyên phong phú, vì vậy mà kiểu dáng nhà ở cũng phong phú. Lượng mưa trong rừng nhiều hơn các khu vực khác trên cao nguyên Tây Tạng, nhà ở thường dùng kiểu kiến trúc có hai mái dốc. Nhà ở trong khu vực rừng đa phần là nhà độc lập hoặc nhà độc viện, có mặt bằng hình vuông hoặc hình chữ nhật, do kết cấu mạng lưới cột tạo thành, thiết kế đa phần là 3 tầng, tầng dưới cùng thấp để nuôi gia súc, tầng 2 là nơi ở, có phòng ở (kiêm phòng bếp), nhà kho, hành lang ngoài, nhà vệ sinh, các phòng được phân cách nhau bởi gỗ ghép. Nơi gần cửa

Nhà ở kiểu mặt bằng một sân.

sổ ở giữa phòng của gian ngoài lấy lò sưởi làm trung tâm, xung quanh lò sưởi có giường và các đồ dùng khác; khoảng không gian giữa mái và sàn ở tầng 3 được dùng làm gác, làm nơi để củi, thức ăn và các đồ vật khác. Kiến trúc thường sử dụng kết cấu gỗ, tường được xây dựng bằng các vật liệu như đá vụn, đá phiến, đá cuội, đất sét, gỗ tấm, hàng rào gỗ, hàng rào liễu gai v.v.. Mái nhà được xây dựng bằng cách đặt những thanh dầm bằng gỗ lên trên 4 mặt tường, khu vực có cây cối, trên mái thường phủ gạch làm từ gỗ, bên trên lợp đá để tránh gió làm xê dịch gạch gỗ; khu vực có nham thạch thường dùng nham thạch làm gạch, lợp lên thành mái nhà để thải nước mưa.

Trong khu rừng rậm phía Đông Nam Tây Tạng, thấp thoáng những ngôi nhà gỗ của dân tộc Môn Ba và nhà trúc, nhà gỗ của dân tộc Lạc Ba. Nhà gỗ dân tộc Môn Ba thường được xây dựng ở vùng đất giữa núi hướng ra sông hồ, được dựng lên từ rất nhiều cây cột, không gian cao 1,5 - 2m ở phía dưới được mở rộng, dùng để chăn nuôi gia súc; phía trên nhà là phòng ở và nhà kho, giữa phòng ở có một gian sảnh nhỏ dùng để liên kết phòng ở với hành lang bên ngoài, hai bên phòng ở là nhà kho. Cả căn nhà từ kết cấu tường, kết cấu mặt bằng đến mái nhà đều sử dụng gỗ, thông qua cầu thang gỗ ở hành lang bên ngoài để ra vào ngôi nhà. Nhà

Nhà ở Hiệt Bố tại Đông Nam Tây Tạng.

Nhà ở bằng gỗ phía đông nam Tây Tạng" - lấy từ tư liệu khảo sát khoa học tại Tây Tạng.

ở kiểu độc lập thường không có tường bao quanh, nhà ở bằng đá Môn Ba tại huyện Thác Na và nhà ở bằng gỗ Môn Ba của huyện Mặc Thoát, đều được hình thành nên bởi những căn nhà chỉ có một gian.

Dân tộc Lạc Ba có hai kiểu nhà ở độc đáo, một là nhà dài, hai là nhà nhỏ hình vuông. Nhà dài là một kiểu nhà ở đặc biệt, thể hiện hình thái xã hội bộ lạc nguyên thủy của dân tộc Lạc Ba. Nhà dài thường dài đến mấy chục mét, nhà dài cho nữ giới ở thường xây dựng ở rìa thôn, bên trong dùng gỗ hoặc tre nứa phân ra làm mười mấy phòng hoặc mấy chục phòng để làm phòng ở; nhà dài cho nam giới ở thường được xây dựng ở lòng thôn, bên trong không ngăn cách, còn có nhiệm vụ làm nơi tổ chức hội nghị trong thôn. Nhà nhỏ thì có hình vuông hoặc hình chữ nhật, là nơi cư trú của gia đình một vợ một chồng, là biểu tượng gia đình của dân tộc Lạc Ba, xung quanh có xây thêm nhà kho. Nhà dài và nhà nhỏ thường dùng gỗ nguyên khối làm vật liệu xây dựng, áp dụng phương pháp xây dựng bằng gỗ ghép để làm tường nhà, theo truyền thuyết do sợ ma quỷ vào nhà nên không làm cửa sổ, phần dưới nhà được nâng đỡ bằng cột gỗ, phần trên dùng gỗ tấm hoặc phủ lá chuối làm mái.

Nhà ở bằng tre của dân tộc Lạc Ba, mặt bằng thường là hình chữ nhật, rộng khoảng 6 mét, dài khoảng 9 mét; chỉ mở một cửa ra vào, bố trí một cửa sổ đối diện cửa ra vào để giúp đối lưu không khí trong phòng. Nhà trúc có tường được dựng từ đá, tường bốn phía cứ cách 2 mét lại có một cột gỗ, giữa cột có 2 lớp tre để bảo vệ tường, mái nhà có ngói là hai lớp ván tre. Toàn thể ngôi nhà tre, ngoại trừ sàn nhà, dầm ngang và cửa sổ, tất cả những phần còn lại đều được dựng bằng tre

trúc. Phía trước hoặc phía sau mỗi ngôi nhà tre đều có kho dự trữ lương thực kiểu nhà sàn.

Nhà ở khu vực A Li phía tây cao nguyên Tây Tạng đa phần là kiểu nhà độc lập ở khu vực đồng bằng sông nước, vật liệu xây dựng chủ yếu là gỗ. Nhà ở thường cao 2 tầng, tầng 2 là nơi ở vào mùa hè, tầng dưới là nơi ở vào mùa đông. Ở khu vực gần vách núi, nhà ở thường có cấu trúc là sự kết hợp của nhà hầm và nhà thường, nhà trên mặt đất ở phía trước kết hợp với nhà hầm ở phía sau tạo thành một chỉnh thể. Mặt bằng nhà hầm ở khu vực A Li có hình vuông, tròn hoặc chữ nhật, trong đó nhà hầm hình vuông phổ biến nhất, nhà cao 2 - 2,2 mét. Nhà hầm là loại nhà ở tương đối ít gặp ở cao nguyên Tây Tạng.

Biệt thự và trang viên của quý tộc là loại hình nhà ở đặc biệt trên cao nguyên. Biệt thự thường do nhà chính và sân trước hợp thành, toàn bộ mặt bằng giống như hình chữ "hồi", chính giữa là giếng trời. Nhà trước có 2 tầng, nhà chính cao 3 tầng nằm ở phía bắc nhà trước, phía nam có xây cửa sổ để đón nắng. Trong biệt thự không những có phòng ở của

Biệt thự mùa hè Đạt Lai phía trong La Bố Lâm Ca.

Nhà ở dân tộc Tạng tại những đồng cỏ chăn nuôi lớn nhỏ tại Vân Nam.

chủ nhà, phòng khách, Phật đường và Kinh đường, mà còn có phòng cho người giúp việc và nhà kho. Cùng với sự xuất hiện của chế độ cúng bái tổ tiên và kinh tế của trang viên, kiến trúc trang viên ra đời nổi tiếng có Lãng Sắc Lâm, Giáp Mã Xích Khang, Trang Tư. Nhà chính trong trang viên thường cao đến 5 tầng và rất khang trang, có hoa viên xung quanh và tường thành, hào nước bao quanh, và có cả những nơi dùng để trừng phạt nông nô.

Cao nguyên tuyết với những loại nhà ở muôn màu muôn sắc, không phải là kiểu nhà ở cố định của khu vực nào đó hoặc dân tộc nào đó, cùng với sự giao lưu và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các dân tộc, các loại nhà ở cũng có sự tiếp nhận và biến đổi, hình thành nên rất nhiều kiểu nhà hỗn hợp. Cao nguyên tuyết có nền văn hóa vô cùng rực rỡ, làm phong phú

thêm cho những khu vực xung quanh, cùng với việc định cư khắp nơi của dân tộc Tạng, nhiều loại hình nhà ở trên cao nguyên cũng dần ảnh hưởng tới phong cách xây dựng nhà ở của người Tạng tại Vân Nam, Thanh Hải, Tứ Xuyên v.v..

Nơi sống cùng thần linh

Các dân tộc sinh sống trên cao nguyên tuyết hầu hết đều có tín ngưỡng tôn giáo, tín ngưỡng tôn giáo tại các khu vực khác nhau cũng không giống nhau, có tôn giáo truyền thống của cao nguyên là Bản giáo, cũng có Phật giáo Tây Tạng và những giáo phái khác - phái Cách Lỗ, phái Tát Ca, phái Ninh Mã, phái Cát Cử.

Bản giáo cho rằng vạn vật đều có linh hồn, tổ tiên người Tây Tạng sùng bái tự nhiên, tô-tem và quỷ thần. Những dòng sông ngọn núi, những con chim con thú trong rừng sâu và những hiện tượng tự nhiên đều là đối tượng sùng bái của tôn giáo. Những câu chuyện thần thoại về sự khởi

Núi thần - đỉnh Nam Gia Ba Ngõa.

Cột đá và khăn Ha-ta tại cửa núi

Đối Marnyi:

Đối Marnyi là nơi chất những hòn đá màu trắng, thường có hình vuông hoặc hình tròn, đặt ở đỉnh núi, miệng núi, giao lộ, bến đò, ven hồ hoặc chùa chiền bia mộ, dùng để cầu phúc, trở thành thần bảo hộ của người dân địa phương. Trong Bản giáo nguyên thủy của Tây Tạng, con người cho rằng vạn vật trên thế gian đều có linh hồn. Và trong sự tôn sùng màu trắng đương nhiên không thể thiếu được những hòn đá màu trắng. Sau khi Phật giáo được truyền bá vào Tây Tạng, kỹ thuật chất đối Marnyi có một bước phát triển mới, không chỉ là đá trắng xếp chồng đơn thuần nữa. Họ khắc Kinh Phật chân ngôn 6 chữ hoặc tượng Phật trên những hòn đá trắng thứ mà họ tin rằng có năng lực thần kỳ càng khiến cho chúng trở nên thần kỳ hơn nữa, và chúng trở thành đá Marnyi - vật để phù hộ và bảo vệ cho chính mình.

nguồn của dân tộc Tạng cho thấy, sông Nhã Lung từng là nơi cư trú của bộ lạc tôn khỉ Ma Các và nham thạch là tô-tem. Núi Truyền Thần, đối Marnyi được dựng bằng đá và những vở kịch đeo mặt nạ, có thể truy tìm đến những hoạt động cúng bái và các nghi lễ của Bản giáo, mà truyền thuyết về thần núi, thần nước và thần đá đều có nguồn gốc từ tín ngưỡng của Bản giáo.

Giữa thế kỷ thứ VII, sau khi Phật giáo từ Trung Nguyên và Ấn Độ truyền tới Tây Tạng đã gặp phải sự phản đối kịch liệt của Bản giáo, đấu tranh đã kéo dài hơn 300 năm. Trong quá trình đó, Phật giáo đã tiếp thu một số tư tưởng và nghi lễ của Bản giáo, Bản giáo cũng tiếp thu những giáo nghĩa của Phật giáo, khiến 2 loại tôn giáo này gần với nhau hơn, trên cơ sở đó hình thành một loại tín ngưỡng kết hợp giữa Bản giáo và Phật giáo, gọi là "Tạng truyền Phật giáo". So sánh với Phật giáo thịnh hành ở những khu vực khác tại Trung Quốc, Tạng truyền Phật giáo có nét riêng của khu vực và dân tộc rất rõ nét. Do có những lý giải khác nhau về giáo nghĩa, phương pháp tu hành cũng không giống nhau nên Tạng truyền Phật giáo lại sinh ra rất nhiều giáo phái khác nhau; các giáo phái tồn tại và thịnh hành ở những khu vực khác nhau, và kết hợp chặt chẽ với chính quyền nơi đó, hình thành nên cục diện "chính giáo hợp nhất". Bản giáo đã có được chỗ đứng vững chắc trong tâm và trong phong tục của dân tộc Tạng, khiến Tạng truyền Phật giáo có nội dung sùng bái tự nhiên.

Tôn giáo tín ngưỡng đi sâu vào lòng người, được thể hiện trong những hoạt động tại làng mạc hoặc nhà ở của người dân: cổng hoặc trung tâm làng thường có tháp Phật nhỏ, bên ngoài kiến trúc nhà ở thường có những kí hiệu trang trí mang ý nghĩa Phật giáo, bên trong kiến trúc nhà ở có bàn thờ Phật. Nơi cư trú, vị trí nhà ở, hình dáng bên ngoài, thiết kế bên trong và nghi thức xây dựng của nhà ở trên cao nguyên tuyết, tất cả đều chứng minh cho sự tồn tại của văn hóa tôn giáo. Nhà ở nơi đây đã trở thành nơi để con người và thần linh cùng sinh sống.

Bên trong nhà ở là không gian trung tâm của mọi hoạt động sinh hoạt, vị trí hướng về mặt trời quan trọng nhất dùng để thờ tượng Phật, xung quanh có những Thang-ga với đề tài xoay quanh những câu chuyện và giáo nghĩa của Phật giáo, ngoài ra còn có bát hương, pháp khí v.v.. Trong phòng, họ treo những hình trang trí hay bức tranh có đề tài tôn giáo trên cột nhà, dầm nhà, tường, bếp, hay trên giường ngủ, bàn, tủ v.v.. Những đồ dùng hàng ngày như thảm, dĩa đựng ly, bình, ly, chén... cũng có những họa tiết tôn giáo. Trong những họa tiết này, hình bát bảo của dân tộc Tạng như bảo tản, kim ngư, bảo bình, hoa sen, ốc trắng xoắn phải, nơ cát tường, cột đá thắng lợi, kim luân và chữ 卍 (Vạn) mang ý nghĩa Phật giáo là thường gặp nhất. Trong Phật giáo, hình vẽ "Mạn đà la" tượng trưng cho trật tự vũ trụ và hình vũ trụ thường thấy khắc trên phiến gỗ, phiến đá và phiến kim loại, treo trên tường trong nhà.

Bên ngoài kiến trúc, trên cửa vào sân hoặc cửa vào nhà thường có vật trang trí như sừng trâu, họa tiết tôn giáo và gương, có ý nghĩa tượng trưng cho tô-tem đồng thời cầu phúc trừ tà. Cách bài trí nhà ở đã phản ảnh sự tôn sùng thành kính Phật giáo của người dân Tây Tạng, như cho rằng gió thổi phướn kinh cũng giống như niệm kinh, có tác dụng phù hộ cho con người an khang, vì vậy, trong 4 góc phòng hoặc trên xà nhà chính thường treo phướn kinh, đồng thời đặt phù điêu tượng Phật bằng đá xanh và đá trắng có chân ngôn 6 chữ "án ma ni bát mê hồng" lên bậu cửa sổ, 4 góc nhà

Kiến trúc nhà ở và phướn kinh.

Thang-ga (Ảnh được lấy từ mạng chia sẻ ảnh Tây Tạng).

Cá vàng trong hình vẽ bát bảo.

hoặc tường viện. Trong tín ngưỡng tôn giáo dân tộc Tạng, màu sắc cũng có ý nghĩa tôn giáo: như màu đỏ đại diện cho thần linh có tính cách nóng nảy, màu trắng đại diện cho tính cách khoan dung, màu vàng và màu vàng kim tượng trưng màu của Phật giáo và màu của thiên quốc. Việc chọn lựa và sử dụng màu sắc trên tường nhà, màn che hay trên các bộ phận của kiến trúc nhà ở đều có ý nghĩa sùng bái và tín ngưỡng.

Trong khu vực nhà ở, lối vào và trung tâm của thôn trại là nơi ở quan trọng, thường có những hàng phướn kinh màu trắng cao vút và tháp Phật, đây là nơi diễn ra những hoạt động tôn giáo thường ngày. Chuyển kinh là phương pháp tu hành cơ bản của Tạng truyền Phật giáo, kinh luân chuyển động từ trái sang phải theo chiều kim đồng hồ là quỹ đạo của lễ Phật, bốn phía của tháp Phật có kinh luân, dành cho những người chuyển kinh. Thiết kế của ống chuyển kinh có một hiện tượng rất thú vị, trong thôn và vùng lân cận của những nơi có nước thường có một căn nhà nhỏ, phía trong thiết kế ống chuyển kinh được chuyển động dựa vào sức của dòng nước suối, ngày đêm không ngừng, dùng để cầu phúc cho người dân và phù hộ cho cả thôn trại được bình an.

Sự sùng bái thần linh trong tự nhiên của dân tộc Tạng biểu hiện rõ nét nhất trong việc lựa chọn vị trí và ý tưởng xây dựng ngôi nhà. Như dân tộc Lạc Ba khi tìm đất dựng nhà, dùng 3 hạt thóc đại diện cho 3 loại gia súc là trâu, lợn, gà, thêm vào đó là một số lượng thóc tương ứng với số người trong nhà, tạo thành một tổ hợp thóc, 3 tổ hợp thóc sẽ được đặt vào giữa 3 vị trí đã được chọn từ trước và đặt sau khi mặt trời lặn và sau đó dùng cành cây và đá đậy lên. Hôm sau trước khi mặt trời mọc sẽ phải đi kiểm tra, nếu các hạt rời nhau ra hoặc trong hạt có kiến, thì coi như đó là điềm gở; nếu tình trạng của hạt tốt, chứng tỏ đất nơi đó thích hợp để dựng nhà, sau đó mới tiến hành những nghi lễ cúng bái để xây dựng.

Rừng phướn kinh ở đầu thôn.

Gia viên tương sinh cùng trời đất

Hình dáng nhà ở tại mỗi khu vực trên cao nguyên tuyết đều có quan hệ mật thiết với hoàn cảnh địa lý, điều kiện khí hậu, tình trạng tập trung, phong cách sinh sống, những vật liệu kiến trúc có thể tìm thấy và kỹ thuật xây dựng, bắt nguồn từ nhu cầu xây dựng được tố ấm như ý và mong muốn có thể thích ứng và sống hòa hợp với môi trường tự nhiên. Mang nhận thức này, kiến trúc nhà ở được đặt giữa trời và đất, hòa nhập vào trời đất, tạo nên một gia viên có vật chất và tinh thần hoàn toàn hòa hợp cùng tự nhiên.

Hình dáng của nhà ở trên cao nguyên tuyết có mối liên hệ mật thiết với môi trường tự nhiên. Về tạo hình nhà ở, hình dáng mái nhà phản ánh được lượng mưa nhiều hay ít, độ dày mỏng của tường phản ánh nhiệt độ cao hay thấp, sự mở cửa hay khép kín của bố cục phản ánh hiện trạng mặt trời chiếu sáng và hướng gió, hình dáng chắc chắn mà linh hoạt phản ánh đặc trưng môi trường địa lý. Do ở trên cao nguyên tuyết, nhà ở Tây Tạng đều lấy bếp làm trung tâm căn nhà, phản ánh ý thức tìm kiếm sự thoải mái trong điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. Du mục, trồng trọt và săn bắn là những hình thức sản xuất chủ yếu trên cao nguyên, do đó nó

Những ngôi nhà được xây dựng trên cơ sở nhận thức chung.

cũng có mối liên hệ mật thiết mới tài nguyên của môi trường tự nhiên, khiến cho những ngôi nhà có nội dung cấu thành là những hình thức sản xuất và sinh hoạt của con người có mối quan hệ hòa nhập và tương sinh với môi trường tự nhiên.

Việc sử dụng, khai thác vật liệu xây dựng dựa theo nguyên tắc tiện lợi và tiết kiệm. Vật liệu để xây nhà ở tại Tây Tạng đều được lấy từ tự nhiên, thể hiện được đặc trưng lấy vật liệu tại chỗ để xây nhà. Dưới một kỹ thuật xây dựng thích hợp, các kiến trúc nhà ở hoàn toàn được xây dựng từ vật liệu kiến trúc lấy từ tự nhiên, khiến chúng dường như được sinh ra một cách tự nhiên từ môi trường. Về màu sắc của kiến trúc nhà ở, hầu hết sử dụng màu sắc vốn có của vật liệu tự nhiên, màu vàng của đất, màu xanh của đá, màu nâu sẫm của gỗ cùng nhau kết hợp lại, thể hiện được mối quan hệ tương sinh và hòa hợp giữa kiến trúc nhà ở và môi trường tự nhiên. Do nhà ở được tạo nên bởi vật liệu và màu sắc tự nhiên nên nhìn chúng giống như được trời đất tạo ra, về kích thước,

Những ngôi nhà cùng sinh tồn hòa hợp với tự nhiên.

cảm nhận, vân da, màu sắc, đều khiến đặc tính môi trường của các kiến trúc nhà ở phát huy đến tối đa.

Hầu hết các khu vực trên cao nguyên tuyết đều có núi non trùng điệp, khô hạn ít mưa, đầy nắng, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn, tài nguyên gỗ khan hiếm, thuộc khu vực khô hạn và bán khô hạn. Nhà lô cốt và nhà đất được xây bằng phẳng. Những bức tường dày để giữ ấm được tạo thành từ đất và đá tại nơi đây, có rất nhiều kiểu xây dựng như kiến trúc xây bằng đá phiến, kiến trúc xây bằng đá miếng, kiến trúc xây bằng gạch và kiến trúc xây bằng hỗn hợp đất đá; màu sắc cơ bản của ngôi nhà là màu tự nhiên của tường đá, đất và màu trắng của lớp vôi trên tường. Dưới bầu trời xanh với những tia nắng chan hòa, những ngôi nhà lô cốt thấp bé và nhà đất được xây dựng nối tiếp nhau ở giữa những ngọn núi đá, hòa vào làm một với tự nhiên, cộng với những bức tường dần dần thu hẹp lại khi lên cao và khí thế sống mạnh mẽ đã thể hiện một vẻ đẹp "đầu đội trời, chân đạp đất" tráng lệ, hào hùng.

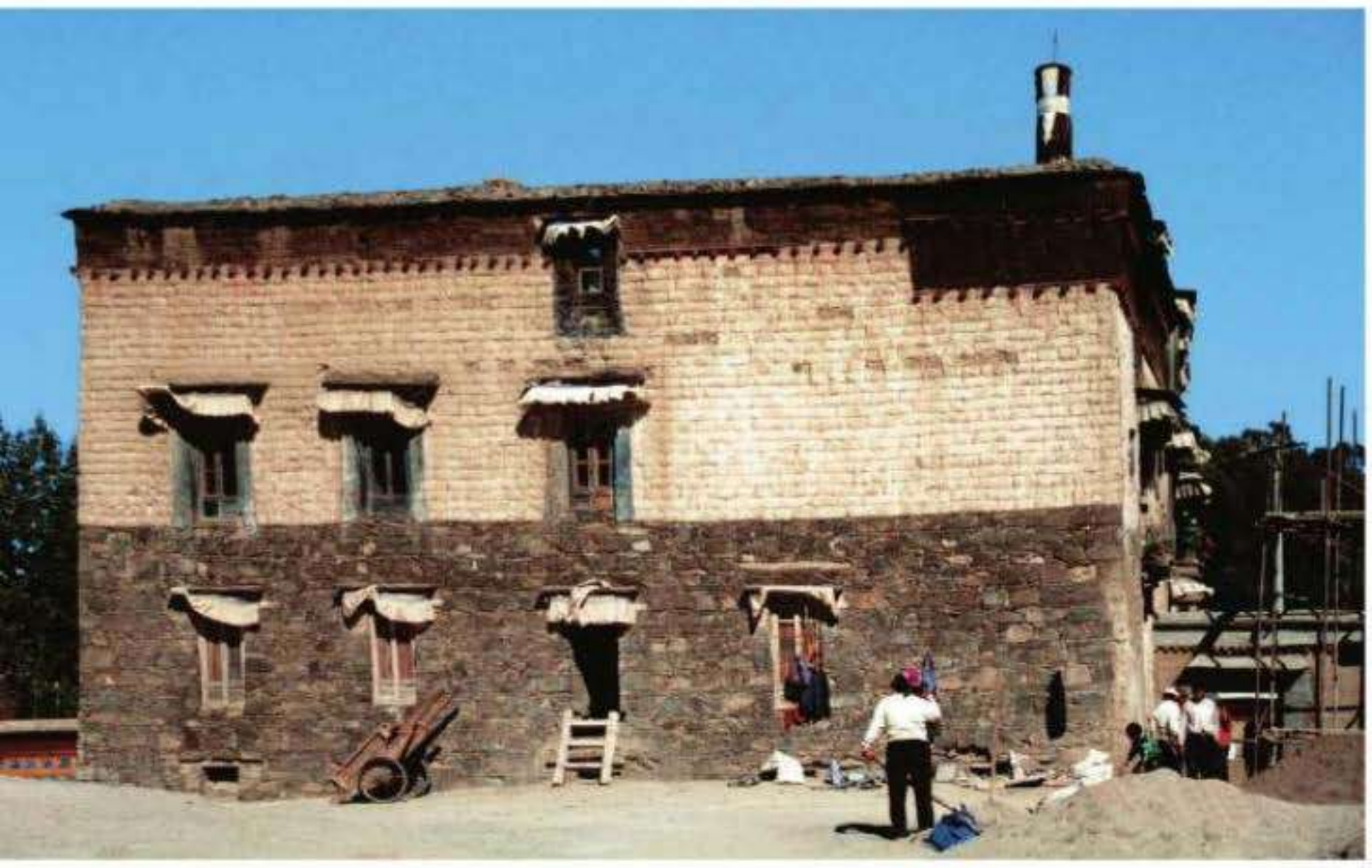

Màu sắc tự nhiên của nhà ở.

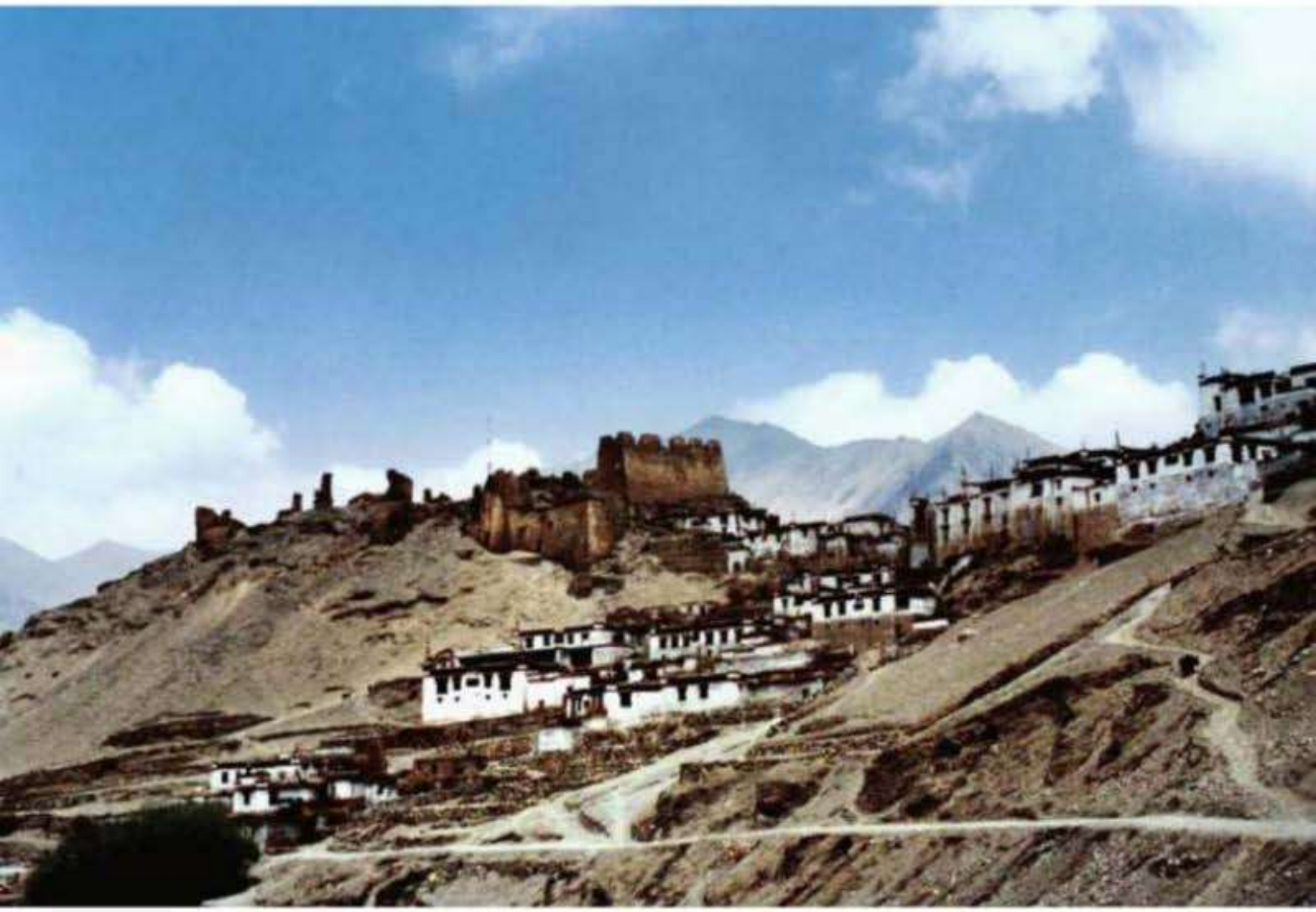

Những ngôi nhà được sinh ra từ đất và đúng mảnh hướng lên trời xanh.

Khu vực rừng ở lưu vực sông Nhả Lỗ Tạng Bố phía Đông Nam Tây Tạng có những dòng sông và ngọn núi ở sâu trong rừng, cây cối rậm rạp, khí hậu nóng bức, ẩm ướt nhiều mưa, những ngôi nhà gỗ, nhà trúc mái dốc đứng yên bình giữa những hàng cây xanh và rừng trúc. Những ngôi nhà gỗ nhà trúc được dựng trên nền đất dốc hướng về phía mặt trời và mượn những cơn gió nhẹ từ mặt nước để làm giảm sự nóng bức trong ngôi nhà, dùng mái hiên để giảm ảnh hưởng của nước mưa, tránh mục tường. Những ngôi nhà gỗ Can Lan và nhà ghép ở khu vực rừng núi, lấy nguyên liệu kiến trúc sẵn có trong rừng làm vật liệu xây dựng, lấy gỗ tấm và lá chuối làm vật liệu chống nước, nguyên liệu và màu sắc tự nhiên khiến nhà gỗ hòa hợp được với môi trường rừng tự nhiên. Khu vực Lạc Du có một rừng trúc với hơn mười loại trúc, sản lượng phong phú như vậy đã cung cấp đủ vật liệu xây dựng để người dân Lạc Ba xây dựng nhà trúc. Trong khu vực Đông Nam Tây

Tạng, rừng rậm xanh biếc, trúc đung đưa nhè nhẹ, những ngôi nhà gỗ và nhà trúc lấp ló trong không gian, cùng với những làn mây bay lững lờ tạo thành một khung cảnh không thể đẹp hơn thế nữa.

Bức tranh sinh hoạt tráng lệ và tinh tế

Cao nguyên tuyết thần kỳ làm say đắm lòng người, có bầu trời xanh thăm thẳm, những ngọn núi tuyết nguy nga, thảo nguyên xanh rờn, sông và hồ rộng lớn... Khu rừng phía đông nam phủ đầy bóng râm lại có những ngọn núi ngang dọc, cây rừng như được dệt vào nhau, thác nước sừng sững, mây bay lững lờ ...

Hình thái, đường nét và màu sắc của môi trường tự nhiên đã hình thành nên tính cách dân tộc, nuôi dưỡng nên tình cảm của người dân cao nguyên; tôn giáo tín ngưỡng, tình cảm tư tưởng, phong tục tập quán của dân tộc cao nguyên tạo nên linh hồn văn hóa của các dân tộc trên cao nguyên tuyết, môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn đã cùng

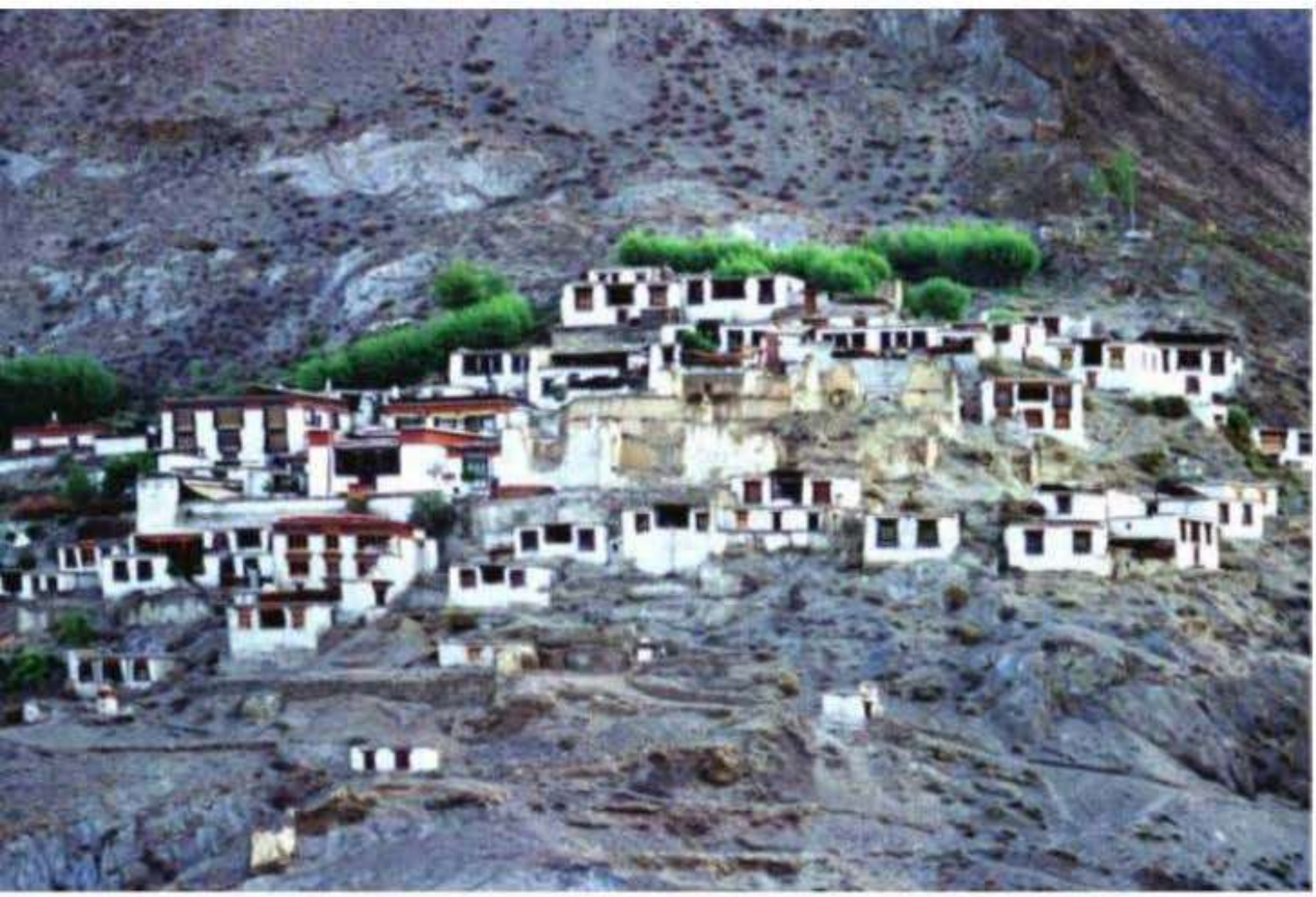

Nhà ở tại huyện Lang.

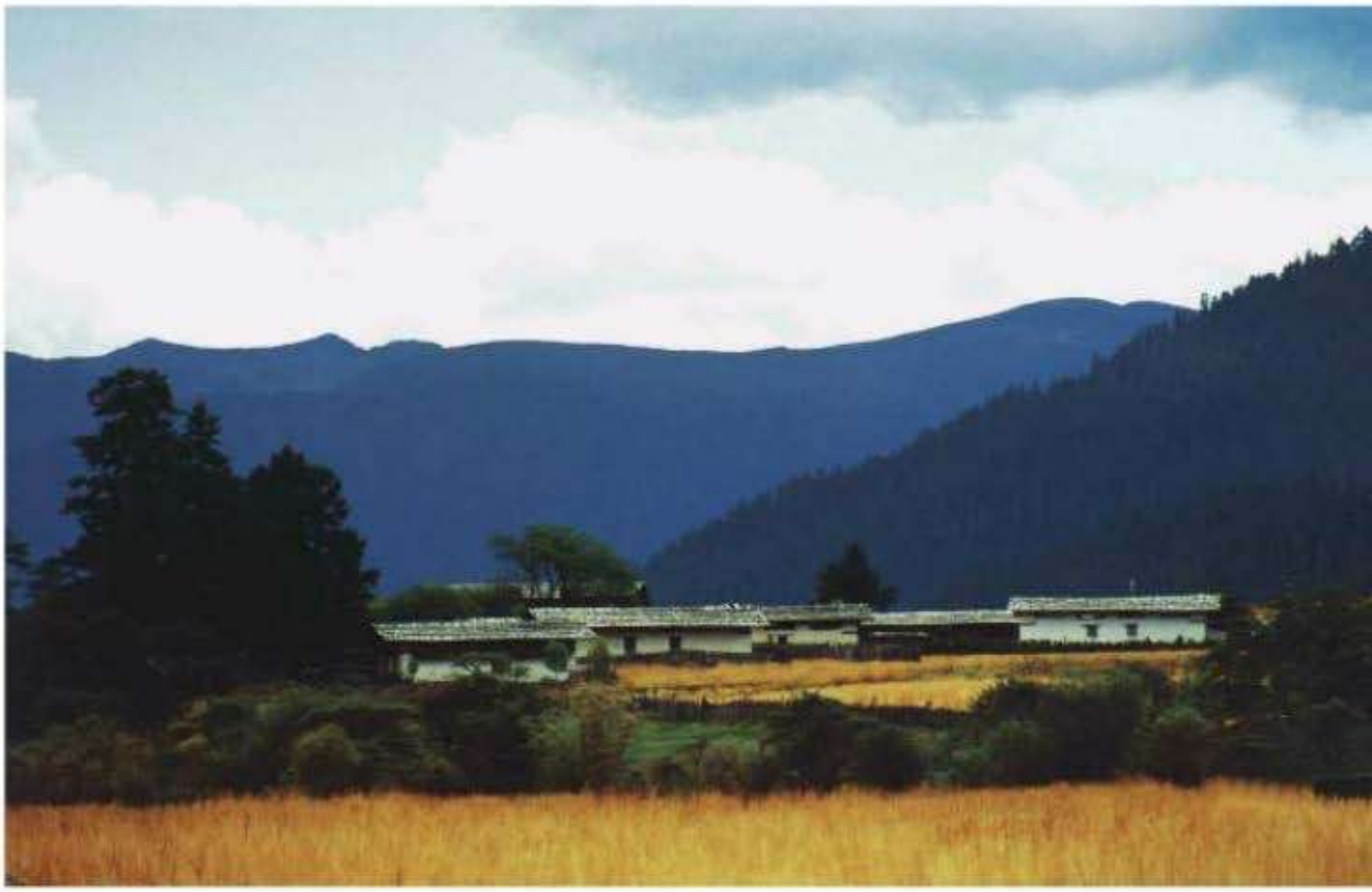

Nhà ở bên cạnh ruộng bậc thang.

hình thành nên tính cách độc đáo của người dân cao nguyên. Sự sùng bái những ngọn núi dòng sông tráng lệ, sự hướng tới một thiên quốc lý tưởng, sự theo đuổi tinh thần của Tạng truyền Phật giáo, cùng với sự tôn trọng môi trường tự nhiên, lý tưởng về một cuộc sống an nhàn, sự theo đuổi những niềm vui trong Tạng truyền Phật giáo, tất cả đều chất chứa trong tâm hồn của mỗi người dân, hình thành nên một thẩm mỹ và tâm lý văn hóa có hai yếu tố tráng lệ và tinh tế. Tráng lệ và tinh tế là miêu tả chân thực về bức tranh sinh sống của người dân trên cao nguyên.

Những ngôi nhà Tây Tạng được xây dựng nên từ đó, vừa tráng lệ hùng vĩ, thoát tục, lại vừa lãng mạn nên thơ, tinh tế, tao nhã.

Những thành phố, trị trấn nằm rải rác ở những đồi tuyết, những sơn trang, trang trại với những ngôi nhà đất, hình dạng vững chắc, màu sắc giản dị mang hơi thở và vẻ đẹp tráng lệ. Những điều này cùng với môi trường thiên nhiên, với những tín ngưỡng tôn giáo đã tạo nên một bức tranh cuộc sống hùng vĩ tại nơi đây.

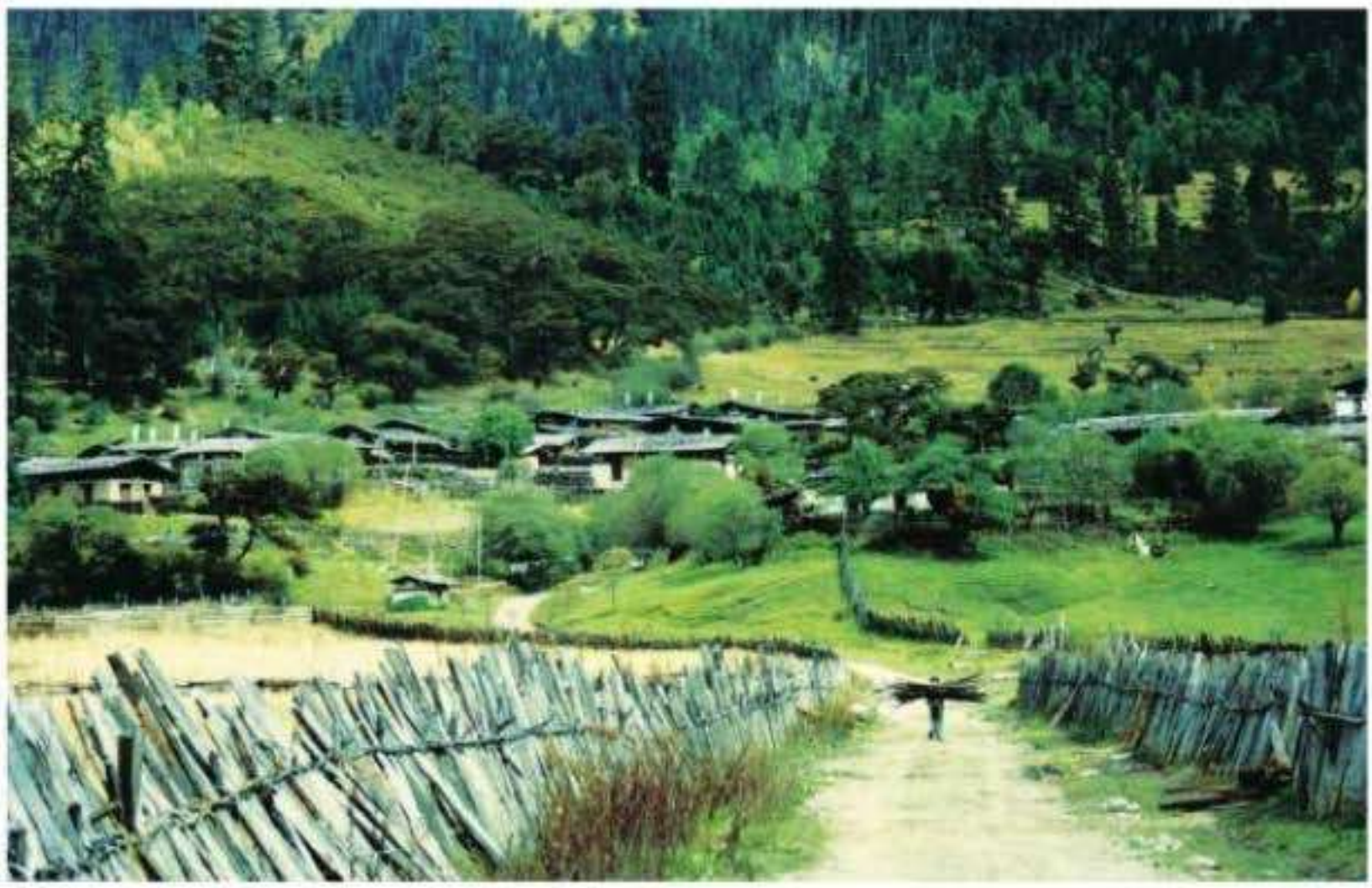

Nhà ở của người dân ẩn hiện trong núi rừng.

Trong những khu rừng gỗ và rừng trúc rộng mênh mông, nét thanh thoát tao nhã từ những ngôi nhà gỗ và nhà trúc hòa hợp với màu sắc của thiên nhiên đã thể hiện được một vẻ đẹp vô cùng yên bình và thư thái. Bên cạnh thôn là tầng tầng lớp lớp các ruộng bậc thang, trong thôn văng vẳng tiếng hát, hương rượu thoang thoảng đã thể hiện được tinh thần và tâm hồn trong sáng thuần khiết của người dân sinh sống nơi đây một cách sâu sắc nhất, tạo nên một bức tranh cuộc sống tươi đẹp giữa con người và môi trường tự nhiên.

Bức tranh cuộc sống tươi đẹp, giống như trong bài hát *Lưu lãng ca* của dân tộc Môn Ba:

Người lưu lãng ơi, ta không thể dứt áo rời xa nơi có hương rượu gạo, cuối cùng đã về đến quê hương yêu dấu, không hề muốn rời xa ngôi nhà gỗ Môn Ngung, không hề muốn đặt ly rượu xuống, ta sẽ không bao giờ lưu lạc quê người nữa…

Phạm Tiêu Bằng

PHỤ LỤC

Bảng tóm tắt niên đại lịch sử Trung Quốc

Thời đại đồ đá cũ	Khoảng 170 vạn năm – 1 vạn năm trước
Thời đại đồ đá mới	Khoảng 1 vạn năm – 4000 năm trước
Hạ	Năm 2070 – năm 1600 TCN
Thương	Năm 1600 – năm 1046 TCN
Tây Chu	Năm 1046 – năm 771 TCN
Xuân Thu	Năm 770 – năm 476 TCN
Chiến Quốc	Năm 475 – năm 221 TCN
Tần	Năm 221 – năm 206 TCN
Tây Hán	Năm 206 TCN – năm 25
Đông Hán	Năm 25 – năm 220
Tam Quốc	Năm 220 – năm 280
Tây Tấn	Năm 265 – năm 317
Đông Tấn	Năm 317 – năm 420
Nam Bắc triều	Năm 420 – năm 589
Tùy	Năm 581 – năm 618
Đường	Năm 618 – năm 907
Ngũ đại	Năm 907 – năm 960
Bắc Tống	Năm 960 – năm 1127
Nam Tống	Năm 1127 – năm 1279
Nguyên	Năm 1206 – năm 1368
Minh	Năm 1368 – năm 1644
Thanh	Năm 1616 – năm 1911
Trung Hoa Dân Quốc	Năm 1912 – năm 1949
Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	Thành lập năm 1949

NHÀ Ở
Trung Quốc

ĐƠN ĐỨC KHẢI

Người dịch:
ThS. TRẦN THỊ PHƯƠNG LIÊN
(Giảng viên Bộ môn Tiếng Trung - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội II)
TRƯƠNG KHIẾT MI
(Giáo viên Trung tâm Ngoại ngữ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh)

Hiệu đính và Giới thiệu:
TS. NGUYỄN THỊ HẬU
(Phó Tổng Thư ký Hội khoa học lịch sử Việt Nam
Nguyên Phó Viện Trưởng Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh)

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Biên tập : TRẦN ANH - TRẦN THỊ LY
Sửa bản in : SƠN CA
Trình bày : MẠNH HẢI
BÌA : NGUYÊN UYÊN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 38 296 764 - 38 256 713 - 38 247 225
Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: **www.nxbhcm.com.vn** - Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh • **ĐT: 38 256 804**
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh • **ĐT: 39 433 868**

In số lượng 2.000 cuốn. Khổ 15.5x23cm.
Tại: CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM
128/7/7 Trần Quốc Thảo, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.
XNĐKXB số: 537-2015/CXBIPH/01-43/THTPHCM cấp ngày 17/3/2015
QĐXB số 405/QĐ-THTPHCM-2015 ngày 07/04/2015
ISBN: 978 - 604 - 58 - 0511 - 4
In xong và nộp lưu chiểu quí II năm 2015.

中国民居

NHÀ Ở

Trung Quốc

Trung Quốc có lãnh thổ rộng lớn, lịch sử lâu đời, môi trường tự nhiên và nhân văn của mỗi khu vực đều có những nét đặc trưng riêng, vì vậy tính đa dạng của nhà ở tại Trung Quốc được coi là khá hiếm thấy trong lịch sử kiến trúc thế giới. Nơi đây có một Tứ hợp viện Bắc Kinh hoành tráng, kín cổng cao tường, sâu hút nhưng lộng lẫy; có kiến trúc nhà ở Hoàn Nam (thuộc vùng An Huy) với nét đẹp vừa thanh nhã mộc mạc, vừa xinh xắn tinh tế; có kiến trúc nhà ở Chiết Giang xây ven sông hồ, bức tường trắng soi bóng nên thơ; có cả lầu canh Tây Tạng được xây dựng theo bề mặt địa hình, hùng vĩ tráng lệ... Dù là kiến trúc nhà ở miền Bắc vững chắc kín đáo, hay kiến trúc nhà ở miền Nam linh hoạt thông thoáng, cũng đều mang đậm một nét lãng mạn và nên thơ, chứa đựng triết lý "thiên nhân hợp nhất" (trời và người hợp làm một) mà người dân Trung Quốc luôn tôn sùng, đồng thời coi trọng những tư tưởng luân lý tôn giáo như tôn ti trật tự, nam nữ, già trẻ và trong ngoài khác nhau.

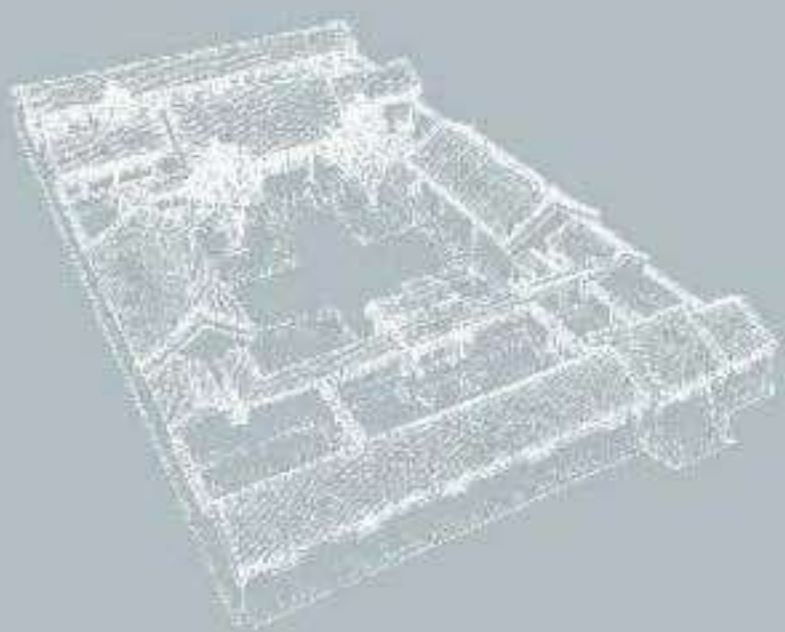

中国图书对外推广计划
CHINA BOOK INTERNATIONAL

NHÀ Ở TRUNG QUỐC
ISBN 978-604-58-0511-4
9 786045 805114
Giá: 100.000 đ
www.sachweb.vn